BAN TUYÊN GIÁO TRUNG ƯƠNG

LỊCH SỬ
80 NĂM NGÀNH TUYÊN GIÁO
CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
(1930 – 2010)

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA
Hà Nội - 2010

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

PGS, TS. TÔ HUY RỨA

Uỷ viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng

Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương

BAN BIÊN SOẠN ĐÃ XIN Ý KIẾN CHỈ ĐẠO CỦA CÁC ĐỒNG CHÍ

NGUYỄN KHOA ĐIỀM, ĐẶNG QUỐC BẢO, TRẦN TRỌNG TÂN,
HÀ ĐĂNG, HỮU THỌ

và nhiều đồng chí Lãnh đạo Ban qua các thời kỳ

BAN BIÊN SOẠN

GS, TS. PHÙNG HỮU PHÚ, Trưởng ban

PGS, TS. NGHIÊM ĐÌNH VỲ, Phó Trưởng ban Thường trực

PGS, TS. NGUYỄN HỒNG VINH
PGS, TS. ĐÀO DUY QUÁT
PGS, TS. NGUYỄN HỮU BẠCH
TS. BÙI THẾ ĐỨC
TS. NGUYỄN VĂN HOÀ
TS. PHẠM CHIẾN KHU
TS. TRẦN VIẾT LƯU
CN. LÊ DUY SỚM
CN. TRẦN TRÚC THANH
CN. PHẠM NHƯ THÂN
TS. NGUYỄN HỮU THỨC
TS. TRỊNH VĂN TỪ

GS, TSKH. PHẠM MẠNH HÙNG
PGS, TSKH. NGUYỄN TRỌNG BẢO
PGS, TS. NGUYỄN HỮU CHÍ
ThS. TRẦN THỊ QUỲNH HOA
TS. NGUYỄN THẾ KỶ
ThS. NGUYỄN THÚC LANH
TS. TRƯƠNG MINH NHỰT
PGS, TS. PHẠM TRỌNG THANH
TS. NGÔ VĂN THẠO
ThS. NGUYỄN THỊ BÍCH THỌ
ThS. TRƯƠNG MINH TUẤN
ThS. NGUYỄN VĂN XUÂN

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đảng ta do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, ngay từ đầu đã rất quan tâm đến công tác tuyên giáo, nhất là công tác tư tưởng, coi đó là một trong những lĩnh vực quan trọng nhất của công tác xây dựng Đảng và vận động quần chúng, là một mặt trận quan trọng cùng với công tác tổ chức, công tác kiểm tra, công tác dân vận của Đảng… góp phần xây dựng Đảng ta trở thành đội tiên phong và bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Công tác tư tưởng văn hóa và nay là công tác tuyên giáo từng bước khẳng định là một trong những mặt công tác trọng yếu của Đảng. Điều đó đã được lịch sử cách mạng Việt Nam chứng minh, trong suốt chặng đường dài xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mọi thắng lợi của cách mạng nước ta đều có phần đóng góp tích cực của công tác tuyên giáo, trong đó phải kể đến là việc đã góp phần quan trọng vào hình thành cương lĩnh, đường lối chính trị đúng đắn của Đảng, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến quần chúng nhân dân, biến chủ trương, đường lối, chính sách đó thành hành động cách mạng một cách tự giác của hàng triệu quần chúng, tạo thành các cao trào cách mạng đưa cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đội ngũ các thế hệ cán bộ Ngành Tuyên giáo ngày càng lớn mạnh và trưởng thành nhanh chóng. Dạn dày trong đấu tranh cách mạng và trong hoạt động của phong trào quần chúng, hết lớp này đến lớp khác, đội ngũ những người làm công tác tuyên giáo luôn luôn là lớp người đi trước và đi cùng với phong trào cách mạng của quần chúng, đấu tranh không mệt mỏi cho lý tưởng và sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Ngày nay, đội ngũ cán bộ làm công tác tuyên giáo của Đảng không chỉ lớn mạnh về số lượng, về lực lượng và binh chủng, dày dạn về kinh nghiệm mà còn có hệ thống tổ chức chặt chẽ và rộng khắp từ trung ương xuống cơ sở với những phương tiện và điều kiện hoạt động ngày càng tốt hơn và đang là chỗ dựa về mặt tinh thần của toàn xã hội.

Nhằm khái quát quá trình lịch sử hình thành và phát triển của Ngành Tuyên giáo, qua đó góp phần giáo dục truyền thống cách mạng cho cán bộ ngành tuyên giáo nói riêng, cho bạn đọc quan tâm đến lĩnh vực tuyên giáo nói chung, Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản cuốn sách ***Lịch sử 80 năm Ngành Tuyên giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam (1930-2010).***

Nội dung cuốn sách bao gồm bốn phần:

Phần mở đầu: Đảng Cộng sản Việt Nam - Đảng của giai cấp công nhân việt Nam.

Phần thứ nhất: Những chặng đường lịch sử công tác tuyên giáo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Phần thứ hai: Thành tựu và bài học 80 năm công tác tuyên giáo.

Phần thứ ba: Những định hướng cơ bản trong công tác tuyên giáo của Đảng đến năm 2020.

Mặc dù có nhiều cố gắng trong quá trình biên soạn và biên tập, song cuốn sách khó tránh khỏi thiếu sót. Chúng tôi rất mong nhận được ý kiến đóng góp của bạn đọc để lần xuất bản sau cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách với bạn đọc.

Tháng 7 năm 2010

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA

Phần mở đầu

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM - ĐẢNG CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM

Cuối thế kỷ XIX, sau khi bình định xong Việt Nam, thực dân Pháp bắt tay thực thi các chính sách thực dân hà khắc, biến nước ta từ một quốc gia độc lập tự chủ theo chế độ phong kiến trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến. Sự thống trị tàn bạo của thực dân Pháp đã làm cho mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với bọn thực dân xâm lược Pháp diễn ra hết sức gay gắt, hàng loạt phong trào yêu nước theo các khuynh hướng khác nhau liên tiếp nổ ra nhằm giải quyết mâu thuẫn chủ yếu đó. Tiêu biểu là phong trào Cần Vương do Vua Hàm Nghi và Tôn Thất Thuyết khởi xướng; phong trào Đông Du của Phan Bội Châu; phong trào cải cách của Phan Chu Trinh; khởi nghĩa Yên Thế do Hoàng Hoa Thám lãnh đạo… Các cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc tuy diễn ra quyết liệt, song cuối cùng đều bị thất bại vì thiếu một đường lối cứu nước đúng đắn, thiếu một tổ chức lãnh đạo có khả năng tập hợp sức mạnh của toàn dân tộc. Thời kỳ này, đất nước đang chìm trong cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối cứu nước. "Tình hình đen tối như không có đường ra".

Trong bối cảnh đó, ngày 5-6-1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Sau bao nhiêu năm đi đến nhiều nước trên thế giới thuộc châu Á, châu Phi, châu Mỹ, châu Âu và trải qua nhiều nghề lao động khác nhau, Người đã chứng kiến cuộc chiến tranh đế quốc (1914 - 1918), quan sát tìm hiểu, nghiên cứu về chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc, chính sách thực dân của họ ở các thuộc địa, tình cảnh của nhân dân các thuộc địa... Người đã rút ra kết luận quan trọng: ở đâu bọn đế quốc thực dân cũng tàn bạo độc ác, ở đâu người lao động cũng bị bóc lột dã man, ở đâu cũng có hai loại người: người giàu và người nghèo, người áp bức và người bị áp bức. Quá trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc thực chất là một quá mình khảo cứu rộng lớn về tâm trạng xã hội, về cuộc đấu tranh chống áp bức, bất công giành độc lập dân tộc và quyền sống cơ bản của con người.

Sau khi Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, các nước thắng trận triệu tập Hội nghị quốc tế ở Vécxây (ngoại vi thủ đô Paris) để phân chia thế giới. Ngày 18-6-1919, Nguyễn Ái Quốc thay mặt những người Việt Nam yêu nước, đã ký tên vào một bản yêu sách gửi tới đại biểu một số nước tham dự Hội nghị. Bản yêu sách đồng thời được đăng tải trên các báo *L'Humanité* (Nhân đạo) và *Journal du Peuple* (Nhật báo Dân chúng) của Đảng Xã hội Pháp. Bản yêu sách của nhân dân Việt Nam (Revendications du Peuple Annamite) đòi hỏi Chính phủ Pháp phải thừa nhận các quyền tự do, dân chủ và bình đẳng của nhân dân Việt Nam.

Sau đó, nội dung bản yêu sách được chuyển tải sang thể thơ lục bát với tên gọi "Việt Nam yêu cầu ca"[1] và in dưới dạng truyền đơn gửi tới các toà báo, phân phát trong các cuộc hội họp, mít tinh ở nhiều tỉnh nước Pháp và bí mật chuyển về Việt Nam nhằm truyền bá rộng rãi hơn những quyền lợi cơ bản mà nhân dân Việt Nam cần đấu tranh để giành lấy.

Năm 1920, Nguyễn Tất Thành - Nguyễn Ái Quốc đã đến với chủ nghĩa Mác – Lênin. Lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin đã soi rọi cho Nguyễn Ái Quốc tìm ra con đường cứu nước. Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc thì trước hết phải có "Đảng cách mệnh" để "trong thì vận động và tổ chức dân chúng, ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi". Từ nhận thức đó, Nguyễn Ái Quốc ra sức chuẩn bị mọi mặt cho việc thành lập một chính đảng vô sản ở Việt Nam. Người từng bước truyền bá có hệ thống chủ nghĩa Mác - Lênin vào trong nước, đưa phong trào công hân chuyển dần từ trình độ tự phát lên tự giác, đưa phong trào yêu nước chuyển dần sang lập trường cộng sản.

Các tác phẩm của Nguyễn Ái Quốc như *Bản án chế độ thực dân Pháp* (Le procès de la colonisation francaise) năm 1925, *Đường Kách mệnh* năm 1927, các tờ báo do Người sáng lập như báo *Người cùng khổ* (Le Paria) năm 1922, báo *Thanh niên* 21-6-1925 và nhiều bài báo Người viết về Lênin, về Cách mạng Tháng Mười Nga, về giai cấp công nhân... là những tài liệu truyền bá chủ nghĩa Mác – Lênin vào Việt Nam đầu tiên. Những tài liệu này đã có tác dụng thức tỉnh lòng yêu nước của người dân đất Việt, chỉ rõ con đường cách mạng đúng đắn phải theo. Các tài liệu này đã có sức cuốn hút mạnh mẽ đối với các tầng lớp trí thức tiến bộ và những người tiên tiến trong giai cấp công nhân và nhân dân lao động lúc bấy giờ, bởi nó không chỉ vạch trần bộ mặt áp bức, bóc lột tàn bạo của bọn thực dân Pháp và phong kiến tay sai, gọi nhân dân ta vùng lên đấu tranh xóa bỏ gông cùm nô lệ, mà còn chỉ ra con đường đi đến thắng lợi, chỉ ra xu thế tất yếu của dân tộc và thời đại, đó là con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, "chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ".

Tiếp theo việc xuất bản các tác phẩm, báo chí từ năm 1922 đến năm 1925, Nguyễn Ái Quốc cùng với những người cộng sản coi trọng hoạt động tuyên truyền, cổ động, vì vậy một số tờ báo tiếp tục được Tổng bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên xuất bản năm 1926 như Tuần báo *Công nông* nhằm vào đối tượng công nhân, nông dân, bán nguyệt san *Lính Kách mệnh* nhằm vận động binh lính Việt Nam trong quân đội Pháp ở Đông Dương, nguyệt san *Việt Nam Tiền phong,* báo *Đồng Thanh,* sau

[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.1, tr. 439.

đó và *Thân ái* do Chi bộ Việt Nam Cách mạng Thanh niên ở Xiêm xuất bản. Có thể coi năm 1929 là năm nở rộ của báo chí cách mạng việt Nam.

Án nghị quyết của Hội nghị trù bị toàn quốc đại biểu đại hội ngày 23-1-1929 của Việt Nam Cách mạng thanh niên ghi rõ "Mỗi kỳ phải tổ chức một bộ tuyên truyền. Tài liệu tuyên truyền hoặc tự đồng chí mình làm ra hoặc trưng cầu lợi dụng người ngoài". Tùy theo điều kiện các kỳ bộ có thể xuất bản báo chí bí mật hoặc công khai.

Trong năm 1929, Việt Nam Cách mạng Thanh niên còn xuất bản một số báo và tạp chí như: *Bônsêvích, Công Nông Binh, Cờ đỏ, Hướng đạo, Lao động,* Chi bộ An Nam Cộng sản Đảng cũng xuất bản tạp chí *Bônsêvích*, báo *Cờ Đỏ*, báo *Đỏ* (do Chi bộ An Nam Cộng sản Đảng ở Thượng Hải). Nhưng đông đảo nhất phải kể đến báo chí Đông Dương Cộng sản Đảng và các tổ chức trực thuộc: Tạp chí *Công hội Đỏ*, *Bônsêvích, Người Cộng sản*, báo *Búa Liềm, Lá cờ Cộng sản, Cờ Đỏ, Dân cày*, *Giải thoát, Hầm mỏ, Học sinh, Lao* động, *Liềm, Mỏ than, Người thợ mỏ, Sao Đỏ, Sắt, Tia Lửa, Tia Sáng…*

Theo thống kê, trước khi thành lập Đảng, các tổ chức cộng sản đã xuất bản 37 tờ báo, tạp chí làm công tác tuyên truyền, vận động, tổ chức phong trào cách mạng.

Báo chí cách mạng trước khi có Đảng đã góp phần tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin, đẩy mạnh phong trào đấu tranh và chuẩn bị về chính trị, tư tưởng, tổ chức cho sự thành lập Đảng [2].

Không chỉ bằng các tài liệu, sách báo từ nước ngoài gửi vào trong nước và báo chí xuất bản ở trong nước, để truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin và con đường giải phóng dân tộc, Nguyễn Ái Quốc còn tổ chức mở các lớp tập huấn cán bộ, tổ chức cho một số cán bộ sang Liên Xô để đào tạo thành những cán bộ cốt cán cho sau này.

Trong thời gian từ năm 1924 đến năm 1929, Nguyễn Ái Quốc đã gửi 27 thanh niên Việt Nam sang đào tạo ở Trường Đại học Phương Đông (Liên Xô), trong đó có Trần Phú, Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, Lý Tự Trọng, Phạm Văn Đồng… Cũng trong thời gian từ năm 1924 đến năm 1927, khi hoạt động ở Quảng Châu, Nguyễn Ái Quốc tổ chức các lớp huấn luyện chính trị cho thanh niên yêu nước Việt Nam. Lớp đầu tiên mở vào khoảng cuối năm 1925, đầu năm 1926 với 10 học viên. Mỗi lớp khoảng một tháng rưỡi.

Trường huấn luyện chính trị đặt tại ngôi nhà số 13, đường Diên An (Quảng Châu)... Trường hoạt động được sự giúp đỡ của Chính phủ Quảng Châu và đoàn cố vấn Liên Xô. Tham gia giảng dạy có Nguyễn Ái

[2] Theo *Lịch sử biên niên công tác tư tưởng – văn hoá của Đảng Cộng sản Việt Nam* (1925 – 1954), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 75.

Quốc, bà Liêu Trọng Khải (Trung Quốc), vợ chồng B. Bôrôđin, A. Páplốp (Nga), Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn.

Các học viên được nghiên cứu nhiều nội dung về tình hình thế giới, lịch sử tiến hóa nhân loại, phong trào giải phóng dân tộc ở một số nước, chủ nghĩa Tam dân, chủ nghĩa Mác - Lênin, Cách mạng Nga, lịch sử các tổ chức Quốc tế I, Quốc tế II và Quốc tế Cộng sản, các hình thức tổ chức Đảng, tổ chức quần chúng, công tác bí mật, các hình thức tuyên truyền, cổ động học viên còn học cách diễn thuyết, cách làm báo...

Nguyễn Ái Quốc trực tiếp huấn luyện 75 học viên. Tổng số học viên cho đến tháng 4-1927 là 10 lớp với khoảng 250-300 học viên. Đại đa số học viên học xong đã trở Việt Nam, về Xiêm hoạt động cách mạng. Một số được gửi đi học tiếp ở Đại học Phương Đông[3].

Những cán bộ đầu tiên được Nguyễn Ái Quốc đào tạo đã trở thành những chiến sĩ cộng sản ra sức truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, đẩy lùi các khuynh hướng cải lương và dân tộc hẹp hòi của các đảng phái tư sản và tiểu tư sản, đấu tranh chống lại các khuynh hướng "tả" và "hữu" để gây dựng nên một nền tư tưởng "Bônsêvích", thực hiện "Bônsêvích hóa" tư tưởng quần chúng, làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin giữ vị trí chủ đạo trong phong trào cách mạng. Cùng với việc truyền bá mạnh mẽ chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, những người được giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin đầu tiên đã lăn lộn vào phong trào quần chúng, tổ chức, cổ vũ quần chúng đấu tranh với địch đòi quyền dân sinh, dân chủ, từ đấu tranh kinh tế sang đấu tranh chính trị để giác ngộ quần chúng công nông, chuẩn bị điều kiện cho việc thành lập tổ chức tiền thân của Đảng (Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên). Nhờ những hoạt động không mệt mỏi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc và những cán bộ cách mạng tiền bối mà những điều kiện thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam ngày càng chin muồi. Hội nghị thành lập Đảng được tổ chức từ ngày 6-1-1930 đến ngày 7-2-1930 tạo Hương Cảng dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, đã hợp nhất các tổ chức cộng sản, nhất trí thành lập một Đảng thống nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam (Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã quyết định lấy ngày 3-2 hằng năm làm ngày kỷ niệm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam).

Đó là một mốc lớn đánh dấu bước ngoặt trọng đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam, chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước kéo dài mấy chục năm. Trong *Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt* do đồng chí Nguyễn Ái Quốc khởi thảo, được Hội nghị thành lập

---

[3] Xem: *Lịch sử biên niên công tác tư tưởng – văn hoá của Đảng Cộng sản Việt Nam* (1925 – 1954), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 75.

Đảng thông qua, đã xác định cách mạng Việt Nam phải tiến hành giải phóng dân tộc tiến lên chủ nghĩa xã hội. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là con đường cách mạng duy nhất đúng để thực hiện mục tiêu giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam với cương lĩnh, đường lối cách mạng đúng đắn chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành, đủ sức lãnh đạo cách mạng.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với tên tuổi của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, Người sáng lập và rèn luyện Đảng ta. Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh là người đầu tiên truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, và Người cùng với những người cộng sản đầu tiên của Đảng ta, là những chiến sĩ làm công tác tư tưởng đầu tiên trong lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

Như vậy, trong lịch sử 80 năm của Đảng ta, công tác tuyên giáo đã phát triển cùng với sự phát triển lớn mạnh của Đảng. Ngay từ những ngày đầu thành lập, Đảng ta đã nhận thức được rằng: công tác tư tưởng là công tác có tầm quan trọng hàng đầu, là một bộ phận hợp thành chủ yếu trong toàn bộ hoạt động của Đảng. Thông qua hoạt động tư tưởng, được sự lãnh đạo của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, đã hình thành cương lĩnh đầu tiên, hình thành đường lối cách mạng, chiến lược, sách lược cách mạng của Đảng. Trong lịch sử 80 năm lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn coi công tác tư tưởng cùng với công tác tổ chức góp phần xây dựng Đảng thành đội tiền phong và bộ tham mưu chiến đấu của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc nói rằng: “công việc thành hay bại đều do tư tưởng và lề lối làm việc đúng hay sai", do đó “Toàn Đảng phải tư tưởng nhất trí, hành động nhất trí, đoàn kết nhất trí mới làm tròn nhiệm vụ của Đảng", và đó chính là một trong những vị trí trọng yếu của công tác tuyên giáo. Mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam đều có phần đóng góp quan trọng của việc hình thành cương lĩnh, đường lối chính trị đúng đắn của Đảng, để ra những khẩu hiệu hành động đúng lúc và sát hợp với nhiệm vụ chính trị của từng giai đoạn cách mạng, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước đến quần chúng nhân dân, biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước thành hành động tự giác của hàng triệu quần chúng, thành cao trào cách mạng, đưa cách mạng Việt Nam giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Công tác tuyên giáo cũng góp phần đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ các thế hệ cán bộ trung kiên, có đức, có tài của Đảng và Nhà nước, để từ đội ngũ này mà giáo dục, giác ngộ, tập hợp, tổ chức, cổ vũ, động viên quần chúng tiến hành các hoạt động cách mạng, đấu tranh bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, chống lại sự tấn công của các lực lượng thù địch và các phần tử cơ

hội chính trị, bảo vệ Đảng, bảo vệ cách mạng, phát triển phong trào cách mạng của quần chúng.

Ngày 1 tháng 8 - Ngày Truyền thống công tác tuyên giáo của Đảng

Ngày 1-8-1930, Ban Cổ động và Tuyên truyền của Đảng Cộng sản Việt Nam đã cho xuất bản tài liệu "ngày Quốc tế đỏ 1-8" nhân dịp kỷ niệm ngày Quốc tế đỏ 1-8, ngày đấu tranh chống chiến tranh đế quốc, bảo vệ hòa bình, bảo vệ Liên bang Xôviết, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc, kêu gọi binh lính đoàn kết với nhân dân, hưởng ứng cuộc đấu tranh chống chiến tranh đế quốc. Đây là tài liệu duy nhất, sớm nhất còn lưu giữ cho đến nay đề rõ "Ban Cổ động và Tuyên truyền của Đảng Cộng sản Việt Nam ấn hành". Tài liệu này khi vừa được phát hành đã gây được dư luận rất lớn trong xã hội đương thời và có sức cổ vũ to lớn đối với quần chúng công nông nước ta đứng lên đấu tranh chống chiến tranh đế quốc, bảo vệ Liên bang Xôviết, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc. Kể từ ngày 1-8 đến tháng 10-1930, trong cả nước đã nổ ra hàng trăm cuộc mít tinh, biểu tình của nhân dân ta.

Từ đó, ngày 1-8 trở thành một cái mốc lớn trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, gắn liền với sự ra đời của một tài liệu lịch sử quý giá, đánh dấu một hoạt động rất có ý nghĩa trong công tác tuyên giáo của Đảng.

Căn cứ vào những tài liệu và sự kiện lịch sử có ý nghĩa đặc biệt này, năm 2000, Bộ Chính trị Trung ương Đảng (khoá VIII) quyết định lấy ngày 1-8 hằng năm làm Ngày Truyền thống công tác tư tưởng, văn hoá của Đảng. Năm 2007, sau khi Ban Tư tưởng – Văn hoá Trung ương và Ban Khoa giáo Trung ương hợp nhất thành Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá X) quyết định lấy ngày 1-8 hằng năm làm **Ngày Truyền thống công tác tuyên giáo của Đảng.**

Phần thứ nhất

NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG LỊCH SỬ CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

CHƯƠNG I

CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO TRONG QUÁ TRÌNH ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)

I- CAO TRÀO CÁCH MẠNG 1930-1931 VÀ XÔVIẾT NGHỆ - TĨNH. ĐẤU TRANH CHỐNG KHỦNG BỐ, KHÔI PHỤC VÀ PHÁT TRIỂN PHONG TRÀO CÁCH MẠNG (1932-1935)

1. Cao trào cách mạng 1930-1931 và Xôviết Nghệ - Tĩnh

Thi hành Nghị quyết Hội nghị hợp nhất Đảng tháng 2-1930, các đảng bộ địa phương đã thực hiện việc quán triệt *Chánh cương vắn tắt* và *Điều lệ vắn tắt của Đảng.* Đảng chủ trương đẩy mạnh công tác tuyên truyền về việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, lãnh đạo quần chúng tiếp tục đấu tranh.

Việc phổ biến *Lời kêu gọi* của Nguyễn Ái Quốc được tiến hành rộng rãi. Những khẩu hiệu nêu ra phản ánh nguyện vọng bức thiết của quần chúng lao động, đi nhanh vào lòng người. Nhờ đó, phong trào cách mạng đã dấy lên mạnh mẽ. Nhiều cuộc bãi công, biểu tình bị địch đàn áp đẫm máu, nhưng không đẩy lùi được khí thế đấu tranh của quần chúng, buộc địch phải có một số nhượng bộ.

Sau đợt kỷ niệm ngày 1-5 là đợt kỷ niệm Ngày Quốc tế đỏ 1-8, ngày đấu tranh chống chiến tranh đế quốc, Ban Cổ động và Tuyên truyền của Đảng xuất bản tài liệu Ngày Quốc tế đỏ 1-8, giải thích nguồn gốc chiến tranh đế quốc, kêu gọi chống chiến tranh, bảo vệ hoà bình, bảo vệ Liên bang Xôviết, ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc. Tài liệu nêu rõ những khẩu hiệu đấu tranh nhân dịp kỷ niệm 1-8. Trong thời gian này, Đảng còn chú ý đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong binh lính, kêu gọi họ đoàn kết với nhân dân hưởng ứng cuộc đấu tranh trong ngày chống chiến tranh đế quốc. Việc này có ảnh hưởng nhất định tới binh lính; ở một số nơi binh lính đã không bắn vào quần chúng khi họ bị đưa đi đàn áp các cuộc biểu tình.

Thi hành chỉ thị của Quốc tế Cộng sản và quyết định của Hội nghị thành lập Đảng, Đảng xuất bản *Tạp chí Đỏ,* số đầu ra ngày 5-8-1930, mỗi số 100 bản (litô) và ngày 15-8-1930 xuất bản báo *Tranh đấu.*

Do sự đàn áp tàn bạo của bọn thống trị, từ tháng 9-1930 phần lớn các cuộc biểu tình của nhân dân có tổ chức lực lượng tự vệ được trang bị giáo mác, gậy gộc, nhiều cuộc đông tới hàng ngàn người, có cuộc lớn tới 2 vạn người (ngày 1-9 ở Thanh Chương, Nghệ An). Cuộc đấu

tranh của nhân dân Nghệ An, Hà Tĩnh từ đó phát triển lên và hình thành cuộc nổi dậy của quần chúng thành lập chính quyền Xôviết. Chính quyền này đã được thành lập ở trên 300 thôn xã thuộc Nghệ An, Hà Tĩnh làm nhiệm vụ chính quyền công nông đầu tiên ở nước ta. Công tác tuyên truyền trong nhân dân đã được tiến hành công khai, sâu rộng để thực hiện các chính sách của cách mạng: xoá nợ, giảm tô, chia lại công điền cho nông dân, thủ tiêu mọi thứ thuế, ban bố các quyền dân chủ, xử án bọn phản động, bài trừ hủ tục, tổ chức học văn hoá… Nhiều loại báo chí địa phương được xuất bản. Xứ ủy Trung Kỳ có báo *Người lao khổ, Công nông binh*, Nghệ An có báo *Tiến lên,* các huyện của tỉnh Nghệ An như Hưng Nguyên có báo *Sản nghiệp,* Thanh Chương có báo *Nhà quê,* Quỳnh Lưu có báo *Tia sáng,* Nam Đàn có báo *Giác ngộ,* v.v.. Hàng loạt thơ ca cách mạng được lưu truyền. Sách báo, thơ ca, tài liệu cách mạng được phổ biến rộng rãi. Hằng đêm nhân dân hội họp nghe cán bộ nói chuyện, đọc sách báo, đi học văn hoá. Thời kỳ Xôviết Nghệ - Tĩnh, công tác giáo dục đã được chú trọng, có 815 lớp học, với số học sinh là 11.626 người và số giáo viên là 436[4]. Ở nhiều tỉnh khác, phong trào nông dân cũng phát triển mạnh.

Để đối phó với tình hình, bọn đế quốc và tay sai đã điên cuồng phản công, liên tiếp mở các cuộc hành quân đàn áp và dùng nhiều thủ đoạn chia rẽ, lừa bịp. Điển hình cho sự tàn bạo là vụ ném bom xuống cuộc biểu tình của nhân dân huyện Hưng Nguyên ngày 12-9-1930. Đảng đã liên tiếp ra thông cáo, lời kêu gọi, tuyên bố bảo vệ Xôviết Nghệ - Tĩnh, chống khủng bố[5], chỉ thị cho Chấp uỷ Trung Kỳ các công tác cần thiết và uốn nắn các sai lầm[6]. Các tài liệu trên tố cáo tội ác của bọn đế quốc và tay sai; biểu dương những thắng lợi của Xôviết Nghệ - Tĩnh, tinh thần dũng cảm hy sinh của cán bộ, nhân dân, ý thức đoàn kết của công - nông - binh; kêu gọi toàn Đảng và nhân dân cả nước ủng hộ Xôviết Nghệ - Tĩnh. Các tài liệu còn vạch kế hoạch hướng dẫn công tác tư tưởng, tổ chức và đấu tranh chống khủng bố trắng, bảo vệ phong trào cách mạng và những thắng lợi đã giành được. Công tác tuyên truyền được đặc biệt coi trọng. "Luôn luôn tuyên truyền, tuyên truyền nữa, luôn luôn có những cuộc nói chuyện và những cuộc nói chuyện nữa để cổ vũ, thúc đẩy quần chúng hy sinh cho sự nghiệp chung"[7].

---

[4] Các tổ chức tiền thân của Đảng, Xxb. Sự thật, Hà Nội, 1977, tr.116.

[5] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.2, t.55-69..

[6] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.2, tr. 83-85.

[7] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, t.2, tr.66.

Do còn thiếu kinh nghiệm, cán bộ phạm phải một số sai lầm ảnh hưởng đến sự đoàn kết của các tầng lớp ở nông thôn, lực lượng cán bộ và cơ sở bị tổn thất nhiều vì sự đàn áp của địch nên phong trào từ giữa năm 1931 đã xuống dần.

Xôviết Nghệ - Tĩnh tuy không thành công nhưng đã chứng tỏ năng lực cách mạng của nhân dân Việt Nam, của một Đảng Cộng sản kiên cường mới thành lập chưa được một năm đã có ảnh hưởng trong nước và trên thế giới. Qua cao trào 1930-1931 và Xôviết Nghệ - Tĩnh, tháng 4-1931, Ban Chấp hành Quốc tế Cộng sản đã đánh giá cao sự lãnh đạo của Đảng ta và ra quyết định công nhận Đảng ta là một phân bộ độc lập của Quốc tế Cộng sản.

Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp từ ngày 14 đến ngày 30-10-1930 tại Hương Cảng. Hội nghị thảo luận và thông qua *Luận cương chính trị* do đồng chí Trần Phú khởi thảo, thông qua *Án Nghị quyết của Trung ương toàn thể Đại hội nói về tình hình hiện tại ở Đông Dương và nhiệm vụ cần kíp của Đảng,* thông qua *Điều lệ Đảng* và *Điều lệ của các tổ chức quần chúng.* Hội nghị đã đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Đông Dương, cử ra Ban Thường vụ Trung ương và cử đồng chí Trần Phú làm Tổng Bí thư. *Luận cương chính trị* phát triển tư tưởng, đường lối đã nêu ra trong cuốn *Đường Kách mệnh,* trong chánh cương, sách lược vắn tắt, nêu rõ: Cách mạng Việt Nam là cách mạng tư sản dân quyền, tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

Về công tác tư tưởng, Nghị quyết Trung ương ghi: "Đảng phải làm cho càng ngày càng đông quần chúng biết mục đích của Đảng và ý kiến của Đảng đối với các việc quan trọng xảy ra. Muốn được như thế thì Đảng phải mở rộng việc tuyên truyền cổ động (ra báo, sách, truyền đơn, diễn thuyết,…).

Lại phải biết lợi dụng các cơ hội mà hoạt động công khai… tổ chức mít tinh, diễn thuyết"[8].

Điều lệ Đảng cũng ghi: trong ba nhiệm vụ của chi bộ, có hai nhiệm vụ trực tiếp liên quan đến công tác tư tưởng:

- "Tuyên truyền và cổ động CS[9] một cách có kế hoạch, thực hành khẩu hiệu và nghị quyết của Đảng trong quần chúng công nông cho họ theo Đảng.

…

[8] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.2, tr.116.
[9] CS: Cộng sản (TG).

- Tìm thêm và huấn luyện đảng viên mới, phát đồ tuyên truyền của Đảng; huấn luyện đảng viên và công nông về mặt văn hoá và chính trị"[10].

Điều lệ của Đảng cũng quyết định lập Bộ Tuyên truyền cùng với Bộ Tổ chức, Bộ Công nhân vận động.

Các nghị quyết Trung ương về vận động công nhân, nông dân cũng nêu cụ thể nội dung và cách thức tuyên truyền công nhân, nông dân, phụ nữ và thanh niên công nhân, nông dân.

Ngày 1-11-1930, Đảng ra Lời kêu gọi nhân dịp kỷ niệm Cách mạng tháng Mười Nga (7-11), tố cáo âm mưu chuẩn bị chiến tranh đế quốc và bao vây, khiêu khích, lật đổ Liên Xô, kêu gọi chống chiến tranh đế quốc, bảo vệ Liên Xô. Lời kêu gọi còn tố cáo tội ác của đế quốc Pháp đối với dân ta, nêu những khẩu hiệu đấu tranh đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ, chống bắt lính, biểu dương những thắng lợi của phong trào và tinh thần cách mạng của nhân dân, nêu những khẩu hiệu đấu tranh chống địch khủng bố, noi gương cách mạng Nga, đứng lên làm cách mạng đánh đổ chủ nghĩa đế quốc: "Các bạn cần phải tuyên truyền cho các anh chị em bị bóc lột trong nước để họ ủng hộ Đảng Cộng sản, để họ đứng lên làm cách mạng tiêu diệt tận gốc toàn bộ kẻ thù"[11].

Cuối tháng 3-1931, Hội nghị Trung ương lần thứ hai tại Sài Gòn kiểm điểm tình hình phong trào cả nước, đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ nhất của Trung ương Đảng, định hướng công tác sắp tới.

Nghị quyết của Hội nghị dành một chương riêng về vấn đề tuyên truyền cổ động, nêu rõ công tác này có tầm quan trọng đặc biệt trong "lúc kinh tế của tư bản chủ nghĩa toàn thế giới đương bị khủng hoảng lớn, trong lúc giai cấp tranh đấu ngày càng kịch liệt, điều kiện phát triển của phong trào cách mạng đã chín chắn… Trong khi Đảng mới thành lập, trình độ lý luận của Đảng còn thấp kém, nền tư tưởng còn chưa vững bền, nhân tài để làm việc Đảng còn rất hiếm"[12]. Hội nghị đã phê phán những khuyết điểm trong công tác tuyên truyền cổ động và đề ra những nhiệm vụ chính trong thời gian tới; lập bộ máy tuyên truyền cổ động ở Trung ương và cấp dưới, tuyên truyền huấn luyện về chủ nghĩa Mác - Lênin, xây dựng tư tưởng vô sản bônsêvích, chống các xu hướng cơ hội, chống chủ nghĩa quốc gia cải lương, mở rộng công tác tuyên truyền cổ động trong quần chúng, chống các trò lừa bịp của đế quốc, đào tạo ra nhân tài thợ thuyền để làm việc

[10] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.2, tr.122.
[11] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.2, tr.222.
[12] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.3, tr.3.

Đảng"[13]. Về cách thực hiện phải thiết thực, lý luận gắn liền với thực tiễn cách mạng, "cần phải huấn luyện cho đảng viên và thợ thuyền theo đại cương của chủ nghĩa Mác - Lênin mà giải quyết những việc xảy ra trong sự giai cấp tranh đấu hằng ngày, và căn cứ vào những sự kinh nghiệm tranh đấu mà phát triển trình độ tư tưởng"[14].

Sau Hội nghị lần thứ hai của Trung ương Đảng, ngày 20-5-1931, Trung ương lại ra chỉ thị phê phán và uốn nắn chủ trương "Thanh Đảng" của Xứ uỷ Trung Kỳ.

Chỉ thị phân tích đặc điểm của Đảng ta ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, giai cấp công nhân còn chiếm một tỷ lệ rất thấp trong nhân dân nhưng đã thành một lực lượng giai cấp giác ngộ nhứt định của nó, mặc dầu mới đầu tiên và còn yếu ớt"[15], "cộng vào một khí chất phản đế của các dân tộc ở Đông Dương do các phong trào phản đế từ trước nung nấu lại, hai lực lượng ấy hợp lại xây dựng nên Đảng Cộng sản Đông Dương"[16]. Chỉ thị phê phán chủ trương *"thanh trừ trí phú địa hào, đào tận gốc trốc tận rễ"* là "một ý nghĩ mơ hồ, một chỉ thị võ đoán và là một lối hành động quàng xiên..."[17].

Thời gian này, Đảng có hai tờ báo *Cờ vô sản* và *Cộng sản* ra hằng tháng, mỗi số 3.000 bản. Nam Kỳ có báo *Cờ đỏ* phát hành 2.000 bản. Sau đó, Trung ương Đảng quyết định xuất bản báo *Người Cộng sản* làm cơ quan ngôn luận tuyên truyền cho đường lối, chính sách của Đảng.

Cao trào cách mạng 1930-1931 và Xôviết Nghệ - Tĩnh đã khẳng định năng lực cách mạng của Đảng ta, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam. Tuy mới thành lập, Đảng đã vạch ra được đường lối chính trị đúng đắn, dựa hẳn vào công nông, thu hút mọi lực lượng tiến bộ, yêu nước, tiến hành cuộc đấu tranh vang dội chống đế quốc và phong kiến tay sai, tạo ra một phong trào cách mạng rộng lớn chưa từng có ở nước ta, vượt qua sự khủng bố tàn bạo của quân thù, phong trào đã phát triển thành cuộc tổng diễn tập đầu tiên của cách mạng nước ta.

Như vậy, trọng tâm của công tác tư tưởng thời kỳ này là công tác tuyên truyền và đào tạo cán bộ tuyên huấn. Công tác tư tưởng đã luôn luôn được đặt lên vị trí hàng đầu nhằm giác ngộ chính trị cho đảng viên và quần chúng, tuyên truyền về chủ nghĩa Mác - Lênin, chuyển tư tưởng yêu nước của nhân dân ta theo lập trường của giai cấp công nhân. Công tác tuyên truyền thường xuyên tố cáo tội ác của đế quốc

[13] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.3, tr.117.
[14] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.3, tr.125.
[15] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.3, tr.124.
[16] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.3, tr.156.
[17] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.3, tr.157.

và tay sai, chống lại các thủ đoạn lừa bịp của chúng, chống chủ nghĩa quốc gia cải lương; đã gắn chặt với cuộc đấu tranh hằng ngày của quần chúng đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ, kết hợp các khẩu hiệu kinh tế với khẩu hiệu chính trị, thông qua đấu tranh mà nâng cao trình độ chính trị, rèn luyện đảng viên và quần chúng. Đối với cán bộ, đảng viên, công tác tư tưởng đã coi trọng việc giáo dục tính chất giai cấp của Đảng, bồi dưỡng lý luận Mác - Lênin và phẩm chất đạo đức cách mạng, phân rõ ranh giới tư tưởng vô sản với các tư tưởng tư sản, tiểu tư sản, giữ vững đường lối chính trị đúng đắn, quan điểm tư tưởng vô sản, chống các ảnh hưởng tư tưởng phi vô sản, đào tạo một đội ngũ cán bộ kiên cường, trung thành, tận tuỵ với cách mạng. Các nghị quyết, chỉ thị của Trung ương trong thời gian này đều chỉ ra phương hướng, nội dung công tác tuyên truyền cổ động, uốn nắn những thiếu sót, như: nội dung còn "bông lông, mơ hồ", thiếu thiết thực, chỉ đạo thiếu tổ chức, kế hoạch, không có báo riêng cho xí nghiệp, thiếu phóng viên công nông, v.v.

2. Đấu tranh chống khủng bố, khôi phục và phát triển phong trào cách mạng (1932-1935)

- Đấu tranh chống khủng bố, bảo vệ Đảng, biến nhà tù thành trường học.

Sự khủng bố tàn bạo của địch đối với cao trào cách mạng năm 1930-1931 và Xôviết Nghệ - Tĩnh đã gây cho cách mạng nước ta nhiều khó khăn và tổn thất lớn. Các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới tỉnh đều bị phá vỡ, hầu hết cán bộ lãnh đạo bị bắt giam, một số bị giết, cơ sở Đảng và đoàn thể quần chúng nhiều vùng cũng bị tan tác, nhưng đế quốc không thể tiêu diệt được tổ chức Đảng và phong trào cách mạng.

Các cán bộ, đảng viên và nhiều hội viên các đoàn thể đã tỏ thái độ kiên cường, bất khuất trước sự tra tấn cực hình, mua chuộc, dụ dỗ của địch, giữ vững khí tiết cách mạng. Ngay khi đứng trước toà án địch hay sắp lấy máy chém, nhiều đồng chí đã nêu gương sáng của người chiến sĩ cộng sản Trần Phú nói thẳng với quan toà: "những công việc của Đảng tôi, tôi chỉ nói với Đảng tôi mà thôi", khi sắp mất, đồng chí còn dặn các đảng viên trong tù "hãy giữ vững chí khí chiến đấu". Ngô Gia Tự cũng nói với chúng: "chính đế quốc Pháp cướp nước của chúng tôi, chính các ông mới giết người, cướp của". Lý Tự Trọng đi ra pháp trường vẫn hô khẩu hiệu đả đảo đế quốc Pháp, dõng dạc hát Quốc tế ca khi bước lên máy chém. Trong các năm 1932 - 1933, nhiều cán bộ, đảng viên đã biến vành móng ngựa trong toà án địch thành diễn đàn tố cáo địch. Nguyễn Đức Cảnh bị án tử hình vẫn suy nghĩ viết bản tổng kết công tác công vận cho Đảng.

Ở trong tù, các đồng chí đã lập ra các chi bộ, lãnh đạo đấu tranh chống chế độ nhà tù dã man, tàn ác, giữ vững và cổ vũ tinh thần cách mạng. Các đồng chí đã biến nhà tù thành trường học để huấn luyện cán bộ, đảng viên về lý luận, chính trị và văn hoá. Ở trong tù, một số đồng chí từ những tài liệu đã đọc, tự soạn tóm tắt rồi chép lại, như: *Những vấn đề cơ bản của cách mạng Đông Dương, Lịch sử tóm tắt ba Quốc tế*... Một số đồng chí ở Nhà tù Côn Đảo nhờ giữ được liên lạc thường xuyên với tổ chức bên ngoài nên nhận được cả báo *L'Humanité* (Nhân đạo) của Đảng Cộng sản Pháp và các tác phẩm kinh điển của chủ nghĩa Mác – Lênin. Các đồng chí đã lược dịch được nhiều tài liệu, như: *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, Tư bản, Làm gì, Bệnh ấu trĩ "tả khuynh" trong phong trào cộng sản, Nhà nước và cách mạng, Nguyên lý chủ nghĩa Lênin,v.v..*

Các đồng chí còn ra báo chí trong tù: ở Côn Đảo, có *báo Người tù đỏ* và tạp chí *Ý kiến chung* do Nguyễn Văn Cừ phụ trách, ở Hoả Lò Hà Nội, hai tờ báo *Đuốc đưa đường* (do Lê Duẩn làm chủ bút) và tờ *Con đường chính* (do Trường Chinh làm chủ bút). Ở Nhà lao Vinh còn có báo bằng miệng như *Đề lao tuần báo, Tiếng nhà pha,* có tiểu thuyết bằng miệng *Giọt máu hồng,* có cả kịch được diễn trong tù.

Cuộc đấu tranh tư tưởng trong các nhà tù cũng diễn ra trên nhiều mặt chống lại các khuynh hướng tư tưởng dao động, thoả hiệp, dân tộc hẹp hòi trước hết đối với các đảng viên Quốc dân Đảng ở Hỏa Lò, Côn Đảo, Sơn La. Qua cuộc đấu tranh này, quan điểm cách mạng của Đảng đã thuyết phục một số cán bộ lãnh đạo của Việt Nam Quốc dân Đảng, đưa họ vào hàng ngũ những người cộng sản, cô lập những kẻ ngoan cố.

- *Khôi phục và phát triển phong trào cách mạng.*

Để khôi phục và phát triển phong trào cách mạng, Đảng đã công bố bản *Chương trình hành động của Đảng Cộng sản Đông Dương,* phân tích tình hình, vạch ra phương hướng phấn đấu mới, tiếp đó là chương trình hành động của Công hội, Nông hội và Đoàn Thanh niên cộng sản.

Việc phổ biến, quán triệt bản chương trình hành động đã có tác dụng quan trọng trong việc ổn định tư tưởng đảng viên và quần chúng, nâng cao lòng tin vào lý tưởng và tiền đồ cách mạng, đẩy lùi tư tưởng bi quan, dao động, vạch ra phương hướng khôi phục, phát triển phong trào và đấu tranh trong tình hình cách mạng đang gặp khó khăn.

Thực hiện chương trình hành động, các cơ sở Đảng và tổ chức quần chúng dần dần được khôi phục, thu hút những người đã trải qua thử thách trong phong trào 1930 – 1931. Từ năm 1932, một số đồng chí

được ra tù và một số ở nước ngoài về đã bổ sung thêm cán bộ để xây dựng lại các cơ quan lãnh đạo.

Trong điều kiện có nhiều khó khăn, Đảng đã lợi dụng báo chí hợp pháp để tuyên truyền quan điểm tư tưởng của Đảng và đấu tranh chống lại các quan điểm tư tưởng phản động, sai lầm.

Năm 1932, một số đồng chí cộng sản hoạt động hợp pháp ở Sài Gòn đã viết trên báo công khai phê phán thái độ phản động của người cầm đầu Đảng Lập hiến được đế quốc Pháp cho làm đại biểu Nam Kỳ ở Hội đồng thuộc địa tại Pari, vạch trần thủ đoạn mị dân, lừa bịp của bọn thực dân.

Tháng 3-1933, nhân kỷ niệm lần thứ ba ngày thành lập Đảng, đồng chí Hà Huy Tập viết tác phẩm *Lược thảo Lịch sử phong trào cộng sản Đông Dương* nêu được quá trình hoạt động của Đảng trong ba năm đầu mới thành lập.

Trong những năm 1933 – 1934, đồng chí Hải Triều viết một số bài phê phán quan điểm duy tâm phản động cho rằng "tinh thần sinh ra vật chất", dân ta "thua kém về vật chất là bởi thua kém về tinh thần" cho nên phải "thành thật" mà khuất phục, thực chất là tư tưởng nô lệ, tự ti. Đồng chí đã giới thiệu chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, vạch rõ nước ta sở dĩ còn thua kém các nước phương Tây là do bị đế quốc kìm hãm về chính trị, kinh tế, văn hoá.

Đến năm 1934, hệ thống tổ chức của Đảng đã được khôi phục ở cả Bắc, Trung, Nam và Lào. Xứ uỷ Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Chấp uỷ Nam Đông Dương và Lào được thành lập. Ở Bắc Kỳ, có báo *Cờ đỏ* của Xứ uỷ, báo *Dân nghèo* của Đảng bộ Thái Bình. Ở Trung Kỳ, có báo *Cờ đỏ* của Xứ uỷ, báo *Chặt xiềng, Dân cày* của Đảng bộ Nghệ Tĩnh, báo *Tiến lên* của Quảng Trị. Ở Nam Kỳ, có báo *Lao khổ* của Chấp uỷ miền Tây, *Giải phóng* của Chấp uỷ miền Đông, báo *Vô sản* và *Tạp chí Cộng sản* của Chấp uỷ Nam Đông Dương, v.v..

Đầu năm 1934, Ban lãnh đạo của Đảng ở nước ngoài được thành lập do đồng chí Lê Hồng Phong đứng đầu, trong thực tế làm chức năng chỉ đạo việc khôi phục và phát triển phong trào, thống nhất lực lượng trong cả nước để thực hiện chương trình hành động và chuẩn bị Đại hội toàn quốc. Ban lãnh đạo hải ngoại họp Hội nghị từ ngày 16 đến ngày 21-6-1934, ra Nghị quyết về tổ chức Bộ Tuyên truyền và công tác tuyên truyền, xuất bản Tạp chí *Bônsêvích* phát hành trong cả nước nhằm giáo dục nâng cao trình độ cán bộ, đảng viên, thống nhất về tư tưởng, chính trị, tổ chức trong Đảng. Trong thời gian này, tờ *Bônsêvích* của Ban lãnh đạo hải ngoại và *Tạp chí cộng sản* của Ban Chấp uỷ Nam Đông Dương có tác dụng quan trọng trong việc lãnh

đạo tư tưởng hướng dẫn công tác cho các đảng bộ và chuẩn bị cho Đại hội toàn quốc.

Tháng 3-1935, Đại hội lần thứ nhất của Đảng họp tại Ma Cao, đề ra các nhiệm vụ phát triển và củng cố Đảng, thu phục quần chúng, mở rộng Mặt trận phản đế, chống chiến tranh đế quốc, bảo vệ Liên bang Xôviết. Đại hội thông qua Điều lệ của Đảng và bầu Ban Chấp hành Trung ương mới. Đại hội nêu chủ trương tuyên tuyền, vận động các giai cấp, tầng lớp, dân tộc ít nhiều có tinh thần cách mạng vào trận tuyến đấu tranh chung.

Đại hội lần thứ nhất của Đảng có ý nghĩa lịch sử quan trọng trong việc khôi phục lại hệ thống tổ chức của Đảng từ trung ương đến địa phương, nâng cao niềm tin của cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng và sự phát triển của phong trào cách mạng sắp tới.

Năm 1935, một cuộc tranh luận công khai nữa lại nổ ra xung quanh vấn đề quan điểm nghệ thuật *"Nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh"*. Đây là lần đầu tiên, các đồng chí ta giới thiệu quan điểm mácxít về văn học nghệ thuật, nêu rõ văn học nghệ thuật không thể đứng ngoài cuộc đấu tranh dân tộc, đấu tranh giai cấp mà phải phục vụ sự nghiệp cách mạng, phục vụ nhân dân, chống lại quan điểm văn học nghệ thuật tư sản. Đồng thời cung phê phán tư tưởng thoát ly quần chúng, thoát ly thực tế, xa lìa cách mạng của một số trí thức tiểu tư sản và tư sản dân tộc khi phong trào cách mạng có khó khăn. Những cuộc tranh luận trên đã giành được thắng lợi cho quan điểm duy vật mácxít, bảo vệ đường lối đúng đắn của Đảng, nâng cao tinh thần cán bộ, đảng viên và quần chúng, góp phần khôi phục phong trào.

Qua sự khủng bố trắng trợn, tàn bạo của kẻ địch, Đảng ta tuy bị tổn thất nặng nề nhưng chưa bao giờ hoang mang, dao động về tư tưởng và bị phá vỡ hoàn toàn về tổ chức. Qua thử thách, Đảng ta đã được tôi luyện hơn, tích luỹ thêm kiến thức và kinh nghiệm, quan hệ của Đảng với quần chúng ngày càng bền chặt hơn, phong trào cách mạng được khôi phục tương đối nhanh chóng.

Trong thời gian này, công tác tư tưởng đã được tiến hành kịp thời, sắc bén. Việc đánh giá đúng tình hình đã góp phần quan trọng ổn định tư tưởng cán bộ, đảng viên, nâng cao lòng tin vào lý tưởng và thắng lợi của cách mạng đẩy lùi các hiện tượng bi quan, dao động. Việc giáo dục khí tiết cách mạng trước kẻ thù, kiên cường đấu tranh trong lao tù đã nêu gương sáng của những người cộng sản về tinh thần hy sinh, bất khuất vì lợi ích cách mạng.

Tại nhà tù, những người cộng sản không những đấu tranh để bảo vệ Đảng, giảm bớt chế độ hà khắc của nhà tù mà còn lợi dụng cơ hội để trao đổi, tổng kết kinh nghiệm công tác, huấn luyện về lý luận chính trị và văn hoá cho đảng viên, đào tạo hàng loạt cán bộ ưu tú cho Đảng. Đảng đã lợi dụng mọi khả năng hợp pháp, nửa hợp pháp, lợi dụng báo chí công khai để tuyên truyền về lý luận Mác – Lênin, đường lối cách mạng, đánh bại các quan điểm phản động, thoả hiệp, đầu hàng chủ nghĩa đế quốc và tư tưởng thoát ly nhân dân, xa rời cách mạng.

Như vậy công tác tư tưởng đã góp phần quan trọng vào việc khôi phục và phát triển phong trào, chuẩn bị cho những cuộc đấu tranh rộng lớn hơn về sau. Các đồng chí lãnh đạo của Đảng từ trung ương đến các cấp đã trực tiếp chỉ đạo công tác tuyên truyền, cổ động, đào tạo cán bộ, tập hợp đội ngũ trí thức, nhiều đồng chí trực tiếp phụ trách báo, viết bài, biên soạn tài liệu tuyên truyền huấn luyện như các đồng chí Ngô Gia Tự, Nguyễn Văn Cừ, Lê Duẩn, Trường Chinh, Hồ Tùng Mậu, v.v..

II- CUỘC VẬN ĐỘNG DÂN CHỦ CHỐNG PHẢN ĐỘNG THUỘC ĐỊA VÀ TAY SAI, CHỐNG PHÁT XÍT VÀ CHIẾN TRANH, ĐÒI TỰ DO, CƠM ÁO, HÒA BÌNH (1936-1939)

Thời kỳ này, chủ nghĩa phát xít đã hình thành ở nhiều nước tư bản châu Âu và chế độ phát xít được thiết lập ở Đức, Ý, Nhật...

Tháng 7-1935, Quốc tế cộng sản họp Đại hội lần thứ VII, phân tích bản chất chủ nghĩa phát xít, vạch rõ kẻ thù nguy hiểm nhất lúc này của nhân dân thế giới là chủ nghĩa phát xít, nhiệm vụ trước mắt là đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít và chiến tranh đế quốc, giành dân chủ và hoà bình. Đại hội chủ trương xây dựng Mặt trận thống nhất của giai cấp công nhân, trên cơ sở đó thiết lập mặt trận nhân dân rộng rãi đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít. Đây là sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược rất quan trọng của phong trào cộng sản.

Ở Đông Dương, tháng 7-1936, Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất của Đảng họp ở Thượng Hải. Hội nghị phân tích tình hình quốc tế và trong nước, nêu rõ mục tiêu trước mắt là đấu tranh chống chế độ phản động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh đế quốc, đòi quyền dân chủ cải thiện dân sinh, bảo vệ hoà bình.

Hội nghị quyết định tạm thời chưa nêu khẩu hiệu đánh đổ đế quốc Pháp và giai cấp địa chủ, giành độc lập cho dân tộc và ruộng đất cho dân cày. Hội nghị quyết định thành lập mặt trận rộng rãi lúc đầu gọi là Mặt trận nhân dân phản đế Đông Dương (sau đổi là Mặt trận dân chủ).

Để thực hiện bước đầu Nghị quyết Hội nghị toàn quốc, nay từ tháng 8-1936, nắm thời cơ Mặt trận nhân dân Pháp giành thắng lợi trong tuyển cử, Quốc hội Pháp chuẩn bị cử một phái đoàn điều tra sang Đông Dương để thực hiện một số điều cải cách, Đảng đã chủ trương mở cuộc vận động Đại hội Đông Dương, động viên các tầng lớp nhân dân nêu nguyện vọng, lập thành bản dân nguyện gửi tới phái đoàn điều tra nhằm mục tiêu trước mắt là đòi nhà cầm quyền Pháp thực hiện những cải cách, thực hành tự do, dân chủ, cải thiện đời sống cho nhân dân.

Tháng 6-1936, Đảng đã phát hành thư công khai của Trung ương Đảng gửi toàn Đảng, từ đó đến cuối năm đã xuất bản một số tài liệu để hướng dẫn, giải thích về việc chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, sách lược và chủ trương về cuộc vận động Đông Dương Đại hội:

- Mặt trận dân chủ thống nhất phản đế (tháng 6-1936).

- Đông Dương Đại hội (tháng 9-1936).

- Chung quanh vấn đề chính sách mới (tháng 10-1936).

- Kỷ niệm 7 năm thành lập Đảng Cộng sản Đông Dương (tháng 12-1936).

Việc chuyển hướng về chỉ đạo chiến lược, sách lược là một bước tiến mới về tư duy lý luận độc lập, tự chủ, sáng tạo của Đảng. Tài liệu *Chung quanh vấn đề chính sách mới* của Đảng Cộng sản Đông Dương nêu rõ: "Những người Cộng sản Đông Dương… hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin, và thực hành chủ nghĩa Mác - Lênin theo điều kiện hiện thực ở Đông Dương". "Chiến sách mới của Đảng là chiến sách theo điều kiện hiện thực ở xứ Đông Dương, theo kinh nghiệm tranh đấu của Đảng, học kinh nghiệm của Quốc tế Cộng sản và kinh nghiệm của cuộc vận động cộng sản thế giới, không phải đem kinh nghiệm xứ này sang xứ khác một cách như máy"[18][15]...

Trước sức mạnh của phong trào Mặt trận nhân dân, giới cầm quyền Pháp thi hành một số cải cách tiến bộ ở thuộc địa. Việc làm có ý nghĩa chính trị lớn nhất của Chính phủ Pháp là ra sắc lệnh ân xá chính trị phạm ở Đông Dương. Bọn thống trị ở Đông Dương buộc phải thi hành một phần sắc lệnh này.

Tuy Chính phủ Pháp và bọn cầm quyền ở Đông Dương phải có một số nhượng bộ nói trên nhưng Chính phủ Pháp về bản chất vẫn là Chính phủ tư sản nên dã đồng tình với bọn thống trị ở Đông Dương ra lệnh cấm Đại hội Đông Dương và giải tán các Uỷ ban hành động.

[18] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t.6, tr.157-158.

Mặc dù Đông Dương Đại hội bị cấm nhưng phong trào quần chúng ngày càng được Đảng thức tỉnh, giác ngộ qua đấu tranh nên vẫn tiếp tục phát triển. Đảng cũng có thêm hàng ngàn cán bộ ở tù ra và có thêm kinh nghiệm trong cuộc đấu tranh công khai hợp pháp.

Sau Hội nghị Trung ương (tháng 3-1937), Đảng xuất bản tài liệu *Chủ trương tổ chức mới của Đảng.* Về công tác tuyên truyền, cổ động, Trung ương chủ trương phát triển mạnh mẽ công tác báo chí, xuất bản, phát hành, huấn luyện, đào tạo cán bộ. Các biện pháp là: Phát triển xuất bản sách báo công khai, chọn đảng viên có trình độ viết sách, viết bài trên báo công khai, mỗi chi bộ lập "bình dân thư xã" mua sách báo công khai; khuyến khích quần chúng mua và đọc sách báo. Các cấp Đảng bộ tái bản những tài liệu tuyên truyền của Trung ương, lập ra Ban huấn luyện cho đảng viên và quần chúng, đào tạo cán bộ.

Tham gia các cuộc tuyển cử: Cần lợi dụng các kỳ tuyển cử mà tuyên truyền các chủ trương, khẩu hiệu của Đảng. Chọn người của Đảng và người cảm tình ra ứng cử, liên hiệp hành động với các đảng phái tiến bộ để giành thắng lợi trong các kỳ tuyển cử.

Đối với phong trào "thỉnh nguyện": Cần lợi dụng mọi hoàn cảnh mà mở rộng phong trào, chuẩn bị thảo ra những bản “dân nguyện" làm tài liệu tuyên truyền và huy động đấu tranh đòi những cải cách dân sinh, dân chủ.

Việc thực hiện Nghị quyết Trung ương tháng 3-1937 đem lại nhiều kết quả tốt. Việc xuất bản sách báo công khai, phát hành sách báo đã phát triển mạnh mẽ. Một số tờ báo công khai chính do Đảng lãnh đạo thời kỳ này là: ở Nam Kỳ, báo tiếng Việt có *Phổ thông, Dân chúng* là cơ quan của Trung ương Đảng, về danh nghĩa công khai là của lao động và dân chúng Đông Dương. *Lao động* là cơ quan của Xứ uỷ Nam Kỳ, danh nghĩa công khai là cơ quan bênh vực quyền lợi cần lao. Báo tiếng Pháp có *Avant Garde* (Tiên phong), *Le Peuple* (Nhân dân). Người phụ trách các báo của Trung ương là đồng chí Hà Huy Tập.

Ở Trung Kỳ, báo tiếng Việt có: *Dân* là cơ quan của Xứ uỷ Trung Kỳ do đồng chí Phan Đăng Lưu phụ trách. *Nhành lúa* do đồng chí Hải Triều làm thư ký toà soạn cũng do xứ uỷ chỉ đạo. Ở Bắc Kỳ, báo tiếng Việt có: *Tin tức, Đời mới* là cơ quan của Xứ uỷ Bắc Kỳ, *Thế giới* là cơ quan của Đoàn Thanh niên Dân chủ. Báo tiếng Pháp có: *Le Travail* (Lao động), *Rassemblement* (Tập hợp), *En Avant (*Tiến lên), *Notre Voix* (Tiếng nói của chúng ta) do xứ uỷ chỉ đạo. Các tờ báo trên do đồng chí Trường Chinh và Hoàng Quốc Việt phụ trách.

Một số báo được phát hành hằng ngày khá rộng rãi như tờ *Tin tức* và tờ *Dân chúng* từ 5.000 đến 15.000 số. Việc ủng hộ báo chí công khai của Đảng cũng trở thành phong trào quần chúng, nhiều người đã quyên góp tiền ủng hộ báo giúp cho việc phát hành tham gia đấu tranh đòi tự do báo chí, tự do xuất bản.

Ảnh hưởng của báo chí cách mạng lan tỏa sang các báo khác, do vậy mà nội dung nhiều tờ báo cũng có tiến bộ hơn. Nhiều nhà báo nói: "So báo chí sau năm 1936 với báo chí trước năm 1936 không ai có thể chối cãi được là giọng báo chí của ta có tiến bộ rõ rệt"[19].

Tháng 3-1937, các đồng chí cộng sản miền Trung tổ chức hội nghị báo chí Trung Kỳ có đại biểu báo chí miền Bắc và miền Nam tham dự. Tháng 6-1937, các đồng chí ở miền Bắc tổ chức hội nghị báo chí Bắc Kỳ có đại biểu báo chí miền Trung, miền Nam và một số nhà báo Pháp tham dự. Các hội nghị trên tố cáo chế độ báo chí phát xít ở Đông Dương, đề ra chương trình hành động đòi tự do nghiệp đoàn, bảo đảm quyền tự do cá nhân của người làm báo. Những việc trên đã thức tỉnh và lôi cuốn nhiều nhà báo tham gia phong trào tiến bộ, tranh thủ sự ủng hộ của một số nhà báo Pháp và cổ vũ, thúc đẩy thêm phong trào đấu tranh của quần chúng.

Để đối phó với ảnh hưởng ngày càng rộng rãi của báo chí công khai của Đảng, bọn thống trị đã ra lệnh đóng cửa các báo, bắt giam người làm báo, khám xét, tịch thu tài sản của báo, nhà in, truy nã những người làm báo, người đọc và lưu giữ sách báo tiến bộ. Mặc dù chúng dùng mọi thủ đoạn đàn áp trắng trợn, báo chí công khai vẫn phát triển, tờ này bị cấm, tờ khác lại xuất bản.

Cùng với việc xuất bản báo chí, Đảng ta còn xuất bản nhiều loại sách phổ thông tuyên truyền về chủ nghĩa Mác - Lênin, về việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô, về cách mạng Trung Quốc. Những cuốn sách có giá trị được độc giả đánh giá cao, như: *Chủ nghĩa Các Mác* của đồng chí Hải Triều, giới thiệu về chủ nghĩa Mác; *Vấn đề dân cày* của đồng chí Trường Chinh và Võ Nguyên Giáp (ký tên Qua Ninh và Vân Đình), vạch rõ tội ác của đế quốc, phong kiến đối với nông dân, xác định vị trí của nông dân trong cách mạng và con đường giải phóng nông dân; *Ba năm ở Nga Xôviết* của đồng chí Trần Đình Long, là tập phóng sự, hồi ký về Liên Xô và thành quả Cách mạng Tháng Mười… Đảng mở ra những hiệu sách để phát hành sách báo ở nhiều địa phương. Sách báo của Đảng lưu hành rộng rãi, có ảnh hưởng cả đến ngôn ngữ, văn chương Việt Nam "Chính từ khi có phong trào,

[19] Hoàng Quốc Việt: *Chặng đường nóng bỏng* (hồi ký), Nxb. Lao động, Hà Nội, 1985, tr.168.

ngôn ngữ của ta giầu ra, văn đấu tranh, văn chính trị bây giờ sắc lắm"[20].

Thực tiễn của cuộc vận động cách mạng ở thời kỳ này, Đảng ta thấy rõ vai trò của văn hoá, văn nghệ và giáo dục chữ quốc ngữ trong việc truyền bá hệ tư tưởng và tập hợp quần chúng đấu tranh cách mạng.

Cũng trong thời gian này, một số văn nghệ sĩ đã chịu ảnh hưởng của tư tưởng cách mạng. Nhiều tác phẩm văn học hiện thực phê phán ra đời, như: *Tắt đèn* của Ngô Tất Tố, *Bước đường cùng* của Nguyễn Công Hoan. Toà soạn báo và các hiệu sách còn là nơi các tầng lớp nhân dân đến liên hệ để hỏi ý kiến về cách đấu tranh bênh vực quyền lợi của mình, là nơi liên hệ giữa Đảng với các tổ chức chính trị - xã hội khác. Đó cũng là đầu mối liên lạc giữa bộ phận hợp pháp và không hợp pháp của Đảng, có khi là nơi móc nối liên lạc giữa các Đảng bộ với Trung ương, giữa Đảng với cán bộ hoạt động ở nước ngoài, với các Đảng anh em và Quốc tế Cộng sản. Sách báo của ta tuy ra nhiều nhưng độc giả là người lao động cùng khổ, người biết chữ còn rất ít. Để vận động cách mạng thuận lợi, đồng chí Trường Chinh đã đề nghị Xứ uỷ Bắc Kỳ quyết định vận động thành lập một tổ chức công khai chống nạn mù chữ. Tháng 5-1938, Đảng chỉ định các đồng chí Trần Huy Liệu, Đặng Thai Mai, Võ Nguyên Giáp cùng với một số nhân sĩ và trí thức lập ra *Hội truyền bá quốc ngữ,* do ông Nguyễn Văn Tố một trí thức yêu nước làm Hội trưởng, giúp cho người lao động nghèo biết đọc, biết viết, để có thể đọc sách báo cách mạng. Các lớp học này ở nhiều nơi là lớp chính trị phổ thông cho quần chúng. Phong trào Truyền bá quốc ngữ giương cao khẩu hiệu *"*Chữ quốc ngữ cho mọi người" và chủ trương đưa ánh sáng văn hóa đến từng "túp lều tranh".

Hội truyền bá quốc ngữ đã tạo nên một sinh hoạt văn hoá có giá trị trong đời sống xã hội, góp phần phát triển tư tưởng tiến bộ trong nhân dân, thể hiện sự lãnh đạo của Đảng trên lĩnh vực giáo dục và vận động trí thức.

Về việc tham gia tuyển cử vào các viện dân biểu, Hội đồng thành phố, Hội đồng quản hạt, mục đích của Đảng cũng là lợi dụng cơ hội để có thể tuyên truyền giác ngộ quần chúng, đấu tranh bênh vực quyền lợi của họ. Nhờ làm tốt công tác tuyên truyền, cổ động, có chủ trương đúng, phù hợp với quyền lợi, nguyện vọng của dân, có sách lược mềm dẻo, tranh thủ rộng rãi, lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ bọn thống trị nên Đảng ta giành nhiều thắng lợi trong việc đưa người của Đảng và người có cảm tình với Đảng, đại biểu cho nhân dân lao động vào các tổ chức nói trên.

---

[20] Hoàng Quốc Việt: *Chặng đường nóng bỏng* (hồi ký), Sđd, tr.168

Hội nghị Trung ương tháng 8-1937 và tháng 3-1938 kiểm điểm tình hình các mặt, khẳng định sự thành công của phong trào cách mạng trong hơn một năm qua, sau Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất của Đảng tháng 7-1936. Về công tác tuyên truyền, cổ động, Trung ương phê phán cách tuyên truyền, cổ động còn ít chú ý đến tâm lý, nguyện vọng, trình độ quần chúng và hoàn cảnh từng nơi, lúc nào cũng cổ động biểu tình, bãi công, cướp chính quyền. Trong báo chí, nội dung bài vở nhiều khi chưa thiết thực, thiếu về lý thuyết khi đề cập tới nguyện vọng, quyền lợi của nhân dân mới chỉ chú ý tới công nông, chưa chú ý tới các tầng lớp tiểu tư sản và tư sản dân tộc, báo chí chưa trở thành cơ quan ngôn luận của toàn thể nhân dân.

Cần tổ chức hợp lý việc xuất bản sách báo công khai, xuất bản một tờ báo công khai có tính chất toàn xứ Đông Dương, có ảnh hưởng toàn xứ, có thể thông tin nhanh để đối phó kịp thời với thời cuộc. Các sách lý luận, các luận cương chính trị, truyền đơn của Đảng phải dùng lời lẽ khôn khéo để có thể in công khai. Sách báo của Đảng phải biến thành những tài liệu cổ động, tuyên truyền không những cho quần chúng lao động mà cả cho toàn thể nhân dân. Đồng thời vẫn cần có báo, tài liệu bí mật để giải thích những vấn đề mà sách báo công khai không đề cập được.

Về huấn luyện, phải có nhiều bản chương trình thống nhất để cho thích hợp mới trình độ khác nhau của đảng viên, có tài liệu huấn luyện cho cấp dưới, giảng dạy thiết thực phục vụ cho việc thực hiện các nhiệm vụ của Đảng.

Trong năm 1938, có nhiều đợt tuyên truyền, cổ động lớn gắn với làn sóng đấu tranh mạnh mẽ của nhân dân. Nổi bật là trong dịp kỷ niệm 1-5, lần đầu tiên ngày Quốc tế lao động được tổ chức công khai ở Đông Dương.

Ở Hà Nội, Đảng thông qua bộ phận báo chí công khai (nhóm Tin tức) vận động chi nhánh Đảng Xã hội Pháp đứng ra xin phép tổ chức kỷ niệm. Đến ngày 1-5, hơn 2 vạn 5 ngàn người từ các địa điểm tập trung kéo về khu Đấu Xảo dự mít tinh (nay là địa điểm cung Văn hoá Hữu nghị Hà Nội). Đây thực sự là cuộc biểu dương lực lượng của nhân dân, của các đoàn thể quần chúng. Mọi người hàng ngũ chỉnh tề đi qua các đường phố hô vang các khẩu hiệu cách mạng.

Việc tổ chức kỷ niệm ngày Quốc tế lao động là một thành công lớn của Đảng trong việc huy động, tổ chức và lãnh đạo quần chúng, liên hiệp hành động với chi nhánh Đảng Xã hội Pháp, tạo thêm thế công khai, hợp pháp làm cho địch dù căm tức cũng không ngăn cấm được.

Công tác tuyên truyền, cổ động cũng được tiến hành sôi nổi, góp phần giành thắng lợi trong cuộc tranh cử vào Viện Dân biểu Bắc Kỳ

(15 người do Mặt trận dân chủ đưa ra đã thắng cử), thắng lợi cả trong Hội đồng kinh tế - lý tài Đông Dương (2 đại biểu do Mặt trận đưa ra đã thắng cử); Viện Dân biểu Trung Kỳ trong đó có nhiều người của Đảng hoặc cảm tình với Đảng. Công tác tuyên truyền, cổ động cũng góp phần tích cực vào thắng lợi bác bỏ dự án tăng thuế lần thứ nhất ở Trung Kỳ tháng 9-1938, bằng nhiều hình thức: hội họp lấy chữ ký vào các bản nguyện vọng, phát ngôn ở Viện Dân biểu, phân phát truyền đơn, biểu tình, phản ánh tin tức, bình luận trên báo chí; kết hợp ba mặt đấu tranh: đấu tranh của quần chúng bên ngoài, đấu tranh trên báo chí và đấu tranh trong Viện Dân biểu.

Trước nguy cơ bọn phát xít ráo riết chuẩn bị chiến tranh thế giới, trực tiếp ở Đông Dương là bọn phát xít Nhật đang chuẩn bị xâm chiếm, Hội nghị Trung ương tháng 3-1938 cũng có Nghị quyết riêng về vấn đề phòng thủ Đông Dương.

Chủ trương của Đảng là nâng cao cảnh giác cho nhân dân chống âm mưu xâm lược của phát xít Nhật và âm mưu đầu hàng thoả hiệp của bọn thực dân phản động Pháp, đòi bọn cầm quyền Đông Dương phải thực hiện những cải cách dân chủ, dân sinh, vũ trang cho dân để nhân dân có khả năng tham gia phòng thủ.

Ngày 29-10-1938, Đảng ra bản "Tuyên ngôn về thời cuộc" đăng trên báo *Dân chúng,* kêu gọi các đảng phái dân chủ của người Việt Nam, các đoàn thể, cá nhân và cả người nước ngoài đoàn kết trong Mặt trận dân chủ "để vì tự do, hoà bình và cơm áo mà tranh đấu phòng thủ xứ sở".

Cuối năm 1938, đồng chí Nguyễn Ái Quốc từ Liên Xô đến Trung Quốc chuẩn bị về nước. Đồng chí đã có nhiều ý kiến chỉ đạo đúng đắn về đường lối, chủ trương, nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Đông Dương. Đồng chí còn gửi cho Đảng ta 9 bài báo của mình nói về cuộc đấu tranh chống phát xít của nhân dân Pháp, nhân dân Tây Ban Nha, nhân dân Trung Quốc; về cuộc đấu tranh chống bọn tờrốtkít ở các nước đăng trên các tờ *Dân chúng* và *Tiếng nói của chúng ta* của Đảng. Những ý kiến của đồng chí đã giúp Trung ương Đảng thêm vững vàng trong việc lãnh đạo và chỉ đạo phong trào Mặt trận Dân chủ.

Ngày 28-3 và ngày 27-4, Đảng liên tiếp ra *Tuyên ngôn về tình hình chung và đường lối, chủ trương của Đảng,* phân tích tình hình thế giới và tình hình Đông Dương, chỉ rõ nguy cơ chiến tranh và nạn phát xít đã tới gần, kêu gọi nhân dân đoàn kết trong Mặt trận dân chủ, chống phản động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh, vạch mặt bọn tờrốtkít và đề phòng bọn tay sai của Nhật.

Ngày 10-3-1939, Đảng ra *Thông báo khẩn cấp* kêu gọi toàn Đảng lãnh đạo chống khủng bố, đòi tự do dân chủ, mở rộng chế độ tuyển cử, toàn xá tù chính trị, thả nhân viên toà soạn báo *Dân chúng,* cải thiện đời sống nhân dân.

Để thống nhất nhận thức trong Đảng về đường lối, chính sách của Đảng, nhất là về xây dựng Mặt trận dân chủ, về cuộc tranh cử, phê phán những quan điểm sai trái nhằm tăng cường đoàn kết nhất trí trong Đảng, đồng chí Nguyễn Văn Cừ, Tổng Bí thư đã viết tác phẩm *Tự chỉ trích.*

Đồng chí Nguyễn Văn Cừ khẳng định một số vấn đề về nguyên tắc xây dựng Đảng, phân tích về nguyên nhân thất bại của cuộc tranh cử.

Đồng chí phê phán những nhận thực, quan điểm lệch lạc của một số cán bộ về chính sách Mặt trận dân chủ, làm rõ một số quan điểm cơ bản của Đảng trong đường lối, chính sách và những kinh nghiệm lớn của Đảng trong quá trình xây dựng Mặt trận, khẳng định Mặt trận dân chủ không tách rời Mặt trận thống nhất dân tộc chống đế quốc, bác bỏ quan điểm: không đánh đổ một giai cấp, một đảng phái nào của người bản xứ, chỉ đánh đổ những phần tử phản động.

Tác phẩm *Tự chỉ trích* có ý nghĩa quan trọng về lý luận và thực tiễn vượt ra ngoài phạm vi một cuộc tranh cử, là một văn kiện tổng kết kinh nghiệm của Đảng trong thời kỳ Mặt trận dân chủ, đóng góp vào lý luận và chính sách Mặt trận thống nhất của Đảng.

Tháng 9-1939, Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Chính phủ Anh, Pháp tuyên chiến với Đức. Bọn thống trị ở Đông Dương thực hiện chính sách đàn áp trắng trợn, xoá bỏ một số quyền dân sinh, dân chủ còn rất ít mới giành được. Chúng truy lùng, bắt bớ hàng loạt chiến sĩ cách mạng, ra lệnh tổng động viên bắt lính, bắt phu. Đảng phải chuyển hướng chỉ đạo chiến lược trong thời kỳ mới.

Trong thời kỳ Mặt trận dân chủ, công tác tư tưởng đã góp phần quan trọng tạo ra một cao trào cách mạng sôi nổi, là cuộc tổng diễn tập thứ hai cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám về sau. Công tác tư tưởng đã gắn chặt với mục tiêu, nhiệm vụ chính trị trong thời kỳ này, đấu tranh cho tự do dân chủ, cải thiện đời sống và hoà bình, chống phản động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh. Công tác tư tưởng đã gắn chặt với công tác tổ chức và lãnh đạo quần chúng trong các đợt đấu tranh, chống các khuynh hướng sai lầm: cô độc, hẹp hòi, bảo thủ, rụt rè, thoả hiệp vô nguyên tắc trong việc thực hiện chính sách mặt trận. Công tác tư tưởng cũng đã liên tục tố cáo tội ác và các thủ đoạn lừa bịp của địch và bè lũ tay sai, chống lại những luận điệu xuyên tạc. Trong thời kỳ này, Đảng triệt để lợi dụng khả năng hợp pháp để mở rộng công tác tuyên truyền, cổ động, giáo dục, truyền bá

quốc ngữ trong quần chúng, tổ chức các cuộc hội họp, mít tinh, vận động tranh cử, xuất bản và phát hành sách báo công khai, tạo điều kiện cho đường lối, chủ trương của Đảng đi vào quần chúng rộng rãi, góp phần thúc đẩy sự phát triển của văn hoá dân tộc, cổ vũ mạnh mẽ khí thế của phong trào cách mạng, tập hợp đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ tiến bộ tham gia vận động cách mạng. Đồng thời, Đảng vẫn giữ gìn những nguyên tắc hoạt động bí mật, tiếp tục chỉ đạo việc xuất bản báo chí tài liệu bí mật để đề cập những vấn đề không thể công bố trên báo công khai.

Tuy nhiên, trong cuộc vận động lập Mặt trận dân chủ, công tác tư tưởng cũng có khuyết điểm. Đó là chưa nêu được những khẩu hiệu thích hợp để nâng cao tinh thần dân tộc của nhân dân; nhiều cấp ủy chưa xây dựng được ban chuyên môn tuyên truyền để làm tham mưu và giúp cấp ủy chỉ đạo thường xuyên công tác tuyên giáo.

III- CAO TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM (9-1939 – 8-1945)

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ đã ảnh hưởng sâu sắc đến tình hình Đông Dương. Bọn thống trị Đông Dương thi hành chính sách phát xít, bắt bớ, truy lùng, đàn áp trắng trợn những người cách mạng, đình bản, tịch thu sách báo tiến bộ, giải tán các tổ chức quần chúng.

Tháng 11-1939, Hội nghị lần thứ sáu của Trung ương Đảng họp dưới sự chủ trì của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ đã giải quyết vấn đề chuyển hướng chỉ đạo chiến lược trong thời kỳ mới. Hội nghị nhấn mạnh chiến tranh thế giới sẽ gây tai họa lớn cho nhân loại nhưng tiền đồ cách mạng sẽ rất sáng sủa "Một thế giới quang minh rực rỡ sẽ thay cho cái thế giới tối tăm mục nát này"[21]. Hội nghị dự đoán Nhật sẽ xâm chiếm Đông Dương, Pháp sẽ đầu hàng Nhật, chế độ cai trị ở Đông Dương sẽ trở thành chế độ phát xít quân phiệt thuộc địa tàn bạo. Hội nghị xác định mục tiêu chiến lược trước mắt của cách mạng Đông Dương là đánh đổ đế quốc và tay sai, giải phóng các dân tộc Đông Dương, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập. Do đó, tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, đề ra khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội quyền lợi dân tộc. Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương.

Về công tác tuyên truyền, cổ động, Hội nghị đề ra phương hướng, nội dung và các biện pháp trong thời kỳ mới. Phương hướng chung là phải nhằm vào mục đích đánh đổ đế quốc, giành độc lập dân tộc. ""Phản đế, giải phóng dân tộc". Tất nhiên tất cả các lực lượng tuyên

---

[21] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.516

truyền phải xoay vào cái tinh thần phản đế và nhằm đến cái mục đích đánh đổ đế quốc, đòi giải phóng dân tộc"[22].

Về phương pháp, phải kiên trì, sát hợp với hoàn cảnh, sách báo công khai không có thì phải có sách báo bí mật, phát triển việc sử dụng truyền đơn, khẩu hiệu tranh vẽ, thi ca. Coi trọng việc ra báo bí mật và tuyên truyền miệng, có người chuyên công tác tuyên truyền trong các dân tộc thiểu số, lập Ban chuyên môn tuyên truyền.

Sau Hội nghị, nhiều đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng bị bắt nhưng Nghị quyết Hội nghị vẫn được phổ biến, công tác tuyên giáo của Đảng đã được thực hiện theo phương hướng mới.

Tháng 11-1940, Hội nghị Trung ương 7 căn cứ vào sự phân tích tình hình thế giới ảnh hưởng của chiến tranh với Đông Dương, chủ trương mở rộng Mặt trận phản đế, tổ chức các đội tự vệ, tiến lên võ trang bạo động giành lấy quyền tự do, độc lập. Hội nghị xác định kẻ thù chính của nhân dân Đông Dương lúc này là phát xít Pháp - Nhật. Mặt trận phản đế lúc này thực chất là Mặt trận dân tộc thống nhất chống phát xít Pháp - Nhật.

Về công tác tuyên truyền, cổ động, Hội nghị ghi nhận do cơ quan Trung ương bị tổn thất nên tờ báo thống nhất của toàn Đảng chưa ra được, nhưng mỗi xứ vẫn có riêng một tờ báo làm cơ quan tuyên truyền, cổ động cho toàn xứ: *Tiến lên* ở Nam Kỳ, *Bẻ xiềng sắt* ở Trung Kỳ, *Giải phóng* ở Bắc Kỳ, một số khu và liên tỉnh cũng có báo riêng. Mỗi xứ đều xuất bản được những cuốn sách phổ thông nhỏ về những vấn đề đặc biệt.

Ngoài việc tuyên truyền bằng sách báo, truyền đơn, biểu ngữ, cờ đỏ, băng, v.v., Đảng bộ Nam Kỳ đã tổ chức ra các đội tuyên truyền chuyên môn đi diễn thuyết ở những chỗ đông người. Hội nghị nhận định: "Một khuyết điểm lớn là chưa có một Ban tuyên truyền huấn luyện trung ương để soạn và dịch những sách huấn luyện về lý luận căn bản"[23]. Hội nghị xác định "cái mấu chốt" của công tác cổ động, tuyên truyền là ra một tờ báo làm cơ quan chung của Mặt trận. Hội nghị quyết định hai vấn đề cấp thiết trước mắt:

- Phát triển ảnh hưởng của cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn.
- Hoãn cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ.

Đầu năm 1940, Nguyễn Ái Quốc tới Côn Minh bắt liên lạc với Đảng. Cuối năm 1940, đồng chí mở lớp huấn luyện đào tạo cán bộ ở một làng sát biên giới Việt – Trung. Các bài giảng của Người và một số

[22] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.6, tr.543-544

[23] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.60

đồng chí lãnh đạo khác về đường lối cách mạng Việt Nam và phương pháp công tác của người cán bộ được tập hợp lại, in thành cuốn sách *Con đường giải phóng.* Tháng 2-1941, Người về nước ở vùng Pác Bó (Cao Bằng), tiếp tục mở các lớp huấn luyện ngắn ngày cho cán bộ, lược dịch cuốn *Lịch sử Đảng Cộng sản (b) Liên Xô* làm tài liệu học tập cho cán bộ cấp tỉnh.

Tháng 4-1941, Xứ ủy Bắc Kỳ nhân ngày Hội Chùa Thầy và Hội Đền Hùng đã tổ chức cuộc tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân về dự hội.

Tháng 5-1941, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương họp ở Pác Bó do Nguyễn Ái Quốc chủ trì. Hội nghị đã phân tích tình hình thế giới và trong nước, dự báo chính xác: cuộc đế quốc chiến tranh lần này sẽ đẻ ra nhiều nước xã hội chủ nghĩa, sẽ do đó mà cách mạng nhiều nước thành công"[24].

Hội nghị khẳng định nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là giải phóng dân tộc. Theo đề nghị của Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị quyết định đổi tên Mặt trận thống nhất dân tộc thành "Mặt trận Việt Nam độc lập đồng minh", gọi tắt là Việt Minh, các đoàn thể lấy tên mới là các hội Cứu quốc. Hội nghị nhận định: nhiệm vụ trung tâm của Đảng và dân ta giai đoạn hiện tại là chuẩn bị khởi nghĩa.

Về công tác tuyên truyền, Hội nghị xác định phải áp dụng một chiến thuật hết sức mềm dẻo thống nhất thích hợp với chính sách cứu quốc của Đảng và sát với tình thế xảy ra hằng ngày…trong lúc này không nêu đưa chủ nghĩa cộng sản ra tuyên truyền, huy hiệu cờ đỏ búa liềm không nên dùng luôn. Các sách báo tuyên truyền không nên dùng danh nghĩa Đảng nhiều, phải lấy danh nghĩa các đoàn thể Cứu quốc và Việt Minh thay vào. Phải khêu gợi tinh thần cứu quốc mạnh mẽ thức tỉnh một cách thống thiết những tình ái quốc của nhân dân. Phải nêu cao những gương hy sinh phấn đấu của Bắc Sơn, Nam Kỳ, Đô Lương và những bậc tiền bối hy sinh vì Tổ quốc"[25].

Các Ban tỉnh uỷ phải có Ban tuyên truyền chuyên môn, đề ra phương pháp, kế hoạch tuyên truyền, viết sách, báo, truyền đơn, biểu ngữ để cổ động trong dân chúng.

Hội nghị nhấn mạnh: "Việc đào tạo cán bộ nay đã thành công tác gấp rút, không thể bỏ qua một giờ phút. Tất cả các cấp bộ chỉ huy của Đảng phải đặc biệt chú ý công tác này… mau mau tìm ra những đảng viên trung thành có bảo đảm chắc chắn, có năng lực sáng tạo lập ra

[24] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sđd,* t.7, tr.100.

[25] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, *Sđd,* t.7, tr.126.

các lớp huấn luyện phải ra các tài liệu huấn luyện thư sách, tạp chí…"[26].

Hội nghị công bố một văn kiện quan trọng là *Chương trình cứu nước* của Việt Minh, trong đó có chủ trương về văn hoá, giáo dục:

"1. Huỷ bỏ giáo dục nô lệ, lập nền quốc dân giáo dục, cưỡng bức giáo dục đến bực sơ đẳng, cho các dân tộc được quyền dùng tiếng mẹ đẻ mình, phổ thông trong việc giáo dục mình.

2. Lập các trường chuyên môn quân sự, chính trị, kỹ thuật để đào tạo các lớp nhân tài.

3 Giúp đỡ và khuyến khích các hạng trí thức để họ được phát triển tài năng của họ"[27].

Sau Hội nghị Trung ương tháng 6-1941, đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi thư kêu gọi toàn dân đoàn kết, đuổi Pháp - Nhật. Bức thư kêu gọi: "Hiện thời, muốn đánh Pháp, Nhật ta chỉ cần một điều: *Toàn dân đoàn kết*... Việt cứu quốc là việc chung. Ai là người Việt Nam để phải kề vai gánh vác một phần trách nhiệm, người có tiền góp tiền, người có của góp của, người có sức góp sức, người có tài năng góp tài năng..."[28]. Nghị quyết Hội nghị Trung ương và bức thư của đồng chí Nguyễn Ái Quốc được phổ biến nhanh chóng tới đảng viên và quần chúng cách mạng.

Trung ương quyết định xuất bản tờ *Cứu quốc* là cơ quan của Tổng bộ Việt Minh, số 1 ra ngày 25-1-1942, lúc đầu do đồng chí Trường Chinh, sau đó đồng chí Xuân Thuỷ phụ trách. Tiếp đó, Trung ương quyết định xuất bản tờ *Cờ giải phóng* là cơ quan của Trung ương Đảng để chỉ đạo công tác tư tưởng, chính trị trong Đảng do đồng chí Trường Chinh phụ trách, số 1 ra ngày 10-10-1942. Các tờ báo trên đã khắc phục nhiều khó khăn xuất bản trong cả nước, thường xuyên phân tích tình hình thời cuộc, kịp thời giải thích các nhiệm vụ, chủ trương của Đảng và mặt trận, đập tan các luận điệu của địch, hướng dẫn cán bộ và nhân dân tổ chức và đấu tranh. Cùng với thư kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, đây là hai vũ khí sắc bén của Đảng để giáo dục cán bộ, hướng dẫn nhân dân, tổ chức lực lượng cách mạng, hình thành đội quân chính trị rộng lớn tiến tới tổng khởi nghĩa.

Để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tháng 8-1942, báo *Việt Nam độc lập* - cơ quan tuyên truyền của Việt Minh ở Cao Bằng - Bắc Kạn ra quyển *Thơ ca Việt Minh,* tập hợp 30 bài thơ ca có vần điệu dễ đọc, dễ

---

[26] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.133.

[27] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.151.

[28] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.167.

hiểu, dễ thuộc, dễ nhớ nói về các chính sách của Việt Minh và ca ngợi tinh thần yêu nước của nhân dân phục vụ công tác tuyên truyền.

Cuối năm 1941 và đầu năm 1942, nhiều đảng bộ trong cả nước đã tổ chức mít tinh, phân phát thư kêu gọi của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Tuyên ngôn của Mặt trận Việt Minh, viết biểu ngữ, treo cờ, giới thiệu Mặt trận Việt Minh. Bản Chương trình cứu nước của Việt Minh được soạn thành văn vần cho đồng bào dễ nhớ, dễ thuộc. Các địa phương xây dựng lực lượng Việt Minh, thành lập các hội Công nhân Cứu quốc, Nông dân Cứu quốc, Thanh niên Cứu quốc, Phụ nữ Cứu quốc, Tự vệ Cứu quốc và tổ chức các lớp huấn luyện cán bộ. Ở các nhà tù, các đồng chí lập ra Hội lao tù Cứu quốc. Đường lối, chủ trương đúng của Đảng đi vào quần chúng và biến thành sức mạnh. Phong trào phát triển ngày càng mạnh mẽ, nhất là ở Cao Bằng và vùng Bắc Sơn - Võ Nhai, hình thành hai khu căn cứ đầu tiên của cách mạng ở Việt Bắc.

Trong năm 1941 và đầu năm 1942, đồng chí Nguyễn Ái Quốc viết hai tác phẩm *Lịch sử nước ta* (diễn ca) và *Địa lý Việt Nam* đã có tác dụng quan trọng, góp phần giáo dục lòng yêu nước và tinh thần đoàn kết chiến đấu hy sinh vì đất nước, nhất là *Lịch sử nước ta* viết bằng văn vần giản dị, dễ hiểu, dễ thuộc được nhân dân phổ biến rộng rãi. Hai tác phẩm *Cách đánh du kích* và *Cách huấn luyện cán bộ quân sự* trình bày một số kinh nghiệm chiến đấu du kích của các nước và bước đầu nêu một số vấn đề về đường lối quân sự chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang. Đồng chí đã chỉ ra quan điểm đúng đắn về khởi nghĩa vũ trang là toàn dân nổi dậy, thắng lợi của khởi nghĩa phải do kết quả nổi dậy của toàn dân kết hợp với tiến công của lực lượng vũ trang. Đồng chí sáng lập và viết bài cho báo *Việt Nam độc lập* là cơ quan ngôn luận của Việt Minh ở Cao Bằng. Đó là tờ báo bí mật, được cung cấp dưới dạng báo đầu tiên ở nước ta, được quần chúng yêu mến và có ảnh hưởng rất lớn đến phong trào địa phương.

Sau Hội nghị lần thứ tám của Trung ương Đảng (tháng 5-1941), tình hình thế giới có những thay đổi nhanh chóng. Ngày 22-6-1941, phát xít Đức tấn công Liên Xô. Cuộc chiến tranh giữa hai đế quốc đã chuyển thành cuộc chiến tranh giữa các lực lượng dân chủ do Liên Xô làm trụ cột với các lực lượng phát xít. Ngày 7-12-1941, phát xít Nhật tấn công cảng Trân Châu của Mỹ và tuyên chiến với Anh, Mỹ.

Khi được tin phát xít Đức tấn công Liên Xô, Đảng ra chỉ thị phát động phong trào ủng hộ Liên Xô kháng chiến. Khi chiến tranh Thái Bình Dương nổ ra, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra thông cáo *Cuộc chiến tranh Thái Bình Dương và trách nhiệm cần kíp của Đảng.* Thông cáo nhận định thế giới đã chia thành hai mặt trận: dân chủ và phát xít, cách mạng Đông Dương là một bộ phận quan trọng trong

mặt trận dân chủ chống phát xít. Thông cáo chỉ rõ trước mắt phát xít Nhật sẽ ra sức bóc lột nhân dân Đông Dương để "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh". Các đảng bộ địa phương cần vận động nhân dân đấu tranh chống bắt lính, bắt phu, vơ vét tài sản của dân, củng cố các đội tự vệ, mở rộng lực lượng đả kích. Về tuyên truyền, bản thông cáo chỉ ra yêu cầu: phải làm cho nhân dân nhận rõ thái độ của nhân dân Đông Dương là đứng về phe Liên Xô - Anh - Mỹ - Trung Quốc, làm cho Pháp - Nhật thất bại.

Để bảo vệ cán bộ, chống khủng bố, Ban Tuyên truyền của Đảng xuất bản tài liệu *Công tác bí mật* hướng dẫn những điều phải làm để giữ được nguyên tắc bí mật trên các mặt công tác, trong sinh hoạt nội bộ và khi bị địch bắt. Để nhanh chóng đào tạo cán bộ cung cấp cho phong trào đang mở rộng, nhiều tỉnh huyện, nhất là ở các khu văn cứ đã mở ra các lớp huấn luyện ngắn ngày, các hội nghị bồi dưỡng về chính trị, quân sự.

Cuối năm 1942, tình hình thế giới và trong nước ngày càng biến chuyển nhanh chóng. Ở Đông Dương, mâu thuẫn Pháp, Nhật phát triển sâu sắc hơn, thời cơ giành thắng lợi cho ta đang tới gần. Cuối tháng 2-1943, Ban Thường vụ Trung ương họp để bàn bạc việc mở rộng Mặt trận thống nhất và đẩy mạnh việc chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang.

Về tuyên truyền: phải chú ý vạch rõ sự tất thắng của Liên Xô và các lực lượng dân chủ, tạo cho nhân dân niềm tin chắc chắn vào cách mạng, làm cho nhân dân nhận rõ việc ủng hộ Liên Xô một cách thiết thực và triệt để là tranh đấu vũ trang đánh vào dinh luỹ phát xít ở Đông Dương, chuẩn bị nổi dậy giành chính quyền. Trên báo chí phải có mục riêng về chiến thuật và kinh nghiệm khởi nghĩa, phổ biến rộng rãi những tài liệu về chiến thuật đánh du kích. Soạn sách riêng cho thanh niên, chống lại chính sách mê hoặc và lôi kéo thanh niên của phát xít Nhật, Pháp.

Về văn hoá: "Đảng cần phải phái cán bộ chuyên môn hoạt động về văn hoá, đặng gây ra một phong trào văn hoá tiến bộ, văn hoá Cứu quốc, chống lại văn hoá phát xít, thụt lùi. Ở những đô thị văn hoá như Hà Nội, Sài Gòn, Huế, v.v. phải gây ra những tổ chức văn hoá Cứu quốc và dùng những hình thức công khai hay bán công khai đặng đoàn kết các nhà văn hoá và trí thức…"[29]. Vào những năm 1942-1943, Đảng chủ trương tập trung chống chính sách ngu dân của thực dân Pháp và ngăn chặn nọc độc văn hóa của phát xít Nhật, chống lại

[29] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.301.

những luận điệu của bọn bồi bút đang cổ động cho sức mạnh của Nhật, gây ảo tưởng Nhật là cứu tinh của người da vàng.

Về công tác tư tưởng trong Đảng, Hội nghị đề ra một số quyết định:

-Làm cho Đảng thống nhất về tư tưởng và hành động, đấu tranh chống các xu hướng sai lầm: cô độc, hẹp hòi có hại cho việc thực hiện chính sách mới của Đảng, xu hướng manh động làm cho Đảng thất bại đau đớn và những xu hướng ỷ lại, bị động và thủ tiêu đã khiến cho Đảng không làm tròn nhiệm vụ lãnh đạo phong trào[30].

-Các đảng bộ phải thảo luận kỹ những nghị quyết, chỉ thị của Trung ương Đảng. Gây phong trào học tập chủ nghĩa Mác – Lênin mà nghiên cứu các vấn đề quân sự.

-Mở các lớp huấn luyện ngắn ngày ở các cấp đảng bộ để đào tạo cán bộ, mỗi cấp đảng bộ phải có ít nhất một cán bộ chuyên môn làm việc này. Về Ban Tuyên truyền cổ động Trung ương, Hội nghị cũng nhận xét: "Có đồng chí thiên về việc ra sách báo của Mặt trận Dân tộc thống nhất mà xao lãng việc xuất bản tờ báo của Đảng, thành ra phạm phải chủ nghĩa thủ tiêu (Ban Tuyên truyền cổ động Trung ương)"[31].

Sau Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương, các khu căn cứ: Cao Bằng, Bắc Sơn - Võ Nhai vượt qua các cuộc càn quét của địch, được xây dựng vững chắc và mở rộng sang các vùng lân cận: Tuyên Quang, Bắc Kạn, Thái Nguyên, Hà Giang, Bắc Giang. Đồng bào các dân tộc Tày, Nùng, Dao trong nhiều xã đã tham gia hầu hết vào các đoàn thể Cứu quốc. Đảng xuất bản tài liệu *Kinh nghiệm Việt Minh ở Việt Bắc,* giới thiệu toàn diện những kinh nghiệm về xây dựng tổ chức Việt Minh, tuyên truyền huấn luyện, chống khủng bố, chuẩn bị vũ trang khởi nghĩa. Tài liệu này đã giúp ích nhiều cho việc huấn luyện cán bộ để phát triển phong trào Cứu quốc và chuẩn bị cuộc khởi nghĩa vũ trang sắp tới.

Công tác tuyên truyền được triển khai mạnh mẽ để vạch thủ đoạn đánh lạc hướng và lôi kéo thanh niên bằng khẩu hiệu "khoẻ để phụng sự" của thực dân Pháp và thủ đoạn lừa bịp "lập khối thịnh vượng chung" của phát xít Nhật. Nhiều địa phương tổ chức các tổ, đội tuyên truyền đi nói chuyện, phân phát truyền đơn trong các cuộc họp, mít tinh. Nhiều báo bí mật của Đảng và Mặt trận được xuất bản. Ở Trung ương có các tờ: *Cờ giải phóng, Tạp chí Cộng sản, Cứu quốc.* Các địa phương có các báo: *Chặt xiềng, Giải phóng, Tiên phong, Kháng địch, Mê Linh, Bãi Sậy…* các ngành, đoàn thể có báo: *Lao động, Gái ra trận, Quân giải phóng, Kèn gọi lính.* Trong các nhà tù cũng có nhiều

[30] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.301.

[31] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.305.

tờ báo tay: *Suối Reo* (Sơn La), *Bình Minh* (Hoà Bình), *Thông reo* (Chợ Chu)...

Năm 1943, Đảng đưa ra bản *Đề Cương hoá Việt Nam,* vạch rõ tính chất phản động trong chính sách văn hoá ngu dân của thực dân Pháp, nêu lên nguyên tắc dân tộc hóa, đại chúng hóa và khoa học hóa trong xây dựng nền văn hóa mới. Đề cương văn hóa đã vũ trang những lý luận căn bản cho cán bộ hoạt động văn hóa – tư tưởng. Đề cương xác định văn hoá là một trong ba mặt trận cách mạng (chính trị, kinh tế và văn hoá). Đề cương nêu rõ nguy cơ của nền văn hoá Việt Nam dưới ách phát xít Nhật, Pháp; phân tích mối quan hệ giữa cách mạng chính trị và cách mạng văn hoá; khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng văn hoá.

Đề cương văn hoá đã vạch ra phương hướng đấu tranh đúng đắn chống thực dân, phát xít, xây dựng đường lối văn hoá mới của Đảng, tập hợp các nhà văn hoá, trí thức để tham gia sự nghiệp giải phóng dân tộc. *Đề cương văn hoá Việt Nam* là văn kiện chính thức đầu tiên của Đảng về công tác văn hoá, văn nghệ, phân tích đúng đắn tình hình đời sống văn hoá dưới ách Pháp - Nhật, vạch ra đường lối văn hoá cách mạng và những nhiệm vụ trước mắt, tiến tới xây dựng nền văn hoá dân tộc, nhân dân. Năm 1943, Hội Văn hoá Cứu quốc ra đời, cơ quan ngôn luận của Hội là Tạp chí *Tiên phong* số 1 ra tháng 7-1944. Thời gian này, Đảng ta đề ra nhiệm vụ vận động tầng lớp trí thức, học sinh, sinh viên vào hàng ngũ cách mạng. Năm 1944, Đảng ta giúp một số trí thức yêu nước, tiến bộ thành lập *Đảng Dân chủ Việt Nam.* Cơ quan ngôn luận của Đảng Dân chủ là tờ *Độc lập.*

Chương trình Việt Minh[32] được Bộ Tuyên truyền cổ động của Việt Minh công bố ngày 15-3-1944, đã nêu rõ: "Sau khi đánh đổ được bọn đế quốc phát xít Nhật, Pháp, sẽ lập nên chính phủ cách mạng của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, theo tinh thần tân dân chủ, lấy cờ đỏ giữa có ngôi sao vàng năm cánh làm cờ chung của nước.

Chính phủ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, do Quốc dân đại hội cử lên, sẽ thi hành những chính sách dưới đây:

...***c) Về mặt xã hội:***

l. Thi hành luật ngày tám giờ và các luật xã hội khác.

2. Bài trừ nạn thất nghiệp và mãi dâm.

3. Giúp đỡ các gia đình đông con.

4. Cấp dưỡng những người tàn tật và dạy nghề cho họ.

[32] Sau khi đã được bổ chính cho hợp với tình thế mới năm 1944.

5 Lập thêm nhà thương và nhà đỡ đẻ.

6. Lập hài nhi viện và ấu trĩ viện.

d) Về mặt văn hoá:

1. Bài trừ văn hoá phản động. Mở mang nền văn hoá Việt Nam.

2 Huỷ bỏ giáo dục nô lệ và thuộc địa, gây dựng nền quốc dân giáo dục. Mỗi dân tộc có quyền dùng tiếng mẹ đẻ dạy trong các trường học của mình.

3. Cưỡng bách giáo dục đến bậc sơ học.

4. Lập các trường chuyên môn huấn luyện chính trị, quân sự và kỹ thuật để đào tạo các hạng nhân tài.

5. Khuyến khích và giúp đỡ về mọi mặt làm cho các hạng trí thức và nghệ sĩ được phát triển tài năng đến tột bậc.

6. Lập những nhà chiếu bóng, diễn kịch và câu lạc bộ để nâng cao trình độ hiểu biết cho nhân dân.

7. Khuyến khích và giúp đỡ nền thể dục quốc dân làm cho nòi giống ngày thêm mạnh"[33].

Chương trình Việt Minh khẳng định: "Một nước *Việt Nam Cộng hoà Dân chủ* sẽ xuất hiện. Cách mạng dân tộc giải phóng thành công, chúng ta sẽ cùng nhau thực hiện chương trình vĩ đại trên đây"[34].

Những chính sách nêu trên thể hiện tầm nhìn xa của Đảng về các vấn đề văn hóa, xã hội, khoa học, giáo đục, chăm sóc sức khỏe - các lĩnh vực quan trọng của công tác tuyên giáo sau này.

Tháng 10-1944, Hồ Chí Minh đã gửi thư cho đồng bào, nhan đề: *Thư gửi đồng bào toàn quốc.* Bức thư kêu gọi chuẩn bị một cuộc "Toàn quốc đại biểu Đại hội" cử ra một cơ cấu đủ lực lượng và oai tín, trong thì lãnh đạo công việc cứu quốc, kiến quốc, ngoài thì giao thiệp với các hữu bang"[35]. Bức thư đã tiên đoán sáng suốt: "Phe xâm lược gần đến ngày bị tiêu diệt. Các Đồng minh quốc sắp tranh được sự thắng lợi cuối cùng. Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp, ta phải làm nhanh!"[36].

Hồ Chí Minh quyết định hoãn cuộc phát động chiến tranh du kích ở Cao - Bắc - Lạng, chủ trương lập ra *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* và tăng cường các hoạt động vũ trang tuyên truyền làm

---

[33] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.468-469

[34] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.471.

[35] Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr. 505-507.

[36] Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr. 505-507.

đòn bẩy cho cao trào cách mạng và chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang. Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân ghi ngay đoạn mở đầu: "1- Tên: Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân nghĩa là chính trị trọng hơn quân sự. Nó là đội tuyên truyền..."[37].

Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân do đồng chí Võ Nguyên Giáp chỉ đạo đã đánh thắng hai trận đầu tiên ở Phai Khắt, Nà Ngần và đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền rất có hiệu quả ở Việt Bắc. Đồng bào nhiệt liệt tham gia Mặt trận Việt Minh và ủng hộ Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân.

Đầu năm 1945, chiến tranh thế giới đi vào giai đoạn kết thúc. Phát xít Đức sắp bị diệt ở mặt trận châu Âu. Phát xít Nhật cũng bị nguy khốn ở mặt trận Thái Bình Dương. Để loại trừ nguy cơ bị Pháp đánh sau lưng, Nhật làm đảo chính lật đổ Pháp ngày 9-3-1945. Ngay trong đêm đảo chính, Hội nghị Thường vụ Trung ương họp do đồng chí Trường Chinh chủ trì. Căn cứ vào Nghị quyết của Hội nghị, Ban Thường vụ Trung ương ra Chỉ thị: *"Nhật- Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"*. Hội nghị quyết định nhiều vấn đề quan trọng để gấp rút chuẩn bị tiến tới Tổng khởi nghĩa.

- Về công tác tuyên truyền, cổ động, Hội nghị xác định trọng tâm tuyên tuyền là hai vấn đề:

"1. Giặc Nhật không giải phóng cho ta; trái lại tăng gia áp bức bóc lột ta.

2. Giặc Nhật không thể củng cố chính quyền ở Đông Dương và nhất định chúng sẽ chết".

"Khẩu hiệu: chống lại chính quyền Nhật và Chính phủ bù nhìn của bọn Việt gian thân Nhật… Nêu khẩu hiệu: Chính phủ cách mạng của nhân dân"[38].

Về hình thức, cần dùng những hình thức mạnh bạo hơn như mít tinh, diễn thuyết có cờ, băng rôn, áp phích, truyền đơn. Tổ chức các đội tuyên truyền xung phong có vũ trang đi nhiều nơi diễn thuyết, giới thiệu về Việt Minh.

Ngày 15-3-1945, Mặt trận Việt Minh ra Lời kêu gọi "*Kháng Nhật cứu nước"* động viên nhân dân sử dụng mọi hình thức đấu tranh chống phát xít Nhật: "Hãy vùng dậy, giàu nghèo, gái trai, già trẻ, triệu người như một:

Tuốt gươm, chĩa súng;

Giết giặc, trừ gian.

---

[37] Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr. 505-507.

[38] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.367, 533.

Dựng nên một nước Việt Nam hùng cường, tự do và độc lập ..."[39].

Tiếp sau đó, Mặt trận lại có "Mấy lời tâm huyết ngỏ cùng các vị huynh thứ ái quốc", "Mấy lời tâm huyết ngỏ cùng các vị quan chức ái quốc Việt Nam" gửi cho giới hào lý ở nông thôn và quan chức, vận động họ ủng hộ và tham gia sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Ở khắp nơi trong cả nước, Mặt trận Việt Minh đã tổ chức các cuộc mít tinh, biểu tình ngay tại các thị trấn, thị xã, thành phố. Nhiều nơi đã tổ chức các đội tuyên truyền xung phong lựa chọn trong các thanh niên nam nữ hăng hái, dũng cảm nhất. Các đội này được vũ trang, mang theo cờ, băng rôn, tổ chức diễn thuyết ở các xí nghiệp, trường học, rạp hát, chợ, bến đò... lên án phát xít Nhật và tay sai, kêu gọi đoàn kết cứu nước.

Thời gian này, Đảng ta nghiêm khắc phê phán quan điểm của một số đồng chí miền Trung muốn lợi dụng và cải tổ Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim, ban hành "hiến pháp quân chủ lập hiến", hy vọng bằng con đường hòa bình thương lượng với Nhật để giành độc lập. Đảng nghiêm khắc phê phán chủ trương của một số đồng chí phụ trách nhóm *Tiên phong* ở Nam Kỳ, tự ý rút khẩu hiệu chống phát xít Pháp trước khi nổ ra cuộc đảo chính 9-3, sau đảo chính lại có chủ trương lợi dụng Nhật để giành chính quyền. Mặt khác, Đảng cũng phê phán chủ trương của một số đồng chí phụ trách báo *Giải phóng* cũng ở Nam Kỳ, vẫn giữ khẩu hiệu: "Đánh đuổi Pháp - Nhật" sau cuộc đảo chính 9-3 khi thực dân Pháp không còn quyền thống trị nữa. Và từ đó, diễn ra tình trạng cả hai bên đều công kích lẫn nhau để tranh thủ quần chúng.

Ngày 9-8-1945, Đức ký văn bản đầu hàng Liên Xô và các nước Đồng minh. Trên báo *Cờ giải phóng* viết ngày 16-6, đồng chí Trường Chinh đánh giá ý nghĩa lịch sử của thắng lợi này và xác định thái độ, chủ trương của Đảng: "Phát xít Nhật, bọn đồng minh của Đức Hítle, bị trơ trọi hẳn và đang li như cá nằm trên thớt. Chẳng bao lâu nữa, chúng sẽ trở về thiên cổ theo gót bọn chúng bên trời Âu".

Ngày 9-8-1945, Liên Xô tuyên chiến với Nhật. Quân đội Liên Xô giành thắng lợi quyết định trên mặt trận Đông Bắc Trung Quốc, quân đội Nhật tan rã và xin đầu hàng.

Đêm 13-8-1945, Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc ra lệnh khởi nghĩa. Ngày 14-8, Tổng bộ Việt Minh ra lời hiệu triệu: "Giờ tổng khởi nghĩa

---

[39] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd,* t.7, tr.367, 533.

đã đánh! Dân tộc ta đã đến lúc vùng dậy cướp lại quyền độc lập của mình!".

Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào từ ngày 13 đến ngày 15-8-1945 chủ trương kịp thời lãnh đạo toàn dân tiến hành tổng khởi nghĩa giành chính quyền, đề ra đường lối đối nội, đối ngoại trong tình hình mới. Hội nghị quyết định một số việc cần kíp để tăng cường công tác tuyên truyền, cổ động: sử dụng nhiều hình thức mạnh mẽ, táo bạo, như dùng loa phóng thanh tuyên truyền lưu động, biểu tình thị uy có vũ trang, chấn chỉnh Bộ Tuyên truyền Trung ương, ban biên tập các báo chí, mỗi tỉnh thành lập cơ quan ấn loát và có vật liệu in…

Sau Hội nghị toàn quốc của Đảng, *Đại hội quốc dân* họp vào ngày 16-8. Đại hội tác thành chủ trương tổng khởi nghĩa của Đảng và 10 chính sách của Việt Minh, quyết định thành lập Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam, quy định quốc kỳ, quốc ca. Sau Hội nghị, đồng chí Nguyễn Ái Quốc gửi thư kêu gọi quốc dân. Sau khi báo tin việc thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng, đồng chí kêu gọi toàn dân đoàn kết chung quanh Ủy ban, nổi dậy tổng khởi nghĩa giành chính quyền: "Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta"[40].

Ngày 17-8, Thành ủy Hà Nội đã lãnh đạo quần chúng biến cuộc mít tinh của chính quyền bù nhìn thành mít tinh và biểu tình tuần hành thị uy của ta, kêu gọi đồng bào tham gia khởi nghĩa.

Ngày 19-8, cuộc khởi nghĩa đã giành thắng lợi ở Hà Nội, thúc đẩy mạnh mẽ các tỉnh và thành phố khác, tạo điều kiện thuận lợi cho tổng khởi nghĩa cả nước. Ngày 23-8, cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi ở Thừa Thiên - Huế, lật đổ chính quyền bù nhìn Trần Trọng Kim, buộc Bảo Đại phải thoái vị. Ngày 25-8, cuộc khởi nghĩa giành thắng lợi ở Sài Gòn. Như vậy, Cách mạng Tháng Tám đã giành thắng lợi trong cả nước trong vòng nửa tháng. Thực tiễn cuộc tổng khởi nghĩa diễn ra rất phong phú. Nhìn tổng quát, đó là cuộc nổi dậy của toàn dân. Mọi hình thức tuyên truyền, cổ động gắn với cuộc nổi dậy đều được huy động đến mức cao nhất trong điều kiện lúc ấy. Hình thức phổ biến là quần chúng biểu tình tuần hành, có các lực lượng tự vệ làm nòng cốt, mang theo cờ, băng rôn, biểu ngữ, vũ khí có sẵn, xếp thành đội ngũ xông vào chiếm công sở, trại lính kết hợp với dụ hàng bọn chính quyền bù nhìn địa phương, buộc chúng nộp vũ khí trao chính quyền cho cách mạng. Ta đã kịp thời kêu gọi quân Nhật không can thiệp vào công việc nội bộ của ta, còn ta bảo đảm an toàn cho họ để chờ ngày về nước.

---

[40] Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.3, tr. 554.

Ngày 25-8, đồng chí Hồ Chí Minh về Hà Nội. Theo đề nghị của đồng chí, Ủy ban dân tộc giải phóng được mở rộng thành Chính phủ lâm thời. Ngày 2-9, trước cuộc mít tinh của trên nửa triệu người, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản *Tuyên ngôn độc lập* lịch sử. Bản *Tuyên ngôn độc lập* mở đầu bằng một chân lý không ai chối cãi được: "Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do".

Bản Tuyên ngôn vạch rõ tội ác của bọn thống trị thực dân Pháp và phát xít Nhật đã chà đạp lên chân lý ấy, tổng kết quá trình đấu tranh thắng lợi của nhân dân ta và tuyên bố trước thế giới: "Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy". Bản Tuyên ngôn đã được phổ biến rộng rãi trong các tầng lớp nhân dân, nhanh chóng đi vào lòng người, nâng cao tinh thần tự hào dân tộc và quyết tâm sắt đá bảo vệ quyền tự do, độc lập mới giành được. Kết quả này đã chuẩn bị tư tưởng cho nhân dân ta bước vào một quá trình đấu tranh mới, quá trình kháng chiến ở miền Nam, bảo vệ chính quyền cách mạng, chuẩn bị và tiến hành cuộc kháng chiến toàn quốc.

Tóm lại, công tác tư tưởng trong thời kỳ 1939-1945 đã gắn chặt và phục vụ thiết thực cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc rất oanh liệt và thắng lợi rất vẻ vang của nhân dân ta. Nó phát huy cao độ lòng yêu nước và truyền thống đoàn kết, anh hùng, bất khuất của dân tộc ta, cổ vũ nhân dân nổi dậy tự giải phóng mình khỏi ánh nô lệ của đế quốc và tay sai. Trong khi nêu cao ngọn cờ dân tộc, nó cũng đồng thời làm rõ sự gắn bó giữa lợi ích của dân tộc với lợi ích của các tầng lớp nhân dân, lợi ích dân tộc với lợi ích dân chủ của công nhân, nông dân, động viên mọi tầng lớp, mọi dân tộc tham gia vào mặt trận cứu nước, kể cả những vùng dân tộc thiểu số xa xôi hẻo lánh xưa nay ít tham gia vào đời sống chính trị.

Công tác tuyên truyền đã kịp thời truyền đạt các nhận định và chủ trương của Đảng trước các diễn biến thời cuộc trong nước và quốc tế, đưa ra những khẩu hiệu sát hợp hướng dẫn tư tưởng và hành động của quần chúng. Nó đã đấu tranh sắc bén với các tư tưởng tự ti, nô lệ, phục Nhật, sợ Nhật, chống các khuynh hướng sai lầm, rụt rè, do dự, muốn lợi dụng Nhật cũng như phiêu lưu, nóng vội, manh động. Chủ tịch Hồ Chí Minh và đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh đã chỉ đạo chặt chẽ công tác tư tưởng, trực tiếp viết báo, viết lách, giảng dạy trong các lớp học.

Công tác tuyên huấn, cổ động đã sử dụng nhiều hình thức phong phú, linh hoạt, khi có thời cơ đã kiên quyết sử dụng các hình thức táo bạo

như tuyên truyền xung phong, tuyên truyền vũ trang, biểu tình vũ trang, cổ vũ quần chúng nổi dậy với khí thế mạnh mẽ áp đảo quân thù.

Công tác tuyên truyền, cổ động đã góp phần to lớn bồi dưỡng, đào tạo hàng loạt cán bộ về chính trị, về kinh nghiệm tổ chức, phát động quần chúng, kinh nghiệm công tác bí mật và chống khủng bố, giáo dục đảng viên nêu cao vai trò tiên phong cách mạng gắn bó chặt chẽ với quần chúng, chịu đựng mọi hy sinh, gian khổ, xây dựng sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng vào từng thời điểm lịch sử để thực hiện sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Công tác tuyên giáo góp phần cổ vũ tinh thần yêu nước, đoàn kết dân tộc, tập hợp các tầng lớp nhân dân, trong đó có đội ngũ trí thức và văn nghệ sĩ tham gia các cuộc vận động cách mạng tiến tới hành độc lập dân tộc thành công vào tháng 8-1945.

CHƯƠNG II

CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO TRONG THỜI KÌ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP VÀ ĐẾ QUỐC MĨ (1945-1975)

I- CÙNG CẢ NƯỚC KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

1. Tham gia bảo vệ chính quyền cách mạng, xây dựng xã hội mới (1945 - 12-1946)

a) Bối cảnh lịch sử

Sau Chiến tranh thế giới thứ hai, tình hình quốc tế có những thay đổi cơ bản. Liên Xô chiến thắng, có uy tín và ảnh hưởng sâu rộng, trở thành chỗ dựa cho phong trào hòa bình và dân chủ trên thế giới, cho cuộc đấu tranh của nhân dân các nước vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Được sự giúp đỡ của Liên Xô, một loạt nước Đông Âu, Triều Tiên được giải phóng khỏi ách phát xít, tiến hành các cải cách dân chủ tiến lên chủ nghĩa xã hội. Cách mạng Trung Quốc do Đảng Cộng sản lãnh đạo đã có lực lượng mạnh và những vùng giải phóng rộng lớn. Cuộc đấu tranh để giành độc lập của nhiều nước thuộc địa và nửa thuộc địa ngày càng phát triển, có nơi đã giành được một phần quyền làm chủ đất nước. Ở các nước tư bản chủ nghĩa, phong trào đòi tự do, dân chủ, đòi cải thiện đời sống của các tầng lớp nhân dân cũng phát triển mạnh mẽ.

Đế quốc Pháp tuy chiến thắng nhưng kiệt quệ về kinh tế, suy yếu hơn về chính trị, quân sự nhưng bản chất không thay đổi, vẫn tìm mọi cách để duy trì hệ thống thuộc địa của chúng. Đế quốc Mỹ lợi dụng chiến tranh đã vượt lên, dựa vào sức mạnh kinh tế và độc quyền về vũ khí nguyên tử, muốn giành quyền bá chủ thế giới.

Tuy có mâu thuẫn với nhau sâu sắc, nhưng trước sự lớn mạnh của Liên Xô và phong trào cách mạng thế giới, các nước đế quốc câu kết với nhau bao vây Liên Xô và các nước dân chủ nhân dân, chống phá phong trào cách mạng thế giới.

Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Ở Đông Nam Á, Việt Nam đã trở thành đối tượng chống phá chủ yếu của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế.

Sau Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, chính quyền cách mạng mới ra đời gặp muôn vàn khó khăn. Nạn đói khủng khiếp chưa chấm dứt lại xảy ra lụt lớn.

Ở Bắc Bộ, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ra đời chưa được nước nào trên thế giới công nhận. Dưới danh nghĩa "giải giáp quân đội Nhật" hơn hai mươi vạn quân của Tưởng Giới Thạch tràn vào, thực hiện âm mưu

"diệt cộng, cầm Hồ", phá Việt Minh, lật đổ chính quyền nhân dân, lập chính phủ phản động làm tay sai cho chúng. Ở miền Nam, quân đội Anh, Ấn kéo vào, mở đường cho quân đội thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn rồi mở rộng chiến tranh ra toàn Nam Bộ, Nam Trung Bộ. Một đội quân Pháp từ Vân Nam trở về chiếm đóng tỉnh Lai Châu. Bọn phản động người Việt (tập hợp trong hai tổ chức Việt Nam Quốc dân Đảng và Việt Nam cách mạng đồng minh Hội) theo gót quân đội Tưởng, được chúng giúp đỡ đánh chiếm các thị xã Lào Cai, Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Yên, Bắc Ninh, Móng Cái, tổ chức bạo loạn và hô hào chống lại chính quyền cách mạng...

Nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân ta lúc này, trong đó có ngành tuyên giáo, và đoàn kết toàn dân bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ, chống thù trong, giặc ngoài, góp phần đưa cách mạng tiến lên.

b) Những nội dung và hoạt động chủ yếu của công tác tuyên giáo

Công tác tư tưởng lúc này tập trung giáo dục ý chí kiên cường, bất khuất, quyết tâm bảo vệ thành quả cách mạng, giữ vững lời thề "Quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập", tin tưởng vào sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chính quyền cách mạng và Mặt trận Việt Minh, sẵn sàng làm mọi việc để bảo vệ độc lập tự do; cổ vũ nhân dân thực hiện ba nhiệm vụ lớn: diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm.

Ngày 25-1l-1945, Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Kháng chiến, kiến quốc,* xác định tính chất cách mạng nước ta và hai nhiệm vụ chiến lược là kháng chiến chống thực dân Pháp và xây dựng chế độ mới. Nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là củng cố chính quyền chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân. Khẩu hiệu tuyên truyền là: "Dân tộc trên hết", "Tổ quốc trên hết". Các cán bộ Đảng, đoàn thể, Mặt trận… được phái đi khắp mọi nơi tuyên truyền, vận động nhân dân tăng gia sản xuất, chống đói, xoá nạn mù chữ, phát triển và củng cố các đoàn thể Cứu quốc..., dấy lên phong trào làm theo Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Tăng gia sản xuất! Tăng gia sản xuất ngay! Tăng gia sản xuất nữa!"; "Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa, mỗi bữa một bơ để cứu dân nghèo"...

Cùng với việc đẩy mạnh sản xuất cứu đói, việc chống nạn mù chữ cũng được tuyên truyền rộng rãi thành một cao trào ở các địa phương. Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi: Những người đã biết chữ hãy dạy cho những người chưa biết chữ… Những người chưa biết chữ hãy gắng sức mà học cho biết đi. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo... Khắp nơi có khẩu hiệu "Tiền tuyến diệt xâm lăng, hậu phương trừ giặc dốt", "Thêm một người đi học và thêm một viên gạch xây nền độc lập của nước nhà"... Nhiều ca dao, hò vè được sáng

tác để cổ vũ phong trào, gây ấn tượng sâu sắc, như: “Lấy không biết chữ là tiên, lấy chồng mù chữ là duyên lỡ làng"… Kết quả là sau một năm, đã có 2 triệu người thoát nạn mù chữ. Thắng lợi trên mặt trận sản xuất, chống nạn mù chữ có ý nghĩa chính trị rất lớn, làm cho nhân dân càng tin tưởng hơn vào chính quyền cánh mạng và chế độ mới. Tháng 9-1945, nhân ngày khai trường năm học mới đầu tiên sau khi cách mạng thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho học sinh cả nước, khuyến khích các cháu học tập tốt sau này đem tài năng phục vụ đất nước. Người biết: "Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em".

Ngày 3-9-1945, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ cách mạng lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu lên sự cấp bách của việc diệt giặc dốt. Ngày 8-9-1945, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà ban hành sắc lệnh thành lập Nha Bình dân học vụ để phát động phong trào học tập, nhanh chóng xóa nạn mù chữ trong nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho giáo viên bình dân học vụ. Trong thư, Người viết, anh chị em giáo viên bình dân học vụ là đội tiên phong trong sự nghiệp chống nạn mù chữ. Anh chị em là những người hy sinh phấn đấu để “xây đắp nền văn hóa sơ bộ cho dân tộc". Người ca ngợi giáo viên bình dân học vụ là những người "vô danh anh hùng". Người mong nhờ lòng hăng hái và nỗ lực của anh chị em, chỉ trong một thời gian ngắn đồng bào ai cũng biết đọc, biết viết. Chính phủ đã mở nhiều khóa huấn luyện sư phạm cấp tốc tại Hà Nội, Huế để cung cấp giáo viên cho phong trào. Trong điều kiện có nhiều khó khăn, thiếu thốn, Nha Bình dân học vụ đã ăn hàng triệu cuốn sách giáo khoa các loại, kịp thời cung cấp cho người học. Chỉ sau một năm (từ 19-8-1945 đến 19-8-1946) ta đã mở được 15.000 lớp học, đào tạo 95.000 giáo viên. Bình dân học vụ là một cao trào chống nạn mù chữ. Ở khắp nơi, đâu đâu cũng thấy có những lớp bình dân học vụ. Lớp học mở ở đình chùa, nhà dân, gốc đa, góc chợ…, phấn viết có thể là phấn trắng, than đen, vôi tôi, gạch non…, bảng viết có thể là cánh cửa, tấm phản, sân gạch. Bờ tường, nong nia, lưng trâu đều có thể dùng viết chữ để ai cũng có thể thường xuyên nhớ mặt chữ…Đâu đâu cũng thấy khẩu hiệu "Đi học là kháng chiến", "Có học thì kháng chiến mới thắng lợi”, "Mỗi lớp bình dân là một ổ tuyên truyền kháng chiến"…

Cuộc vận động xây dựng đời sống mới, giáo dục tinh thần yêu nước, đạo đức "cần kiệm, liêm chính" (1947), chống các hủ tục lạc hậu cũng được tuyên truyền sâu rộng. Nạn trộm cắp, cờ bạc, các hủ tục trong ma chay, cưới xin được xoá bỏ ở nhiều nơi, công tác thông tin ở cơ sở, phong trào văn nghệ cách mạng có tính quần chúng, nhất là ca hát phát triển rộng rãi. Hưởng ứng lời hô hào toàn dân tập thể dục của Chủ tịch Hồ Chí

Minh (tháng 3-1946)[41], phong trào thể dục thể thao dưới khẩu hiệu "Khỏe vì nước" đã được phát triển sâu rộng. Nhân dịp Nha Thanh niên và thể thao Trung ương ra đời, ngày 27-2-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết bài "Sức khoẻ và Thể dục" đăng trên báo *Cứu quốc.* Trong bài này, Người đã viết: "Khí huyết lưu thông, tinh thần đầy đủ, như vậy là sức khoẻ". Đây có thể là định nghĩa đầu tiên trên thế giới về sức khoẻ.

Để củng cố chính quyền cách mạng, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, Chính phủ quyết định tổ chức Tổng tuyển cử vào ngày 6-1-1946 để bầu Quốc hội, xây dựng Hiến pháp và lập Chính phủ chính thức. Công tác tuyên truyền vận động bầu cử thực sự là một cuộc đấu tranh gay gắt chống lại sự phá hoại của quân đội Tưởng và bọn tay sai Việt quốc Việt cách ở miền Bắc, thực dân Pháp ở miền Nam. Khẩu hiệu phổ biến mọi nơi là: Tất cả cử tri tới thùng phiếu; "Mỗi lá phiếu là một viên đạn diệt thù". Ngày 5-1-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào cả nước "… Ngày mai, quốc dân ta sẽ tỏ cho thế giới biết rằng dân Việt Nam ta đã:

Kiên quyết đoàn kết chặt chẽ,

Kiên quyết chống bọn thực dân,

Kiên quyết tranh quyền độc lập…".

Cuộc tổng tuyển cử đã đạt kết quả tốt, thu hút đại đa số cử tri đi bỏ phiếu bầu cho các ứng cử viên của Mặt trận Việt Minh, kể cả ở miền Nam dưới bom đạn của thực dân Pháp. Đây cũng là dịp giáo dục cho nhân dân ta về lòng yêu nước, ý thức làm chủ của công dân một nước độc lập, nâng cao uy tín của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trên thế giới.

Sau kết quả của các cuộc vận động xây dựng "Quỹ độc lập" tổ chức "Tuần lễ vàng", để xây dựng nền tiền tệ độc lập của nước ta, ngày 31-1-1946, Chính phủ ra sắc lệnh phát hành tiền Việt Nam. Khẩu hiệu "người Việt Nam tiêu tiền Việt Nam" phù hợp với nguyện vọng của nhân dân, nên đồng tiền mới đã nhanh chóng thay thế đồng tiền của Ngân hàng Đông Dương.

Tham gia cuộc đấu tranh chống âm mưu lật đổ của bọn Tưởng và tay sai ở miền Bắc và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở miền Nam, công tác tuyên truyền cổ động liên tục vạch rõ dã tâm của bọn Tưởng, hành động bán nước của bọn tay sai, đập tan những luận điệu xuyên tạc, vu cáo, chống lại những hành động chia rẽ, phá hoại trật tự, trị an, âm mưu gây bạo loạn của chúng; vận động nhân dân biểu thị sự đoàn kết chặt chẽ xung quanh Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

---

[41] Bài "Sức khoẻ và thể dục" của Chủ tịch Hồ Chí Minh được đăng ở trang nhất báo Cứu quốc, số 119, ngày 27-3-1946, dưới phụ đề "Hồ Chủ tịch hô hào đồng bào tập thể dục", trong đó có đoạn: "Dân cường thì quốc thịnh. Tôi mong đồng bào ta ai cũng gắng tập thể dục. Tự tôi, ngày nào tôi cũng tập."

Ngày 3-3-1946, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị *"Tình hình và chủ trương",* quyết định hoà hoãn với Pháp để phá vỡ âm mưu phá hoại cách mạng của bọn Tưởng và tay sai, giành thời gian chuẩn bị cho cuộc kháng chiến toàn quốc. Chỉ thị cũng vạch ra những nguyên tắc căn bản cho việc đàm phán giữa ta và Pháp.

Căn cứ chỉ thị, đảng bộ và Mặt trận Việt Minh các địa phương tổ chức các cuộc họp để giải thích cho nhân dân về chủ trương hoà hoãn với Pháp, nội dung của Hiệp định sơ bộ và những nhiệm vụ công tác trước mắt. Nhiều nơi đã viết tài liệu ngắn để giúp cán bộ làm công tác tuyên truyền giải thích cho cán bộ và nhân dân ta nhận rõ được lợi ích của việc ký kết Hiệp định, chống lại những hoạt động chia rẽ, gây rối loạn của bọn Việt quốc, Việt cách, tích cực thực hiện các nhiệm vụ để đối phó với các hành động bội ước của bọn thực dân Pháp xâm lược.

Công tác tuyên truyền được mở rộng ra nước ngoài. Ngày 14-3-1946, mười vạn nhân dân thủ đô họp mít tinh để tố cáo những hành động trái với Hiệp định của Pháp; đòi Pháp đình chỉ những hành động xâm lược và mở ngay đàm phán chính thức ở Pari.

Trong thời gian ở Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gặp và nói chuyện với các chính đảng, các đoàn thể chính trị ở Pháp, các tổ chức quốc tế như: Tổng Liên đoàn Lao động thế giới, Liên đoàn Thanh niên dân chủ thế giới, Liên đoàn Phụ nữ thế giới, các nhà chính trị, các nhà trí thức lớn, nhà báo, nhà văn để làm cho nhân dân Pháp và thế giới hiểu rõ mục đích chiến đấu của ta, lập trường đàm phán và chính sách hợp tác bình đẳng của nước ta với nước Pháp. Hoạt động tuyên truyền đối ngoại đã làm cho dư luận tiến bộ Pháp và thế giới hiểu rõ hơn tình hình nước ta, hoan nghênh lập trường đàm phán đúng đắn của ta, đánh tan sự bưng bít về tình hình Việt Nam và sự xuyên tạc lập trường của ta của bọn thực dân Pháp.

Trong thời gian này, thực hiện chủ trương của Đảng mở rộng khối đại đoàn kết dân tộc phục vụ công cuộc kháng chiến kiến quốc, công tác tuyên truyền vận động đã được đẩy mạnh trong các nhân sĩ, trí thức, công thương gia, quan lại cũ… để thu hút những người còn mặc cảm, chưa có quan hệ với Mặt trận Việt Minh, với các đoàn thể cứu quốc động viên sự tham gia vào các tổ chức thích hợp. Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam được thành lập ngày 20-5-1946; Đảng Xã hội Việt Nam được thành lập ngày 27-7-1946; Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam được thành lập ngày 20-7-1946; Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam thành lập ngày 20-10-1946…

Hội nghị Phôngtennơblô tan vỡ. Chủ tịch Hồ Chí Minh ký với Chính phủ Pháp bản Tạm ước 14-9-1946, quy định một số điều quan hệ tạm thời về văn hóa và kinh tế giữa hai nước; đình chỉ chiến sự ở miền Nam và tiếp

tục cuộc đàm phán Việt - Pháp vào tháng l-1947. Đồng chí Trường Chinh viết bài đăng trên báo *Sự thật* số 54, ra ngày 20-9-1946, chỉ ra những công việc trước mắt. Về mặt tuyên truyền, bài báo chỉ rõ: "Trước hết phải giải thích rõ nguyên nhân thất bại của Hội nghị Phôngtennơblô để bóc trần âm mưu gian dối của phản động thực dân Pháp trước dư luận và kêu gọi nhân dân chống lại chúng, đả phá mọi thái độ hoài nghi; củng cố lòng tin của nhân dân đối với Hồ Chủ tịch và phái đoàn Chính phủ. Đả phá quan niệm của bọn dao động, bi quan hay cơ hội, khiêu khích, cho rằng chính sách ngoại giao của Hồ Chủ tịch và của Chính phủ không đúng, Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946 là sai, v.v.. Phải làm cho nhân dân nhận rõ và nhớ rằng, chính sách ngoại giao thắng hay bại phần lớn ở ta, ở sự đoàn kết phấn đấu của ta, chứ không phải ở "lòng tốt" hay ở "sự thành thật" của thực dân Pháp. Hô hào nhân dân đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi trong Hội Liên hiệp Quốc dân Việt Nam: khép chặt hàng ngũ chung quanh Chính phủ và Hồ Chủ tịch, sẵn sàng đối phó với bất cứ một sự bất trắc nào".

Ở Sài Gòn, dựa vào nội dung Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946, Thành uỷ vận động giới trí thức gồm hơn 400 người ký vào bản Tuyên ngôn lấy tên là "Tuyên ngôn của trí thức Sài Gòn - Chợ Lớn", đòi tự do, độc lập cho đất nước Việt Nam thống nhất, đòi thương lượng với Chính phủ Hồ Chí Minh. Các đồng chí lãnh đạo đã có quan hệ với "Nhóm văn hóa mácxít" do những người Pháp dân chủ phản đối chiến tranh lập ra, động viên nhóm này ra tuyên bố, nêu rõ lập trường của mình, yêu cầu trao trả độc lập, tụ do hoàn toàn cho Việt Nam, đó là cơ may duy nhất của nước Pháp. Gây chiến tranh Pháp không thể chiến thắng được Việt Minh mà lại mất những người đáng lẽ là bạn của dân tộc Pháp.

Trên mặt trận văn hóa, Đảng chủ động đoàn kết chặt chẽ các văn nghệ sĩ, các nhà văn hoá yêu nước trong Hội Văn hóa Cứu quốc khuyến khích sự sáng tạo phục vụ sản xuất và chiến đấu. Nhiều nhà văn và nghệ sĩ đã đi theo các đoàn quân "Nam tiến" để sáng tác phục vụ cách mạng và kháng chiến. Ngày 24-l-1946, Hội nghị Văn hóa toàn quốc lần thứ nhất họp ở Hà Nội. Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc diễn văn khai mạc, chỉ rõ: Văn hóa phải hướng dẫn quốc dân thực hiện độc lập, tự cường, tự chủ.

Ngày 11-6-1946, trong lời kêu gọi thi đua ái quốc, Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu các ngành, các giới thực hiện cho bằng được mục tiêu "Dân tộc độc lập; Dân quyền tự do; Dân sinh hạnh phúc", hướng tới việc làm cho đất nước thống nhất hoàn toàn.

Ngày 20-11-1946, thực dân Pháp đánh chiếm thành phố Hải Phòng và thị xã Lạng Sơn, đổ bộ hàng ngàn quân lên Đà Nẵng, mở rộng chiến tranh xâm lược trên toàn lãnh thổ nước ta.

Ngày 4-12-1946, đồng chí Trường Chinh viết bài "Đánh và sẵn sàng đánh" đăng trên tờ *Sự thật* số 64. Bài báo nhận định, quân Pháp đã xâm phạm vào lãnh thổ của ta ở khắp Trung - Nam - Bắc. Chúng đã xâm phạm Hiệp định sơ bộ ngày 6-3-1946 và Tạm ước ngày 14-9-1946. Cuộc kháng chiến của dân ta đã có ở ba kỳ. Bất cứ lúc nào, nó cũng có thể lan tới toàn quốc, và biến thành toàn diện. Thực dân Pháp hăm dọa ta, định bắt ta hàng phục; nhưng chúng lầm. Dân ta nín nhịn đã nhiều rồi. Giờ đây toàn dân đã sẵn sàng tử chiến, phá tan mưu mô xâm lược bất cứ lúc nào và ở đâu…

Ngày 17 và ngày 18-12-1946, quân Pháp gây khiêu khích, tàn sát dân ta ở hai phố Yên Ninh, Hàng Bún, Hà Nội. Chúng gửi tối hậu thư cho Chính phủ ta đòi tước vũ chí của tự vệ, đòi ta phải đình chỉ mọi hoạt động chuẩn bị kháng chiến, đòi chiếm Sở Công an và giữ trị an ở Thủ đô. Thực tế, thực dân Pháp đã xé bỏ các hiệp định. Đảng và Chính phủ quyết định phát động cuộc kháng chiến cả nước để bảo vệ Tổ quốc.

2. Động viên toàn dân kháng chiến, toàn quốc kháng chiến, thi đua yêu nước, giết giặc, lập công; đẩy mạnh cuộc kháng chiến sang giai đoạn mới (19-12-1946 – 1950)

Ngày 19-12-1946, Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng chủ trương phát động cuộc kháng chiến trong cả nước. Chủ tịch Hồ Chí Minh ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Ngày 22-12-1946, Trung ương Đảng ra Chỉ thị toàn dân kháng chiến. Chỉ thị vạch rõ mục đích của kháng chiến là giành độc lập và thống nhất Tổ quốc. Phương châm cơ bản của cuộc kháng chiến là toàn dân, toàn diện, lâu dài, tự lực cánh sinh.

Những khẩu hiệu tuyên truyền chung là: Toàn dân đoàn kết, kháng chiến trường kỳ; liên hiệp dân Pháp, đánh thực dân Pháp! Bảo toàn lãnh thổ, giữ vững chủ quyền; Đánh đổ chính quyền bù nhìn; Củng cố cộng hoà dân chủ! Việt Nam nhất định độc lập; Trung - Nam - Bắc nhất định thống nhất!

Đường lối kháng chiến của Đảng được đồng chí Trường Chinh giải thích và phát triển trong các bài đăng trên báo *Sự thật* từ tháng 3 đến tháng 8-1947 và in thành sách tháng 9-1947 lấy tên là *Kháng chiến nhất định thắng lợi.* Cuốn sách đã chỉ rõ mục đích cuộc kháng chiến, phân tích một cách khoa học những chỗ mạnh, chỗ yếu của ta so với những chỗ mạnh, chỗ yếu của địch, phân tích cuộc kháng chiến lâu dài phải qua ba giai đoạn; giải thích rõ đường lối kháng chiến về các mặt chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa…Tác phẩm chỉ rõ: Nhiệm vụ của mặt trận văn hóa kháng chiến là bằng mọi hình thức động viên toàn dân tham gia chiến đấu, "làm cho nhân dân hiểu vì sao phải đánh, đánh để làm gì, làm thế nào để thắng, đánh nhất định khổ, nhưng nhất định thắng lợi".

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chỉ thị Toàn dân kháng chiến của Trung ương Đảng và tác phẩm *Kháng chiến nhất định thắng lợi* của đồng chí Trường Chinh là sự hướng dẫn, động viên và tổ chức nhân dân ta đấu tranh trong cuộc kháng chiến chống thực dân xâm lược Pháp. Những quan điểm về chiến tranh cách mạng trong các văn kiện ấy đã góp phần xây dựng lý luận về chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

Hội nghị cán bộ Trung ương họp từ ngày 3 đến ngày 6-4-1947 rút kinh nghiệm những tháng đầu kháng chiến và cụ thể hóa thêm đường lối kháng chiến trong tình hình trước mắt.

Về công tác tuyên truyền, cổ động, Hội nghị yêu cầu "Gây một phong trào sôi nổi tham gia kháng chiến về mọi mặt; làm cho ai nấy sẵn sàng hy sinh tất cả để "cứu nước, cứu nòi”". Hội nghị đã đề ra các biện pháp để nâng cao hiệu quả của các lực lượng và hình thức tuyên truyền, cổ động, nâng cao chất lượng báo *Cứu quốc,* báo *Sự thật* và Đài Phát thanh Trung ương. Về huấn luyện, mặc dầu bận rộn kháng chiến cũng không được ngừng việc huấn luyện; vì càng kháng chiến lâu dài càng cần nhiều cán bộ mới và nâng cao trình độ cán bộ đã có". Các đảng bộ cần khuyến khích việc học tập trong Đảng; sửa chữa các khuyết điểm theo lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong bức thư ngày l-3-1947.

Thực hiện nghị quyết của Hội nghị, về mặt tư tưởng, Đảng đã mở cuộc vận động học tập và phê bình, tự phê bình theo thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi các đồng chí Bắc Bộ và Trung Bộ. Trong thư, Người đã biểu dương những ưu điểm của cán bộ, đảng viên, như nhẫn nại, chịu khó, tháo vát, nhiều sáng kiến; Người căn dặn “cần phải đem căn bản tốt đó mà kiên quyết khắc phục những khuyết điểm". Các khuyết điểm địa phương chủ nghĩa, óc bè phái, quân phiệt, quan liêu, hẹp hòi, ham chuộng hình thức, vô kỷ luật, ích kỷ, hủ hoá cần phải loại bỏ. Bức thư đã chỉ ra tác hại cụ thể của những khuyết điểm, động viên mọi người kiểm điểm lại mình để sửa chữa. Cuộc vận động đã thu được kết quả tốt, giúp cho cán bộ, đảng viên nâng cao đạo đức cách mạng, tăng cường sự đoàn kết nhất trí và cải thiện mối quan hệ giữa Đảng và quần chúng ở nhiều đảng bộ.

Tháng 6-1947, Hội nghị Bộ Chính trị quyết định mở Trường Đảng đào tạo huấn luyện viên chính trị, ra nội san của Trung ương và giao trách nhiệm cho các đồng chí phụ trách các ngành, các địa phương viết bài cho báo *Sự thật.* Thực hiện quyết định của Bộ Chính trị, tờ *Sinh hoạt nội bộ,* là tạp chí lý luận và chính trị của Trung ương Đảng được xuất bản tháng 8-1947. Để đáp ứng yêu cầu của việc xây dựng các đảng bộ cơ sở, các Ban Tuyên huấn khu ủy, tỉnh ủy đã giúp cấp ủy tăng cường chỉ đạo việc mở lớp huấn luyện ngắn ngày cho đảng viên mới, bồi dưỡng, đào tạo cán bộ cơ sở và cán bộ huyện. Các lớp đào tạo huấn luyện viên chính trị do

Trung ương mở đã tăng cường cán bộ cho Ban Tuyên huấn các khu ủy, tỉnh uỷ làm nhiệm vụ mở lớp và làm nòng cốt cho việc xây dựng hệ thống trường đảng sau này.

Tháng 10-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh (với bút danh X.Y.Z) viết tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* nhằm tiếp tục giáo dục cán bộ, đảng viên, nâng cao hiệu quả lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp kháng chiến. Đây là một văn kiện có tính lý luận và thực tiễn về công tác xây dựng chỉnh đốn Đảng nói chung và về quan điểm tư tưởng, đạo đức, tác phong của người cán bộ cách mạng trong điều kiện Đảng cầm quyền. Tác phẩm này có giá trị lý luận và thực tiễn rất to lớn. Về công tác huấn luyện cán bộ, Người viết: Cán bộ là cái gốc của mọi công việc. Vì vậy, huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng. Người nêu một số khuyết điểm của các cấp trong công tác huấn luyện cán bộ như không coi trọng huấn luyện nghề nghiệp; chưa tìm cách nâng cao trình độ văn hoá; dạy chính trị thì mênh mông, không thiết thực; dạy lý luận thì lý vận và thực tế không ăn khớp với nhau, dạy theo cách học thuộc lòng…

Ngày 7-10-1947, thực dân Pháp mở cuộc tấn công quy mô lớn lên Việt Bắc nhằm tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta, tiêu diệt cơ quan đầu não kháng chiến, phá căn cứ kháng chiến, chiếm đóng biên giới, ngăn cách cách mạng ta với cách mạng Trung Quốc, chuẩn bị thành lập chính phủ bù nhìn.

Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị "Phải phá tan cuộc tiến công mùa đông của giặc Pháp". Bản Chỉ thị đề ra nhiệm vụ cho quân và dân cả nước là: giáng cho địch thiệt hại nặng nề để không gượng lại được sau chiến dịch mùa đông này. Về tuyên truyền, cổ động, chủ yếu lúc này là làm cho toàn dân đoàn kết chặt chẽ chung quanh Chính phủ, tích cực tham gia kháng chiến, phá kế hoạch tấn công của địch, khắc phục những khuynh hưởng bi quan, dao động, thoả hiệp cũng như những khuynh hướng sợ địch hay khinh địch, mất cảnh giác. Thực hiện Chỉ thị của Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân và dân ta đã giành thắng lợi to lớn, đánh bại cuộc tấn công của địch lên Việt Bắc, phát triển chiến tranh du kích, phá tề, trừ gian ở vùng sau lưng địch. Chiến thắng Việt Bắc không chỉ tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch mà còn đập tan chiến lược đánh mau thắng mau của chúng. Chiến thắng Việt Bắc đã làm cho nhân dân càng phấn khởi, tin tưởng vào sức chiến đấu của quân và dân ta có thể đánh bại những cuộc tấn công lớn có vũ khí hiện đại của địch.

Trong Lời kêu gọi ngày 19-12-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết những thắng lợi của ta và thất bại của địch trong một năm kháng chiến toàn quốc. Người nhắc nhở đồng bào và chiến sĩ: “Tuy vậy, bọn thực dân phản động không cướp được, thì chúng sẽ phá, không thắng được, thì

chúng sẽ cắn mấy miếng cho đã no. Chúng sẽ tấn công vùng này rồi đến vùng khác. Lực lượng của chúng cũng như mặt trời vào lúc hoàng hôn, hống hách lắm nhưng đã gần tắt nghỉ.

Cho nên dân và quân ta phải luôn gắng sức, cẩn thận, chuẩn bị đề phòng, luôn luôn tấn công địch và phá hoại địch, tuyệt đối chớ tự kiêu, chớ khinh địch, dù lực lượng của ta ngày càng thêm mạnh, như suối mới chảy, như lửa mới nhóm, chỉ có tiến, không có thoái"[42].

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ về các mặt công tác khoa giáo tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, vận động trí thức. Chỉ thị đề kháng chiến, kiến quốc đã xác định nhiệm vụ tổ chức bình dân học vụ, bài trừ nạn mù chữ, phát triển nền giáo dục quốc dân, chống văn hóa nô dịch thực dân, xây dựng nền văn hóa mới với ba nguyên tắc: dân tộc hóa, khoa học hóa, đại chúng hóa. Hội nghị Văn hóa của Đảng họp từ ngày 26-2 đến ngày 2-3-1949 đã thảo luận các vấn đề: Tình hình giáo dục trong nước với phương châm dân tộc, khoa học, đại chúng và nhiệm vụ cụ thể của ngành giáo dục, nền y tế việt Nam và sự tiến triển của y học thế giới; khoa học, kỹ thuật với phong trào thi đua yêu nước... Hội nghị định ra đường lối và nhiệm vụ cụ thể của ngành giáo dục, văn nghệ trong giai đoạn mới, phát triển những nét lớn về lý luận xây dựng nền văn hóa mới, phát huy sức mạnh của đội ngũ văn nghệ sĩ, trí thức làm công tác văn hóa, y tế, giáo dục, nghiên cứu khoa học phục vụ kháng chiến, kiến quốc.

Cuộc cải cách giáo dục lần thứ nhất (bắt đầu từ tháng 7-1950) đã xây dựng mới hệ thống giáo dục phổ thông 9 năm (không kể lớp vỡ lòng) gồm 4 năm cấp I, 3 năm cấp II và 2 năm cấp III; trọng tâm là nhằm quán triệt và thực hiện có hiệu quả mục tiêu, nguyên lý, phương châm giáo dục của Đảng, làm cho hoạt động giáo dục của nhà trường ngày càng gắn bó với đời sống xã hội, gắn bó với công cuộc kháng chiến và kiến quốc của toàn dân tộc, thực hiện một bước dân chủ hóa sinh hoạt nhà trường. Nhân dịp Đại hội Giáo dục toàn quốc (7-1951), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư đến Đại hội. Người căn dặn: "Đại hội nên chú ý làm thế nào cho việc giáo dục liên kết với đời sống của nhân dân, với công cuộc kháng chiến và kiến quốc của dân tộc. Làm thế nào để phối hợp việc giáo dục của trường học với việc tuyên truyền và giáo dục chính trị chung của nhân dân". Người khen ngợi: cán bộ giáo dục của chúng ta nói chung đều rất cố gắng, nhất và nam nữ cán bộ bình dân học vụ và tiểu học. Tôi rất vui lòng nhờ Đại hội chuyển lời khen ngợi và khuyến khích các chiến sĩ ấy". Cuộc cải cách đã thay đổi cơ bản nội dung và phương pháp giáo dục, khắc phục lối dạy học nhồi sọ, giải quyết hàng loạt vấn đề lý luận giáo dục trên cơ

[42] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.5, tr.314.

sở chủ nghĩa Mác - Lênin. *Những vấn đề giáo dục* là một một cuốn sách gồm nhiều bài viết của đồng chí Nguyễn Khánh Toàn (do Bộ Giáo dục xuất bản) là tác phẩm lý luận giáo dục mới, đầu tiên ở nước ta, sau Cách mạng Tháng Tám (1945).

Ngày 25-5-1947, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho những người hoạt động văn hóa và trí thức Nam Bộ biểu dương những đóng góp to lớn của hoạt động văn hóa vào cuộc đấu tranh vì độc lập, thống nhất và sự phát triển toàn diện của nước Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: "Ngòi bút của các bạn cũng là những vũ khí sắc bén trong sự nghiệp phò chính trừ tà, mà anh em văn hóa và trí thức phải làm cũng như là những chiến sĩ anh dũng trong công cuộc kháng chiến để tranh lại quyền thống nhất và độc lập cho Tổ quốc".

Cùng với việc cải tạo lớp trí thức cũ, các ban tham mưu của Trung ương về lĩnh vực tư tưởng và văn hóa đã phối hợp với các đảng đoàn bộ, ngành thuộc lĩnh vực khoa giáo đã giúp Trung ương Đảng và Chính phủ từng bước tổ chức thực hiện chủ trương đào tạo lớp trí thức mới xuất thân từ công nông và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Ngay từ những năm 1950, đoàn lưu học sinh đầu tiên của nước ta đã được cử đi đào tạo ở các trường đại học Liên Xô. Năm 1951, Trường Dự bị đại học ở Liên khu IV được thành lập. Có khá đông sinh viên tốt nghiệp Dự bị đại học được học thêm lớp Sư phạm cấp tốc (một năm) để ra làm giáo viên cấp III. Theo Nghị định số 276/NĐ của Bộ Quốc gia Giáo dục, ngày 11-10-1951, Trường Sư phạm cao cấp và Trường Khoa học cơ bản (đều là bậc đại học) cùng với các trường Sư phạm trung cấp và sơ cấp được mở tại Khu học xá Trung ương (đóng tại thành phố Nam Ninh, Quảng Tây, Trung Quốc); Trường Sư phạm cao cấp Trung ương là tiền thân của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội sau này.

Nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về tuyên truyền và giáo dục, từ năm 1950, Trung ương Đảng đã thành lập cơ quan tham mưu của Đảng về công tác khoa giáo. Ngày 14-9-1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 55-NQ/TW về tổ chức Ban Tuyên truyền và Ban Giáo dục Trung ương Đảng. Ban Tuyên truyền do đồng chí Trường Chinh phụ trách và đồng chí Tố Hữu làm Trưởng ban; Ban Giáo dục do đồng chí Hà Huy Giáp làm Trưởng ban. Ngày 29-6-1951, căn cứ vào nhu cầu thực tế và đề nghị của Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết thành lập bốn tiểu ban trong Ban Tuyên huấn Trung ương, gồm: Huấn học, Biên tập, Văn nghệ, Giáo dục. Nghị quyết số 50-NQ/TW, ngày 11-11-1954, của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa II) thành lập Tiểu ban Y học.

Công tác tuyên huấn đã động viên phong trào thi đua yêu nước, diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm. Ngày l5-1-1948, sau chiến thắng

Việt Bắc, Trung ương Đảng họp hội nghị mở rộng để nhận định tình hình và bổ sung các biện pháp đẩy mạnh cuộc kháng chiến. Theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 27-3-1948, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị phát động phong trào thi đua ái quốc trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân với mục đích: diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm. Trong bài "Thơ chúc Tết" Xuân Kỷ Sửu (1949), Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi: "Người người thi đua; Ngành ngành thi đua; Ngày ngày thi đua; Ta nhất định thắng; Địch nhất định thua".

Công tác tuyên truyền, cổ động trong thời gian này tập trung nêu cao ý nghĩa chiến thắng Việt Bắc, phổ biến Lời kêu gọi ngày 19-12 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chống tư tưởng chủ quan, khinh địch, vạch âm mưu lập chính quyền bù nhìn Bảo Đại của thực dân Pháp, cổ vũ cho phong trào thi đua yêu nước trên mọi lĩnh vực kháng chiến, kiến quốc.

Đại hội Văn nghệ toàn quốc quyết định thành lập Hội Văn nghệ Việt Nam nhằm tập hợp các lực lượng văn nghệ sĩ yêu nước góp phần vào công cuộc kháng chiến, kiến quốc. Trực thuộc Hội Văn nghệ Việt Nam còn có Hội Nhạc sĩ Việt Nam, Đoàn Sân khấu Việt Nam, các chi hội văn nghệ Khu III, Khu IV, Nam Trung Bộ, Nam Bộ… Tháng 6-1949, Phòng Văn nghệ quân đội cũng xuất bản *Tạp chí Văn nghệ quân đội.*

Tháng 2-1949, Hội nghị Cán bộ văn hoá lần thứ nhất quyết định thành lập Ban Văn hoá Trung ương của Đảng đo đồng chí Trần Huy Liệu làm Trưởng ban. Hội Văn hoá Việt Nam cũng được thành lập, tập hợp các nhà hoạt động văn học, nghệ thuật, khoa học, giáo dục thành một mặt trận văn hoá kháng chiến thống nhất.

Trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, báo chí ngày càng phát huy vai trò quan trọng, nhưng đội ngũ cán bộ làm báo còn quá ít. Tháng 5-1949, với danh nghĩa Tổng bộ Việt Minh, Ban Bí thư mở lớp học viết báo đầu tiên, lấy tên là lớp học viết báo Huỳnh Thúc Kháng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư đến lớp. Trong thư, Người thân mật góp ý kiến với "các bạn viết báo" về nhiệm vụ, tôn chỉ, mục đích của báo chí ta và căn đặn muốn viết thật tốt thì cần: " 1- Gần gũi dân chúng, cứ ngồi trong phòng giấy mà viết thì không thể viết thiết thực. 2- Ít nhất cũng phải biết một thứ tiếng nước ngoài, để xem báo nước ngoài và học kinh nghiệm của người. 3- Khi viết xong một bài tự mình phải xem lại ba bốn lần, sửa chữa lại cẩn thận. Tốt hơn nữa, là đưa nhờ một vài người ít văn hoá xem và hỏi họ những câu nào, chữ nào không hiểu thì sửa lại cho dễ hiểu. 4- Luôn luôn cố gắng học hỏi, luôn luôn cầu tiến bộ".

Để đáp ứng yêu cầu đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, năm 1949, Xứ ủy Nam Bộ quyết định thành lập Trường Đảng miền Nam mang tên "Trường Chinh". Nhiệm vụ của Trường là trang bị những kiến thức cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, chính sách của Đảng cho cán bộ lãnh đạo

chủ chốt của khu ủy, tỉnh ủy, quân đội, đoàn thể. Từ năm 1949 đến năm 1954, Trường Đảng miền Nam đã mở lớp đào tạo, bồi dưỡng cho gần 2.000 cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, trong đó nhiều đồng chí được tăng cường cho hệ thống tuyên huấn và trường đảng.

Để đẩy mạnh công tác dân vận, ngày 15-10-1949 Chủ tịch Hồ Chí Minh viết bài "Dân vận" đăng trên báo *Sự thật.* Trong bài báo, Người phát triển những quan điểm về quan hệ giữa Đảng và nhân dân đã trình bày trong cuốn *Sửa đổi lối làm việc,* nêu những quan điểm của Đảng ta về công tác dân vận.

Tháng 9-1949, cách mạng Trung Quốc giành được thắng lợi trên toàn đại lục. Ngày l-10-1949, nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa ra đời. Đầu năm 1950, Liên Xô, Trung Quốc và các nước dân chủ nhân dân Đông Âu thiết lập quan hệ ngoại giao với nước ta. Nước ta bắt đầu nhận được sự viện trợ về vật chất của phe xã hội chủ nghĩa và trực tiếp liên hệ được với thế giới bên ngoài.

Trước thất bại của Pháp, Mỹ tăng cường can thiệp vào chiến tranh Đông Dương, thúc ép Pháp trao trả độc lập cho bù nhìn Bảo Đại, đưa đoàn cố vấn quân sự Mỹ sang Việt Nam. Ngày 18-l-1950, Trung ương Đảng ra chỉ thị về tuyên truyền thắng lợi ngoại giao của ta, đồng thời ngăn ngừa tâm lý chủ quan, ỷ lại; vạch trần âm mưu của Mỹ can thiệp vào chiến tranh Đông Dương.

Trước tình hình thuận lợi trong nước và ngoài nước, trong nội bộ Đảng đã có tư tưởng chủ quan, nóng vội dẫn đến một số lệch lạc. Mùa hè năm 1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho đồng bào, cán bộ Liên khu IV phê bình sai lầm trong việc thực hiện chính sách động viên. Đồng chí Trường Chinh viết bài "Nhận định đúng, hành động đúng" và một số bài khác đăng trên *Tạp chí Cộng sản,* phê phán tư tưởng nóng vội, chủ quan, như muốn phản công ngay, phê phán tư tưởng bi quan khi gặp những khó khăn mới; nêu ra những phương châm hành động đúng đắn về tổng động viên, về xây dựng lực lượng vũ trang và về công tác vùng sau lưng địch.

Trung ương Đảng ra chỉ thị cho Đảng bộ Liên khu IV và các liên khu khác căn cứ vào thư của Chủ tịch Hồ Chủ Minh để tự kiểm điểm và tự phê bình trước quần chúng. Nhờ đó, những lệch lạc đã được uốn nắn sửa chữa bước đầu, ý thức kháng chiến lâu dài, tự lực cánh sinh được quán triệt hơn.

Để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác bồi dưỡng, đào tạo cán bộ, nâng cao nhất lượng huấn luyện, tháng 5-1950, Ban Bí thư triệu tập Hội nghị huấn luyện toàn quốc lần thứ nhất. Đến thăm và nói chuyện với Hội nghị, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh ba vấn đề lớn: Phải thiết thực, chu đáo trong công việc huấn luyện phải nâng cao và hướng dẫn việc tự học; nêu các khuyết điểm cần sửa chữa ngay trong việc huấn

luyện. Bài nói của Bác đã chỉ dẫn thiết thực, cụ thể các cấp, các ngành quán triệt phương châm coi trọng chất lượng trong công tác huấn luyện và nâng cao ý thức tự giác học tập của cán bộ đảng viên.

3. Quán triệt Nghị quyết Đại hội lần thứ II của Đảng, đẩy mạnh cuộc kháng chiến tới thắng lợi quyết định (1951-1954)

Đại hội lần thứ II của Đảng được tiến hành trong tháng 2-195l. Báo cáo chính trị trình Đại hội đã khái quát cuộc vận động cách mạng thế giới và cách mạng Việt Nam nửa đầu thế kỷ XX, tổng kết quá trình lãnh đạo cách mạng của Đảng ta trong 21 năm, nêu rõ nhiệm vụ chủ yếu của cách mạng Việt Nam lúc này là tiêu diệt thực dân Pháp và đánh bại bọn can thiệp Mỹ, giành thống nhất, độc lập hoàn toàn bảo vệ hòa bình thế giới. Để hoàn thành sự nghiệp lãnh đạo cách mạng và đưa kháng chiến đến thắng lợi, Đảng phải ra hoạt động công khai và tổ chức lại cho thích hợp với tình hình mỗi nước ở Đông Dương.

Về nhiệm vụ cách mạng trước mắt, Báo cáo viết: "Nhiệm vụ thứ nhất, nhiệm vụ cấp bách nhất của Đảng ta ngày nay là phải đưa *kháng chiến đến thắng lợi.* Các nhiệm vụ khác đều phải phụ thuộc vào đó"[43]. Để đưa kháng chiến đến thắng lợi, về mặt công tác tư tưởng, Báo cáo nhấn mạnh đến việc phát triển tinh thần yêu nước của dân tộc ta. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước…

Đồng chí Trường Chinh trình bày báo cáo *Bàn về cách mạng Việt Nam.* Báo cáo đã bổ sung, hoàn chỉnh và phát triển lý luận của Đảng ta về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân do giai cấp công nhân lãnh đạo ở một nước thuộc địa, nửa phong kiến, một dân tộc có truyền thống kiên cường, bất khuất chống xâm lược trong thời đại mới quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.

Đồng chí Tố Hữu trình bày báo cáo bổ sung về "Xây dựng văn nghệ nhân dân Việt Nam". Sau khi nhận xét văn nghệ Việt Nam trước Cách mạng Tháng Tám và những bước đầu của văn nghệ Việt Nam sau Cách mạng Tháng Tám, báo cáo xác định những nhiệm vụ cụ thể của việc xây dựng văn nghệ nhân dân. Đó là:

- Đoàn kết rộng rãi những người làm công tác văn nghệ phụng sự kháng chiến kiến quốc, bảo vệ hòa bình thế giới... Sự đoàn kết phải đứng trên lập trường phụng sự nhân dân, phụng sự kháng chiến, không thể đoàn kết một cách vô nguyên tắc theo đuôi những người văn nghệ lạc hậu. Đẩy mạnh sáng tác và biểu diễn, nâng cao giá trị tư tưởng và nghệ thuật của

[43] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.6, tr.175.

tác phẩm. Chống tư tưởng mất tự tin, tự ti, muốn "Thoát ly công tác văn nghệ", "Gác bút để cầm súng, cầm bừa", "Không thể có triển vọng sáng tác bằng tài năng trẻ thì nên thôi sáng tác". Chống khuynh hướng "Muốn làm to, cầu toàn trách bị", muốn xây dựng "Tác phẩm to lớn" không thực tế, không hợp thời.

- Bồi dưỡng, hướng dẫn phong trào văn nghệ quần chúng, chống thái độ "Khinh rẻ khả năng sáng tạo nghệ thuật của quần chúng, không chú ý nâng đỡ, phát triển những tài năng mới". Chú ý đặc biệt văn nghệ miền núi, giữ gìn bản sắc của mỗi dân tộc, tránh khuynh hướng "Kinh hóa".

- Tích cực đấu tranh chống văn nghệ phản động của Pháp, Mỹ. Chống lại những nọc độc văn nghệ của địch, gieo rắc "Tâm lý cầu an, sợ chết, thích khoái lạc", "Dùng văn nghệ cách mạng mở mang ánh sáng tự do và lửa chiến đấu vào vùng địch tạm chiếm".

- Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ về văn nghệ. Cán bộ chính trị, đặc biệt là cán bộ tuyên truyền, giáo dục phải học lý luận văn nghệ để lãnh dạo phong trào văn học, nghệ thuật: bồi dưỡng trình độ lý luận chính trị cho những người làm công tác văn nghệ.

Mở đầu cho việc tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết Đại hội II, ngày 3-3-1951, Ban Chấp hành Trung ương đã tổ chức lễ ra mắt của Đảng trước Đại hội toàn quốc thống nhất Việt Minh - Liên Việt. Sau khi đồng chí Trường Chinh báo cáo về việc thành lập Đảng, về Chính cương và chính sách Mặt trận của Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh tóm tắt mục đích, nhiệm vụ, các chính sách lớn của Đảng. Người nhấn mạnh về tính chất của Đảng: "Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nghĩa là những người thợ thuyền, dân cày và lao động trí óc kiên quyết nhất, hăng hái nhất, trong sạch nhất, tận tâm tận lực phụng sự Tổ quốc và nhân dân..."[44].

Vào những năm 1949, 1950, cuộc đấu tranh chống nền văn hóa nô dịch trong vùng Pháp tạm chiếm đã nổ ra quyết liệt. Ngày 9-l-1950, sinh viên Sài Gòn - Chợ Lớn xuống đường biểu tình. Trần Văn Ơn và 35 học sinh bị giết hại. Đám tang Trần Văn Ơn có tới 5 vạn người đưa và 10 vạn người đứng trên hè phố để ủng hộ, không cho bọn địch khủng bố. Ngày 19-3-1950, đồng bào Sài Gòn cùng hàng ngàn học sinh, sinh viên đã chống 2 chiến hạm Mỹ cập bến Sài Gòn. Cuộc đấu tranh thắng lợi có tác động lớn đến tinh thần đấu tranh của nhân dân.

Ngày 2-4-1951, Ban Bí thư ra chỉ thị về vấn đề Đảng ra công khai. Ngày 16-4-1951, Trung ương có quyết định thành lập Ban Tuyên huấn Trung ương do đồng chí Trường Chinh làm Trưởng ban.

---

[44] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.6, tr.184.

Thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ nhất của Trung ương và chỉ thị của Ban Bí thư, các cấp đảng bộ đã tổ chức việc nghiên cứu Chính cương, Điều lệ của Đảng, Nghị quyết Đại hội và dựa vào bài phát biểu của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Đại hội Mặt trận để làm công tác tuyên truyền, cổ động trong nhân dân. Các đảng bộ ở vùng tự do và vùng căn cứ du đích trong khắp cả nước đều tổ chức được các buổi lễ ra mắt với đại biểu các đoàn thể, Mặt trận, chính quyền và các tầng lớp nhân dân, yêu cầu phê bình chính sách, chủ trương, phê bình cán bộ, đảng viên. Những nơi tiến hành tốt đã thu được nhiều ý kiến đóng góp của cán bộ và nhân dân về công tác của địa phương, thiết thực giáo dục cho cán bộ, đảng viên về ý thức tiên phong gương mẫu, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng với quần chúng, tăng thêm lòng tin tưởng của nhân dân đối với Đảng, đẩy mạnh công tác kháng chiến của địa phương...

Ngày 8-12-1951, Ban Bí thư ra chỉ thị về việc học tập và phổ biến Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong dịp kỷ niệm 5 năm toàn quốc kháng chiến. Đợt tuyên truyền giáo dục này đã được tiến hành rộng rãi cả ở vùng tự do và vùng sau lưng địch, làm cho cán bộ và nhân dân thấm nhuần hơn ý thức kháng chiến lâu dài, nâng cao ý chí quyết chiến, quyết thắng, lòng tin vào thắng lợi cuối cùng, quyết tâm thi đua hoàn thành các nhiệm vụ chiến đấu, sản xuất, công tác, chống các khuynh hướng bi quan, dao động, sợ hy sinh gian khổ, nôn nóng, ỷ lại viện trợ bên ngoài.

Triển lãm hội họa được tổ chức trong năm 195l. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư thân ái hỏi thăm anh chị em họa sĩ và văn nghệ sĩ nói chung. Trong thư, Người viết: văn hoá nghệ thuật cũng là *một mặt trận.* Anh chị em là *chiến sĩ* trên mặt trận ấy, chiến sĩ nghệ thuật có *nhiệm vụ*… phụng sự kháng chiến, phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân, trước hết là công, nông, binh..., chiến sĩ nghệ thuật cần có lập trường vững, tư tưởng đúng... Về *sáng tác*, thì cần hiểu thấu, liên hệ và đi sâu vào đời sống của nhân dân..., muốn tiến bộ mạnh, tiến bộ mãi, thì anh chị em nghệ thuật cần phải dùng phương pháp tự phê bình và phê bình. Chắc có người nghĩ: Cụ Hồ đưa nghệ thuật vào *chính trị.* Đúng lắm. Văn hoá, nghệ thuật cũng như mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài, mà phải ở trong kinh tế và chính trị"[45].

Đầu những năm 1950, cuộc kháng chiến chuyển sang thời kỳ mới, yêu cầu của tiền tuyến cao hơn trước, địch lại mở rộng vùng chiếm đóng ra đồng bằng, gây cho chúng ta những khó khăn về kinh tế tài chính và trong đời sống nhân dân vùng tự do. Để khắc phục những khó khăn, Đảng và Chính phủ phát động cuộc vận động tăng gia sản xuất và tiết kiệm, ban hành chính sách thuế mới để huy động sự đóng góp của nhân dân được ổn định và công bằng hơn. Các địa phương đã phát động thi

[45] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.6, tr.368-369.

đua, đưa sản xuất nông nghiệp thành một phong trào quần chúng mạnh mẽ và rộng khắp ở vùng tự do và vùng căn cứ du kích theo khẩu hiệu "Ăn no, đánh thắng", "Ruộng rẫy là chiến trường, cuốc cày là vũ khí, nhà nông là chiến sĩ, hậu phương thi đua với tiền phương"[46] theo lời Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Công tác tuyên truyền về thuế nông nghiệp, nguồn thu chính của Nhà nước được tiến hành sâu rộng, làm rõ ý nghĩa của chính sách thuế mới, tính chất công bằng… để vừa thu đủ thuế, vừa thực hiện đúng đường lối giai cấp trong chính sách thuế, huy động sự đóng góp nhiều hơn của địa chủ, phú nông, giảm nhẹ cho bần cố nông, khuyến khích người trực tiếp lao động. Qua công tác này, cán bộ cũng được giáo dục thêm về ý thức giai cấp, về đường lối giai cấp của Đảng ở nông thôn.

Phong trào thi đua yêu nước sau bốn năm phát động đã đạt nhiều kết quả. Từ ngày 30-4-1952 đến ngày 6-5-1952, Trung ương tổ chức Đại hội chiến sĩ thi đua và cán bộ gương mẫu họp tại Việt Bắc. Công tác tuyên huấn đã tuyên truyền mạnh mẽ về Đại hội, về những gương anh hùng tiêu biểu, như: La Văn Cầu, Nguyễn Thị Chiên, Ngô Gia Khảm, Hoàng Hanh, Trần Đại Nghĩa…với nhiều hình thức phong phú, cổ vũ mạnh mẽ cán bộ và nhân dân, góp phần đưa phong trào thi dua yêu nước lên một bước mới.

Trong các năm 1951-1952, thi hành Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ II và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2, để tăng cường chất lượng công tác tư tưởng, các ban tuyên huấn từ trung ương tới các liên khu và tỉnh đã được bổ sung và kiện toàn ở mức độ khác nhau. Theo hướng dẫn của Ban Tuyên huấn Trung ương, một số tỉnh ở vùng tự do đã bước đầu xây dựng chế độ báo cáo viên, làm thí điểm xây dựng "Lưới tuyên truyền" ở cơ sở, chấn chỉnh việc giảng dạy trong các trường Đảng, quy định chế độ học tập cho cán bộ. Các Ban Tuyên huấn ở các tỉnh trong vùng sau lưng định đã mở được nhiều lớp huấn luyện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về công tác vùng sau lưng địch.

Về báo chí, đã có nhiều cố gắng nâng cao chất lượng, tổng số lượng phát hành. Báo *Nhân dân* đã phát hành được 20.000 bản/ngày; báo *Cứu quốc* đã phát hành từ 25.000 - 30.000 bản/ngày. Cùng với báo *Nhân dân* ở Trung ương còn có báo *Nhân dân* Liên khu V, báo *Nhân dân* miền Nam, là cơ quan của Liên khu ủy V. Cùng với báo *Cứu quốc* ở Trung ương, còn có báo *Cứu quốc* khu III, *Cứu quốc* khu IV, *Cứu quốc* khu V, *Cứu quốc* Thủ đô *Cứu quốc* Nam Bộ… Tờ báo *Vệ quốc quân* và *Quân du kích* hợp nhất lại thành tờ *Quân đội nhân dân,* xuất bản hằng tuần từ tháng 10-1950. Các tỉnh đều có bản tin, một số tỉnh có báo địa phương hoặc ra số báo đặc biệt trong các đợt tuyên truyền lớn. Cùng với Đài Tiếng nói Việt

[46] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.6, tr.178.

Nam, Đài Tiếng nói Nam Bộ, Đài Tiếng nói Tây Sơn (miền Nam Trung Bộ), Đài Tiếng nói Sài Gòn - Chợ Lớn tự do đã khắc phục nhiều khó khăn, chống lại sự phá hoại của địch, duy trì hoạt động có hiệu quả.

Về văn nghệ, Ban Tuyên huấn Trung ương đã tổ chức việc bồi dưỡng chính trị cho văn nghệ sĩ, tập các đoàn công tác, các đội văn công đi sát quần chúng phục vụ việc tuyên truyền kháng chiến, mở rộng phong trào văn nghệ quần chúng; phát triển ngành điện ảnh; mở trường mỹ thuật, cử người đi học các môn nghệ thuật ở nước ngoài. Ngành giáo dục phổ thông được tiếp tục tổ chức lại theo phương châm: phục vụ kháng chiến, phục vụ nhân dân và phục vụ sản xuất. Một số trường phổ thông lao động ở trung ương và các tỉnh được thành lập để bồi dưỡng văn hoá cho các chiến sĩ thi đua, cán bộ công, nông, binh...

Trong khí thế sôi nổi của cuộc kháng chiến, Ngành Tuyên huấn đón nhận những bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động tư tưởng. Ngoài các bài phát biểu đối với công tác huấn luyện, công tác báo chí, công tác văn nghệ, năm 1950, với bút danh X.Y.Z, Bác viết bài "Người tuyên truyền và cách tuyên truyền". Ngày l7-8-1952, Bác phát biểu về "Cách viết", chỉ đạo và hướng dẫn công tác tuyên truyền, báo chí.

Trong hai năm 1952, 1953, thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3, cuộc vận động chỉnh huấn trong Đảng, trong quân đội, chính quyền, đoàn thể đã dược tiến hành. Đây là cuộc vận động giáo dục rộng lớn nhằm chấn chỉnh, sửa chữa những khuyết điểm, nâng cao trình độ tư tưởng, ý thức công tác của cán bộ, đảng viên, đồng thời chỉnh đốn tổ chức ở các chi bộ nông thôn. Cách làm chỉnh huấn là tiến hành một đợt học tập ngắn ngày, kết hợp với phê bình, tự phê bình, làm từ trung ương tới khu, tỉnh, huyện.

Từ đầu năm 1953, thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 4, Đảng phát động quần chúng triệt để giảm tô để thiết thực chuẩn bị cải cách ruộng đất. Công tác tuyên truyền phát động quần chúng, giáo dục ý thức giai cấp cho nông dân lao động, nâng cao khí thế cách mạng của nông dân vùng tự do được đẩy mạnh và có ảnh hưởng tới nông dân vùng sau lưng địch. Cuộc phát động này đã động viên cao độ tinh thần cách mạng của nông dân để hăng hái sản xuất, hăng hái đóng góp, đi dân công phục vụ tiền tuyến. Nó cũng động viên các chiến sĩ quân đội con em nông dân ngoài mặt trận hăng hái giết giặc, lập công. Từ tháng 4-1953 đến tháng 7-1954, ta tiến hành đợt giảm tô và một đợt cải cách ruộng đất trong kháng chiến. Tuy có một số khuyết điểm, nhưng đã góp phần đẩy mạnh cuộc kháng chiến và thắng lợi của cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953-1954.

Tháng 9-1953, Bộ Chính trị có quyết định lịch sử về nhiệm vụ quân sự Đông - Xuân 1953-1954, giữ vững quyền chủ động đánh địch ở chính diện và sau lưng địch, phối hợp hoạt động trên chiến trường cả nước và toàn Đông Dương. Sau Hội nghị Bộ Chính trị, công tác tuyên huấn đã được triển khai mạnh mẽ để làm rõ tình hình và chủ trương của Trung ương, phục vụ cho cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân. Hàng ngàn cán bộ được học tập và huy động ra phục vụ chiến trường hoặc vào công tác ở vùng sau lưng địch. Khi có quyết định về Chiến dịch Điện Biên Phủ, công tác tuyên huấn đã tập trung làm rõ quyết tâm chiến lược của Trung ương khắc phục tư tưởng hoài nghi, do dự, thiếu tin tưởng vào thắng lợi. Yêu cầu của cuộc chiến đấu càng to lớn, nặng nề hơn, công tác tuyên truyền động viên cho việc chuẩn bị chiến trường càng khẩn trương, sôi nổi. Khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng" đã biến thành hành động thực tế của hàng triệu nhân dân ta ở hậu phương, cả vùng tự do và các vùng căn cứ du kích. Nhân dân đã nhiệt tình cống hiến sức người, sức của cho tiền tuyến. Các lực lượng thông tin, tuyên truyền, văn nghệ của Trung ương, địa phương đã bám theo các đơn vị chiến đấu, các đoàn thanh niên xung phong, đoàn dân công để tiến hành công tác tuyên truyền, giáo dục, động viên… Việc phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ trở thành một cao trào cách mạng hào hùng lập nên những kỳ tích mà kẻ địch không thể ngờ tới.

Trong suốt Chiến dịch Điện Biên Phủ, cùng với cuộc chiến đấu oanh liệt của bộ đội ngoài mặt trận, phục vụ chiến đấu của hang vạn thanh niên xung phong, dân công, cán bộ tuyên huấn đã cùng

vượt qua đèo dốc, thác ghềnh, bom đạn, sát cánh cùng bộ đội, dân công, góp phần vào thắng lợi chung của Chiến dịch.

Ngày 13-3-1954, quân ta bắt đầu nổ súng tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Cuộc chiến đấu quyết liệt đã diễn ra trong thời gian dài với nhiều khó chăn, gian khổ. Đảng đã tiến hành một đợt sinh hoạt chính trị trong cán bộ và chiến sĩ ngoài mặt trận, giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng, tinh thần tích cực tiến công, ý chí quyết thắng, quyết tâm chấp hành mệnh lệnh chiến đấu, khắc phục tư tưởng tiêu cực, ngại gian khổ hy sinh, uốn nắn tư tưởng chủ quan, khinh địch khi có thắng lợi. Các gương chiến đấu dũng cảm, hy sinh oanh liệt được biểu dương trong toàn quân, toàn dân.

Để tăng cường công tác tuyên huấn trước những diễn biến mới của tình hình, ngày 19-3-1954, Ban Bí thư ra Chỉ thỉ số 71-CT/TW về việc chỉnh đốn sự chỉ đạo công tác tuyên huấn của các cấp uỷ đảng. Bản Chỉ thị nhận xét: trong năm vừa qua, các cấp uỷ đảng chưa thực sự chú trọng lãnh đạo công tác tuyên huấn, biểu hiện cụ thể là tình trạng "khoán trắng" cho cán bộ chuyên môn; không chăm lo kiện toàn tổ chức, cán bộ các ban

tuyên huấn, điều động, thuyên chuyển nhiều cán bộ tuyên huấn. Nhiều cấp uỷ không cử cấp uỷ viên thực sự chuyên trách công tác tuyên huấn. Ban Bí thư yêu cầu các cấp ủy đảng chấm dứt tình trạng đó, nhất là năm nay cuộc đấu tranh chính trị giữa ta và địch sẽ ngày một phức tạp, nhiệm vụ tuyên huấn trong cuộc đấu tranh ấy rất nặng nề. Nội dung chấn chỉnh gồm 5 điểm: cấp uỷ cử 1 cấp uỷ viên chuyên trách công tác tuyên huấn; các cuộc họp của cấp uỷ phải đề ra những nét lớn về công tác tuyên huấn; không tuỳ tiện điều động cán bộ tuyên huấn, nhất là trưởng, phó ban cấp tỉnh và cấp khổ khu; khi thay đổi cán bộ phụ trách tuyên huấn phải hỏi ý kiến Ban Tuyên huấn Trung ương; khi cần thiết huy động cán bộ tuyên huấn tham gia việc gì thì chú ý sử dụng đúng khả năng chuyên môn của họ; cấp uỷ thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo cán bộ tuyên huấn, kiểm tra, phê bình công tác tuyên huấn…Việc thực hiện Chỉ thị số 71 của Ban Bí thư đã kịp thời tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ, trước hết là cấp khu, cấp tỉnh đối với công tác tuyên huấn, đáp ứng nhiệm vụ công tác tư tưởng trong Chiến dịch Đông - Xuân 1953 - 1954, trong Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Thực hiện chủ trương mở mặt trận ngoại giao theo Nghị quyết tháng 12-1953 của Bộ Chính trị, công tác tuyên huấn đã đưa vào thông tri của Ban Bí thư giải thích cho cán bộ, đảng viên, nhân dân thấy rõ muốn có hoà bình và độc lập thật sự thì phải ra sức chiến đấu giành nhiều thắng lợi hơn, làm tan rã tinh thần quân đội Pháp và bù nhìn, đòi Pháp phải thương lượng với Chính phủ ta, khắc phục tư tưởng mệt mỏi, ngại gian khổ, hy sinh, ảo tưởng hoà bình sẽ dễ dàng, nhanh chóng. Tuyên truyền cho đường lối đoàn kết liên minh với nhân dân các nước Lào, Campuchia, tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân thế giới cũng được đẩy mạnh. Tháng đoàn kết hữu nghị Việt - Trung - Xô được tổ chức có kết quả ở các vùng tự do và căn cứ du kích, cổ vũ nhân dân ta thêm phấn khởi, tin tưởng đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

Thắng lợi to lớn của cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là chiến thắng Điện Biên Phủ làm thay đổi cục diện chiến tranh, tạo thế mạnh cho phái đoàn ta ở Hội nghị Giơnevơ. Trong suốt quá trình Hội nghị, công tác tuyên huấn đã tuyên truyền lập trường chính nghĩa và những đề nghị cụ thể của ta để lập lại hoà bình ở Đông Dương, vạch rõ thái độ ngoan cố của Mỹ, Pháp, cổ vũ nhân dân ta đẩy mạnh kháng chiến giành nhiều thắng lợi hơn; cổ vũ nhân dân Pháp và nhân dân thế giới đấu tranh ủng hộ lập trường của ta đấu tranh đòi lập lại hoà bình.

Ngày 21-7-1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết, chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của Pháp ở Đông Dương, thừa nhận độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng. Nhân dân ta bước sang một thời kỳ lịch sử mới, thời kỳ xây dựng chủ

nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiếp tục đấu tranh hoàn thành cách mạng dân tộc, dân chủ ở miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà.

Sau hơn 3.000 ngày tiến hành cuộc kháng chiến chống xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ (23-9-1945 - 21-7-1954), nhân dân ta đã giành được thắng lợi vĩ đại có ý nghĩa lịch sử. Công tác tuyên huấn đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng đường lối và biến đường lối ấy thành phong trào kháng chiến của cả dân tộc, cả nước với tinh thần quyết chiến quyết thắng vì độc lập tự do. Phát huy cao độ lòng yêu nước, khí phách kiên cường của dân tộc "Nhất định không chịu mất nước", "Nhất định không chịu làm nô lệ", công tác tuyên huấn đã kiên trì, làm cho mỗi người đều hiểu được mục đích kháng chiến là cứu nước, cứu nhà, toàn dân phải đánh giặc, đánh giặc phải lâu dài, gian khổ nhưng nhất định thắng lợi. Phê phán, đẩy lùi những khuynh hướng lệch lạc, bi quan, ngại đánh lâu dài, ngại hy sinh gian khổ, chủ quan khinh địch, thiếu cảnh giác, nôn nóng, muốn đánh nhanh, thắng nhanh, ỷ lại viện trợ bên ngoài.

Công tác tuyên huấn đã thường xuyên tố cáo những tội ác dã man của địch để nâng cao lòng căm thù, ý chí quyết tâm kháng chiến, không ngại hy sinh gian khổ; vạch rõ những thủ đoạn xảo quyệt của địch để đề cao cảnh giác. Đã kết hợp giáo dục chủ nghĩa yêu nước với tinh thần đoàn kết quốc tế, làm cho mọi người phân biệt được bọn thực dân xâm lược Pháp với nhân dân lao động Pháp.

Công tác tuyên huấn của Đảng đã nêu cao tính tiên phong, gương mẫu của đảng viên, góp phần tăng cường sự đoàn kết nhất trí trong Đảng, khắc phục tệ quan liêu, xa rời quần chúng. Đảng đã rất coi trọng việc giáo dục lý tưởng, đạo đức, tác phong cách mạng cho cán bộ, đảng viên; chỉ đạo chặt chẽ các đợt giáo dục quan trọng, như học tập thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh kết hợp phê bình, tự phê bình năm 1947, học tập Chính cương, Điều lệ Đảng năm 195l, chỉnh huấn 1952 - 1953. Trong hoàn cảnh kháng chiến, việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ vẫn được chú ý tiến hành thường xuyên.

Công tác tuyên truyền cổ động đã đi vào từng nhà, từng người, gắn việc tuyên truyền đường lối kháng chiến với cổ động kịp thời, sắc bén cho việc hoàn thành những nhiệm vụ cụ thể của kháng chiến từng thời kỳ, ở mọi nơi, mọi lúc... Thường xuyên biểu dương những điển hình tiên tiến, cổ vũ cho phong trào thi đua yêu nước, khơi dậy những điều tốt đẹp nhất trong con người và cộng đồng Việt Nam. Mọi hoạt động văn học, nghệ thuật, giáo dục, báo chí... đều hướng vào phục vụ công cuộc kháng chiến, kiến quốc. Công tác thông tin ở cơ sở, phong trào văn nghệ quần chúng đã phát triển mạnh mẽ, làm cho cuộc kháng chiến tuy gian khổ nhưng không khí thôn xóm vẫn vui tươi, lành mạnh.

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, lĩnh vực khoa giáo được quan tâm lãnh đạo và đẩy mạnh, góp phần vào thắng lợi chung của sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc. Nhìn chung, trong kháng chiến chống Pháp, công tác tuyên giáo đã được triển khai mạnh mẽ, toàn diện, góp phần huy động sức mạnh của toàn dân tộc tham gia vào sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc thắng lợi.

II- CÙNG CẢ NƯỚC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ, CỨU NƯỚC VÀ XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC (1954-1975)

1. Quán triệt và thực hiện nhiệm vụ củng cố miền Bắc, đẩy mạnh đấu tranh chính trị ở miền Nam (1954-1960)

a) Quán triệt và thực hiện nhiệm vụ củng cố miền Bắc

Sau 9 năm kháng chiến, quân và dân ta đã gành được những thắng lợi lớn. Chính phủ Pháp buộc phải thương lượng với ta để chấm dứt chiến tranh. Hiệp định Giơnevơ được ký kết. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc thắng lợi. Tuy nhiên, Mỹ âm mưu kéo dài và mở rộng chiến tranh, không chịu ký vào bản Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị.

Cách mạng Việt Nam bước vào giai đoạn mới. Nhiệm vụ mới của nhân dân ta là: Tranh thủ hòa bình, củng cố và xây dựng miền Bắc, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập, dân chủ trong cả nước. Đây là một cuộc đấu tranh lâu dài, gian khổ, phức tạp, nhưng nhất định thắng lợi.

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II họp tháng 7-1954 phân tích những biến đổi của tình hình thế giới và trong nước, vạch ra những chuyển hướng về chủ trương nhiệm vụ, phương châm và sách lược đấu tranh cho phù hợp với tình hình mới. Hội nghị Bộ Chính trị tháng 9-1954 đã cụ thể hóa và bổ sung Nghị quyết Trung ương, chỉ rõ trong điều kiện đất nước ta tạm thời chia làm hai miền có hai chế độ chính trị khác nhau, cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam phải chuyển từ đấu tranh vũ trang sang đấu tranh chính trị. Nhiệm vụ chủ yếu trước mặt của miền Bắc là hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, đấu tranh thực hiện hiệp định đình chiến, đề phòng và khắc phục mọi âm mưu phá hoại của địch. Nhiệm vụ của công tác tư tưởng là tạo nên sự "Thống nhất tư tưởng", nêu cao kết quả thắng lợi của ta; làm cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân nhận rõ tình hình mới và nhiệm vụ mới, nhận rõ tính chất và nội dung của nhiệm vụ trong giai đoạn cách mạng mới.

Thực hiện Chỉ thị số 83-CT/TW của Ban Bí thư về mở một đợt tuyên truyền về Hiệp định Giơnevơ - tình hình mới và nhiệm vụ mới, Ban Tuyên huấn các cấp đã giúp cấp ủy phổ biến nội dung Nghị quyết Trung ương và nội dung Hiệp định Giơnevơ cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Trung ương các tỉnh, thành phố cử về các địa phương và cơ sở lực lượng

đảng viên, cán bộ các ngành, các giới, các đội vũ trang tuyên truyền, tuyên truyền xung phong...tiến hành công tác tuyên truyền, giải thích trong nhân dân ở vùng tự do và vùng sau lưng địch. Báo, đài, các hoạt động văn hoá, nghệ thuật, in ấn, xuất bản, phát hành của Trung ương và địa phương hoạt động rất tích cực, phục vụ cho công tác tuyên truyền. Ở vùng tự do và các khu du kích, ở các địa điểm tập kết cán bộ và bộ đội miền Nam để chuẩn bị chuyển ra Bắc, các cuộc mít tinh lớn, liên hoan mừng thắng lợi, triển lãm, chiếu phim, biểu diễn nghệ thuật… được tổ chức rầm rộ, tạo không khí phấn khởi, náo nức trong nhân dân.

Để giúp Trung ương tăng cường lãnh đạo công tác tư tưởng trong tình hình mới, ngày 2-11-1954 Ban Bí thư ra Nghị quyết số 51-NQ/TW về việc kiện toàn nhân sự lãnh đạo Ban Tuyên huấn Trung ương.

Trên miền Bắc, thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 và Nghị quyết Bộ Chính trị về khôi phục kinh tế, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ và tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, chúng ta đã tiếp quản vùng giải phóng, củng cố cùng tự do cũ; hoàn thành cải cách ruộng đất; tăng cường xây dựng quân đội; khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

Nhiệm vụ trong những ngày đầu tiên sau hòa bình là đấu tranh chống địch tháo dỡ, phá hoại các nhà máy, công sở, các công trình công cộng; dụ dỗ, cưỡng ép đồng bào di cư. Ban Tuyên huấn đã giúp cấp ủy tổ chức lực lượng tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân 8 chính sách của Chính phủ đối với các vùng mới giải phóng; vạch trần các luận điệu xuyên tạc, bịa đặt của địch, vận động đồng bào tham gia đấu tranh thực hiện tốt công tác tiếp quản. Ban Tuyên huấn Trung ương và các tỉnh, thành phố tập trung lực lượng giúp cấp ủy mở các lớp bồi dưỡng cho trên l.000 cán bộ làm công tác tiếp quản, giúp anh chị em nắm vững chính sách đối với vùng mới giải phóng, nâng cao ý thức trách nhiệm và giữ vững kỷ luật.

Sau khi quân Pháp rút khỏi Hà Nội, các tờ báo của ta đã lần lượt xuất bản, phục vụ cho công tác tuyên truyền. Đài Truyền thanh Hà Nội được thành lập và bắt đầu hoạt động. Việt Nam Thông tấn xã, Đài Tiếng nói Việt Nam, Báo Nhân dân và các báo khác của Trung ương lần lượt thiết lập trụ sở, in và phát hành tại Thủ đô. Ban Tuyên huấn Trung ương cùng với các Ban khác của Đảng lần lượt về Hà Nội.

Thực hiện Chỉ thị ngày 16-4-1955 của Ban Bí thư về vấn đề tiếp tục phá âm mưu gây phỉ của dế quốc, Ban Tuyên huấn các địa phương đã giúp cấp uỷ tổ chức, phối hợp với các đoàn thể quần chúng và lực lượng vũ trang tiến hành công tác tuyên truyền, phát động đồng bào các dân tộc thiểu số tham gia tiễu phỉ, kết hợp với vận động đồng bào đoàn kết đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống, tiến hành củng cố cơ sở, củng cố biên phòng.

Những hoạt động tích cực trong phong trào quần chúng thực hiện "Cứu đói như cứu lửa", "Nhường cơm sẻ áo", "Một miếng khi đói bằng một gói khi no", khôi phục ruộng hoang hóa, cấy hết số ruộng của đồng bào di cư để lại, v.v. được biểu dương kịp thời trên báo, đài, trong sinh hoạt văn hóa của quần chúng, có tác động tích cực đến tư tưởng và đời sống nhân dân.

Ngày 20-7-1956, kết thúc 8 đợt giảm tô, 5 đợt cải cách ruộng đất, đã đạt được các nhiệm vụ trọng tâm. Hầu hết cán bộ tuyên huấn các tỉnh, thành phố được huy động tham gia phát động quần chúng giảm tô, cải cách ruộng đất. Công tác tư tưởng ở những nơi tiến hành cải cách ruộng đất do các đoàn ủy phụ trách. Cải cách ruộng đất đã xóa bỏ giai cấp địa chủ, xóa bỏ tàn dư của chế độ phong kiến ở miền Bắc, thực hiện "Người cày có ruộng", nâng cao quyền làm chủ của nông dân ở nông thôn Tuy nhiên, trong lãnh đạo cải cách ruộng đất, Đảng ta đã phạm những sai lầm nghiêm trọng, phổ biến và kéo dài, gây hoang mang, mất lòng tin trong Đảng và trong nhân dân. Sau khi phát hiện sai lầm, dưới sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng nghiêm khắc tự phê bình công khai trước nhân dân chủ trương phát huy thành quả, kiên quyết sửa sai. Ban Tuyên huấn các cấp cùng với Ban Tổ chức, Ủy ban Kiểm tra giúp cấp ủy làm thí điểm sửa sai, rút kinh nghiệm, sau đó phổ biến ra diện rộng; hướng dẫn báo đài các hoạt động văn hoá, văn nghệ phục vụ cho cuộc vận động sửa sai nhằm sớm ổn định tình hình. Ban đã mở đợt học tập các Nghị quyết 10, 14 của Trung ương Đảng và thư của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Cố gắng lớn của các ngành, các đoàn thể trong công tác tuyên truyền vận động quần chúng và kết quả sửa sai của các cấp đã tác động tích cực đến tư tưởng và tình cảm cách mạng của đảng viên, chiến sĩ, đồng bào.

Sau 9 năm kháng chiến, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, hệ thống giáo dục cũ thời Pháp bị xoá bỏ để xây dựng và phát triển hệ thống giáo dục mới đã có từ thời kháng chiến, xây dựng nhà trường xã hội chủ nghĩa. Đến năm 1956, cuộc cải cách giáo dục lần thứ hai được tiến hành. Cuộc cải cách này đã thống nhất hai hệ thống giáo dục của vùng tự do và của vùng mới giải phóng. Hệ thống giáo dục mới có tính chất xã hội chủ nghĩa, hướng vào mục tiêu đào tạo những công dân tốt, những lao động tốt, những cán bộ tốt và những chiến sĩ tốt phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Năm 1956, trên thế giới xảy ra nhiều biến cố lớn, tác động vào trong nước, làm nảy sinh tâm lý hoài nghi về chủ nghĩa xã hội trong một bộ phận đảng viên và quần chúng. Bọn phản động trong nước lợi dụng lúc cách mạng gặp khó khăn, gây ra các vụ lộn xộn ở một số nơi thuộc vùng nông thôn có đông giáo dân. Ở thành thị, chúng lôi kéo một số nhà tư sản, trí thức, văn nghệ sĩ, mưu toan giương ngọn cờ tư sản, chống chế độ mới

ở Hà Nội, nhóm Nhân văn - Giai phẩm công khai hoạt động, nói xấu chế độ mới, đả kích sự lãnh đạo của Đảng, đả kích chính sách của Nhà nước, phủ nhận sự lãnh đạo của Đảng, đòi văn nghệ phải tách rời chính trị, tự do sáng tác không cần định hướng, gây nên tình hình rất phức tạp về tư tưởng chính trị trong xã hội.

Trước tình hình đó, tháng 12-1956, Ban Tuyên huấn Trung ương cùng các đồng chí lãnh đạo Hội Văn nghệ giúp Ban Bí thư mở hội nghị các đảng viên làm công tác văn nghệ. Hội nghị đã phân tích tình hình văn nghệ, phê phán báo *Nhân văn,* đề ra phương hướng đúng đắn cho công tác văn nghệ trong những năm trước mắt. Các cơ quan ngôn luận của Đảng, Nhà nước, của các đoàn thể nhân dân, các giới trí thức, văn nghệ sĩ và phong trào quần phúng lên tiếng mạnh mẽ, kịch liệt phê phán những luận điểm sai trái, tạo dư luận lên án những hành động chống đối và mưu toan lật đổ chế độ.

Ban Tuyên huấn Trung ương và lãnh đạo Hội Văn nghệ đã giúp Ban Bí thư chỉ đạo tiến hành Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ hai (tháng 2-1957). Đồng chí Trường Chinh, Ủy viên Bộ Chính trị đã đến dự và đọc Thư của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) gửi Đại hội, biểu dương những cống hiến của văn nghệ sĩ trong sự nghiệp cách mạng của toàn dân, chỉ ra những thiếu sót, nêu rõ nhiệm vụ chung của những người làm công tác tư tưởng, công tác văn nghệ.

Đến thăm và nói chuyện với Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã động viên các văn nghệ sĩ nêu những thành tích, công lao với cách mạng, với kháng chiến, với xây dựng hòa bình, chỉ ra những thiếu sót, kêu gọi đoàn kết, đồng tâm, hợp lực nhằm thực hiện nhiệm vụ của toàn dân và của giới văn nghệ nói riêng… Muốn hoàn thành nhiệm vụ, trước hết phải học tập, trau dồi tư tưởng, trau dồi nghệ thuật, đi sâu vào quần chúng, trau dồi đạo đức cách mạng, trước hết là đức khiêm tốn… Kết quả của Đại hội đã củng cố đoàn kết văn nghệ sĩ yêu nước, tiến bộ dưới sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh chống những tư tưởng và hành động chống chủ nghĩa xã hội.

Trong tổ chức và hoạt động tuyên giáo, lực lượng tuyên truyền được chú trọng xây dựng và phát triển Báo chí, báo cáo viên, tuyên truyền viên hoạt động tốt. Các lớp huấn luyện lý luận chính trị được tổ chức trên khắp miền Bắc. Tất cả cán bộ, đảng viên miền Nam ra tập kết đều được học tập về tình hình và nhiệm vụ mới. Trường Đại học nhân dân được thành lập để giáo dục chính trị cho công chức lưu dung.

Thực hiện nhiệm vụ năm 1957, Ban Tuyên huấn các cấp đã giúp cấp ủy tập trung chỉ đạo tiến hành đợt học tập, tự phê bình và phê bình trong toàn Đảng sau Hội nghị lần thứ 13 của Ban Chấp hành Trung ương; tiến hành chỉnh huấn toàn quân; tăng cường giáo dục, nâng cao trình độ lý luận cho cán bộ, đảng viên, củng cố và phát triển hoạt động của lực

lượng báo cáo viên các cấp; tăng cường lãnh đạo, nâng cao chất lượng thông tin, báo chí, phát thanh; tích cực đào tạo cán bộ tuyên huấn, nhất là cán bộ lý luận và cán bộ báo chí.

Theo quyết định của Bộ Chính trị, Tiểu ban giáo dục và khoa học Trung ương, Tiểu ban văn hóa Trung ương được thành lập. Ban Tuyên huấn Trung ương phụ trách công tác giáo dục cán bộ, đảng viên, công tác tuyên truyền cổ động, giáo dục chính tả, tư tưởng trong nhân dân và công tác thông tin, báo chí, phát thanh. Ban Tuyên huấn các khu, tỉnh, thành phố được kiện toàn một bước. Cấp quận, huyện, thị xã trước đây mới có cấp ủy viên phụ trách, nay bắt đầu được bổ sung cán bộ, thành lập Ban Tuyên huấn quận, huyện, thị ủy theo Chỉ thị số 31-CT/TW ngày 4-6-1957 về tổ chức, nhiệm vụ và quan hệ công tác của Ban Tuyên huấn các cấp của Đảng.

Tháng l-1956, trong văn kiện "Mấy vấn đề về đường lối cách mạng Việt Nam", Bộ Chính trị nhận định, từ khi hòa bình lập lại, miền Bắc nước ta đã chuyển sang cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhiệm vụ giáo dục tư tưởng xã hội chủ nghĩa được xác định là nhiệm vụ trung tâm của công tác tư tưởng. Hội nghị lần thứ 9 và lần thứ 10 của Trung ương Đảng giữa năm 1956 quyết định bước vào giai đoạn cách mạng mới phải tăng cường giáo dục tư tưởng, nâng cao trình độ lý luận Mác - Lênin cho cán bộ, đảng viên, chuẩn bị về mặt tư tưởng cho cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đẩy mạnh sự nghiệp cách mạng giải phóng miền Nam. Theo phương hướng mới đó, năm 1957-1958, Trường Đảng Trung ương và các khu, tỉnh, thành phố mở khóa học lý luận đầu tiên. Đến dự lễ khai mạc lớp học lý luận khoá I Trường Nguyễn Ái Quốc ngày 7-9-1957, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ, học tập lý luận là sự bức thiết đối với Đảng ta. Người căn dặn, các học viên phải nắm vững phương châm lý luận liên hệ với thực tế, "Không phải học để thuộc lòng từng câu từng chữ, đem kinh nghiệm của các nước anh em áp dụng một cách máy móc..."[47]. Các lớp học tại chức được mở rộng. Trung ương mở lớp cho cán bộ cao cấp học lý luận Mác - Lênin về thời kỳ quá độ; các khu ủy, tỉnh ủy, thành ủy mở lớp cho cán bộ trung, sơ cấp học môn duy vật lịch sử. Chỉ thị số 85-CT/TW, ngày 24-5-1958 của Ban Bí thư quyết định "từ năm 1958 trở đi, Đảng ta cần phải tăng cường việc tổ chức học tập lý luận Mác - Lênin cho cán bộ đảng viên lên một bước mới"[48]. Căn cứ khả năng và yêu cầu trước mắt, Ban Tuyên huấn và Trường Đảng tổ chức cho cán bộ cao cấp học một số quan điểm cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và kinh tế chính trị học... Để tăng thêm tài liệu nghiên cứu cho cán bộ, ngoài tạp chí *Học tập* (tạp chí lý luận của Trung ương Đảng), Ban Bí thư quyết

[47] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.8, tr.497.
[48] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t. 19, tr. 179.

định xuất bản tiếng Việt tạp chí *Những vấn đề hòa bình và chủ nghĩa xã hội*, cơ quan thông tin của các Đảng Cộng sản và Công nhân.

Kết quả thực hiện Chỉ thị số 85 của Ban Bí thư không những đã mở ra phong trào học tập lý luận chính trị của cán bộ, đảng viên mà còn góp phần chuẩn bị cơ sở tư tưởng cho việc tiến hành Đại hội Đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (năm 1960).

Để động viên phong trào ở nông thôn, ngày 3-9-1958, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 101-CT/TW về giáo dục nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho đảng viên ở nông thôn để tiến kịp với yêu cầu phát triển nông nghiệp theo con đường hợp tác hóa. Thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư và hướng dẫn của Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Tuyên huấn các cấp đã giúp cấp ủy tiến hành đợt giáo dục mùa thu năm 1958 nhằm làm cho đảng viên ở nông thôn hiểu biết hơn về chủ nghĩa xã hội và những nhiệm vụ chung của miền Bắc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Tháng 11-1958, Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảm khóa III thông qua kế hoạch phát triển kinh tế và văn hóa ba năm 1958-1960 và nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế cá thể của nông dân, thợ thủ công, người buôn bán nhỏ và kinh tế tư bản tư doanh, đề ra các biện pháp về tư tưởng và tổ chức để bảo đảm thực hiện. Từ ngày 16 đến ngày 30-4 và từ ngày 1 đến ngày 10-6-1959, Hội nghị lần thứ 16 (mở rộng) Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Nghị quyết Về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp và cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh theo chủ nghĩa xã hội.

Thực hiện các nghị quyết Trung ương, Ban Tuyên huấn các cấp đã giúp cấp ủy đảng tổ chức, phối hợp các ngành, các đoàn thể, các binh chủng trên mặt trận tư tưởng tiến hành đợt giáo dục sâu rộng trong nhân dân, đặc biệt trong công nhân, nông dân, thợ thủ công, người buôn bán nhỏ về hai con đường đi lên chủ nghĩa xã hội hay chủ nghĩa tư bản; động viên tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội. Ban Tuyên huấn phối hợp với Uỷ ban Mặt trận tổ chức nghiên cứu chính sách của Đảng đối với trí thức, qua đó nâng cao tư tưởng, cổ vũ, phát huy năng lực sáng tạo, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát trển kinh tế văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện Chỉ thị của Ban Bí thư tháng 10-1959 về đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, các ngành, các địa phương, các hoạt động tuyên huấn đã phối hợp động viên mạnh mẽ phong trào. Đại hội lần thứ hai Hội Nhà báo Việt Nam (ngày 16-4-1959) được tổ chức. Tháng 2-1960, Hội nghị đại biểu những người tích cực trong phong trào văn hóa quần chúng được tổ chức, góp phần vào việc nâng cao đời sống vui tươi, lành mạnh của quần chúng…

Cùng với việc thực hiện nhiệm vụ củng cố miền Bắc, công tác tuyên huấn đã động viên phong trào quần chúng ủng hộ, cổ vũ cuộc đấu tranh của

đồng bào miền Nam, tổ chức các cuộc mít tinh, biểu tình phản đối Mỹ - Diệm vi phạm Hiệp định Giơnevơ, đàn áp khủng bố đồng bào ta ở miền Nam, phá hoại hiệp thương, tổng tuyển cử, chống việc lập lại quan hệ bình thường giữa hai miền Nam - Bắc. Một hình thực hoạt động mới: phong trào kết nghĩa giữa các tỉnh ở miền Bắc với các tỉnh ở miền Nam gắn với các hành động cụ thể đẩy mạnh sản xuất và xây dựng miền Bắc, chi viện miền Nam diễn ra sôi nổi, đạt hiệu quả cao. Công tác thông tin, tuyên truyền về phong trào đấu tranh chống Mỹ - Diệm của đồng bào miền Nam, tố cáo tội ác của Mỹ - Diệm trên các phương tiện thông tin đại chúng, hoạt động tuyên truyền miệng của lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên, hoạt động văn hóa, văn nghệ…được tăng cường. Vụ Tuyên truyền đấu tranh thống nhất Tổ quốc của Ban Tuyên huấn Trung ương được thành lập, giúp chỉ đạo công tác tuyên truyền.

Công tác tuyên truyền giáo dục nhân dịp kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng được tiến hành sâu rộng trong Đảng và trong nhân dân, nêu cao thành tựu to lớn mà nhân dân ta đã đạt được dưới sự lãnh đạo của Đảng, nâng cao nhận thức tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, củng cố mối liên hệ mật thiết giữa Đảng và nhân dân. Hàng chục vạn người tiên tiến trong phong trào quần chúng được bồi dưỡng, rèn luyện bổ sung cho đội ngũ cán bộ trên các lĩnh vực công tác; những người ưu tú nhất, qua các lớp bồi dưỡng đối tượng do Ban Tuyên huấn các cấp mở, đã được kết nạp vào hang ngũ của Đảng. Riêng đợt kết nạp đảng viên mới "6-1", từ tháng 11-1959 đến tháng 2-1960, đã kết nạp 62.254 đảng viên mới.

Công tác khoa giáo dược quan tâm triển khai ngay sau ngày miền Bắc được giải phóng. Tháng 10-1954, ta đã tiếp quản các trường Đại học Y Dược, Luật khoa, Văn khoa, Khoa học và Cao đẳng Sư phạm tại Hà Nội. Theo quyết định của Chính phủ, tháng 11-1954, ba trường Đại học Y Dược, Sư phạm Khoa học và Sư phạm Văn khoa (cùng với hai bộ phận Đại học Khoa học và Đại học Văn khoa) đã được khai giảng tại cùng một địa điểm chung là khu đại học ở phố Lê Thánh Tông, Hà Nội. Năm 1956, cùng với việc thành lập một số trường đại học khác, Chính phủ đã quyết định xây dựng Trường Đại học Sư phạm và Trường Đại học Tổng hợp trên cơ sở hai trường Đại học Sư phạm Văn khoa và Đại học Sư phạm Khoa học. Đến năm 1960, miền Bắc đã có 9 trường đại học. Hằng năm, số lượng lưu học sinh, thực tập sinh, nghiên cứu sinh được cử đi đào tạo ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em không ngừng tăng lên. Để tạo nguồn cho việc đào tạo đội ngũ trí thức theo quy mô lớn, hệ thống các trường phổ thông, nhất là các trường cấp III được phát triển mạnh; đồng thời Nhà nước đã mở rộng hệ thống các trường bổ túc văn hóa công nông ở Trung ương và các trường phổ thông lao động ở các địa phương, tạo điều kiện cho những người đã qua chiến đấu, lao động, công tác và con em liệt sĩ, thương binh, bộ đội, cán bộ, con em công nông có thể học lên đại học.

Sau khi hoàn tất việc cán bộ, bộ đội và một số thanh, thiếu niên miền Nam tập kết ra miền Bắc, từ cuối năm 1954, hệ thống các trường học sinh miền Nam đã hình thành. Hệ thống trường đã được bố trí trên các địa bàn Hà Nội, Hà Đông, Hải Phòng, Quảng Ninh..., hơn 30.000 học sinh đã được đào tạo dưới mái trường xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và đã trở thành một lực lượng cán bộ cốt cán cho các tỉnh, thành miền Nam sau ngày giải phóng hoàn toàn miền Nam (1975).

Trên mặt trận chăm sóc sức khoẻ, sau khi miền Bắc được giải phóng, ta đã nhanh chóng phát triển các cơ sở y tế, đặc biệt là các cơ sở y tế nông thôn. Ngày 27-2-1955, nhân tổ chức hội nghị cán bộ y tế, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư căn dặn các thầy thuốc phải *"thật thà đoàn kết",* phải "thương yêu, săn sóc người bệnh như anh em ruột thịt của mình", phải "phối hợp thuốc "Đông" và thuốc "Tây""[49]. Lời dạy của Người đã là kim chỉ nam cho việc xây dựng một nền y tế của dân, do dân và vì dân.

Đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc đã phát triển nhanh về số lượng và chất lượng, trong đó bộ phận đông đảo nhất chính là bộ phận trí thức thuộc khối khoa giáo và một lực lượng đông đảo cán bộ khoa học, kỹ thuật, kinh tế… hoạt động ở tất cả các ngành kinh tế, văn hóa, xã hội, văn học và nghệ thuật.

Ngày 3-l-1957, Hội nghị Trung ương 12 (khóa II) đã đưa ra vấn đề giáo dục phục vụ sự nghiệp xây dựng phát triển kinh tế. Vào giai đoạn này, phong trào thi đua yêu nước phát triển rộng khắp các lĩnh vực: trong sản xuất công nghiệp có phong trào "Sóng Duyên Hải", trong sản xuất nông nghiệp có phong trào "Gió Đại Phong", trong quân đội có phong trào "Cờ Ba nhất", còn trong giáo dục có "Trống Bắc Lý". Phong trào giáo dục đã khẳng định: giáo dục đã có bước tiến quan trọng trong phục vụ kinh tế - xã hội; mặt khác, gạt bỏ quan điểm sai lầm của nhóm Nhân văn - Giai phẩm, gạt bỏ quan điểm sai lầm của họ ra khỏi hệ thống nhà trường xã hội chủ nghĩa.

Trong thời kỳ này, công tác tuyên truyền về Việt Nam ra nước ngoài được mở rộng, góp phần làm cho nhân dân tiến bộ trên thế giới hiểu rõ hơn cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta; giáo dục tinh thần quốc tế xã hội chủ nghĩa; góp phần củng cố đoàn kết giữa nhân dân ta với nhân dân Lào, Campuchia, Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em; đoàn kết và ủng hộ phong trào đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Trong thời kỳ này, Trung ương đã quan tâm kiện toàn cơ quan tham mưu và chỉ đạo công tác khoa giáo. Nghị quyết số 14-NQ/TW ngày 24-5-1957 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa II) thành lập Tiểu ban Giáo dục -

[49] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.7, tr.476-477.

Khoa học Trung ương và chấn chỉnh sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác giáo dục. Ngày 23-8-1958, Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa II) ra Nghị quyết số 50-NQ/TW về việc thành lập Ban Văn hóa - Giáo dục Trung ương. Do yêu cầu cần thiết phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác văn hóa, văn nghệ, giáo dục, khoa học, y tế và để cho bộ máy được hợp lý, Ban Bí thư đã quyết định giải thể các Tiểu ban Giáo dục - Khoa học, Văn nghệ, Y học và thành lập Ban Văn hóa - Giáo dục Trung ương (gọi tắt là Ban Văn giáo Trung ương). Ngày 1-12-1959, Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa II) thi hành Nghị quyết số 91-NQ/TW về việc hợp nhất hai Ban Tuyên huấn và Văn giáo Trung ương thành một Ban Tuyên huấn văn giáo, gọi tắt là Ban Tuyên giáo Trung ương.

b) Động viên phong trào đấu tranh chính trị, tiến tới Đồng khởi ở miền Nam

Ngay trong năm 1954, Xứ ủy Nam Bộ, Liên khu ủy V và Trị Thiên - Huế tổ chức nghiên cứu và thực hiện các nghị quyết của Trung ương Đảng, Bộ Chính trị về tình hình mới và nhiệm vụ mới của các đảng bộ miền Nam. Trước mắt, nhiệm vụ của các đảng bộ miền Nam là bảo vệ lực lượng cách mạng, lãnh đạo nhân dân giữ vững và đẩy mạnh đấu tranh chính trị, đòi Mỹ và tay sai phải thi hành Hiệp định Giơnevơ, chống âm mưu và hành động phá hoại việc thi hành Hiệp định của chúng.

Tình hình tư tưởng lúc này có những diễn biến phức tạp, vừa có tâm lý chủ quan, không thấy hết âm mưu phá hoại của Mỹ và tay sai, vừa có tâm lý bi quan, lo lắng. Công tác tư tưởng đã được tiến hành đến từng chi bộ đảng và trong nhân dân, làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhất trí với nhận định và chủ trương của Trung ương Đảng.

Ở miền Nam cùng với việc điều chỉnh bộ máy chỉ đạo của Đảng từ xứ ủy, liên khu ủy đến các tỉnh, thành ủy, huyện, thị ủy, Ban Tuyên huấn các cấp được sắp xếp lại. Tổ chức đảng và các tổ chức cách mạng đều rút vào hoạt dộng bí mật. Các tổ chức quần chúng hoạt động công khai được hình thành và phát triển. Một số cán bộ, đảng viên, với danh nghĩa ký giả, văn nghệ sĩ... được bố trí ở lại các thành phố lớn để hoạt động công khai, hợp pháp.

Từ tháng 7-1954, Mỹ từng bước hất cẳng Pháp, đưa Diệm về, áp đặt chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam. Cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của nhân dân ta diễn ra trong điều kiện mới, vô cùng gay go, phức tạp, đầy gian khổ và hy sinh. Các đảng viên, cán bộ hoạt động bí mật cùng với lực lượng quần chúng trung kiên đã tuyên truyền trực tiếp đến từng người, vận động và tổ chức phong trào quần chúng đẩy mạnh đấu tranh chính trị ở nông thôn và đô thị.

Ở Sài Gòn, sau khi Hiệp định đình chiến được ký kết, Thành ủy chỉ đạo tổ chức các hoạt động quần chúng "Hoan hô đình chiến, ủng hộ hòa bình". Cán bộ và cơ sở cách mạng vận động các báo tiến bộ đăng toàn văn Hiệp định làm chỗ dựa pháp lý cho nhân dân đấu tranh. Hàng trăm uỷ ban đấu tranh vì hòa bình đã được thành lập. Phong trào hòa bình thu hút rộng rãi các tầng lớp nhân dân lao động, sinh viên, nhân sĩ, trí thức yêu nước, các báo chí tiến bộ, tín đồ các tôn giáo..., gây ảnh hưởng chính trị lớn và nhanh chóng phát triển ra nhiều đô thị khác, nâng cao uy thế của cách mạng. Đảng chú trọng lãnh đạo kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh đòi quyền lợi dân sinh, dân chủ, như gắn với phong trào đấu tranh của công nhân đòi việc làm, chống sa thải,... Nhờ đó, phong trào đã lôi cuốn đông đảo các tầng lớp nhân dân lao động, học sinh, sinh viên, trí thức tham gia.

Ở nông thôn, cán bộ cách mạng tuyên truyền, vận động và tổ chức phong trào nông dân đấu tranh bảo vệ các quyền lợi đã được hưởng từ trong kháng chiến, chống chế độ ngụy xáo cấp công điền, cướp đất của những gia đình có người đi tập kết...; đấu tranh chống âm mưu mua chuộc, chia rẽ của địch, chống dồn dân, lập "khu dinh điền",... đòi hòa bình, thống nhất; đồng thời củng cố đoàn kết, bảo vệ cán bộ, giữ gìn lực lượng cách mạng, xây dựng khu căn cứ.

Tháng 7-1955, các đảng bộ miền Nam mở đợt tuyên truyền, phát động phong trào đòi địch phải thực hiện hiệp thương tổng tuyển cử như Hiệp định Giơnevơ quy định. Hàng triệu lượt đồng bào ở thành thị và nông thôn miền Nam, có cả một số công chức và binh sĩ ngụy tham gia, sôi nổi hưởng ứng các cuộc mít tinh, biểu tình, bãi công, bãi thị, bãi khóa, lấy chữ ký, đưa kiến nghị... đòi chính quyền ngụy phải hiệp thương, tổng tuyển cử, hòa bình thống nhất đất nước. Ở nhiều thành phối lớn như Sài Gòn - Chợ Lớn, Gia Định, Mỹ Tho, Huế, Đà Nẵng, Nha Trang, v.v., các cuộc bãi công, bãi thị, bãi khóa diễn ra rầm rộ, làm cho các hoạt động khác của thành phần như bị ngừng lại.

Tháng 9-1955, Xứ ủy Nam Bộ tổ chức sinh hoạt chính trị trong đảng viên và đoàn viên thanh niên về chủ trương đấu tranh đòi hiệp thương, tổng tuyển cử nhằm nâng cao ý chí chiến đấu, phát huy thành tựu, khắc phục tư tưởng cầu an, thủ tiêu đấu tranh hoặc đấu tranh ồ ạt, hình thức. Ngày 30-9-1955, Thường vụ Xứ ủy Nam Bộ ra chỉ thị yêu cầu các cấp uỷ đảng phải nhận thức rõ vị trí quan trọng của công tác tuyên huấn là giúp cấp ủy phổ biến đường lối chủ trương của Đảng; lãnh đạo cán bộ, đảng viên và nhân dân trong đấu tranh chống địch; tổ chức lực lượng đảng, đoàn thể, quân đội... làm công tác tư tưởng... Phải kiện toàn bộ máy, bổ sung đủ cán bộ đảm nhiệm được yêu cầu công tác. Mỗi xã lập một Ban Tuyên huấn do một đồng chí chi ủy viên phụ trách, có một trưởng ban và một số

đảng viên, đoàn viên thanh niên. Mỗi tỉnh, huyện có một máy in Stencil, mỗi xã có một phương tiện in bột...

Đội ngũ báo cáo viên và báo đài của ta đã tố cáo và lên án mạnh mẽ tội ác của Mỹ - Diệm. Các đảng bộ miền Nam tích cực lãnh đạo đảng viên và quần chúng chống "tố cộng", coi đây là nhiệm vụ trọng tâm trước mắt. Công tác tư tưởng được tiến hành chủ yếu bằng các hoạt động tuyên truyền trực tiếp của cán bộ, đảng viên và quần chúng trung kiên, làm cho đồng bào thấy rõ âm mưu thâm độc của chính sách "tố cộng", nêu cao chính nghĩa của Đảng và vai trò của Đảng đối với dân tộc và nhân dân, vạch trần bộ mặt "quốc gia", "dân tộc" giả hiệu của Diệm, vận động quần chúng đoàn kết đấu tranh chống địch, bảo vệ Đảng, bảo vệ cán bộ để bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình. Trong nội bộ Đảng, giáo dục cán bộ, đảng viên nêu cao khí tiết cộng sản, tiến công địch, phá âm mưu thâm độc của chúng, bảo vệ tổ chức, bảo vệ uy thế chính trị của Đảng. Các đảng bộ đã xác định bám dân, bám cơ sở là vấn đề sống còn của Đảng, giáo dục cán bộ, đảng viên thực hiện "ba bám" (bám dân, bám đất, bám cơ sở) để lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống địch, coi "ba bám" như là một tiêu chuẩn hàng đầu của người cán bộ, đảng viên, khắc phục tư tưởng hoang mang, chạy dài, bi quan, thiếu tin tưởng, đồng thời đề phòng và khắc phục tư tưởng chủ quan, mất cảnh giác...

Ở Tây Nguyên, căn cứ Nghị quyết của Liên khu ủy V (tháng 2-1956), Liên tỉnh IV (ba tỉnh Tây Nguyên) soạn các tài liệu: *Thương dân yêu nước, đứng lên làm cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chủ nghĩa cộng sản và người cộng sản, Khí tiết và đạo đức cộng sản* để giáo dục đảng viên và quần chúng. Ở nhiều cơ sở, đồng bào các dân tộc xác định thái độ chính trị: "bảy yêu, ba ghét, ba không sợ". Bảy yêu là: yêu đất nước, yêu nhân dân, yêu Đảng, yêu Bác Hồ, yêu lao động, yêu lẽ phải, yêu tiến bộ. Ba ghét là: ghét đế quốc phong kiến, ghét áp bức bóc lột, ghét lạc hậu. Ba không sợ là: không sợ đế quốc phong kiến, không sợ hy sinh gian khổ, không sợ ma quỷ.

Cùng với khí thế đấu tranh của đồng bào cả nước, nhiều văn nghệ sĩ yêu nước đã dùng vũ khí thơ, văn, ca ngợi tlnh thần đấu tranh bất khuất của dân tộc chống ngoại xâm. Các báo tiến bộ chuyển sang hướng đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ, ủng hộ phong trào công nhân đấu tranh đòi tăng lương, giảm giờ làm, chống xúc phạm nhân phẩm nữ công nhân, chống bớt công, chống việc; đòi tiền thưởng Tết, đòi lương tháng 13; ủng hộ giới tư bản trong nước đấu tranh chống hàng ngoại, khơi gợi tinh thần dân tộc, gây thành phong trào nhân dân bảo vệ hàng nội hóa.

Trước hành động khủng bố ngày càng tàn bạo của địch, một số địa phương đã thành lập các đội vũ trang tuyên truyền để đột phá vào những nơi khó khăn, vừa tự bảo vệ để tiến hành công tác tuyên truyền, vừa diệt

ác, trừ gian, gây uy thế cho cách mạng. Hội nghị Bộ Chính trị tháng 6-1956 khẳng định định hướng mới: đấu tranh chính trị kết hợp với vũ trang tự vệ. Đây là một bổ sung quan trọng về đường lối, đáp ứng trúng yêu cầu cấp bách của phong trào quần chúng, mở ra hướng mới cho công tác tư tưởng. Đi đôi với hình thức chủ yếu tuyên truyền trực tiếp đến từng nhà, từng người, hình thức vũ trang tuyên truyền phát triển mạnh ở nhiều nơi, góp phần tích cực vào công tác phát động quần chúng. Hội nghị Xứ ủy Nam Bộ tháng 12-1956 nhận định hoạt động vũ trang tuyên truyền và vũ trang tự vệ đã hạn chế sự lùng sục của bọn chỉ điểm và tác động của bọn gây chiến tranh tâm lý, nội gián trong quần chúng. Nhiều nơi bọn tề điệp ác ôn co lại, quần chúng dễ thở hơn, bảo vệ tốt hơn, bắt đầu nhóm họp, sinh hoạt trở lại, đấu tranh chống địch. Công tác tuyên truyền của ta cũng do đó mà có điều kiện đến được với quần chúng nhiều hơn.

Để đáp ứng yêu cầu cấp thiết vạch ra đường lối cách mạng miền Nam, từ mùa thu năm 1955 đến mùa thu năm 1956, đồng chí Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách miền Nam, đã dự thảo bản Đề cương cách mạng Việt Nam ở miền Nam. Bản Đề cương đã góp phần chuẩn bị cho Nghị quyết Hội nghị lần thứ 15 của Trung ương Đảng (năm 1959) và Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng (năm 1960).

Tháng l-1959, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 15. Nghị quyết 15 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng xác định đường lối và phương pháp cách mạng miền Nam, có ý nghĩa lịch sử to lớn, mở đường cho cách mạng miền Nam tiến lên...

Ngày 22-4-1960, Thường vụ Xứ ủy Nam Bộ ra Chỉ thị số 18-TVA về tích cực đẩy mạnh công tác tuyên truyền động viên quần chúng thực hiện Nghị quyết số 15-NQ/TW. Bản Chỉ thị nhận định, toàn Đảng bộ đã chấp hành có kết quả chủ trương đẩy mạnh đấu tranh chính trị kết hợp đúng mức với hoạt động vũ trang. Công tác tuyên truyền đã kết hợp với lực lượng chính trị. Các lực lượng vũ trang tiến hành công tác tuyên truyền rất có hiệu quả, đưa khí thế của phong trào quần chúng lên cao, hạ thấp uy thế của địch. Các cấp ủy đảng đã động viên đông đảo quần chúng tham gia công tác tuyên truyền. Cả ở nông thôn và thành thị, quần chúng báo cho nhau biết thắng lợi của phong trào, gây không khí bàn bạc rộng rãi, sôi nổi, mạnh mẽ chưa từng thấy trong mấy năm nay. Báo chí, bản tin của các tỉnh ra đều đặn, nội dung tốt, hình thức đẹp, có nhiều sáng tác văn nghệ thành công.

Chỉ thị nêu một số biện pháp cụ thể, như đẩy mạnh công tác tuyên truyền miệng, tăng cường báo chí, tập san, bản tin; phát triển các hoạt động văn hóa, văn nghệ, tận dụng các khả năng tuyên truyền công khai; cổ động đông đảo quần chúng nghe đài của ta. Thành lập ban tuyên truyền cổ động ở các cấp xứ, thành, khu, tỉnh. Tùy theo điều kiện có thể thành lập

ban tuyên truyền cổ động ở thị xã. Ban tuyên truyền cổ động chuyên phụ trách công tác tuyên truyền trong quần chúng, công tác tuyên truyền của các ngành, các đoàn thể và lực lượng vũ trang.

Ở Khu V, Nghị quyết tháng 6-1960 của Khu ủy, phần công tác tư tưởng nêu rõ nhiệm vụ thường xuyên của công tác tư tưởng là quán triệt phương hướng, nhiệm vụ, phương châm đấu tranh ở mỗi vùng chiến lược, xây dựng tư tưởng tiến công, tiến công liên tục, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, thực hiện kỳ được ba bám, bốn cùng, năm bước công tác...

Từ năm 1959, sự chi viện về nhiều mặt của miền Bắc đối với cách mạng miền Nam ngày càng tăng. Về công tác tư tưởng, thông tin tình hình miền Nam được tăng cường trên tất cả các phương tiện truyền thông ở miền Bắc. Cuối năm 1959, đoàn cán bộ Việt Nam Thông tấn xã tăng cường cho Liên khu V để chuẩn bị xây dựng Thông tấn xã Giải phóng. Lực lượng phóng viên được đào tạo tại chỗ cùng với lực lượng phóng viên, phương tiện được chi viện từ miền Bắc, đã từng bước làm phong phú và kịp thời hơn lượng tin tức từ miền Nam cung cấp cho các cơ quan thông tin báo chí ở Trung ương, phản ánh cao trào Đồng khởi. Ban Tuyên huấn Xứ ủy Nam Bộ tổ chức một bộ phận cán bộ chính trị và cán bộ kỹ thuật tích cực chuẩn bị các điều kiện cho việc thành lập một cơ quan thông tin chính thức của cách mạng miền Nam.

Công tác tuyên truyền đối ngoại, trong đó các phương tiện truyền thông là lực lượng quan trọng, đã góp phần thông tin về cuộc đấu tranh của nhân dân ta nói chung và của nhân dân miền Nam Việt Nam nói riêng, tố cáo tội ác của Mỹ - Diệm, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của dư luận tiến bộ trên thế giới đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta. Từ năm 1959, nhiều quốc gia và tổ chức trên thế giới đã lên án chính sách phát xít của Ngô Đình Diệm và lên tiếng ủng hộ cuộc đấu tranh của nhân dân ta ở miền Nam.

2. Đánh thắng chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của đế quốc Mỹ; thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965)

a) Triển khai nghị quyết đại hội III của Đảng

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 5 đến ngày 10-9-1960. Đại hội đã thảo luận và thông qua Nghị quyết về nhiệm vụ và đường lối của Đảng trong giai đoạn mới, vạch rõ nhiệm vụ chung của toàn dân ta trong giai đoạn trước mắt là: Tăng cường đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh giữ vững hòa bình, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc; đồng thời đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, thiết thực góp phần tăng

cường phe xã hội chủ nghĩa và bảo vệ hòa bình ở Đông Nam và trên thế giới.

Đại hội khẳng định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam là: Giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc và phong kiến, thực hiện độc lập dân tộc và người cày có ruộng, góp phần xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng miền Nam là: đoàn kết toàn dân, kiên quyết đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược và gây chiến, đánh đổ tập đoàn thống trị độc tài Ngô Đình Diệm, tay sai của đế quốc Mỹ, thành lập một chính quyền liên hợp dân tộc dân chủ ở miền Nam, thực hiện độc lập dân tộc, các quyền tự do, dân chủ, cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững hòa bình, thực hiện thống nhất nước nhà trên cơ sở độc lập và dân chủ, tích cực góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông Nam và thế giới.

Nghị quyết xác định đường lối chung của miền Bắc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là: Đoàn kết toàn dân, phát huy tinh thần yêu nước nồng nàn, truyền thống đấu tranh anh dũng và lao động cần cù của nhân dân ta, đồng thời tăng cường đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa anh em do Liên Xô đứng đầu, để đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở miền Bắc và củng cố miền Bắc thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, góp phần tăng cường phe xã hội chủ nghĩa, bảo vệ hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới.

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đi đôi với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về kinh tế, phải đẩy mạnh cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng, văn hoá và kỹ thuật. Mục tiêu của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng là làm cho tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin chiếm ưu thế tuyệt đối trong đời sống tinh thần của nước ta và trở thành hệ tư tưởng của toàn dân, trên cơ sở đó mà xây dựng đạo đức mới của nhân dân ta. Để đạt được mục tiêu đó, phải đẩy mạnh công tác giáo dục và đấu tranh tư tưởng nhằm phát huy những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, không ngừng nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, tinh thần yêu nước, ý chí thống nhất Tổ quốc và ý thức làm chủ của nhân dân, chống lại mọi biểu hiện của tư tưởng tư sản, phê phán tư tưởng tiểu tư sản; tiếp tục xóa bỏ mọi tàn tích của tư tưởng phong kiến và mọi tư tưởng sai lầm khác.

Nghị quyết Đại hội III là nguồn ánh sáng soi đường cho công cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân cả nước ta trong thời kỳ mới, là phương hướng cơ bản của công tác tư tưởng trong bước phát triển mới của cách mạng. Ngay sau Đại hội, trong các tháng 9 và 10 năm 1960 Ban Tuyên huấn các cấp đã giúp cấp ủy tiến hành đợt tuyên truyền, cổ động lớn nhằm giới thiệu khái quát và rộng rãi ý nghĩa, nội dung Nghị quyết Đại

hội; làm cho mọi người hiểu rõ mục tiêu phấn đấu lâu dài và những mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể trước mắt của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; cổ vũ phong trào hành động cách mạng của quần chúng. Tiếp đó, một đợt nghiên cứu sâu trong toàn Đảng những nội dung cơ bản của Nghị quyết Đại hội đã được tổ chức trong những tháng cuối năm 1960, kết hợp với xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết. Những nội cung cơ bản của Nghị quyết được soạn thành những chuyên đề đưa vào chương trình giảng dạy chính trị trong hệ thống Trường Đảng, trường của Nhà nước, của các đoàn thể và hệ thống giáo dục quốc dân.

b) Động viên phong trào quần chúng xây dựng chủ nghĩa xã hội

Triển khai Nghị quyết Đại hội III của Đảng, nhân dân miền Bắc bắt tay vào thực hiện kế hoạch năm 1961, năm đầu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965). Đời sống kinh tế, xã hội của miền Bắc lúc đó đã có những thay đổi to lớn. Tuy nhiên, quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa vừa mới được xác lập, chưa được củng cố; trình độ kỹ thuật còn lạc hậu; nền kinh tế vẫn chỉ là nông nghiệp, sản xuất nhỏ, thủ công, năng suất thấp và bấp bênh; công nghiệp nặng còn rất nhỏ bé; đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật và công nhân lành nghề rất ít và không đồng bộ; trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa của cán bộ và nhân dân còn nhiều hạn chế.

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ thị: Đường lối, chủ trương có rồi, phải có biện pháp thực hiện cho tốt. Kế hoạch 10 phần, thực hiện, biện pháp cụ thể phải 20 phần, chỉ đạo thực hiện sát sao phải 30 phần "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những *con người xã hội chủ nghĩa”*. Thực hiện tư tưởng chỉ đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tháng 2-1961 Bộ Chính trị quyết định mở cuộc vận động chính trị Mùa Xuân năm 1961. Mục đích, yêu cầu của chỉnh huấn lần này là làm cho toàn Đảng, toàn dân quán triệt tinh thần cơ bản của Nghị quyết Đại hội III của Đảng, xây dựng, bồi dưỡng lập trường tư tưởng dúng đắn cho cán bộ, đảng viên. Xây dựng tư tưởng gắn với tổ chức hành động.

Đại hội III của Đảng đã khẳng định một vấn đề lớn để đào tạo con người xã hội chủ nghĩa: “Phát triển giáo dục". Trước hết, phải nói rằng, chỉ sau 15 năm xây dựng nhà trường mới (1945-1960), số học sinh phổ thông đã tăng gấp 7 lần so với năm 1940, còn sinh viên đã tăng gấp 20 lần.

Theo Chỉ thị số 203-CT/TW ngày 7-4-1960, Đảng yêu cầu mở những trường phổ thông vừa dạy văn hóa, vừa dạy kỹ thuật nhằm dần từng bước phổ cập kỹ thuật trong nhân dân. Tháng 1-1961 đã xuất hiện những trường phổ thông nông nghiệp đầu tiên như Nam Liên (Nghệ An), Vũ La (Hải Dương), tiếp theo là trường Tam Hưng (Hà Đông), Phúc Do (Thanh Hóa)..., nhiều trường đã lao động tự túc. Điển hình là Trường Thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa Hòa Bình. Trường đã cung cấp cho địa phương nhiều cán bộ có trình độ phổ thông cấp II (tương đương với lớp 9 ngày

nay). Chủ tịch Hồ Chí Minh rất khen ngợi các loại trường này. Người ghi vào sổ vàng Trường Thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa Hoà Bình: "Phải học tập tốt, lao động tốt. Cố gắng mãi, tiến bộ mãi".

Tháng 10-1961, Bộ Giáo dục phối hợp với Công đoàn giáo dục Việt Nam tổ chức Hội nghị phát động thi đua "Hai tốt" (Học tốt, Dạy tốt). Phong trào thi đua này đã hướng các trường quyết tâm học tập và đuổi kịp Bắc Lý. Bốn bài học lớn được Hội nghị rút ra là: a) Trường phải có đảng tình cao; b) Giáo viên phải đoàn kết nhất trí; c) Trường học phải nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh; d) Nhà trường phải dựa vào nhân dân.

Ban Tuyên giáo các cấp phối hợp với các ngành, các đoàn thể tiến hành công tác tuyên truyền, vận động, đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Những điển hình xuất sắc xuất hiện trong phong trào quần chúng trên những lĩnh vực chủ yếu được các ngành, các đoàn thể tổng kết, trở thành ngọn cờ cổ vũ phong trào thi đua, như Tổ Đá nhỏ ca A (Nhà máy Xi măng Hải Phòng), Hợp tác xã Đại Phong (Quảng Bình), Nhà máy Cơ khí Duyên Hải (Hải Phòng), Hợp tác xã Thành Công (Thanh Hóa); Trường phổ thông cấp II Bắc Lý (Hà Nam); phong trào thi đua "Ba nhất" trong quân đội…

Để góp phần hoàn thành tốt kế hoạch 5 năm 1961-1965, cần tạo chuyển biến mạnh về công tác tư tưởng. Tháng 4-1961, Hội nghị Tuyên huấn toàn miền Bắc được tổ chức. Đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn đến thăm và động viên. Đại hội lần thứ III các nhà báo Việt Nam được tổ chức tháng 9-1962. Đến thăm và nói chuyện tại Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh khen ngợi "… cán bộ báo chí, thông tin và đài phát thanh đã có cố gắng nhiều và tiến bộ khá"[50]. Thực hiện Chỉ thị số 172-CT/TW ngày 23-11-1959 của Ban Bí thư, công tác xuất bản cũng có những chuyển biến mới. Số lượng xuất bản phẩm tăng nhanh, một số loại chất lượng tốt. Các mặt công tác phát hành, in và trình bày xuất bản phẩm có tiến bộ.

Đại hội Văn nghệ toàn quốc lần thứ III họp tháng 11-1962 đã kiểm điểm việc thực hiện các nhiệm vụ đề ra tại Đại hội II và bàn định các chủ trương, biện pháp, công tác trong nhiệm kỳ mới. Chuẩn bị cho Đại hội, các văn nghệ sĩ đã có cuộc sinh hoạt tư tưởng - lý luận, quán triệt các định hướng phát triển văn nghệ đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội III của Đảng. Trung ương Đảng đã gửi thư đến Đại hội. Nói chuyện tại Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ những mong đợi của quần chúng đối với văn nghệ sĩ. Người căn dặn anh chị em văn nghệ sĩ "rèn luyện đạo đức cách mạng, nâng cao tinh thần phục vụ nhân dân, giữ gìn thái độ

[50] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.10, tr.613, 647.

khiêm tốn; phải thật sự hòa mình với quần chúng, cố gắng học tập chính trị, trau dồi nghề nghiệp; phải hết lòng giúp đỡ thanh niên, làm các văn nghệ nước nhà ngày càng thêm trẻ thêm xuân"[51].

Để đẩy mạnh toàn diện các hoạt động tư tưởng, khoa giáo, Ban Tuyên giáo Trung ương đã tổ chức Hội nghị chuyên đề về công tác tuyên giáo miền núi vào tháng 8-1963. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến thăm và nói chuyện thân mật với Hội nghị. Bài nói chuyện của Người không chỉ có ý nghĩa chỉ đạo đối với việc xây dựng miền núi và công tác tuyên giáo ở miền núi, trong đồng bào các dân tộc, mà còn có ý nghĩa chỉ đạo đối với công tác tuyên giáo nói chung. Thực hiện thông tri của Ban Bí thư, các cấp, các ngành ở Trung ương và địa phương đã tổ chức phổ biến, thảo luận, quán triệt và thực hiện có hiệu quả chỉ thị của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong công tác của ngành và địa phương mình.

Công tác tuyên truyền đối ngoại được quan tâm và được mở rộng. Ngày 10-5-1962, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 45-CT/TW về công tác tuyên truyền đối ngoại, xác định rõ các nội dung, phương châm tuyên truyền là: chân thật, chính xác, sinh động, kịp thời, hợp đối tượng, phối hợp lực lượng trong nước và ngoài nước, vận dụng đúng đắn chiến lược và sách lược của đường lối quốc tế của Đảng. Ban Tuyên giáo Trung ương được giao nhiệm vụ chủ trì giúp Trung ương Đảng tổ chức, phối hợp lực lượng giữa các cơ quan có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền đối ngoại. Ngày 5-9- 1963, Ủy ban liên lạc văn hóa với nước ngoài được thành lập. Các đơn vị khác, như Nhà xuất bản Ngoại văn, Công ty Xuất nhập khẩu sách báo, các báo, tạp chí đối ngoại: Tin Việt Nam, Nghiên cứu Việt Nam, Báo ảnh Việt Nam... đã từng bước được tăng cường, góp phần mở rộng công tác tuyên truyền đối ngoại.

Thực hiện xây dựng Đảng về tư tưởng, tiếp theo cuộc vận động chỉnh huấn Mùa Xuân năm 1961, trong các năm 1961-1965, Ban Tuyên huấn các cấp tích cực thực hiện việc cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục lý luận và chính trị trong toàn Đảng và tham gia tiến hành cuộc vận động xây dựng "Chi bộ bốn tốt". Các hoạt động nói trên đã đẩy mạnh một bước việc bồi dưỡng lý luận Mác - Lênin và tư tưởng vô sản cho cán bộ, đảng viên.

Đầu những năm 60 thế kỷ XX, trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế diễn ra cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa xét lại hiện đại, chủ nghĩa cơ hội và chủ nghĩa sô vanh nước lớn. Tháng 12-1963, Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III đã họp, phân tích những đặc điểm của tình hình thế giới, nhiệm vụ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, nêu rõ lập trường, quan điểm của Đảng ta trên một số vấn đề có tính nguyên tắc về chiến lược, sách lược của

[51] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.11, tr.470.

phong trào, về chiến tranh và hòa bình, về phong trào giải phóng dân tộc... Đợt sinh hoạt chính trị trong nội bộ Đảng về Nghị quyết Trung ương 9 đã tạo sự nhất tề cao đối với những nhận định của Trung ương nêu trong Nghị quyết, đặc biệt là đấu tranh phê phán các quan điểm tư tưởng xét lại.

Trước những hoạt động chiến tranh gián điệp phá hoại miền Bắc và âm mưu mở rộng chiến tranh cửa đế quốc Mỹ, ngày 27-3-1964, Chủ tịch Hồ Chí Minh triệu tập Hội nghị chính trị đặc biệt, biểu thị quyết tâm cách mạng của toàn thể dân tộc ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà. Ban tuyên huấn các cấp đã giúp cấp ủy đảng tổ chức cho các ngành, các đoàn thể, các cơ quan thông tin tuyên truyền và lực lượng vũ trang tiến hành tốt đợt sinh hoạt chính trị về Báo cáo của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Hội nghị chính trị đặc biệt, gắn với đẩy mạnh phong trào hành động cách mạng. Qua đợt sinh hoạt đã dấy lên một phong trào rộng lớn, "Mỗi người làm việc bằng hai" trên mọi mặt sản xuất, xây dựng và sẵn sàng chiến đấu, bảo vệ miền Bắc, chi viện cho miền Nam.

Ngày 5-8-1964, Mỹ gây ra sự kiện Vịnh Bắc Bộ, quân dân miền Bắc đã giáng trả không lực Mỹ một đòn đích đáng. Các hoạt động tư tưởng đã kịp thời nêu cao chiến thắng của quân dân ta, nêu rõ ý nghĩa của chiến thắng ngày 5-8, chứng tỏ quân dân ta hoàn toàn có khả năng đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân của Mỹ. Nhân sự kiện này, công tác tuyên huấn đã phát động một làn sóng chống Mỹ dâng cao trên toàn miền Bắc. Từ đồng bằng đến miền núi, từ thành thị đến nông thôn, hàng triệu lượt người tham gia mít tinh, biểu tình lên án hành động dã man của Mỹ; khẳng định ý chí của toàn quân, toàn dân ta quyết đánh bại âm mưu và hành động mở rộng chiến tranh của Mỹ.

Thực hiện Nghị quyết số 12 của Trung ương Đảng về nhiệm vụ xây dựng quân đội và củng cố quốc phòng, kế hoạch quân sự 5 năm 1961-1965, công tác tuyên giáo đã góp phần giáo dục quán triệt hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cổ vũ các phong trào tòng quân, luyện quân, sẵn sàng chiến đấu bảo vệ miền Bắc, chi viện miền Nam.

Các năm 1961-1965, chi viện về mọi mặt của miền Bắc cho miền Nam ngày càng tăng. Về công tác tuyên giáo, hàng ngàn cán bộ tuyên truyền, huấn học, văn hóa, văn nghệ, giáo dục, báo, đài..., được cử vào chiến trường, bổ sung cho bộ phận tuyên huấn các cấp. Tiền tuyến lớn là hiện thực nóng bỏng hấp dẫn, lôi cuốn các chiến sĩ hoạt động báo chí, văn hóa, văn nghệ. Một bộ phận quan trọng các văn nghệ sĩ, nhà báo đã có mặt ở mặt trận miền Nam.

Trên lĩnh vực khoa giáo, Ban đã cùng với các đảng đoàn bộ, ngành trong khối giúp Trung ương Đảng và Chính phủ ban hành những quyết định về

các mặt công tác khoa giáo; đồng thời góp phần vào việc xây dựng các nghị quyết của Trung ương Đảng, hình thành một bước hệ thống các quan điểm cơ bản của Đảng để lãnh đạo các mặt công tác khoa giáo.

Về giáo dục, đó là:

1) Giáo dục phải phục vụ đường lối và nhiệm vụ cách mạng của Đảng.

2) Mục tiêu của giáo dục là đào tạo thế hệ trẻ trở thành những người lao động làm chủ đất nước có giác ngộ xã hội chủ nghĩa, có văn hóa và kỹ thuật, có sức khỏe; những người phát triển toàn diện để xây dựng xã hội mới; đồng thời phục vụ đắc lực cho việc đào tạo đội ngũ cán bộ xây dựng kinh tế và văn hóa xã hội chủ nghĩa và cho việc nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân.

3) Thực hiện nguyên lý "Giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, và các phương châm "Lý luận gắn liền với thực tiễn", "Học đi đôi với hành", "Giáo dục của nhà trường phải kết hợp chặt chẽ với giáo dục của xã hội".

4) Giáo dục là sự nghiệp của nhân dân; phải kết hợp lực lượng của Nhà nước với lực lượng của nhân dân để phát triển tích cực và từng bước vững chắc sự nghiệp giáo dục cho thế hệ trẻ và cho các tầng lớp nhân dân lao động; phát triển nhanh, nhiều về số lượng đồng thời phải luôn luôn coi trọng việc nâng cao chất lượng của giáo dục.

5) Thầy giáo là lực lượng cốt cán trong sự nghiệp phát triển giáo dục.

Về khoa học và kỹ thuật, đó là:

l) Khoa học và kỹ thuật phải gắn liền với sản xuất, phục vụ sản xuất phục vụ dân sinh, đồng thời phục vụ quốc phòng.

2) Xây dựng và phát triển khoa học và kỹ thuật (bao gồm khoa học tự nhiên, kỹ thuật và khoa học xa hội) một cách có trọng điểm, vững chắc; đồng thời phải tranh thủ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa, trước hết là Liên Xô, để trong vòng vài chục năm đạt tới trình độ thế giới.

3) Một mặt phải đào tạo theo quy mô lớn đội ngũ cán bộ khoa học tự nhiên, kỹ thuật và khoa học xã hội, có kế hoạch xây dựng các cơ sở nghiên cứu khoa học. Mặt khác, phải tiến hành mạnh mẽ công tác phổ biến kiến thức khoa học và kỹ thuật trong đông đảo quần chúng biến khoa học và kỹ thuật thành của cải của nhân dân lao động, phát động phong trào quần chúng mạnh mẽ tiến quân vào khoa học và kỹ thuật.

4) Đội ngũ cán bộ khoa học tự nhiên, kỹ thuật và khoa học xã hội phải là những người thông thạo nghiệp vụ, có phẩm chất chính trị tốt, một lòng, một dạ phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phải có năng lực độc lập nghiên cứu và phải biết kết hợp với đông đảo quần chúng lao động trong công tác khoa học và kỹ thuật.

Về y tế, thể dục thể thao, đó là:

1) Con người là vốn quý nhất của chế độ xã hội chủ nghĩa. Bảo vệ và bồi dưỡng sức khỏe của con người là nghĩa vụ và mục tiêu cao quý của các ngành y tế và thể dục thể thao.

2) Công tác y tế và công tác thể dục thể thao là công tác cách mạng; là sự nghiệp của toàn dân, có tác dụng quan trọng phục vụ sản xuất, phục vụ dân sinh, phục vụ xây dựng cơ bản và phục vụ quốc phòng.

3) Phải lấy nông thôn là mặt trận chủ yếu của y tế và y tế phải đi theo đường lối quần chúng.

4) Kết hợp phòng bệnh với chữa bệnh, lấy phòng bệnh làm chính. Coi trọng y học dự phòng. Phát động phong trào vệ sinh phòng bệnh và thể dục thể thao yêu nước, gây thành một cuộc vận động cách mạng thường xuyên, liên tục và lâu dài, đó không chỉ là nhiệm vụ của các ngành y tế và thể dục thể thao, mà còn là một nhiệm vụ của các đoàn thể quần chúng, của các cơ quan chính quyền của các tổ chức đảng.

5) Kết hợp chặt chẽ giữa đông y với tây y trong công tác y tế, trên các mặt phòng bệnh, chữa bệnh, sản xuất thuốc, đào tạo cán bộ và nghiên cứu khoa học, v.v..

Hệ thống các quan điểm cơ bản trên đây của Đảng về chỉ đạo phát triển từng mặt công tác khoa giáo đã được tiếp tục bổ sung và hoàn thiện từng bước trong các giai đoạn sau.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội III của Đảng các mặt công tác khoa giáo ở miền Bắc đã được phát triển mạnh nhẽ, có quy mô lớn, đặc biệt là giáo dục và y tế, trở thành hai bông hoa tươi đẹp nhất của chế độ mới, là niềm tự hào của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Năm 1965, miền Bắc có 16 triệu dân, đã có 4,5 triệu người đi học, với 10.290 trường phổ thông các cấp. Miền Bắc có 18 trường đại học và cao đẳng, với 34.000 sinh viên (cuối năm 1954 mới chỉ có khoảng l.000 sinh viên và năm 1960 có 16.700 sinh viên đại học). Mạng lưới các bệnh viện, bệnh xá, trạm y tế, nhà hộ sinh ở miền Bắc năm 1955 mới chỉ có 316 cơ sở; năm 1960 đã có 3.673 cơ sở (tăng hơn 11 lần). Cuối năm 1954, toàn miền Bắc mới chỉ có gần l00 bác sĩ và 200 y sĩ, năm 1964 đã có l.303 bác sĩ và trên 6.000 y sĩ (tăng hơn 24 lần).

Các phong trào thi đua “Hai tốt", “Vệ sinh phòng bệnh và thể dục thể thao yêu nước", phong trào xây dựng ba công trình vệ sinh (hố xí, nhà tắm, giếng nước), phong trào thuốc Nam tại xã, phong trào rèn luyện thân thể theo tiêu chuẩn, phong trào "Thể dục thể thao yêu nước chống Mỹ", phong trào "Luyện tập năm môn thể thao quốc phòng" (chạy, nhảy, bơi, bắn, võ)... khá sôi nổi, liên tục và rộng khắp.

Nét nổi bật là trong từng ngành phong trào thi đua học tập và làm theo các đơn vị tiên tiến được quan tâm tổ chức thực hiện. Về giáo dục, đó là phong trào học tập và làm theo Trường Phổ thông cấp II Bắc Lý (Lý Nhân, Hà Nam), Trường Thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa Hòa Bình, hệ thống giáo dục xã Cẩm Bình (Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh). Về y tế, đó là phong trào học tập và làm theo Nhà thương Vân Đình (Ứng Hòa, Hà Đông), Hiệu thuốc Thường Tín (Hà Đông), Trạm y tế xã Quỳnh Giang (Quỳnh Lưu, Nghệ An). Về thể dục thể thao, đó là phong trào học tập và làm theo xã Nghĩa Phú (Nghĩa Hưng, Nam Hà), xã Nam Bình (Kiến Xương, Thái Bình), xã Lập Chiêng (Lạc Sơn, Hòa Bình), Xí nghiệp May l0 Hà Nội, Trường Phổ thông cấp II Tán Thuật (Kiến Xương, Thái Bình).

Để đáp ứng nhu cầu phát triển theo quy mô lớn các sự nghiệp giáo dục và đào tạo y tế và thể dục thể thao, công tác đào tạo đội ngũ giáo viên phổ thông các cấp và đội ngũ cán bộ y tế, thể dục thể thao được quan tâm. Cùng với việc mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, đã mở thêm hai trường Đại học Sư phạm Vinh (1959) và Đại học Sư phạm Việt Bắc (1965) và hệ thống các trường sư phạm trung cấp và sư phạm sơ cấp ở các tỉnh, thành phố. Cùng với việc mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Đại học Y Dược Hà Nội, đến năm 1961 đã tách trường này thành hai trường Đại học Y và Đại học Dược Hà Nội, đến năm 1968 đã thành lập thêm hai phân hiệu Đại học Y Thái Nguyên và Đại học Y Thái Bình; hệ thống các trường trung cấp y sĩ ở các tỉnh, thành phố được hình thành. Trường Trung cấp Thể dục thể thao Trung ương đã được xây dựng năm 1959 và đến năm 1964 đã được nâng cấp thành Trường Cán bộ Thể dục thể thao Trung ương có nhiệm vụ đào tạo cán bộ thể dục thể thao trung học và đại học. Hệ thống các trường lớp sơ cấp thể dục, thể thao ở các tỉnh, thành phố được hình thành.

c) Động viên nhân dân miền Nam đánh thắng chiến lược "Chiến tranh đặc biệt"của Mỹ

Căn cứ Nghị quyết Đại hội III, các nghị quyết của Trung ương và tình hình cụ thể sau Đồng khởi, ngày 31-1-1961, Bộ Chính trị ra Chỉ thị về phương hướng và nhiệm vụ công tác trước mắt của cách mạng miền Nam. Chỉ thị xác định phương hướng đẩy mạnh hơn nữa đấu tranh chính trị, đồng thời đẩy mạnh đấu tranh vũ trang song song với đấu tranh chính trị, tiến công địch bằng cả hai mũi chính trị và quân sự.

Hội nghị thành lập Trung ương Cục miền Nam tháng 10-1961 đã bàn định các biện pháp về tư tưởng và tổ chức để thực hiện Chỉ thị của Bộ Chính trị. Ngày 23-l-1961, Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam được thành lập ở chiến khu Đ do đồng chí Nguyễn Văn Linh, Bí thư

Trung ương Cục miền Nam làm Trưởng ban, đồng chí Trần Bạch Đằng làm Phó Trưởng ban, đồng chí Trần Trọng Tân làm Ủy viên Ban. Ban Tuyên huấn Trung ương Cục có các tiểu ban: Huấn học, Giáo dục, Tuyên truyền đối nội, Tuyên truyền đối ngoại, Văn nghệ và đội văn công giải phóng. Bên cạnh các tiểu ban còn có Thông tấn xã Giải phóng và Đài Phát thanh. Thường vụ Trung ương Cục có uỷ nhiệm uỷ viên Ban phụ trách Trường Nguyễn Ái Quốc miền Nam, Báo *Giải phóng* của Mặt trận, báo *Nhân dân* miền Nam. Khu ủy Khu V, các tỉnh uỷ, huyện uỷ ở miền Nam đều thành lập Ban Tuyên huấn. Tháng 7-1961, Trung ương Cục ra Chỉ thị đánh giá mặt tiến bộ của công tác tuyên giáo; nêu lên một số hạn chế, xác định nhiệm vụ cụ thể trước mắt của công tác tuyên giáo là động viên quân dân phát huy tinh thần khắc phục khó khăn liên tục tiến công. Chấp hành Chỉ thị đó, hoạt động tư tưởng đã góp phần phát động quần chúng trên cả ba vùng: vùng núi, đồng bằng và đô thị đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang và binh vận ở khắp miền Nam. Từ anh nghiệm thực tiễn, ở các cấp tỉnh, huyện, xã đều thành lập Ban đấu tranh chính trị do một đồng chí ủy viên thường vụ cấp ủy phụ trách, có đại diện của Mặt trận, các đoàn thể tham gia. Mỗi cuộc đấu tranh đều có Ban chỉ huy công khai, có người phụ trách công tác tư tưởng, có lực lượng đấu tranh trực diện với địch, lực lượng hậu cần, lực lượng trinh sát, liên lạc… Kế hoạch đấu tranh được chuẩn bị tỷ mỷ, coi trọng công tác tư tưởng trong quần chúng, nhất là lực lượng đấu tranh trực diện với địch và tập dượt thành thục. Vai trò xung kích của phụ nữ, “Đội quân tóc dài" nổi bật trong các cuộc đấu tranh trực diện, giằng co quyết liệt với địch, giành nhiều thắng lợi. Ban Tuyên huấn các cấp đã bám sát các cuộc đấu tranh, giúp cấp ủy hướng dẫn tư tưởng, quán triệt phương châm đấu tranh, bồi dưỡng lý luận đấu tranh cho quần chúng, tuyên truyền phát huy thắng lợi phổ biến kinh nghiệm…

Tháng 10-196l, Trường Nguyễn Ái Quốc miền Nam được thành lập. Năm 1962 đã mở các khoá học về lý luận chính trị. Mỗi khoá học trong 6 tháng cho cán bộ chủ chốt các khu, các tỉnh và các đoàn thể Trung ương. Ở các khu uỷ, tỉnh uỷ cũng có trường lớp học về 1ý luận chính trị cho cán bộ.

Tháng 1l-1962, Trung ương Cục mở Hội nghị dân quân du kích Nam Bộ lần thứ nhất để tổng kết kinh nghiệm, đặc biệt là kinh nghiệm về ba mũi giáp công, đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang và binh vận, thúc đẩy phong trào chống địch càn quét và phong trào phá ấp chiến lược, mở rộng vùng giải phóng ở nông thôn. Các hoạt động tuyên huấn đã phổ biến những bài học kinh nghiệm về đánh địch, về giành và giữ quyền làm chỗ ở nông thôn; kinh nghiệm phá ấp chiến lược xây dựng làng, xã chiến đấu, thực hiện khẩu hiệu: “Dân bám đất; cán bộ, đảng viên bám dân; du kích, bộ đội bám giặc".

Đầu năm 1962, để tăng cường lãnh đạo đấu tranh, Trung ương Cục ra Chỉ thị số 8-CT đẩy mạnh công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức để tiến lên giành những thắng lợi mới. Bản Chỉ thị xác định công tác giáo dục chính trị và tư tưởng là *đòn xeo có tính chất quyết định bảo đảm những thắng lợi lớn hơn trong tình hình sắp tới.* Nhiệm vụ của công tác tư tưởng và giáo dục chính trị là tiếp tục giáo dục đảng viên nắm vững phương châm đấu tranh, phương hướng, nhiệm vụ trước mắt, nắm vững quan điểm trường kỳ gian khổ, tự lực cánh sinh, nhất định thắng lợi; đồng thời biết tranh thủ thời cơ giành thắng lợi trong từng thời gian ngắn. Theo quyết định của Trung ương Cục, tháng 4-1962 tạp chí *Tiền phong* do đồng chí Trần Trọng Tân làm Tổng Biên tập với hai ủy viên Ban Biên tập và đồng chí Trần Bạch Đằng và đồng chí Trần Văn Quang. Tạp chí lý luận chính trị của đảng bộ ra đời, góp phần tăng cường công tác giáo dục lý vận chính trị cho cán bộ, đảng viên.

Tháng 7-1962, Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam đề ra "Bốn chủ trương khẩn cấp", đòi Mỹ phải đình chỉ chính sách và hành vi xâm lược vũ trang vào miền Nam Việt Nam; đình chỉ chiến tranh, lập lại hòa bình; tổng tuyển cử tự do để bầu Quốc hội; thi hành một chính sách hòa bình trung lập. Các hoạt động tuyên truyền, đặc biệt ở các đô thị đã nêu cao "Bốn chủ trương khẩn cấp" của Mặt trận nhằm đoàn kết với tất cả những ai tán thành chống Mỹ, cứu nước. Mặt trận cũng nêu rõ việc coi những gia đình có con em phải cầm súng của giặc là gia đình đau khổ.

Ở Khu V, năm 1963 báo *Cờ giải phóng* ra đời, với danh nghĩa cơ quan của Uỷ ban Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam Khu V.

Bước sang năm 1963, Ban Thường vụ Trung ương Cục ra Chỉ thị số 43-TV về công tác tuyên truyền năm 1968. Chỉ thị xác định nhiệm vụ đẩy mạnh xây dựng lực lượng tuyên truyền, bao gồm: mọi đảng viên và đoàn viên thanh niên, các tổ chức quần chúng, lực lượng vũ trang và bán vũ trang; lực lượng chuyên trách công tác tuyên truyền của các cấp, đặc biệt chú ý xây dựng lực lượng tuyên truyền ở xã, ấp, nơi trực tiếp chiến đấu hằng ngày với địch. Về tổ chức đã thành lập tiểu ban tuyên truyền trong Ban Tuyên huấn và hội đồng tuyên truyền ở các cấp cơ sở, tổ chức một mạng lưới tuyên truyền làm nhiệm vụ tuyên truyền bí mật và thường xuyên, một đội tuyên truyền xung phong làm nhiệm vụ tuyên truyền đột xuất (đối với vùng còn bị kìm kẹp, đô thị, thị trấn, đồn điền cao su). Xây dựng trung tâm văn hóa ở mỗi xã, ấp, sinh hoạt câu lạc bộ, hoạt động văn nghệ quần chúng, nói chuyện, triển lãm, mạn đàm, đọc tin tức, báo chí, nghe Đài Giải phóng, Đài Tiếng nói Việt Nam. Câu lạc bộ nông thôn là trung tâm tổ chức sinh hoạt văn hóa quần chúng ở xóm, ấp, là cơ sở để đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hằng ngày thâm nhập sâu rộng vào quần chúng.

Tháng 1-1963, sau chiến thắng Ấp Bắc (Cai Lậy, Mỹ Tho), gương chiến đấu và bài học được nêu cao và phổ biến rộng rãi. Phong trào "Thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công" do Trung ương Cục phát động được tuyên truyền mạnh mẽ và được hưởng ứng sôi nổi.

Công tác tuyên huấn đã hỗ trợ và thúc đẩy phong trào đấu tranh của nhân dân đô thị, như cuộc đấu tranh của tín đồ Phật giáo ở Huế và Sài Gòn, cuộc tổng bãi khoá của học sinh, sinh viên Sài Gòn tháng 8-1963. Cán bộ hoạt động bí mật ở Sài Gòn đã vận động các báo tiến bộ ở Sài Gòn đưa tin, ảnh, tường thuật, bình luận..., góp phần cổ vũ các cuộc đấu tranh của nhân dân. Công tác tuyên huấn đã nhân những sự kiện đó, lên án tội bán nước, chính sách phát xít của ngụy quyền tay sai Mỹ, cổ vũ phong trào đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang của nhân dân. Tuyên huấn các cấp cùng với Mặt trận và các đoàn thể thành viên Mặt trận đã tuyên truyền và vận động thanh niên tòng quân thành phong trào diễn ra liên tục và sôi nổi. Tại Hội nghị chuyên đề chống địch lập ấp chiến lược tháng 6-1963, Trung ương Cục đã tổng kết những kinh nghiệm phong phú của nhiều địa phương, công tác tuyên huấn đã phổ biến những kinh nghiệm trong cán bộ, đảng viên trước hết là cán bộ lãnh đạo các cấp góp phần phát động nhân dân liên tục tiến công phá ấp chiến lược. Cuối năm 1963, mâu thuẫn Mỹ - Diệm và mâu thuẫn nội bộ bọn cầm đầu ngụy quân, ngụy quyền ngày càng thêm sâu sắc, buộc Mỹ phải "thay ngựa giữa dòng" bằng cuộc đảo chính lật đổ Diệm ngày 1-l1-1963. Nhân dịp này cán bộ ta đã vận động báo chí tiến bộ ở Sài Gòn phanh phui những vụ bê bối, sự bạo tàn của họ nhà Ngô và sự lục đục, tranh giành quyền lực giữa các phe phái phản động, tay sai Mỹ.

Sau khi lên thay Kennơđi làm Tổng thống Mỹ, Giônxơn tiếp tục chính sách xâm lược Việt Nam điên cuồng và trắng trợn hơn. Dựa vào Nghị quyết Hội nghị lần thứ chín của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III (tháng 12-1963), công tác tuyên huấn đã làm cho quân và dân ta nhận thấy bản chất và sự nguy hiểm của kế hoạch mới của Giônxơn để tiếp tục đấu tranh đưa cách mạng miền Nam tiến lên. Phương châm chỉ đạo đấu tranh và kết hợp đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, coi hai hình thức đấu tranh này đều có vai trò quyết định, trong đó đấu tranh vũ trang có vai trò quyết định trực tiếp. Cần phải xây dựng tư tưởng kháng chiến lâu dài, nhưng phải biết tranh thủ thời cơ, tạo thời cơ để giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn.

Ngày 15-l0-1964, một chiến sĩ lực lượng biệt động, một thanh niên công nhân, người anh hùng Nguyễn Văn Trỗi đã nêu cao khí tiết cách mạng, biến pháp trường thành nơi lên án bọn xâm lược hèn hạ. Việc địch sát hại anh Nguyễn Văn Trỗi chẳng những làm cho dư luận trong nước mà cả ở ngoài nước như Vênêduêla đều phẫn nộ. Nhiều cuộc biểu tình, mít tinh, truy điệu anh, nhiều bài thơ, bài hát, sách báo viết về anh, trong đó có

cuốn *Sống như Anh* đã tôn vinh anh là một tấm gương anh hùng, bất khuất của thế hệ thanh niên Việt Nam thời chống Mỹ.

Trong những năm 1960-1964, nhân dân miền Nam đã Đồng khởi nổi dậy và đánh thắng chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" của Mỹ. Trong bước chuyển đó, về công tác tư tưởng, đã luôn chú trọng làm cho trong Đảng và quân dân miền Nam quán triệt về phương hướng, nhiệm vụ, phương châm đấu tranh trong tình hình mới; coi trọng việc phổ biến những kinh nghiệm thực tiễn đã được tổng kết.

Trước thời cơ thuận lợi, Hội nghị Bộ Chính trị họp từ ngày 25 đến ngày 29-9-1964 chủ trương giành thắng lợi quyết định ở miền Nam trong một vài năm tới. Đến tháng 2-1965, để cứu vãn tình hình, Mỹ quyết định đưa một lực lượng quân Mỹ vào miền Nam Việt Nam và leo thang chiến tranh, dùng không quân và hải quân ném bom, bắn phá miền Bắc. Hội nghị Trung ương Cục lần thứ ba (tháng 1-1965) bàn định các chủ trương, biện pháp tăng cường lãnh đạo, sẵn sàng ứng phó với khả năng Mỹ mở rộng chiến tranh ra miền Bắc và tiến hành "Chiến tranh cục bộ" ở miền Nam. Ban tuyên giáo các cấp đã giúp cấp ủy tiến hành một đợt giáo dục trong toàn đảng bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo các cấp và lực lượng vũ trang, quán triệt Nghị quyết của Trung ương Cục, nhận rõ tình hình và nhiệm vụ, nâng cao quyết tâm đánh Mỹ, tin tưởng thắng Mỹ, chủ động tiến công địch trong mọi lúc, mọi nơi; quyết giành thắng lợi; phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, chống ảo tưởng hòa bình, cầu an, co thủ, ngại gian khổ, sợ hy sinh. Trên Đài Phát thanh Giải phóng, mở đầu phát động được phong trào thi đua giành danh hiệu "Dũng sĩ diệt Mỹ".

Lực lượng cán bộ các binh chủng tuyên giáo từ miền Bắc vào miền Nam ngày càng tăng. Cùng với các đoàn thể và lực lượng vũ trang, Ban Tuyên giáo Trung ương, Ban Tuyên huấn Trung ương Cục miền Nam và đội ngũ cán bộ tuyên giáo các cấp trong cả nước đã chịu đựng gian khổ, hy sinh, khắc phục khó khăn trong điều kiện chiến đấu quyết liệt với quân thù, triển khai với tinh thần cố gắng nhất các hoạt động tuyên truyền, thông tin, báo chí, huấn luyện, văn hóa, văn nghệ.

3. Miền Bắc vừa xây dựng vừa chiến đấu, chi viện cho miền Nam, đấu tranh thực hiện thống thất nước nhà (1965-1975)

Ngày 30-l-1968, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 1584-NQ/TW về việc chia Ban Tuyên giáo Trung ương làm hai ban: Ban Tuyên huấn Trung ương và Ban Khoa giáo Trung ương. Ban Khoa giáo Trung ương chính thức được thành lập, có nhiệm vụ giúp Trung ương nghiên cứu đường lối, chủ trương về công tác khoa học, giáo dục và kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương đó trong các đơn vị: Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Ủy ban Thể dục thể thao, Bộ Y tế, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Bộ Giáo dục. Ngay sau khi

thành lập, Ban Khoa giáo Trung ương đã thực hiện phương châm "vừa xây dựng tổ chức, vừa tiến hành công tác; kết hợp chặt chẽ tiến hành công tác với xây dựng tổ chức, bồi dưỡng cán bộ và xây dựng nền nếp làm việc; vừa chăm lo xây dựng tổ chức của cấp mình, vừa quan tâm hướng dẫn cấp dưới xây dụng tổ chức và tiến hành công tác". Bộ máy của Ban được hình thành. Ban Khoa giáo các địa phương cũng được xây dựng. Đến năm 1972, ở khu Việt Bắc cùng với 27 tỉnh, thành và 195/285 huyện, thị xã, khu phố đã bước đầu hình thành được bộ phận khoa giáo trong Ban Tuyên giáo, trong đó có khu Việt Bắc và 13/28 tỉnh, 51/285 huyện thành lập Ban Khoa giáo của cấp ủy. Tuy có sự thay đổi nói trên, nhưng công tác tuyên giáo vẫn là trách nhiệm chung của cả hai Ban.

Trong giai đoạn này, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, sức mạnh toàn dân tộc, tập trung mọi nguồn lực đánh thắng chiến lược "Chiến tranh cục bộ" và Việt Nam hóa chiến tranh của Mỹ. Mười năm dấu tranh gian khổ ác liệt, diễn ra qua những giai đoạn chính sau:

Từ năm 1965 đến năm 1968, thay thế cho chiến lược "Chiến tranh đặc biệt" đã thất bại thảm hại, đế quốc Mỹ ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ vào miền Nam, tiến hành "Chiến tranh cục bộ", đồng thời tăng cường chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc, mở rộng chiến tranh sang Lào. Như vậy, cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ đã không còn giới hạn ở miền Nam Việt Nam mà đã lan ra cả nước. Nhiệm vụ chung của toàn dân ta là đánh bại chiến tranh phá hoại miền Bắc của địch, đánh thắng "Chiến tranh cục bộ" của chúng ở miền Nam.

Cuối năm 1968, do thất bại trên chiến trường, đế quốc Mỹ phải ngừng ném bom miền Bắc, chấp nhận đàm phán hòa bình ở Pari. Ở miền Nam, địch thực hiện chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh". Miền Bắc tạm thời có hòa bình, đẩy mạnh khôi phục sau chiến tranh. Tuy nhiên, đến tháng 4-1972, trước thất bại trên chiến trường miền Nam, đế quốc Mỹ lại đánh phá ác liệt miền Bắc với những vũ khí công nghệ mới. Ngày 18-12-1972, địch đã dùng máy bay chiến lược B.52 ném bom hủy diệt Hà Nội, Hải Phòng và các tỉnh miền Bắc. Cuộc chiến đấu của nhân dân ta chống Mỹ xâm lược bước vào giai đoạn ác liệt với những thử thách mới.

Sau khi Hiệp định Pari được ký kết, từ đầu năm 1973, cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của nhân dân ta bước vào giai đoạn mới. Miền Bắc có hòa bình, khôi phục sau chiến tranh và chi viện cho miền Nam. Ở miền Nam, Mỹ rút quân nhưng để lại nhiều cố vấn Mỹ cho quân ngụy. So sánh lực lượng đã thay đổi rõ rệt, tạo thời cơ giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Trong suốt quá trình đấu tranh gian khổ 10 năm đó, công tác tuyên giáo luôn luôn gắn chặt với nhiệm vụ chính trị của từng thời kỳ, giai đoạn, đã góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của toàn Đảng toàn dân

ta, “Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào"; xứng đáng được đánh giá là lực lượng cách mạng quan trọng trong cuộc đấu tranh chung của dân tộc.

a) Động viên quân dân miền Bắc chuyển hướng xây dựng kinh tế sang thời chiến, vừa sản xuất, vừa chiến đấu, đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ và tích cực chi viện cho miền Nam

Đứng trước cuộc đụng đầu lịch sử mới, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 11 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 3-1965 đã phân tích rõ âm mưu và hành động mới của Mỹ, tính chất ác liệt của cuộc chiến tranh, nhưng đế quốc Mỹ sẽ không sao đảo ngược được thế chiến lược hiện nay ở miền Nam. Đảng và nhân dân ta quyết tâm đẩy mạnh cuộc kháng chiến để dành độc lập, thống nhất toàn vẹn cho Tổ quốc. Cả nước có chiến tranh, nhưng với hình thức và mức độ khác nhau "Miền Nam là tiền tuyến lớn và miền Bắc là hậu phương lớn". Khẩu hiệu là “Xây dựng và bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam". Đảng chủ trương chuyển hướng nền kinh tế miền Bắc sang thời chiến.

Ngày 20-7-1965, Chủ tịch Hồ Chí Minh kêu gọi: "... đồng bào miền Bắc và đồng bào miền Nam đoàn kết một lòng, kiên quyết chiến đấu; dù phải chiến đấu 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa, chúng ta cũng kiên quyết chiến dấu đến thắng lợi hoàn toàn"[52]. Ban Tuyên giáo các cấp giúp cấp ủy tổ chức quán triệt và thực hiện Nghị quyết 11 của Trung ương Đảng, Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ở miền Nam, Nghị quyết của Trung ương Cục về công tác tư tưởng năm 1965 nhằm mục tiêu đưa phong trào đấu tranh quân sự và chính trị, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân ở nông thôn và thành thị lên quy mô lớn, đạt hiệu quả cao hơn trước; giáo dục tư tưởng, tổng động viên chính trị trong toàn Đảng, toàn quân và các đoàn thể, các tầng lớp nhân dân nhằm nâng cao nhận thức về tính chất nhiệm vụ của cuộc đấu tranh cách mạng chống chủ nghĩa thực dân mới, nỗ lực tham gia tiến công địch, không sợ hy sinh, gian khổ, sẵn sàng đối phó với “Chiến tranh cục bộ" của Mỹ.

Tháng 12-1965, Hội nghị lần thứ 12 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III, sau khi xem xét và đánh giá toàn bộ tình hình, đã kết luận: tuy cuộc chiến tranh ngày càng trở nên gay go ác liệt, nhưng nhân dân ta đã có cơ sở chắc chắn để giữ vững và tiếp tục giành thế chủ động trên chiến trường, có lực lượng và điều kiện để đánh bại âm mưu trước mắt và lâu dài của địch. Các hoạt động tư tưởng trong những năm 1965-1968 đã bám sát Nghị quyết 11, 12 của Trung ương Đảng và diễn biến của cuộc chiến tranh, quán triệt trong Đảng và nhân dân những nhận định của Đảng, xây dựng ý chí quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược trong bất cứ loại chiến tranh nào, trước mắt là đánh bại chiến lược Chiến tranh cục bộ của Mỹ.

---

[52] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.12, tr.92.

Căn cứ các Nghị quyết 11, 12 của Trung ương Đảng, công tác tư tưởng đã làm rõ chủ trương của Đảng ta là tiếp tục xây dựng miền Bắc thành hậu phương chiến lược vững mạnh, bảo đảm cho kháng chiến chống Mỹ thắng lợi. Trong điều kiện trực tiếp phải đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại của Mỹ, miền Bắc phải tiếp tục được xây dựng theo phương hướng kết hợp chặt chẽ xây dựng kinh tế với củng cố và tăng cường quốc phòng, kiên quyết bảo vệ miền Bắc, đánh bại chiến tranh phá hoại và phong tỏa của máy bay,tàu chiến Mỹ, đồng thời ra sức tăng cường lực lượng về mọi mặt cho miền Nam.

Kết quả quán triệt các Nghị quyết 11, 12 của Trung ương Đảng đã góp phần khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội của quân và dân ta. Cả miền Bắc chuyển nhanh sang thời chiến. Với bản lĩnh của một dân tộc dày dạn trong đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, nhân dân miền Bắc bình tĩnh bước vào cuộc chiến đấu mới. Nhiều sáng kiến của các địa phương, các ngành, các đoàn thể được phát huy. Hàng loạt phong trào cách mạng được dấy lên, với khí thế hào hùng, sục sôi chống Mỹ. Thực hiện Chỉ thị số 104 (tháng 7-1965) của Ban Bí thư, các hoạt động văn hoá, văn nghệ phát triển rộng rãi, phong phú, sinh động, góp phần khơi sâu lòng căm thù đối với bọn xâm lược Mỹ và bè lũ tay sai, cổ vũ tinh thần yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội, giáo dục chủ nghĩa anh hùng cách mạng, bồi dưỡng khả năng sản xuất và chiến đấu của nhân dân; nâng cao sinh hoạt tinh thần của quần chúng, phục vụ sự nghiệp vĩ đại chống Mỹ, cứu nước của dân tộc. Đông đảo văn nghệ sĩ bám sát sản xuất và cuộc sống chiến đấu để sang tác. Các đội văn công ra tuyến lửa phục vụ đồng bào và chiến sĩ, ngày đêm chiến đấu và phục vụ chiến đấu. Phong trào văn nghệ quần chúng phát triển mạnh. “Tiếng hát át trong bom" là phong trào quần chúng thể hiện khí thế hào hùng, nếp sống lạc quan yêu đời của quân và dân ta trong những năm chiến tranh.

Đánh phá trường học là một trong những mục tiêu của chiến tranh phá hoại bằng không quân mà đế quốc Mỹ đã tiến hành rất dã man ở nước ta.

> Ngày 5-8-1961, Trường cấp I Xuân Giang (Hà Tinh) bị đánh phá đầu tiên. Tiếp theo là các trường ở thị xã Đồng Hới và thị trấn Hồ Xá (Vĩnh Linh). Trong thời kỳ "”ném bom hạn chế”, máy bay Mỹ đã san hết các trường từ vĩ tuyến 18 trở vào. Chỉ thị số 88-CT/TTg đã yêu cầu công tác giáo dục phải chuyển hướng cho phù hợp với điều kiện chiến tranh. Nhà trường tiếp tục phát triển. Học ban ngày, học ban đêm, học dưới hầm, dưới hào sâu, học sinh đội mũ rơm đi học, nhân dân đựng hầm chữa cho học trò… Không khí học tập sôi động, không một ngày nào bỏ học, bị đánh bom xong lại tiếp tục học. Chưa có ở đâu mà giáo dục phát triển trong chiến tranh như trên mảnh đất Việt Nam của chúng ta.

Đại hội văn nghệ toàn quốc lần thứ tư được tổ chức tháng 1-1968. Trong thư gửi Đại hội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã biểu dương những cố gắng và tiến bộ trên lĩnh vực văn nghệ và của các văn nghệ sĩ. Trong chiến tranh ác liệt, mọi hoạt động tuyên giáo (báo chí, đài phát thanh, thông tấn xã, xuất bản, giáo dục chính trị lý luận, văn hoá, văn nghệ) đều được tăng cường. Mỗi đơn vị đều có phương án bảo đảm hoạt động trong thời chiến, kể cả trong tình hình ác liệt nhất. Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước rất quan tâm đến việc chuẩn bị chu đáo, bảo đảm hoạt động nhanh chóng, liên tục của báo, đài, thông tấn xã trong tình hình mới.

Nêu cao ý chí Việt Nam, thể hiện trong Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 17-7-1966 gửi đồng bào và chiến sĩ cả nước, công tác tuyên huấn đã giáo dục tinh thần quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược, bảo vệ độc lập, tự do và thống nhất Tổ quốc, ý chí sắt đá của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, vượt qua mọi gian hổ hy sinh, quyết đánh Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn. Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua chống Mỹ, cứu nước họp ngày 30-12-1966 đã tuyên dương nhiều đơn vị anh hùng và 111 anh hùng, cổ vũ mạnh mẽ tinh thần yêu nước và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của nhân dân ta.

Công tác xây dựng Đảng về tư tưởng kịp thời chuyển hướng để bảo đảm yêu cầu lãnh đạo quân dân ta thực hiện tốt những nhiệm vụ cấp bách của miền Bắc. Thực hiện Chỉ thị số 88-CT/TW ngày 2-1-1965 của Bộ Chính trị, cuộc vận động chỉnh huấn Mùa Xuân năm 1965 được tiến hành trong toàn Đảng nhằm nâng cao ý chí phấn đấu, nâng cao thức tổ chức và kỷ luật, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cách mạng của giai cấp công nhân, khắc phục những tư tưởng lệch lạc, những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân. Việc học tập kết hợp chặt chẽ với tự phê bình và phê bình, quán triệt nhiệm vụ mới, phát huy tính tiên phong của đảng viên cộng sản, sẵn sàng đứng ở hàng đầu trên trận tuyến cách mạng. Nhân dịp những ngày kỷ niệm quan trọng, 35 năm ngày thành lập Đảng, 150 năm ngày sinh Các Mác, ngành tuyên huấn đều tiến hành các đợt giáo dục chính trị, tư tưởng trong Đảng.

Trong điều kiện mới, Ban Bí thư quyết định tăng cường hơn nữa công tác giáo dục đảng viên. Chủ tịch Hồ Chí Minh trực tiếp sửa bản dự thảo kế hoạch mở lớp thí điểm giáo dục đảng viên mới do Ban Tuyên huấn Trung ương soạn. Ban Tuyên huấn Trung ương phối hợp với Thành ủy Hà Nội mở 2 lớp thí điểm. Ngày 14-5-1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và nói chuyện với các học viên trong buổi khai giảng. Người dạy: "Để lãnh đạo cách mạng, Đảng phải mạnh. Đảng mạnh là do chi bộ tốt.

Chi bộ tốt là do các đảng viên đều tốt"[53]. Sự quan tâm đặc biệt của Chủ tịch Hồ Chí Minh và những kinh nghiệm rút ra từ các lớp thí điểm đã tạo chuyển biến mới trong lãnh đạo của các cấp ủy, đưa công tác giáo dục đảng viên đi vào nền nếp, có chương trình, kế hoạch và được tiến hành thường xuyên. Các Trường Đảng huyện được xây dựng. Bộ phận huấn học trong các Ban Tuyên giáo được tăng cường để bảo đảm thực hiện chương trình kế hoạch giáo dục đảng viên.

Tháng 6-1968, Chủ tịch Hồ Chí Minh mời các đồng chí lãnh đạo Ban Tuyên huấn và Bộ Văn hóa đến bàn việc xuất bản loại sách "Người tốt việc tốt". Người nói: Những chiến công và thành tích nổi bật, vang dội thì ai cũng có thể nhìn thấy được. Còn những việc nhỏ, bình thường thôi nhưng ích nước, lợi dân thì hay bị xem thường... Người tốt, việc tốt nhiều lắm, ở đâu cũng có. Ngành giới nào, địa phương nào, lứa tuổi nào cũng có... Những gương người tốt, làm việc tốt muôn hình muôn vẻ là vật liệu quý để các chú xây dựng con người. Lấy gương tốt trong quần chúng nhân dân và cán bộ, đảng viên để giáo dục lẫn nhau còn là một phương pháp, lấy quần chúng giáo dục quần chúng rất sinh động và có sức thuyết phục rất lớn. Đó cũng là cách thực hành đường lối quần chúng trong công tác giáo dục. Về tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, Bác nói: Hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là phải sống với nhau có tình có nghĩa. Mấy chục năm nay cán bộ, đảng viên và nhân dân ta thực hành chủ nghĩa Mác - Lênin bằng cách ai ai cũng làm tròn nhiệm vụ cách mạng và sống với nhau có tình có nghĩa ấy. Nêu gương người tốt, việc tốt có thật trong nhân dân và cán bộ, đảng viên ta mà giáo dục lẫn nhau, đó chính và tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin một cách thiết thực nhất.

Thực hiện lời chỉ dạy của Bác, Ban Tuyên huấn Trung ương đã tích cực chỉ đạo biên soạn và xuất bản cuốn sách *Người tốt, việc tốt;* đúng ngày 2-9-1968, các cuốn sách đầu tiên ra mắt bạn đọc. Đến giữa năm 1969, số lượng xuất bản đạt gần 9,8 vạn cuốn.

Hoạt động tuyên huấn ở các địa phương, cơ sở đã nảy sinh những cái hay, những cách làm tốt. Năm 1967, từ kinh nghiệm của phong trào thi đua "Hai giỏi" ở Quảng Bình và cuộc vận động "Báo công" ở Thái Bình, Ban Tuyên huấn Trung ương đã tổ chức nghiên cứu tại chỗ, rút kinh nghiệm và kiến nghị với Ban Bí thư đưa cuộc vận động "Báo công, lập công" thành nền nếp hằng năm (Chỉ thị số 153-CT/TW của Ban Bí thư, ngày 24-6-1967). Đây là một hình thức lấy quần chúng giáo dục quần chúng, nâng cao tính quần chúng của công tác tư tưởng.

Từ khi bước vào cuộc chiến đấu chống Mỹ, cứu nước, công tác tuyên truyền đối ngoại được tăng cường. Được sự giúp đỡ của anh em bạn bè

[53] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.12, tr.407.

trên thế giới, chúng ta đã tích cực tranh thủ các diễn đàn quốc tế, thông qua các hoạt động ngoại giao, nêu cao cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân ta chống đế quốc Mỹ xâm lược, tố cáo tội ác dã man của Mỹ, tranh thủ được sự đồng tình ủng hộ to lớn của anh em bè bạn và nhân dân tiến bộ trên thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Mỹ.

Thắng lợi vang dội của ta trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1968 ở miền Nam và thắng lợi trong chống chiến tranh phá hoại lần thứ nhất của Mỹ đối với miền Bắc đã buộc Tổng thống Mỹ phải tuyên bố ngừng ném bom miền Bắc, chấp nhận đàm phán với ta ở Pari. Các hoạt động tư tưởng đã nêu cao thắng lợi của ta, sự thất bại không sao cưỡng lại được của đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam và tuyên truyền phổ biến rộng rãi Lời kêu gọi ngày 3-11-1968 của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Chúng ta đã đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc. Song đó chỉ mới là thắng lợi bước đầu. Đế quốc Mỹ rất ngoan cố và xảo quyệt… Vì vậy, nhiệm vụ thiêng liêng của toàn dân ta lúc này là phải nâng cao *tinh thần quyết chiến quyết thắng, quyết tâm giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc.* Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi"[54].

b) Động viên quân dân miền Nam đánh bại các cuộc phản công chiến lược của Mỹ, làm phá sản chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của chúng

Trong "Chiến tranh cục bộ", quân dân ta ở miền Nam phải trực tiếp đương đầu với quân viễn chinh Mỹ và chư hầu, tay sai, với bộ máy chiến tranh khổng lồ chưa từng có trong lịch sử chiến tranh xâm lược nước ta. Chúng ta quyết đánh, nhưng bằng cách nào để đánh thắng Mỹ vẫn là một câu hỏi lớn, một vấn đề tư tưởng mà Đảng ta, quân, dân ta phải giải quyết trong những ngày đầu quân Mỹ đổ bộ vào miền Nam.

Nghị quyết của Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Đà xác định: Chúng ta có nhiệm vụ đánh Mỹ, trước tiên bằng "hai chân, ba mũi" để đóng góp kinh nghiệm cho toàn Miền và góp phần đánh bại ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ. Tỉnh ủy gửi thư động viên quân, dân toàn tỉnh kiên quyết đánh Mỹ. Ban Tuyên giáo phối hợp với các ngành, các đoàn thể tiến hành cuộc vận động: Nhà nhà đón thư Đảng, bàn việc chống Mỹ, cứu nước; toàn dân hiến kế đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Khu ủy Khu V lãnh đạo đánh trận đầu với quân Mỹ ở Núi Thành đêm 26-5-1965, diệt gọn một đại đội, thu toàn bộ vũ khí. Tiếp đó là chiến thắng lớn của quân, dân ta ở Vạn Tường (tháng 8-1965), đánh bại trận ra quân rầm rộ, hiệp đồng binh chủng đầu tiên của quân Mỹ trên một khu vực do chúng lựa chọn… Công tác tuyên truyền của ta đã nêu rõ ý nghĩa của chiến thắng Núi Thành, Vạn Tường, chứng tỏ quân, dân ta có khả năng đánh bại quân Mỹ mặc dù chúng có

[54] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.12, tr.425, 426.

ưu thế về số lượng, hỏa lực và sức cơ động. Những chiến thắng đó được thông tin nhanh chóng làm nức lòng quân dân cả nước và là thực tế chứng minh quân, dân ta ở miền Nam biết đánh thắng các quân, binh chủng Mỹ, có khả năng đánh tiêu diệt từng đơn vị Mỹ, làm chủ chiến trường.

Những kinh nghiệm phong phú của quân và dân ta là cơ sở thực tiễn để tiến hành công tác tư tưởng có sức thuyết phục cao, từng bước giải quyết những băn khoăn của đồng bào và chiến sĩ ta trong thời gian đầu trực tiếp chiến đấu với quân Mỹ. Từ chỗ dám đánh, quân và dân ta đã tiến lên biết cách đánh thắng Mỹ. Quyết tâm kháng chiến và niềm tin chiến thắng được củng cố vững chắc hơn. Phong trào "Tìm Mỹ mà diệt", thi đua trở thành "Dũng sĩ diệt Mỹ" phát triển rộng khắp.

Phát huy thắng lợi Đông Xuân 1965-1966, thực hiện Chỉ thị ngày 26-6-1966 của Thường vụ Trung ương Cục, các đảng bộ ở miền Nam tăng cường công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng, động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân nỗ lực vượt bậc, quyết chiến, quyết thắng, giành thắng lợi to lớn trong năm 1967. Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng được đặt thành công tác trọng tâm hàng đầu, nhằm xây dựng con người quyết chiến, quyết thắng giặc Mỹ xâm lược. Năm 1967, các đảng bộ địa phương tiến hành ba đợt giáo dục chính trị, tư tưởng: Đợt mùa Xuân sinh hoạt chính trị theo Lời chúc mừng năm mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh; đợt mùa Hè học tập nghị quyết của cấp trên, tiến hành chỉnh huấn; đợt mùa Đông động viên chính trị, quán triệt nhiệm vụ Đông Xuân 1967-1968. Kết quả của công tác giáo dục chính trị, tư tưởng năm 1967 đã nâng cao ý chí quyết chiến, quyết thắng cho đảng viên, cán bộ, chiến sĩ và quần chúng, củng cố sự vững vàng trong nội bộ, đồng thời góp phần tiến công mạnh vào các hoạt động chiến tranh tâm lý, chiêu hồi, chiêu hàng rất xảo quyệt của địch.

Hòa nhịp với phong trào "Thanh niên ba sẵn sàng", "Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước" ở miền Bắc, thanh niên miền Nam đẩy mạnh phong trào "Năm xung phong". Các đoàn cán bộ quân sự và cán bộ các ngành, trong đó có hàng ngàn cán bộ thông tin, báo chí, văn hóa, giáo dục và nhiều phương tiện công tác được tăng cường cho miền Nam.

Với lực lượng ngày càng được tăng cường, quân dân miền Nam đánh mạnh, đánh hiểm, giáng cho địch những đòn đau, và tích cực chuẩn bị mọi mặt, quyết tâm đánh bại những cố gắng cao nhất của địch trong mùa khô 1966-1967.

Tháng 6-1967, căn cứ những diễn biến thực tế trên chiến trường, Hội nghị Bộ Chính trị nhận định những thắng lợi to lớn, toàn diện mà quân và dân ta giành được trên cả hai miền Nam, Bắc đã làm thất bại một bước rất cơ bản chiến lược "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ, đẩy chúng vào

thế lúng túng và bị động cả về chiến lược lẫn chiến dịch. Về phía ta, thế và lực đang có những tiến bộ, cho phép ta trên cơ sở phương châm đánh lâu dài, đẩy mạnh nỗ lực chủ quan đến mức cao nhất để giành thắng lợi quyết định trong một thời gian tương đối ngắn. Thực hiện mục tiêu đó, các đảng bộ ở miền Nam đặc biệt coi trọng công tác tư tưởng trong Đảng, quân đội và nhân dân. Tháng 9-1967, Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua, dũng sĩ diệt Mỹ lần thứ hai biểu dương mạnh mẽ thắng lợi to lớn của quân, dân miền Nam chống "Chiến tranh cục bộ" của Mỹ. Các hoạt động tuyên truyền, giáo dục đã nêu cao những tấm gương chiến đấu dũng cảm và mưu trí của các anh hùng dũng sĩ, tạo một khí thế sục sôi cách mạng, hết sức khẩn trương, thừa thắng xông lên, liên tục tiến công, đè bẹp ý chí xâm lược của giặc Mỹ. Thực hiện hướng dẫn của Trung ương Cục, các cấp ủy đảng tiến hành củng cố các Ban Tuyên huấn, tăng cường cán bộ, bồi dưỡng về chính trị, nghiệp vụ và hướng dẫn công tác để Ban Tuyên huấn các cấp giúp cấp ủy đắc lực hơn trong công tác phát động tư tưởng quần chúng, chuẩn bị cho một giai đoạn lịch sử đặc biệt với quyết tâm chiến lược lớn sắp tới.

Tháng 1-1968, Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III quyết định "chuyển cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân ta ở miền Nam sang một thời kỳ mới - thời kỳ giành thắng lợi quyết định". Thực hiện Nghị quyết của Trung ương Đảng, các đảng bộ ở miền Nam, các lực lượng vũ trang và chính trị trên khắp các chiến trường, từ vùng núi đến nông thôn đồng bằng và các đô thị khẩn trương chuẩn bị mọi mặt cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy. Đêm 20-l-1968, chủ lực ta bất ngờ tiến công mãnh liệt tập đoàn cứ điểm Khe Sanh ở phía tây Quảng Trị trên Đường 9, thuộc phòng tuyến Mắc Namara của Mỹ. Giữa lúc địch đang bị động chống đỡ ở Đường 9, Khe Sanh, đêm 30-l-1968 (30 Tết Mậu Thân), lực lượng vũ trang ta mở cuộc tiến công và nổi dậy đồng loạt ở 41 thành phố, thị xã và hàng trăm quận lỵ, thị trấn trên toàn miền Nam, đánh trúng nhiều sào huyệt và cơ quan đầu não của địch, đặc biệt ở các thành phố lớn như Sài Gòn, Huế...

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân đã thu hút sự quan tâm đặc biệt của nhân dân trong nước và dư luận tiến bộ trên thế giới. Các hoạt động tuyên huấn trong cả nước, nhất là báo chí, đài phát thanh đã bám sát diễn biến tình hình, thông tin nhanh chóng chiến thắng lớn của ta, thất bại nặng nề của địch; đặc biệt nêu rõ ý nghĩa cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, là lần đầu tiên quân ta đánh thẳng vào sào huyệt, hang và các cơ quan đầu não của địch, gây hoang mang lớn trong đội ngũ của chúng.

Cuộc tiến công mạnh mẽ của quân, dân ta đã làm cho kế hoạch chiến tranh và thế bố trí chiến lược của địch bị đảo lộn, Mỹ - ngụy càng lún sâu hơn vào thế bị động về chiến lược. Ở miền Nam, Trung ương Cục liên tiếp ra hai chỉ thị (ngày 1-2 và ngày 27-2- 1968) hướng dẫn công tác

tuyên truyền, cổ vũ mạnh mẽ quân, dân miền Nam thừa thắng xốc tới và đẩy mạnh công tác binh vận.

Đêm 31-3-1968, Tổng thống Mỹ Giônxơn đã phải tuyên bố trên truyền hình Mỹ ba điểm: chấp nhận ngồi đàm phán với Việt Nam, ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, không ra tranh cử Tổng thống nhiệm kỳ tiếp theo. Đây là bước xuống thang đầu tiên của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam.

Tuy nhiên, lợi dụng sơ hở của ta do dồn lực lượng đánh vào đô thị, không củng cố vững chắc các vùng đã giành được quyền làm chủ ở nông thôn, những tháng cuối năm 1968 địch dồn sức tiến hành các chiến dịch bình định giành lại những khu vực bị mất trong các đợt tiến công và nổi dậy. Trước những diễn biến mới của tình hình, đã xuất hiện những đánh giá khác nhau về kết quả tiến công và nổi dậy, nảy sinh tâm lý hoài nghi, bi quan. Căn cứ vào những nhận định của Trung ương Đảng, công tác tư tưởng đã nêu rõ ý nghĩa thắng lợi, lớn nhất là đã đánh một đòn quyết định làm phá sản chiến lược Chiến tranh cục bộ, bước leo thang cao nhất của Mỹ trong chiến tranh xâm lược Việt Nam, từ đó làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, tạo nên bước ngoặt mới của chiến tranh. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 giữ một vị trí rất to lớn và oanh liệt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam anh hùng.

c) Động viên quân, dân cả nước đánh bại những hành động chiến tranh mới của Mỹ, đánh cho "Mỹ cút, ngụy nhào", giải phóng hoàn toàn miền Nam (1969-1975)

Ngày *1-1-1969,* nhân dịp năm mới, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi Thư chúc Tết chiến sĩ và đồng bào ta *"Năm mới đoàn kết, chiến đấu thắng lợi"*[55], Người khẳng định: chắc chắn giặc Mỹ sẽ hoàn toàn thất bại. Quân và dân ta trong cả nước, thừa thắng xông lên, nhất định sẽ thắng lợi hoàn toàn"[56]. Người kêu gọi quân và dân ta:

"Vì độc lập, vì tự do,

Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào.

Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào,

Bắc - Nam sum họp, Xuân nào vui hơn!"[57]

Thư chúc Tết của Chủ tịch Hồ Chí Minh được soạn thành bài hát, được liên tục tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân, thanh niên và lực lượng vũ trang. "Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào" trở thành trùng kèn xung

[55] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.12, tr.425, 426.
[56] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.12, tr.425, 426.
[57] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t. 34, tr. 258.

trận, động viên quân và dân cả nước quyết tâm chiến đấu vì mục tiêu giải phóng miền Nam.

- Vạch rõ âm mưu mới của Mỹ, động viên quân dân miền Nam đánh thắng chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh"

Buộc phải chấp nhận đàm phán với ta tại Hội nghị Pari về Việt Nam (họp từ tháng 1-1969) nhưng Mỹ vẫn ngoan cố tiến hành chiến tranh để duy trì chế độ thực dân mới ở miền Nam Việt Nam. Tháng 5-1969, chính quyền Níchxơn đề ra chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh, thực chất là ra sức củng cố chính quyền và quân đội Sài Gòn, đồng thời từng bước rút quân (rút quân nhỏ giọt), để tránh ảnh hưởng đột ngột đến tinh thần quân ngụy và so sánh lực lượng trên chiến trường. Chúng tập trung nỗ lực xây dựng quân ngụy để thay thế quân Mỹ trong chiến đấu trên bộ ở Nam Việt Nam và là lực lượng xung kích trên toàn chiến trường Đông Dương. Biện pháp then chốt của chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh" là tiến hành bình định nông thôn nhằm giành dân, kiểm soát đại bộ phận dân chúng, hòng đánh bật lực lượng cách mạng ra khỏi các thôn, ấp, vơ vét sức người và của, triệt phá cơ sở hạ tầng, triệt nguồn bổ sung nhân lực và hậu cần tại chỗ của lực lượng cách mạng.

Sau Tổng tiến công và nổi dậy, các đảng bộ ở miền Nam tiến hành sinh hoạt chính trị trong Đảng và các lực lượng vũ trang nhằm đánh giá đúng thắng lợi, giữ vững và nâng cao ý chí chiến đấu, khắc phục những tư tưởng lệch lạc. Ở Nam Bộ, Hội nghị lần thứ tám của Trung ương Cục quyết định tiến hành sinh hoạt chính trị, giáo dục tư tưởng trong Đảng theo nội dung "5 xây, 5 chống". Trong các đoàn thể quần chúng, sinh hoạt chính trị theo chủ đề "Không có gì quý hơn độc lập, tự do"; tăng cường các hoạt động chống chiến tranh tâm lý của địch.

Ngày 2-9-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời - một tổn thất lớn lao của Đảng và của dân tộc. Các đảng bộ tổ chức để tang Bác và tiến hành công tác giáo dục tư tưởng, giữ vững niềm tin tất thắng vào sự lãnh đạo của Đảng, đoàn kết xung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng, biến đau thương thành sức mạnh, kiên quyết đánh bại âm mưu mới của địch, chống các luận điệu chiến tranh tâm lý của chúng.

Mùa thu năm 1969, Bộ Chính trị chỉ đạo các chiến trường chuyển hướng hành động nhằm đánh mạnh vào kế hoạch bình định của địch. Sự chuyển hướng trong chỉ đạo của Bộ Chính trị phù hợp với yêu cầu bức xúc của tình hình, đã tác động tích cực đến tư tưởng cán bộ, đảng viên, lãnh đạo các cấp. Công tác tuyên huấn đã góp phần làm thấu suốt chủ trương của Đảng, biểu dương những gương tốt bám trụ địa bàn phổ biến kinh nghiệm phá bình định có kết quả.

Tháng 1-1970, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần thứ 18, điểm lại tình hình từ Tết Mậu Thân, đề ra phương hướng, giải pháp đưa cuộc kháng

chiến tiến lên. Triển khai Nghị quyết Trung ương, công tác tuyên huấn đã chú trọng làm rõ những ưu điểm và khuyết điểm trong chỉ đạo thời gian qua, những bài học sinh nghiệm về vận dụng đường lối chiến tranh của Đảng, nhất là bài học phải nắm vững quy luật, giành thắng lợi từng bước, tiến lên giành thắng lợi quyết định; xác định đúng phương hướng tiến công chính; kết hợp tiêu diệt địch với giành dân; coi trọng công tác hậu cần tại chỗ. Nghị quyết 18 đánh dấu bước chuyển quan trọng về chỉ đạo chiến tranh trong tình hình địch thay đổi chiến lược. Thông qua các hoạt động tuyên huấn, Nghị quyết Trung ương được truyền xuống các cấp, tạo ra một không khí mới, củng cố sự nhất trí về nhận định tình hình và nhiệm vụ, nâng cao niềm tin và tinh thần tiến công, khắc phục tư tưởng hữu khuynh và các hiện tượng tiêu cực.

Đầu năm 1970, Mỹ mở rộng chiến tranh sang Campuchia và Lào hòng chặt đứt hành lang tiếp vận của ta từ Bắc vào Nam qua Trung và Hạ Lào, đánh bật lực lượng ta ra khỏi địa bàn chiến lược ở Campuchia, tiến hành chiến tranh trên toàn cõi Đông Dương. Công tác tuyên huấn đã giải thích rõ trong Đảng, trong nhân dân và các lực lượng vũ trang về quan điểm Đông Dương là một chiến trường; chỉ rõ âm mưu mới của Mỹ, giáo dục nâng cao tinh thần quốc tế, sát cánh với nhân dân Lào và Campuchia chống đế quốc Mỹ và tay sai. Miền Nam là chiến trường quan trọng nhất, chi phối toàn bộ cục diện chiến trường Đông Dương.

Trước yêu cầu bức xúc của phong trào ở cơ sở, những tháng đầu năm 1971, Ban Tuyên giáo các cấp giúp cấp ủy tổ chức thực hiện quyết định của Trung ương Cục mở đợt bồi dưỡng nâng cao nhận thức, tư tưởng cho đảng viên và cán bộ cơ sở, đặc biệt là đối với các đảng viên thuộc các chi bộ mật, giúp cho anh chị em nhận thức đúng phương châm chiến lược của Đảng, kiên định lập trường và ý chí chiến đấu; có hiểu biết cần thiết về lý tưởng cộng sản, mục tiêu và lý tưởng của Đảng, lập trường của giai cấp công nhân và quan điểm quần chúng của Đảng.

Thắng lợi có ý nghĩa chiến lược của cách mạng ba nước Đông Dương và thắng lợi đẩy lùi kế hoạch bình định của địch, giành lại quyền làm chủ ở nhiều vùng nông thôn miền Nam đã tác động lớn đến quân dân cả nước ta. Công tác tuyên huấn đã kịp thời phát huy thắng lợi, cổ vũ nâng cao thêm niềm tin và ý chí chiến đấu, đẩy lùi các hiện tượng hữu khuynh, tiêu cực đã phát sinh trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn những năm 1969-1970, động viên quân, dân cả nước khẩn trương tạo thế và lực, chuẩn bị cho cuộc tiến công mới, giành thắng lợi quyết định trong năm 1972.

Đầu năm 1972, Hội nghị lần thứ 20 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III quyết định động viên toàn lực, cố gắng vượt bậc, anh dũng tiến lên, đẩy mạnh cuộc kháng chiến, đoàn kết với quân và dân Lào và

Campuchia anh em, đánh bại chính sách “Việt Nam hóa chiến tranh" của Mỹ.

Thực hiện chủ trương của Đảng, ngày 30-8-1972, cuộc tiến công chiến lược, mở đầu quyết liệt trên cả ba hướng: Trị Thiên, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ. Các hoạt động tuyên huấn đã kịp thời tuyên truyền chiến thắng và phổ biến rộng rãi thư của Trung ương Đảng gửi đồng bào và chiến sĩ trên các mặt trận, cổ vũ quân, dân cả nước thực hiện *Di chúc* thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quyết tâm chiến đấu giành thắng lợi lớn nhất cho công cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước. Các hoạt động tư tưởng đã nêu cao gương chiến đấu dũng cảm, ngoan cường của quân, dân ta trên các mặt trận, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng ý chí chiến đấu "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", theo sát diễn biến trên chiến trường cả nước, thông tin kịp thời những chiến thắng của ta trên cả ba vùng chiến lược, bằng ba mũi giáp công, trên ba mặt trận quân sự, chính trị, ngoại giao; lấy thắng lợi của mỗi miền cổ vũ lẫn nhau, chiến đấu hiệp đồng, quyết giành thắng lợi lớn nhất trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước như Trung ương Đảng đã kêu gọi.

- *Động viên quân dân miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh, tăng cường chi viện tiền tuyến, đánh thắng* oanh *liệt cuộc chiến tranh phá hoại lớn thứ hai của Mỹ*

Trước thắng lợi của cả nước, cuối năm 1968 Mỹ buộc phải xuống thang chiến tranh, ngừng ném bom miền Bắc. Quân và dân miền Bắc bắt tay khôi phục kinh tế. Để thực hiện các nhiệm vụ năm 1969 theo Nghị quyết tháng l0-1968 của Bộ Chính trị, trong 6 tháng đầu năm, toàn Đảng đã tiến hành hai đợt giáo dục chính trị, tư tưởng: Nghiên cứu bài "Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân" của Chủ tịch Hồ Chí Minh viết nhân kỷ niệm lần thứ 39 ngày thành lập Đảng; sinh hoạt chính trị về tình hình và nhiệm vụ nhân kỷ niệm lần thứ 79 ngày sinh của Bác. Qua hai đợt sinh hoạt chính trị, tư tưởng, các tổ chức đảng và đảng viên đã nhận thức đúng đắn hơn về tình hình và nhiệm vụ, tích cực lãnh đạo khôi phục sản xuất, khắc phục những khuyết điểm trong quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, giáo dục đảng viên về phẩm chất đạo đức cách mạng.

Sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời tác động mạnh đến tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân. Các hoạt động tư tưởng đã coi trọng việc phổ biến sâu rộng Lời kêu gọi và Điếu văn của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, đời đời ghi nhớ công hiến vĩ đại của Người đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng, giai cấp và dân tộc, nguyện ra sức phấn đấu thực hiện những lời Người căn dặn trước lúc đi xa. Công tác tuyên huấn đã phản ánh kịp thời những hoạt động của đồng bào ở mọi miền đất nước và kiều bào ở nước ngoài trong dịp lễ tang, tình cảm quý báu của các Đảng Cộng sản và Công nhân trên thế giới, các nước anh em và bạn bè quốc tế chia

sẻ nỗi đau thương của Đảng và nhân dân ta. Cuối năm 1969 và đầu năm 1970, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tiến hành đợt sinh hoạt chính trị "Học tập và làm theo Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh" gắn với tích cực triển khai các cuộc vận động lớn: cuộc vận động lao động sản xuất; cuộc vận động phát huy dân chủ, tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng xã viên ở nông thôn; đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp phát triển toàn diện, mạnh mẽ và vững chắc; cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp đảng viên lớp Hồ Chí Minh (19-5-1970- 19-5-1971).

Góp phần thực hiện nhiệm vụ xây dựng Đảng, công tác giáo dục, bồi dưỡng nâng cao trình độ lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên được đẩy mạnh. Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 40 ngày thành lập Đảng, theo quyết định của Bộ Chính trị, đồng chí Bí thư thứ nhất Lê Duẩn viết cuốn sách: *Dưới lá cờ vẻ vang của Đảng, vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội, tiến lên giành những thắng lợi mới.* Đây là một tác phẩm lý luận, tổng kết những kinh nghiệm lớn của Đảng ta trong lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, cách mạng xã hội chủ nghĩa và công tác xây dựng Đảng để vận dụng và phát huy, đẩy mạnh sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đợt nghiên cứu tác phẩm *Dưới lá cờ vẻ vang...* được tổ chức trong toàn Đảng đã nâng cao thêm nhận thức và niềm tin vào đường lối của Đảng, giúp cho cán bộ, đảng viên vận dụng vào giải quyết những vấn đề đang đặt ra trong thực tiễn sản xuất và chiến đấu.

Tháng 12-1970, Ban Tuyên huấn Trung ương xây đựng đề án, trình Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Nghị quyết số 210 về công tác chính trị và tư tưởng. Nghị quyết xác định nhiệm vụ của công tác giáo dục lý luận chính trị và tư tưởng là: Nâng cao một bước quan trọng phẩm chất cách mạng, trình độ chính trị năng lực vận dụng lý luận Mác - Lênin và đường lối, chính sách của Đảng vào thực tiễn công tác, năng lực tổ chức và quản lý kinh tế cho cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành. Nội dung giáo dục lý luận chính trị và tư tưởng bao gồm những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin, đường lối, chính sách của Đảng; những hiểu biết cần thiết về đất nước và lịch sử Việt Nam, về thế giới hiện đại; những quan điểm của Đảng về các mặt công tác, nhất là về kinh tế, công tác đảng và lịch sử Đảng ta. Để thực hiện nhiệm vụ đó, cần nâng cao chất lượng công tác giáo dục lý luận cơ bản trong các trường đảng và các trường, lớp tại chức, xây dựng chế độ báo cáo thời sự, chính sách, làm cho việc đọc sách, báo trong Đảng thành một thói quen, một nhu cầu hằng ngày trong nếp sống của cán bộ, đảng viên; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ và các cuộc hội nghị cán bộ các cấp; quy định chế độ cán bộ các cấp hằng năm có thời gian tham gia công tác thực tế các cơ sở sản xuất, chú trọng những điển hình tiên tiến và cả những cơ sở còn yếu kém. Thực hiện Nghị quyết số 210, các trường đảng tỉnh được kiện toàn,

trường đảng huyện được xây dựng, lực lượng báo cáo viên thời sự, chính sách và lực lượng giảng viên lý luận được tăng cường, đầu tư cho công tác giáo dục, bồi dưỡng cán bộ, đảng viên tăng hơn trước.

Để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ tuyên huấn, năm 1969 Ban Tuyên huấn Trung ương tiến hành khảo sát thực trạng đội ngũ cán bộ của ngành, xây dựng kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ toàn ngành các năm 1969-1975.

Năm 197l, miền Bắc bị lụt nặng trên diện tích lớn. Các hoạt động tư tưởng đã nêu cao những tấm gương dũng cảm, hy sinh của nhân dân, bộ đội và cán bộ, đảng viên để bảo vệ đê điều, cứu người và tài sản; những hoạt động tích cực của các cấp, các ngành và phong trào quần chúng giúp đỡ lẫn nhau khắc phục hậu quả thiên tai, mau chóng khôi phục sản xuất, ổn định đời sống…

Các ngành trong khối khoa giáo đều tổ chức các phong trào học tập và làm theo các điển hình tiên tiến. Tháng 7-1971, được sự phối hợp của Đảng đoàn Bộ Giáo dục, Ban Khoa giáo Trung ương đã triệu tập Hội nghị tổng kết kinh nghiệm của các đơn vị tiên tiến về giáo dục toàn miền Bắc, đặc biệt là kinh nghiệm của ba đơn vị điển hình tiên tiến là Trường phổ thông cấp II Bắc Lý (Lý Nhân, Hà Nam), Trường Thanh niên lao động xã hội chủ nghĩa Hòa Bình, hệ thống giáo dục xã Cẩm Bình (Cẩm Xuyên, Hà Tỉnh). Hội nghị đã rút ra những bài học kinh nghiệm lớn; đề ra các phương hướng và biện pháp để đẩy mạnh hơn nữa phong trào thi đua "hai tốt" theo gương các điển hình tiên tiến về giáo dục trong những năm tiếp theo.

Để động viên phong trào quần chúng thực hiện nhiệm vụ năm 1972, thi hành Chỉ thị của Ban Bí thư, tháng 12-1971 và tháng 1-1972 các cấp ủy đảng chỉ đạo tiến hành đợt báo công, lập công trong nhân dân, tự phê bình và phê bình trong các tổ chức đảng và Nhà nước. Đây là một hình thức công tác chính trị, tư tưởng công tác vận động quần chúng phù hợp với quan điểm của Đảng: cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, mọi thành tựu của cách mạng là công lao của quần chúng. Qua báo công, lập công, quần chúng tự giáo dục mình và giáo dục lẫn nhau, nâng cao thêm lòng tự hào về Tổ quốc ta, nhân dân ta, về sự nghiệp cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng, hiểu rõ hơn ý nghĩa mỗi việc mình làm và công lao sức mạnh của tập thể, phấn khởi thi đua lập công mới.

Tháng 2-1972, Níchxơn tiến hành những hoạt động ngoại giao hòng cô lập Việt Nam, bóp nghẹt cuộc kháng chiến của quân và dân ta. Căn cứ nghị quyết và chủ trương của Đảng, công tác tư tưởng đã kịp thời vạch rõ mưu đồ xảo quyệt của Mỹ, khẳng định quyết tâm không gì lay chuyển được của quân và dân ta là đánh bại chiến lược "Việt Nam hóa chiến tranh"; đánh bại mọi âm mưu và thủ đoạn đối phó mới của địch. Hành

động ngoại giao của Mỹ và những hành động mở rộng chiến tranh của chúng đối với miền Bắc chỉ làm nung nấu thêm chí căm thù và quyết tâm chiến đấu của quân và dân ta. Mọi hoạt động chuẩn bị cho cuộc tiến công chiến lược mới được đẩy mạnh đi đôi với sẵn sàng đánh bại địch nếu chúng ném bom bắn phá trở lại hoặc mở rộng chiến tranh trên bộ ra miền Bắc.

Từ ngày 6-4-1972, Mỹ ném bom, bắn phá trở lại miền Bắc và từ ngày 8-5-1972 thả thủy lôi phong tỏa các cảng biển, cảng sông của ta hòng cắt đứt nguồn tiếp tế từ ngoài vào và đường vận chuyển Bắc - Nam. Quân và dân miền Bắc đã chuẩn bị sẵn sàng, bình tĩnh bước vào cuộc thử thách mới quyết liệt và phức tạp hơn. Các hoạt động tư tưởng, trong đó báo chí và lực lượng xung kích, với đội ngũ phóng viên (tin, ảnh, quay phim) nhanh nhạy, xông xáo, dũng cảm, bám sát cuộc chiến đấu hào hùng của quân và dân ta, tuyên truyền cho chiến thắng bằng trí tuệ và sức mạnh của cả dân tộc. Địch đánh phá quyết liệt nhưng báo chí từ Thủ đô vẫn phát hành thường xuyên, tính chiến đấu được nâng cao. Tiếng nói Việt Nam vẫn vang lên đều đặn, đến với thính giả trong nước và trên thế giới.

Trước sự lật lọng của chính quyền Mỹ về những thỏa thuận đã đạt được ở Pari, căn cứ Tuyên bố của Chính phủ ta ngày 26-l0- l972, các hoạt động tuyên truyền đã tập trung nêu cao lập trường đúng đắn của ta, vạch trần sự tráo trở, lật lọng của Mỹ trước dư luận trong nước và quốc tế, góp phần động viên mạnh mẽ làn song đấu tranh đòi Mỹ phải ký ngay Hiệp định, chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam; kịp thời phổ biến trong nhân dân và các lực lượng vũ trang nhận định của Trung ương về âm mưu của Mỹ tiếp tục kéo dài chiến tranh trong một thời gian nữa để giành thắng lợi về quân sự nhằm kết thúc chiến tranh trên thế mạnh; giáo dục nâng cao cảnh giác đối với những hành động chiến tranh mới của chúng. Miền Nam phải tiếp tục phát triển tiến công, miền Bắc phải sẵn sàng chiến đấu đến mức cao nhất và rút kinh nghiệm đánh B.52 có hiệu quả hơn, thắng lớn hơn.

Cuộc tập kích bằng B.52 của Mỹ vào Hà Nội là đỉnh cao trong chiến tranh phá hoại bằng không quân của Mỹ ở miền Bắc nước ta. Các hoạt động tư tưởng thông qua các lực lượng báo cáo viên, báo chí, văn nghệ đã tập trung lên án tội ác man rợ của Mỹ, cổ vũ mạnh mẽ đức hy sinh, lòng dũng cảm, cổ vũ nhân rộng những cách đánh hay, những chiến công bắn rơi B.52, bắt sống giặc lái, bảo vệ vững chắc Thủ đô. Đây là một chiến dịch phòng không đạt tới mức tiêu diệt cao nhất, oanh liệt nhất trong cuộc chiến đấu bảo vệ miền Bắc cũng như trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta. Đây cũng là một chiến dịch đầu tiên trên thế giới tiêu diệt lớn máy bay chiến lược B.52 của Mỹ, giáng cho không quân chiến lược Mỹ đòn thất bại nặng nề nhất trong lịch sử của chúng. Chiến thắng đó đã nhấn chìm ý đồ "đàm phán trên thế mạnh" của Mỹ.

Ngày 27-l-1973 tại Pari, Hiệp định về chấm đứt chiến tranh lập lại hoà bình ở Việt Nam được ký chính thức. Việc ký kết Hiệp định là thắng lợi to lớn, cơ bản của nhân dân ta. Mỹ và các nước khác phải cam kết tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Việt Nam. Mỹ phải rút quân và chấm dứt mọi sự dính líu quân sự vào miền Nam Việt Nam và phải chấp nhận sự tồn tại của bộ đội chủ lực ta ở miền Nam. Với Hiệp định được ký kết, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đã bước sang giai đoạn mới.

- *Động viên quân và dân cả nước thừa thắng xốc tới, giải phóng hoàn toàn miền Nam (1973-1975)*

Phải ký Hiệp định Pari, rút quân về nước, nhưng đế quốc Mỹ vẫn ngoan cố muốn duy trì chế độ thực dân mới ở miền Nam Việt Nam. Trước khi ký Hiệp định, Mỹ đã đưa vào miền Nam Việt Nam một khối lượng lớn vũ khí, phương tiện chiến tranh và thúc quân ngụy thực hiện "cắm cờ, lấn đất". Ở nhiều nơi, Hiệp định vừa được ký kết, địch đã mở ngay chiến dịch "tràn ngập lãnh thổ", triển khai các cuộc hành quân lấn chiếm vùng giải phóng và các vùng giáp ranh hòng xóa "thế da báo". Mục tiêu của chúng là giành đất, giành dân, tiêu diệt lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị của cách mạng, xóa bỏ tình trạng "hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát", biến miền Nam Việt Nam thành lãnh thổ chỉ có một chính quyền tay sai Mỹ.

Sau khi Hiệp định Pari được ký kết, công tác tuyên truyền thắng lợi của ta được đẩy mạnh. Hoạt động tuyên huấn phổ biến Lời kêu gọi ngày 28-1-1973 của Trung ương Đảng và Chính phủ, chỉ rõ các thế lực hiếu chiến, tay sai Mỹ chưa từ bỏ những âm mưu xâm lược, phá hoại hòa bình, kêu gọi nhân dân cả nước phải tăng cường đoàn kết, đề cao cảnh giác, củng cố những thắng lợi đã giành được, hoàn thành độc lập, dân chủ ở miền Nam.

Yêu cầu bức xúc đặt ra đối với công tác tư tưởng lúc này là phải làm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân có nhận thức đúng về âm mưu, thủ đoạn của Mỹ - ngụy; đánh giá địch, ta và khả năng phát triển của tình hình; phải làm gì và làm thế nào để đánh bại âm mưu và hành động tiếp tục chiến tranh của địch.

Hội nghị lần thứ 21 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III, họp từ ngày 19-6 đến ngày 6-7-1973 và từ ngày 1-l0 đến ngày 4- 10-1973 đã nhận định tình hình và ra Nghị quyết về "Thắng lợi vĩ đại của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nhiệm vụ của cách mạng miền Nam Việt Nam trong giai đoạn mới". Nghị quyết nêu cao ý nghĩa, tầm vóc to lớn của thắng lợi, rút ra những bài học lớn trong 18 năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; khẳng định nhiệm vụ cơ bản của cách mạng miền Nam lúc này là tiếp tục thực hiện chiến lược cách mạng dân tộc dân chủ nhân

dân, đánh đổ ngụy quyền, làm thất bại hoàn toàn chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ. Công tác tư tưởng phải tiếp tục "bồi dưỡng tinh thần cách mạng tiến công, kiên trì cách mạng, nâng cao cảnh giác, chống mọi khuynh hướng hữu khuynh, hòa bình chủ nghĩa, có tư tưởng nghỉ ngơi, không sẵn sàng chiến đấu…"[58].

Quán triệt sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, Khu ủy Khu V quyết định các biện pháp tăng cường lãnh đạo, đánh bại kế hoạch bình định lấn chiếm của địch, giành dân, giữ đất, mở rộng quyền làm chủ, phát triển thực lực của ta. Hội nghị lần thứ 12 của Trung ương Cục xác định nhiệm vụ trọng tâm số một là phá bình định, lấn chiếm, giành quyền làm chủ. Ban Tuyên huấn các cấp giúp cấp ủy tiến hành khẩn trương công tác quán triệt nghị quyết trong toàn đảng bộ, trong lực lượng vũ trang và các đoàn thể quần chúng, trang bị nhận thức đúng về tình hình và nhiệm vụ, thấu suốt tư tưởng chiến lược tiến công, đấu tranh chống những tư tưởng lệch lạc..., nhờ đó đã tạo bước chuyển biến tích cực trong hành động của cán bộ đảng viên, quân và dân toàn Miền.

Trong những tháng cuối năm 1973 đầu năm 1974, tình hình miền Nam chuyển biến nhanh chóng. Các lực lượng cách mạng đã chủ động phản công, tiến công, đẩy lùi các cuộc hành quân lấn chiếm của Mỹ - ngụy, thu hồi và mở rộng vùng giải phóng. Phát huy thắng lợi, các cấp ủy đảng tăng cường công tác giáo dục tư tưởng. Năm 1973 và đầu năm 1974, công tác tư tưởng đã tiến hành 5 đợt tuyên truyền lớn. Đợt 1 bắt đầu từ tháng 2, 3 năm 1973 với nhiều hình thức phong phú làm cho quân và dân ta hiểu rõ ý nghĩa to lớn của thắng lợi đã giành được, nâng cao niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và tự tin vào sức mạnh của dân tộc; 1àm rõ nhiệm vụ cấp bách và nặng nề của miền Bắc khắc phục hậu quả chiến tranh phá hoại, khôi phục sản xuất, bảo đảm đời sống nhân dân, đáp ứng yêu cầu khẩn trương và to lớn của miền Nam trong giai đoạn mới..., chẩn bị cho xây dựng lại đất nước sau khi giải phóng hoàn toàn miền Nam. Đợt 2 được tiến hành trong tháng 4, sau khi Mỹ rút quân tuyên truyền nhằm nâng cao niềm tự hào về truyền thống anh hùng của dân tộc, kẻ thù nào cũng đánh

[58] Chỉ thị số 169-CT/TW, ngày 14-2-1969 về công tác giáo dục trong ba năm 1968-1970; Chỉ thị số 180-CT/TW, ngày 26-8-1970 về tăng cường công tác thể dục thể thao trong những năm tới; Chỉ thị số 221-CT/TW, ngày 17-6-1975 về công tác giáo dục ở miền Nam sau ngày hoàn toàn giải phóng; Chỉ thị số 222-CT/TW, ngày 17-6-1975 về công tác giáo dục đại học và chuyên nghiệp ở miền Nam trong thời gian trước mắt; Chỉ thị số 226 CT/TW, ngày 17-11-1975 về công tác y tế trong tình hình mới; Chỉ thị số 227-CT/TW, ngày 18-11-1975 về công tác thể dục thể thao trong tình hình mới; Chỉ thị số 190-CT/TW, ngày 7-7-1971 về việc phân công trong công tác vận đông, quản lý đội ngũ trí thức. Phối hợp với các ban hữu quan của Trung ương nghiên cứu trình Ban Bí thư quyết định và ban hành Thông tri số 245-TT/TW, ngày 19-1-1970 quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức (về mặt công tác khoa hoc – giáo dục) của Ban Tuyên giáo khu ủy, thành ủy, tỉnh ủy, huyện ủy, thị ủy và đảng ủy khu phố; Thông tri số 289-TT/TW, ngày 13-3-1971 về việc thành lập Ban Khoa giáo của các khu ủy, thành ủy, tỉnh ủy và huyện ủy, thị ủy, đảng ủy khu phố; Thông tri số 318-TT/TW, ngày 17-5-1975 về việc đưa cán bộ kinh tế, kỹ thuật, nghiệp vụ của cơ quan cấp trên về tăng cường cho huyện và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

thắng. Đợt 3 được tiến hành trong tháng 10, tuyên truyền vạch trần những hành động vi phạm Hiệp định của Mỹ - ngày trước dư luận trong nước và trên thế giới, tranh thủ sự đồng tình của dư luận quốc tế đối với cuộc phản công, tiến công của các lực lượng vũ trang giải phóng và nhân dân miền Nam đánh bại các hành động tiếp tục chiến tranh của Mỹ - ngụy. Đợt 4 được tiến hành trong những tháng cuối năm 1973 nhân dịp đoàn đại biểu Anh hùng các lực lượng vũ trang miền Nam ra thăm miền Bắc, nêu cao chủ nghĩa anh hùng cách mạng của quân, dân ta trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; cổ vũ, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong giai đoạn mới. Đợt 5 tiến hành trong những tháng đầu năm 1974, phổ biến, quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 22 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III về khôi phục và phát triển kinh tế trong kế hoạch hai năm 1973-1974.

Tháng 2-1973, Bộ Chính trị ra Nghị quyết về công tác cán bộ trong giai đoạn mới nhằm đưa công tác tổ chức lên ngang tầm nhiệm vụ chính trị. Tháng 12-1974, Hội nghị lần thứ 23 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III bàn về tăng cường sự lãnh đạo và nâng cao sức chiến đấu của Đảng. Ban Tuyên huấn Trung ương đã xây dựng kế hoạch và xác định các biện pháp thực hiện nghị quyết, nhất là đối với công tác bồi dưỡng cán bộ, giáo dục đảng viên và cải tiến, nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ theo kinh nghiệm chỉ đạo thí điểm ở Hà Bắc, kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết số 210 của Ban Bí thư về giáo dục lý luận chính trị cho cán bộ, đảng viên.

Trước yêu cầu mới, để thực hiện tốt các mặt công tác lớn như tuyển quân, đưa công nhân và thanh niên xung phong đi chiến trường, thực hiện nghĩa vụ lương thực, thực phẩm nuôi quân, các ngành, địa phương và cơ sở đề ra sức tiến hành công tác vận động quần chúng để hoàn thành và hoàn thành vượt mức chỉ tiêu. Công tác tư tưởng được tiến hành đến từng nhà, từng người. Mỗi đảng viên, mỗi cán bộ là một người tuyên truyền đắc lực và gương mẫu thực hiện chính sách, thực hiện khẩu hiệu "Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người". Kết quả là trong các năm 1973-1975, gần 50 vạn thanh niên miền Bắc đã gia nhập quân đội; hơn 30.000 công nhân và thanh niên xung phong được điều thêm vào mặt trận mở đường Trường Sơn..., trong số đó có lực lượng trí thức trẻ và học sinh, sinh viên hăng hái xung phong tình nguyện đi B... rất sôi nổi ở các cơ quan, xí nghiệp, trường học, bệnh viện… Trong những năm 1971-1975, hàng vạn giáo viên trẻ và học sinh cấp III, giảng viên trẻ và sinh viên, học sinh các trường đại học và trung học chuyên nghiệp đã gia nhập quân đội và lên đường vào Nam chiến đấu; hàng ngàn cán bộ, giáo viên các ngành giáo dục và đào tạo, y tế, thể dục thể thao, khoa học và kỹ thuật đã được tăng cường cho miền Nam. Hàng ngàn cán bộ các binh chủng công tác tư tưởng (báo chí, tuyên truyền, giáo dục lý

luận chính trị, văn hóa, văn nghệ...) tiếp tục được bổ sung cho miền Nam...

Quán triệt và thực hiện Nghị quyết tháng 9-1974 của Bộ Chính trị về nhiệm vụ của thành thị miền Nam trong giai đoạn mới, các đảng bộ ở đô thị được củng cố, cơ sở cách mạng dần dần được khôi phục và phát triển, lãnh đạo phong trào đấu tranh chính trị của các tầng lớp nhân dân chống Mỹ - Thiệu, đòi thi hành Hiệp định. Các báo tiến bộ ở Sài Gòn phát triển, hình thành các báo đối lập, đấu tranh đòi thật sự vãn hồi hòa bình, chống chiến tranh, tố cáo Thiệu tham nhũng, đòi cải thiện chế độ lao tù, đòi thả hết tù chính trị, thả hết tù binh... Các hoạt động tuyên truyền đối ngoại của ta đã vạch trần bộ mặt thật của Mỹ - ngụy, những luận điệu lừa bịp của chúng, làm cho dư luận tiến bộ trên thế giới thấy rõ tính chất hiếu chiến, phá hoại hòa bình của Mỹ - ngụy; thừa nhận tính chất chính nghĩa của các cuộc đánh trả của quân và dân ta.

Hội nghị Bộ Chính trị tháng 10-1974 và tháng 12-1974 đã quyết định chủ trương giải phóng hoàn toàn miền Nam. Theo tinh thần của quyết định này thì: phải tranh thủ giải phóng miền Nam trong hai năm 1975-1976, và nếu có điều kiện thuận lợi thì tranh thủ giải phóng miền Nam trong năm 1975. Thực hiện quyết định của Bộ Chính trị, từ hậu phương lớn đến tiền tuyến lớn đã chuẩn bị về mọi mặt tư tưởng, về tổ chức cho Tổng tiến công và nổi dậy, tiến hành bí mật và khẩn trương. Quân ta ra trận với tinh thần phấn khởi, tự tin, quyết tâm đánh mạnh, thắng lớn. Cùng hành quân với các lực lượng vào chiến trường là các chiến sĩ thông tin, nhà báo, nhà văn, nhiếp ảnh, quay phim... để thông tin kịp thời và lưu giữ lại những sự kiện lịch sử trong trận quyết chiến chiến lược. Trên tiền tuyến lớn, toàn bộ cán bộ, chiến sĩ thuộc lĩnh vực tư tưởng, văn hoá, cán bộ, học viên các trường đảng (cả học viên khóa VIII Trường Nguyễn Ái Quốc miền Nam đã kết thúc sớm khóa học) để tham gia cuộc Tổng tiến công và nổi dậy giành thắng lợi cuối cùng.

Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, mở đầu bằng thắng lợi trong Chiến dịch Tây Nguyên, làm nức lòng quân dân cả nước, gây hoang mang, hoảng loạn trong hàng ngũ địch. Trong suốt 50 ngày đêm chiến đấu của quân và dân ta, các hoạt động thông tin, tuyên truyền đã kịp thời đưa tin chiến thắng, theo chân anh giải phóng, theo sát từng mũi tiến công. Ban Tuyên huấn Trung ương đã chỉ đạo các cơ quan tuyên truyền chuẩn bị sẵn sàng đón mừng thắng lợi của Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Trưa 30-4-1975, sau khi được tin ta cắm cờ trên Dinh Độc lập, ngụy quyền đầu hàng không điều kiện, chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng, nhân dân Thủ đô Hà Nội và các thành phố, thị xã, thị trấn đổ ra đường, đến bên các bản đồ chiến sự, các bản tin và loa truyền thanh. Hàng vạn,

chục vạn người tự phát tuần hành, rước cờ, rước ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh, hô vang các khẩu hiệu mừng chiến thắng. Ngày 30-4 trở thành ngày hội của toàn thể dân tộc Việt Nam.

Hoà chung với chiến thắng của cả nước, trong công tác tham mưu khối khoa giáo đã có nhiều đóng góp tích cực. Ban Khoa giáo chủ trì nghiên cứu, chuẩn bị và phối hợp với các ban khác của Trung ương nghiên cứu, chuẩn bị báo cáo và dự thảo 7 chỉ thị, 3 thông tri về các mặt công tác khoa giáo trình lên Ban Bí thư xem xét và ban hành[19]. Cũng trong thời gian này, Chính phủ đã ban hành 69 quyết định (thông tư, chỉ thị, nghị định, quyết định) về các mặt công tác khoa giáo; trong đó có 41 quyết định về giáo dục và đào tạo, 14 quyết định về khoa học và kỹ thuật, 13 quyết định về y tế, 1 quyết định về thể dục thể thao. Ban Khoa giáo đã phối hợp chặt chẽ với đảng đoàn các bộ, ngành thuộc khối, tăng cường kiểm tra, đôn đốc quá trình tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, phương châm, chính sách của Đảng và Nhà nước về các mặt công tác khoa giáo; giúp Trung ương Đảng và Chính phủ đôn đốc, kiểm tra việc tổ chức thực hiện, vừa bảo đảm an toàn, vừa bảo đảm cho các mặt công tác khoa giáo tiếp tục được phát triển theo quy mô lớn, giữ vững và nâng cao chất lượng, đồng thời góp phần làm tốt nhiệm vụ chi viện hết sức to lớn cả về sức người và sức của cho chiến trường. Mọi cố gắng và các mặt công tác khoa học và kỹ thuật, giáo dục. Và đào tạo, y tế và thể dục thể thao trong giai đoạn này ngày càng gắn bó chặt chẽ và phục vụ tốt hơn cho sản xuất, chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu.

Trải qua 21 năm chiến đấu, sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã giành được thắng lợi trọn vẹn, đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, với quy mô lớn của tên đế quốc giàu mạnh và hung bạo nhất thế kỷ XX, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước. Công tác tuyên giáo đã góp phần quan trọng vào thắng lợi vĩ đại của dân tộc.

Qua mỗi bước chuyển của cuộc chiến tranh, công tác tuyên giáo đã tiến hành giáo dục, động viên chính trị sâu rộng, mạnh mẽ, liên tục trong Đảng và trong nhân dân, làm cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhất trí sâu sắc với đường lối cách mạng của Đảng và quyết tâm chiến lược của Trung ương, đánh giá đúng địch ta, nhận rõ tình hình và nhiệm vụ, nâng cao tính tự giác, sáng tạo trong hành động, biến đường lối, quyết tâm của Đảng thành phong trào quần phúng rộng rãi.

Bằng nhiều hoạt động phong phú, công tác tuyên giáo đã góp phần phát huy đến đỉnh cao chủ nghĩa yêu nước chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam. Những tấm gương anh hùng, dũng sĩ, những “người tốt, việc tốt", những cái hay, cái đẹp nảy sinh trong sản xuất, chiến đấu và công tác được nêu cao, góp phần xây dựng đạo đức mới, chuẩn mực sống mới

của con người Việt Nam đấu tranh bảo vệ văn hoá dân tộc, chống văn hoá nô dịch và đồi trụy của Mỹ - ngụy.

Công tác tuyên giáo đã kết hợp giáo dục chủ nghĩa yêu nước với tinh thần quốc tế vô sản, "Giúp bạn là tự giúp mình", động viên quân và dân ta thực hiện liên minh chiến đấu giữa ba nước Đông Dương chống Mỹ xác định rõ đánh thắng Mỹ là thiết thực làm nghĩa vụ quốc tế của nhân dân ta đối với cách mạng thế giới.

Trong cuộc chiến đấu trường kỳ, quyết liệt và phức tạp chưa từng thấy, công tác tuyên giáo đã thường xuyên góp phần xây dựng, vun đắp và phát huy niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và tự tin vào sức mạnh của dân tộc, dám đánh Mỹ, sáng tạo nhiều cách đánh Mỹ, kiên quyết đánh Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn, kiên định đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Công tác tuyên giáo đã được xác định rõ là nhiệm vụ của toàn Đảng, của mọi ngành, mọi cấp. Đảng đã huy động được các lực lượng, tổ chức chính trị, vũ trang, cơ quan quản lý nhà nước tham gia công tác tư tưởng, nâng cao nhận thức, giáo dục, động viên cán bộ, đảng viên, nhân dân. Công tác khoa giáo được quan tâm và phát triển mạnh mẽ đã tạo nên những lực lượng cách mạng mới có bản lĩnh, có tri thức, sức khỏe cho sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Công tác tuyên giáo đã chú trọng làm thấu suốt tư tưởng chiến lược tiến công và quán triệt tư tưởng tiến công trên mặt trận tư tưởng, xây dựng sự nhất trí về chính trị và tinh thần trong xã hội, phát hiện và uốn nắn những tư tưởng lệch lạch, ngại chiến đấu lâu dài, sợ gian khổ, hy sinh, "hữu khuynh", co thụt, bi quan, dao động, khuynh hướng giản đơn, nóng vội, muốn thắng nhanh hoặc ảo tưởng hòa bình, chủ quan, mất cảnh giác. Trên cơ sở xây dựng sự vững vàng về tư tưởng chính trị trong nội bộ, giáo dục cảnh giác, chống chiến tranh tâm lý của địch.

Công tác tuyên giáo đã kết hợp tốt với công tác tổ chức, tập hợp rộng rãi tất cả mọi người Việt Nam yêu nước, chống Mỹ - ngụy, làm dấy lên mặt cao trào chống Mỹ, cứu nước của toàn dân với khí thế sôi nổi, hào hùng, thu hút mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi, miền xuôi, miền ngược, tiền tuyến, hậu phương; trên mọi lĩnh vực sản xuất, chiến đấu và công tác, phát huy trí thông minh, tài sáng tạo của quần chúng.

Công tác tuyên giáo trong quan hệ quốc tế ngày càng được mở rộng đã góp phần nêu cao chính nghĩa Việt Nam, chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam, tranh thủ được sự giúp đỡ to lớn và có hiệu quả của nhân dân Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa anh em, sự đồng tình ủng hộ rộng rãi của bè bạn và các lực lượng hòa bình, tiến bộ trên thế giới, góp phần hình thành mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam, chống Mỹ xâm lược, ngay cả trong lòng nước Mỹ.

Trong 30 năm đấu tranh gian khổ, lâu dài và anh dũng bảo vệ nền độc lập của dân tộc đã giành lại được, công tác tuyên giáo đã thực sự trở thành một lực lượng đi đầu, cùng toàn dân chiến đấu và chiến thắng.

Chú thích:

1. Bài "Sức khoẻ và thể dục" của Chủ tịch Hồ Chí Minh được đăng ở trang nhất báo Cứu quốc, số 119, ngày 27-3-1946, dưới phụ đề "Hồ Chủ tịch hô hào đồng bào tập thể dục", trong đó có đoạn: "Dân cường thì quốc thịnh. Tôi mong đồng bào ta ai cũng gắng tập thể dục. Tự tôi, ngày nào tôi cũng tập."
2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.314.
3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.175.
4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.184.
5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.368-369.
6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.6, tr.178.
7. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.497.
8. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t. 19, tr. 179.
9. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.7, tr.476-477.

10.11. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.10, tr.613, 647.

12. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.11, tr.470.

13. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.92.

14. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.407.

15,16,17. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.425, 426.

18. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd*, t. 34, tr. 258.

19. Chỉ thị số 169-CT/TW, ngày 14-2-1969 về công tác giáo dục trong ba năm 1968-1970; Chỉ thị số 180-CT/TW, ngày 26-8-1970 về tăng cường công tác thể dục thể thao trong những năm tới; Chỉ thị số 221-CT/TW, ngày 17-6-1975 về công tác giáo dục ở miền Nam sau ngày hoàn toàn giải phóng; Chỉ thị số 222-CT/TW, ngày 17-6-1975 về công tác giáo dục đại học và chuyên nghiệp ở miền Nam trong thời gian trước mắt; Chỉ thị số 226 CT/TW, ngày 17-11-1975 về công tác y tế trong tình hình mới; Chỉ thị số 227-CT/TW, ngày 18-11-1975 về công tác thể dục thể thao trong tình hình mới; Chỉ thị số 190-CT/TW, ngày 7-7-1971 về việc phân công trong công tác vận đông, quản lý đội ngũ

trí thức. Phối hợp với các ban hữu quan của Trung ương nghiên cứu trình Ban Bí thư quyết định và ban hành Thông tri số 245-TT/TW, ngày 19-1-1970 quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức (về mặt công tác khoa hoc – giáo dục) của Ban Tuyên giáo khu ủy, thành ủy, tỉnh ủy, huyện ủy, thị ủy và đảng ủy khu phố; Thông tri số 289-TT/TW, ngày 13-3-1971 về việc thành lập Ban Khoa giáo của các khu ủy, thành ủy, tỉnh ủy và huyện ủy, thị ủy, đảng ủy khu phố; Thông tri số 318-TT/TW, ngày 17-5-1975 về việc đưa cán bộ kinh tế, kỹ thuật, nghiệp vụ của cơ quan cấp trên về tăng cường cho huyện và hợp tác xã sản xuất nông nghiệp.

CHƯƠNG III

CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO TRONG THỜI KÌ CẢ NƯỚC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975 – 2010)

I- NHỮNG NĂM ĐẦU CẢ NƯỚC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI (1975-1985)

Kết thúc Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (30-4-1975), miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất. Nước ta bước vào một giai đoạn cách mạng mới, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội.

Sau ngày miền Nam được giải phóng, Đảng, Nhà nước ta đã kịp thời ban hành các chỉ thị, nghị quyết nhằm tiếp quản, khôi phục và đưa các hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng ở miền Nam đi dần vào thế ổn định.

Công tác tuyên truyền, cổ động được triển khai mạnh mẽ, đều khắp, nêu cao thắng lợi vĩ đại của dân tộc, phổ biến rộng rãi các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với vùng mới giải phóng; đập tan luận điệu chiến tranh tâm lý của địch; tổ chức phong trào quần chúng đoàn kết, khôi phục sản xuất, ổn định đời sống, bảo vệ an ninh, trật tự, xây dựng chính quyền và các đoàn thể cách mạng ở địa phương.

Công tác khoa giáo tập trung vào việc tiếp quản các cơ sở khoa giáo, tuyên truyền động viên trí thức ở vùng mới giải phóng sớm tiếp tục làm việc và từng bước thực hiện thống nhất quản lý, chỉ đạo các mặt công tác khoa giáo trên phạm vi cả nước.

Chỉ sau ngày giải phóng chưa đầy hai tháng, Ban Khoa giáo Trung ương đã tham mưu với Ban Bí thư ra Chỉ thị số 221-CT/TW, ngày 17-6-1975 về công tác giáo dục ở miền Nam sau ngày hoàn toàn giải phóng[59] và Chỉ thị số 222-CT/TW, ngày 17-6-1975 về công tác giáo dục đại học và chuyên nghiệp ở miền Nam trong giai đoạn trước mắt[60].

Chỉ thị số 221 đã đề ra nhiệm vụ cụ thể của công tác giáo dục ở miền Nam là: Tích cực xóa nạn mù chữ và đẩy mạnh bổ túc văn hóa; Phát triển mạnh và đều khắp các trường phổ thông (duy trì hệ 12 năm) với nội dung giáo dục toàn diện, bao gồm giáo dục chính trị, đạo đức, khoa học, kỹ thuật, lao động, thể chất. Thực hiện nguyên lý giáo dục kết hợp với lao động sản xuất và hoạt động xã hội, nhà trường phải gắn với đời sống. Thành lập tổ chức Đoàn và Đội trong các trường; Từng bước xây dựng ngành mẫu giáo, xây dựng hệ thống các trường Trung học sư phạm, Cao đẳng sư phạm và Đại học sư phạm.

---

[59] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.35, tr.235, 247.
[60] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.35, tr.235, 247.

Chỉ thị nêu lên một số vấn đề cấp bách về tổ chức và lãnh đạo công tác giáo dục: cải tạo cơ sở giáo dục cũ của Mỹ - ngụy, tổ chức cho giáo chức cũ học tập về chính trị và chuyên môn; xây dựng bộ máy quản lý giáo dục các cấp, trước hết là bộ máy Sở, Ty Giáo dục; điều tra cơ bản về giáo dục để chuẩn bị cho kế hoạch phát triển giáo dục những năm sau; phát động phong trào quần chúng tham gia xây dựng giáo dục.

Chỉ thị số 222 đề ra nhiệm vụ cho công tác giáo dục đại học và chuyên nghiệp ở miền Nam trong thời gian trước mắt là: Đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho thầy giáo và học sinh. Ngay trong dịp hè năm 1975, tổ chức một đợt sinh hoạt chính trị xoay quanh chủ đề "Không có gì quý hơn độc lập, tự do"; Nhanh chóng cải biến thành phần giai cấp trong trường học; sửa đổi cơ cấu ngành học hệ thống đào tạo của các trường đại học và chuyên nghiệp ở miền Nam. Tạm thời duy trì bảy Viện đại học công lập, không xé lẻ từng khoa ra thành các trường đại học riêng biệt; sửa đổi chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo; thực hiện quyền tự do nộp đơn xin thi vào các trường cho mọi nam nữ công dân, thực hiện chế độ miễn phí cho tất cả học sinh, sinh viên, ưu tiên tuyển chọn và cấp học bổng cho diện chính sách; phân định rõ trách nhiệm quản lý, chỉ đạo các trường đại học và chuyên nghiệp. Xây dựng tổ chức đảng và các đoàn thể quần chúng trong nhà trường, như Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp Sinh viên giải phóng, Hội Học sinh giải phóng.

Tiếp sau đó, trong tình hình đất nước đã hoàn toàn thống nhất, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 226-CT/TW, ngày 17-11-1975 về công tác y tế trong tình hình mới[61] và Chỉ thỉ số 227-CT/TW, ngày 18-11-1975 về công tác thể dục thể thao trong tình hình mới[62].

Chỉ thị số 226 đã đề ra ba nhiệm vụ chủ yếu của công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân là: Đẩy mạnh phong trào vệ sinh - thể dục yêu nước nhằm góp phần bảo vệ và tăng cường sức khỏe của nhân dân; Làm tốt công tác cấp cứu, khám thai, đỡ đẻ, mở rộng công tác khám bệnh, chữa bệnh và từng bước quản lý sức khỏe nhân dân. Giải quyết vấn đề thuốc và dụng cụ y tế; kiện toàn tổ chức y tế, xây dựng và nhân các điển hình tiên tiến nhằm xây dựng ngành y tế xã hội chủ nghĩa từng bước tiến lên chính quy, hiện đại.

Chỉ thị số 227 về công tác thể dục thể thao đã xác định phương hướng, nhiệm vụ công tác thể dục thể thao trong bối cảnh đất nước đã hoàn toàn thống nhất. Ngoài những yêu cầu tiếp tục nắm vững mục tiêu cơ bản của công tác thể dục thể thao, đẩy mạnh phong trào thể dục thể thao quần chúng ở cơ sở, Chỉ thị đã nhấn mạnh yêu cầu phát triển các môn thể thao, mở rộng các hình thức đào tạo, bồi dưỡng năng khiếu thể thao, nâng cao

[61] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.36, tr.470, 477.
[62] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.36, tr.470, 477.

thành tích các môn thể thao, tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công tác nghiên cứu khoa học thể dục thể thao, kiện toàn hệ thống tổ chức chuyên trách thể dục thể thao ở các cấp các ngành trong cả nước.

Nhằm thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Nhà nước đối với vùng mới giải phóng nói chung và các chỉ thị, nghị quyết về công tác tuyên giáo nói riêng, phong trào chi viện cán bộ giáo viên, y bác sĩ, kỹ sư, huấn luyện viên thể dục thể thao, cùng với các máy móc, trang thiết vị cho các tỉnh, thành miền Nam diễn ra sôi nổi ở tất cả các ban bộ, ngành, các tỉnh, thành phố trên miền Bắc. Các cấp ủy, chính quyền ở tất cả các tỉnh, thành miền Nam cũng nhanh chóng triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, nên các mặt kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng ở miền Nam từng bước đi vào nền nếp. Mạng lưới truyền thanh, mạng lưới trường, lớp học, trạm y tế và các phong trào xóa mù chữ, bổ túc văn hóa, thể dục vệ sinh, bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em, dân số - kế hoạch hóa gia đình, đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất đời sống đã nhanh chóng lan tỏa xuống thôn ấp, bản làng làm cho bộ mặt của thành thị và nông thôn miền Nam nhanh chóng được đổi mới.

Tuy nhiên, trong hoàn cảnh mới, một số tư tưởng lệch lạc đã nảy sinh. Một số cán bộ, đảng viên có biểu hiện chủ quan, tự mãn, công thần, mất cảnh giác. Một số có tư tưởng nghỉ ngơi, xả hơi, vun vén cho địa vị, quyền lợi cá nhân, giảm sút ý chí phấn đấu...

Trước tình hình mới, Hội nghị lần thứ 24 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III, (tháng 9-1975) đã họp, phân tích tình hình mọi mặt và xác định nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là: *hoàn thành thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.*

Về công tác tư tưởng, văn hoá, Nghị quyết số 247-NQ/TW, ngày 29-9-1975 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ rõ, đối với toàn xã hội, phương hướng chính là: "giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phát huy tinh thần tự hào dân tộc, tinh thần tự lực tự cường, vạch trần chủ nghĩa quốc gia giả hiệu, chống hệ tư tưởng chính trị phản động và tư tưởng đồi trụy; chống mê tín dị đoan, hủ tục. Tích cực tuyên truyền giáo dục chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa quốc tế vô sản. Giáo dục ý thức làm chủ tập thể, tinh thần lao động xã hội chủ nghĩa, ý thức tôn trọng của công, xây dựng nếp sống mới; đấu tranh chống ảnh hưởng của văn hóa tư sản, thực dân mới, quét sạch các tệ nạn xã hội cũ"[63]. Đối với xây dựng đảng toàn thể đảng viên phải chuyển biến về tư tưởng theo hướng: "tất cả cho lao động, cho sản xuất, tiến quân mạnh mẽ vào khoa học, kỹ thuật, bồi dưỡng tinh thần cách mạng triệt để, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong sản xuất và xây dựng; nâng cao cảnh giác cách mạng đối với những âm mưu ngóc đầu dậy của

[63] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.36, tr.421, 427-428.

bọn phản động; nâng cao tinh thần đoàn kết, yêu thương đồng chí, gần gũi đồng bào; nâng cao tinh thần tự phê bình và phê bình, ý thức tổ chức và kỷ luật; chống những biểu hiện bè phái, cục bộ, địa phương, công thần, suy tỵ về địa vị và hưởng thụ; ngăn ngừa và tẩy trừ đầu óc đặc quyền đặc lợi, chống tham ô, lãng phí, hưởng lạc; chống mọi hành động xâm phạm tài sản của Nhà nước và của nhân dân; chống quan liêu, độc đoán, chuyên quyền. Nâng cao tinh thần ham học, trau dồi những kiến thức mới; chống thói lười học tập, lười suy nghĩ. Hết sức tự hào là đảng viên Đảng Lao động Việt Nam, đồng thời khiêm tốn, giản dị, thấm nhuần sâu sắc tinh thần quốc tế vô sản"[64].

Về công tác giáo dục, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 cũng chỉ rõ: khôi phục và phát triển nhanh giáo dục phổ thông, chú trọng thích đáng những vùng căn cứ kháng chiến cũ và những vùng nông nghiệp mới. Cải tạo ngành *giáo dục đại học* theo quy hoạch chung của cả nước, hướng các trường đại học góp phần vào các hoạt động cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới; chấn chỉnh và tăng cường các cơ sở nghiên cứu, thí nghiệm của các trường đại học. Sự nghiệp giáo dục do Nhà nước đảm nhiệm; cải tạo trường tư thành trường công. Tổ chức phong trào *bình dân học vụ* rộng khắp nhằm xóa bỏ nhanh nạn mù chữ"[65].

Về y tế, Nghị quyết Hội nghị khẳng định: "Xây dựng và phát triển y tế theo phương châm phòng bệnh là chính, kết hợp đông y và tây y. Phổ biến kiến thức và phương pháp phòng bệnh trong nhân dân; tổ chức hệ thống phòng bệnh và chữa bệnh đến tận cơ sở. Phát triển các cơ sở quốc doanh sản xuất dược phẩm và mạng lưới phân phối dược phẩm rộng rãi"[66].

Như vậy, Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 của Trung ương Đảng đã xác định đúng đắn phương hướng, nhiệm vụ công tác tuyên giáo trong bước ngoặt mới của cách mạng, định hướng kịp thời cho các hoạt động tuyên giáo, góp phần phát huy thắng lợi, hoàn thành sớm việc thống nhất Tổ quốc, chuyển ngay sang giai đoạn mới của cách mạng, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Trước tình hình và nhiệm vụ mới, để giúp Trung ương nghiên cứu chỉ đạo và kiểm tra các đường lối, chủ trương về các lĩnh vực tuyên huấn và khoa giáo, Ban Bí thư đã tăng cường, bổ sung cán bộ và kiện toàn tổ chức bộ máy của Ban Tuyên huấn Trung ương và Ban Khoa giáo Trung ương.

Ban Tuyên huấn Trung ương được tổ chức mới, với 13 đơn vị trực thuộc Lãnh đạo Ban gồm có: Đồng chí Tố Hữu - Ủy viên Bộ Chính trị làm

---

[64] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.36, tr.421, 427-428.
[65] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.36, tr.422.
[66] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.36, tr.422.

Trưởng ban. Phó Trưởng ban gồm các đồng chí: Hoàng Tùng, Đào Duy Tùng, Hà Huy Giáp, Nguyễn Minh Vỹ, Vũ Đình Liệu.

Lãnh đạo Ban Khoa giáo Trung ương gồm có: Đồng chí Tố Hữu - Ủy viên Bộ Chính trị, kiêm Trưởng ban. Phó Trưởng ban gồm các đồng chí: Trần Quang Huy, Hoàng Đài, Phạm Văn Kiết.

Ban Bí thư cũng cho phép Ban Khoa giáo Trung ương bổ sung cán bộ và thành lập thêm 6 đơn vị thành 10 đơn vị trực thuộc Ban.

Ở miền Nam, ngày 19-2-1976 Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Quyết định số 21-QĐ/TW về việc *"Thành lập ở B2 một bộ phận công tác của Ban Tuyên huấn Trung ương và Ban Khoa giáo Trung ương"* và chỉ định: Đồng chí Vũ Đình Liệu (tức Tư Bình), Phó Trưởng Ban Tuyên huấn Trung ương làm trưởng bộ phận công tác; đồng chí Phạm Văn Kiết (tức Năm Vận), Phó Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương làm phó bộ phận công tác.

Ở Khu V, được sự đồng ý của Ban Bí thư, Ban Tuyên huấn Trung ương và Ban Khoa giáo Trung ương lập bộ phận công tác B1 đặt tại Đà Nẵng, để nắm tình hình các tỉnh thuộc Khu V cũ.

Với các địa phương trên cả nước, để giúp cấp ủy lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra các lĩnh vực tuyên huấn và khoa giáo, ở một số tỉnh, thành phố lớn có hai ban: Ban Tuyên huấn và Ban Khoa giáo của tỉnh, thành ủy. Còn phần lớn các tỉnh, thành phố khác đều có Ban Tuyên giáo, trong đó có một phó trưởng ban phụ trách công tác khoa giáo.

Ở các quận, huyện, thị đều có Ban Tuyên giáo tham mưu, giúp việc cấp ủy về công tác tuyên huấn và khoa giáo, trong đó có một phó trưởng ban phụ trách công tác khoa giáo.

Như vậy, tới giữa năm 1976, bộ máy làm công tác tuyên huấn và khoa giáo từ trung ương đến các quận, huyện, thị ủy trong toàn quốc đã cơ bản hình thành và đã hoạt động ngày càng có hiệu quả.

Tuy còn những mặt hạn chế về cơ sở vật chất, kỹ thuật và những khó khăn của một nước vừa ra khỏi chiến tranh, bước phát triển mới về tổ chức và lực lượng như trên là một thuận lợi lớn cho công tác tư tưởng, văn hóa và công tác khoa giáo khi bước vào thời kỳ mới.

Với sự tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, công tác tuyên huấn và khoa giáo đã được các bộ, ban, ngành, đoàn thể trong và ngoài khối cũng như các cấp ủy, chính quyền ở các địa phương nhanh chóng triển khai và đã góp phần thiết thực vào việc ổn định tình hình kinh tế- xã hội.

Các lĩnh vực tư tưởng, văn hóa và khoa giáo liên quan trực tiếp đến từng người, từng gia đình, từng cơ sở trong xã hội và được coi là các thành quả

do cách mạng và do cuộc kháng chiến trường kỳ gian khổ mang lại. Chính vì vậy, phong trào xóa mù chữ, mở các trường lớp bổ túc văn hóa cho cán bộ và thanh niên; việc bảo vệ, chăm sóc và cho trẻ em tới trường học; xây dựng trạm y tế cơ sở; xây dựng phong trào thể dục, vệ sinh, phòng bệnh… nhanh chóng được triển khai và phát triển trên phạm vi cả nước.

Bước vào giai đoạn mới, các hoạt động tư tưởng, văn hóa và khoa giáo lại phối hợp với các ngành, đoàn thể triển khai trên quy mô lớn đợt tuyên truyền, giáo dục Nghị quyết Hội nghị lần thứ 24 của Trung ương Đảng, xây dựng ý chí thống nhất trong nhân dân, đưa cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành đợt sinh hoạt chính trị của toàn Đảng, toàn dân, nhằm thực hiện thắng lợi cuộc bầu cử Quốc hội chung của cả nước.

Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện các hoạt động trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội, tuyên giáo, cũng như đẩy mạnh cuộc vận động cho ngày tổng tuyển cử trên cả nước, đặc biệt là ở các vùng mới giải phóng, còn gặp nhiều khó khăn, phức tạp. Trước khi chế độ ngụy sụp đổ, Mỹ đã tiến hành "kế hoạch hậu chiến", cài cắm gián điệp, tình báo để sử dụng vào các hoạt động phá hoại, tuyên truyền xuyên tạc chính sách của cách mạng, gây tâm lý lo sợ bị khủng bố trả thù, nhất là trong các tầng lớp trí thức, công chức, tư sản và những người đã từng cộng tác với chế độ cũ. Ngụy quân đã tan rã nhưng một số tên vẫn không chịu cải tà quy chính, lẩn trốn, chờ cơ hội tiến hành các hoạt dộng phá hoại.

Trong bối cảnh đó, công tác tuyên truyền, vận động giác ngộ quần chúng giữ vai trò hết sức quan trọng. Chúng ta đã chủ trương sử dụng kịp thời và có hiệu quả các đài phát thanh, truyền hình và mạng lưới báo chí cách mạng trên toàn miền, đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, xây dựng phong trào văn nghệ quần chúng, đồng thời tích cực chống văn hóa phản động, đồi trụy... Đông đảo nhân dân miền Nam trước đây bị địch bưng bít, xuyên tạc, nay đã *bắt đầu hiểu đúng hơn về độc lập và thống nhất, về các chính sách của cách mạng, về ý nghĩa lớn lao của cuộc tổng tuyển cử bầu ra Quốc hội của đất nước mình.*

Ngày 25-4-1976, toàn thể nhân dân ta từ Bắc chí Nam nô nức cùng nhau đi bỏ phiếu. Gần 98% số cử tri của cả nước đã hồ hởi đi bầu ra người đại điện của mình.

Thắng lợi to lớn của cuộc Tổng tuyển cử trong cả nước ngày 25-4-1976 đã đánh dấu sự trưởng thành về chính trị của nhân dân miền Nam, càng chứng tỏ rằng *nhân dân miền Bắc cũng như miền Nam rất giàu lòng yêu nước, tin tưởng vào cách mạng, tha thiết muốn nước nhà độc lập, thống nhất, cả nước cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội.* Tuyệt đại đa số cán bộ, đảng viên ta ở các cấp, các ngành; cán bộ và chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang đã giữ vững tinh thần cách mạng, tác phong giản dị, cần cù, chịu

đựng gian khổ, gần gũi quần chúng, nỗ lực phấn đấu, quyết tâm hoàn thành tốt nhiệm vụ và đã góp phần vào thắng lợi to lớn nói trên.

Tại kỳ họp thứ nhất vào ngày 2-7-1976, thể theo nguyện vọng của toàn dân, Quốc hội đã quyết định phương hướng xây dựng đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội, đổi tên nước là Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Thủ đô là Hà Nội, Thành phố Sài Gòn được chính thức mang tên Thành phố Hồ Chí Minh. Đúng vào dịp diễn ra kỳ họp của Quốc hội, ngày 5-7-1976, Đài truyền hình Việt Nam phát sóng chương trình chính thức. Đây là một thành tựu mới trong sự nghiệp phát triển của công tác thông tin, báo chí, là một cố gắng lớn ngay sau khi đất nước vừa ra khỏi cuộc chiến tranh lâu dài, ác liệt, là một hành động thiết thực của Ngành Phát thanh và truyền hình mừng thắng lợi hoàn toàn thống nhất Tổ quốc.

Với thắng lợi to lớn của cuộc Tổng tuyển cử, với sự hồ hởi của nhân dân cả nước, trước tình hình kinh tế - xã hội ổn định và phát triển, toàn Đảng ta từ trung ương đến địa phương phấn khởi bước vào chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng. Công tác tuyên giáo cũng như các mặt công tác khác đều tập trung cho sự kiện chính trị trọng đại này.

Đảng ta chuẩn bị tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV trong bối cảnh quốc tế và trong nước đang có nhiều chuyển biến, có cả thuận lợi và khó khăn.

Trên thế giới, sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Việt Nam, các phong trào cách mạng đấu tranh cho hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội tiếp tục phát triển. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại diễn ra mạnh mẽ, nhiều thành tựu của ngành khoa học - công nghệ mới như: công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ điện tử và tự động hóa, công nghệ năng lượng, v.v., đã được ứng dụng vào cuộc sống.

Trong nước, chúng ta cũng có những thuận lợi rất cơ bản: Đất nước đã hoàn toàn thống nhất, nhân dân cả nước phấn khởi, tin tưởng đi theo con đường mà Đảng và Bác Hồ đã vạch ra. Tiềm năng kinh tế hai miền bổ sung cho nhau tạo ra nguồn lực mới cho sự phát triển. Sau chiến thắng, uy tín quốc tế của nước ta được nâng cao, quan hệ đối ngoại được mở rộng với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới. Ngoài sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, ta có khả năng tìm thêm các nguồn lực mới cho công cuộc xây dựng lại đất nước

Tuy nhiên, Việt Nam cũng đang đứng trước nhiều khó khăn to lớn: Nước ta về cơ bản vẫn là nước nông nghiệp nghèo nàn, lạc hậu. Hậu quả chiến tranh rất nặng nề. Riêng ở miền Bắc, chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ đã tàn phá nặng nề nhiều nhà máy, xí nghiệp, thành phố, làng mạc lớn. Cơ sở hạ tầng mọi mặt đều rất yếu kém. Giá trị tổng sản phẩm xã hội rất thấp (GDP/đầu người chỉ đạt 80USD). Trong khi đó, Mỹ vừa thi hành

chính sách bao vây, cấm vận triệt để về kinh tế, thương mại, vừa giúp đỡ các thế lực thù địch ở trong nước và nước ngoài rắp tâm phá hoại, kiềm chế sự phát triển của cách mạng nước ta.

Trong bối cảnh đó, Đại hội đã tổng kết những kinh nghiệm phong phú của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, phân tích sâu sắc tình hình thế giới, trong nước và những đặc điểm lớn của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới. Trên cơ sở đó, Đại hội đã thông qua đường lối chung và đường lối xây dựng kinh tế xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới.

Đại hội xác định **đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới ở nước ta là**: *"Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động; tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học - kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học - kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hoá mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xoá bỏ chế độ người bóc lột người, xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu; không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội"*[67].

Đường lối xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới được Đại hội xác định là: *"Đẩy mạnh công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, kết hợp xây dựng công nghiệp và nông nghiệp cả nước thành một cơ cấu kinh tế công - nông nghiệp; vừa xây dựng kinh tế trung ương vừa phát triển kinh tế địa phương, kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương trong một cơ cấu kinh tế quốc dân thống nhất; kết hợp phát triển lực lượng sản xuất với xác lập và hoàn thiện quan hệ sản xuất mới; kết hợp kinh tế với quốc phòng; tăng cường quan hệ phân công, hợp tác, tương trợ với các nước xã hội chủ nghĩa anh em trên cơ sở chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền và các bên cùng có lợi; làm cho nước Việt Nam trở thành một nước xã hội chủ nghĩa*

[67] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.37, tr.523-524.

có kinh tế công - nông nghiệp hiện đại, văn hoá và khoa học, kỹ thuật tiên tiến, quốc phòng vững mạnh, có đời sống văn minh, hạnh phúc"[68].

Về công tác tư tưởng và văn hoá, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đã đánh giá: "Trong thời gian qua, công tác tư tưởng và văn hoá đã đạt được những thành tựu to 1ớn, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng cả nước"[69]. Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương xác định nhiệm vụ trung tâm của cách mạng tư tưởng và văn hoá trong giai đoạn mới là: "… xây dựng con người mới, xây dựng nền văn hoá mới; là tuyên truyền, giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối, chính sách của Đảng, làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin chiếm ưu thế tuyệt đối trong đời sống chính trị và tinh thần của toàn dân, làm cho đường lối, chính sách của Đảng thấu suốt trong cán bộ, đảng viên và quần chúng; là tiến hành đấu tranh chống tư tưởng và văn hoá phản động của chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân, và nói chung của giai cấp bóc lột"[70].

Về công tác văn nghệ, Báo cáo chính trị đã xác định: "Nền văn học, nghệ thuật xã hội chủ nghĩa của ta cần ra sức phấn đấu nhằm sáng tạo những hình tượng nghệ thuật cao đẹp và phong phú về xã hội mới và con người mới, về giai cấp công nhân và giai cấp nông dân tập thể,... Phấn đấu để có được những công trình và tác phẩm nghệ thuật có tầm vóc lớn, có trình độ khái quát cao về chiến công và kỳ tích của những con người Việt Nam đánh thắng bọn đế quốc Pháp, Mỹ, làm nổi bật sức mạnh phi thường của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội…"[71].

Phát triển mạnh mẽ phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng làm cơ sở cho nền văn hóa, văn nghệ mới... các đoàn thể phải coi việc chăm sóc các hoạt động văn hoá, văn nghệ là một công tác quan trọng của mình. Chăm lo tổ chức những hoạt động giải trí, vui chơi lành mạnh cho quần chúng.

Đội ngũ văn nghệ sĩ phải được thường xuyên bồi dưỡng về thế giới quan Mác - Lênin, về đường lối, chính sách của Đảng, gắn bó với cuộc sống và có bản lĩnh cách mạng. Đảng, Nhà nước và nhân dân khuyến khích văn nghệ sĩ khám phá những vấn đề mới trong cuộc sống, tìm tòi những chất liệu mới, trau dồi phong cách và cá tính, đồng thời yêu cầu văn nghệ sĩ phải có ý thức đầy đủ về sứ mạng cao cả của mình, trau dồi tính Đảng, đi đúng đường lối văn nghệ của Đảng, kiên định lập trường yêu nước xã hội chủ nghĩa, đấu tranh chống mọi khuynh hướng tư sản và cơ hội chủ nghĩa trong văn nghệ[72].

---

[68] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.37, tr.524, 561, 562-563.
[69] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.37, tr.524, 561, 562-563.
[70] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.37, tr.524, 561, 562-563.
[71] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.37, tr.569.
[72] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.37, tr.570-571, 568.

Đối với hoạt động của các ngành báo chí, phát thanh, vô tuyến truyền hình, xuất bản, v.v.. Báo cáo chính trị nêu ra yêu cầu: phải thấu suốt đường lối, chính sách của Đảng, thường xuyên liên hệ với thực tiễn cách mạng, làm sáng tỏ quan điểm của Đảng trên những vấn đề thời sự ở trong nước và trên thế giới, góp phần nâng cao trình độ chính trị, bồi dưỡng chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa, nhiệt tình cách mạng của quần chúng, tinh thần quốc tế vô sản, đem lại cho nhân dân ta những món ăn tinh thần bổ ích, những giá trị văn hoá, nghệ thuật và kiến thức về nhiều mặt[73].

Đối với hoạt động của các ngành khoa học xã hội, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương cũng chỉ rõ: ... các ngành khoa học xã hội, trước hết là triết học, chính trị kinh tế học, chủ nghĩa xã hội khoa học là tiếp tục làm sáng tỏ những vấn đề lớn trong đường lối, chính sách của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lênin và trên cơ sở tổng kết những kinh nghiệm cách mạng đã tích lũy được. Trước mắt, tập trung vào những vấn đề chủ yếu sau đây: các quy luật của chủ nghĩa xã hội; con đường từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; chuyên chính vô sản và quyền làm chủ của nhân dân lao động; ba cuộc cách mạng và vấn đề xây dựng chế độ mới,...; tổ chức và quản lý kinh tế; xây dựng Đảng, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, đấu tranh chống mọi quan điểm sai lầm và thù địch, nâng cao chất lượng nghiên cứu trên các lĩnh vực: xã hội học, sử học, khảo cổ học, dân tộc học, ngôn ngữ học, văn học nghệ thuật,…[74].

Về hoạt động khoa học tự nhiên và kỹ thuật, phải bảo đảm cho được những yêu cầu về phát triển sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, giao thông, vận tải và xây dựng cơ bản. Đẩy mạnh điều tra cơ bản và phát triển thích đáng các ngành khoa học cơ bản.

Đưa công tác quản lý kỹ thuật vào nền nếp, đưa chỉ tiêu tiến bộ kỹ thuật vào các kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân. Nêu cao tinh thần cách mạng tiến công, mạnh dạn tự làm, khắc phục thái độ ỷ lại, đồng thời phải biết tranh thủ các thành tựu hiện đại của khoa học, kỹ thuật thế giới. Nêu cao tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa, kiên quyết chống những hiện tượng tản mạn, cục bộ, bản vị; kết hợp tốt nhà trường, viện nghiên cứu với cơ sở sản xuất[75].

- *Tiến hành một cuộc cải cách giáo dục rộng lớn trong cả nước,* nhằm thoả mãn tốt hơn yêu cầu học tập của nhân dân. Để tiến hành cải cách giáo dục, cần chuẩn bị tốt các mặt: đội ngũ giáo viên và cán bộ *quản* lý

[73] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.37, tr.570-571, 568.
[74] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.37, tr.555-556,554.
[75] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.37, tr.555-556,554.

giáo dục, chương trình và sách giáo khoa, trường sở và thiết bị giảng dạy, v.v..

Giáo dục phổ thông là nền tảng văn hoá của một nước. Cần bảo đảm cho tất cả thanh niên, thiếu niên được học đầy đủ bậc phổ thông. Phát triển có kế hoạch mạng lưới *mẫu giáo.*

Tiếp tục đẩy mạnh phong trào *thanh toán nạn mù chữ;* tăng cường công tác bổ túc văn hoá cho những người lao động lớn tuổi, chú trọng những cán bộ và thanh niên miền Nam đã trải qua đấu tranh cách mạng.

Cần tổ chức lại và từng bước mở rộng, hoàn chỉnh hệ thống các trường *đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp.* Mở rộng hệ thống đào tạo và bồi dưỡng tại chức với nhiều hình thức học tập, linh hoạt. *Tăng cường bồi dưỡng đội ngũ cán bộ giảng dạy.* Nhanh chóng thoả mãn những nhu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất của các trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp.

Hệ thống các *trường dạy nghề cần* được phát triển theo quy mô lớn. Sớm xây dựng quy hoạch dài hạn về đào tạo công nhân, kết hợp các hình thức đào tạo tại trường và trong sản xuất[76].

- *Bảo vệ và tăng cường sức khoẻ của nhân dân* được xác định là một trong những mối quan tâm hàng đầu của chế độ ta. Từng bước nâng cao sức khoẻ, thể lực, làm cho mọi người thích ứng với điều kiện mới của công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa, tiến quân vào lĩnh vực khoa học và kỹ thuật, phục vụ việc nâng cao năng suất lao động xã hội. Đẩy mạnh phong trào vệ sinh, phòng bệnh và thể dục thể thao sâu rộng trong cả nước. Kết hợp phòng bệnh và chữa bệnh, phòng bệnh là chính; phát triển và củng cố y tế nhân dân. Thật sự kết hợp đông - tây y, khoa học hoá đông y, xây dựng và phát triển mạng lưới y tế và thể dục thể thao. Xây dựng đội ngũ cán bộ và nhân viên y tế đồng bộ, vừa giỏi về chuyên môn, kỹ thuật, vừa biết vận động quần chúng tham gia sự nghiệp bảo vệ và tăng cường sức khoẻ.

- *Tổ chức chăm sóc chu đáo thương binh, bệnh binh*, giúp đỡ gia đình liệt sĩ và những nạn nhân chiến tranh.

- *Coi trọng sự nghiệp bảo vệ bà mẹ và trẻ em.* Đẩy mạnh cuộc vận động sinh đẻ có kế hoạch, phòng và chống các bệnh phụ khoa, các bệnh nghề nghiệp. Phát triển mạng lưới nhà trẻ, vườn trẻ, quan tâm chăm sóc trẻ mồ côi, người già cô đơn...

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV đã quyết định đổi tên Đảng là *Đảng Cộng sản Việt Nam,* bầu Ban Chấp hành Trung ương mới và lập lại chức

[76] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.37, tr.564-567.

danh Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đồng chí Lê Duẩn được bầu làm Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Đường lối của Đại hội IV được cụ thể hoá bằng *Kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ ba (1976-1980)* và các nghị quyết tiếp theo của Trung ương.

Trong hai năm 1977-1978, Ban Tuyên huấn và Ban Khoa giáo các cấp đã phối hợp với các ngành, các đoàn thể tiến hành những đợt tuyên truyền giáo dục rộng lớn về Nghị quyết Đại hội và động viên phong trào quần chúng thực hiện Kế hoạch Nhà nước. Mọi hoạt động của hệ thống tuyên truyền, giáo dục chính trị, thông tin, cổ động đều được đẩy mạnh. Hệ thống trường Đảng trực thuộc Trung ương được sắp xếp lại và phát triển gồm 9 trường Nguyễn Ái Quốc phân hiệu và 3 trường tuyên huấn trung ương. Gần 1.000 cán bộ đã qua đào tạo, bồi dưỡng được điều động bổ sung cho các tỉnh, thành phố vùng mới giải phóng để kiện toàn Ban Tuyên giáo và trường Đảng các cấp. Năm 1977, Vụ Giảng viên thuộc Ban Tuyên huấn Trung ương xuất bản Tạp chí *Sổ tay Giảng viên,* hướng dẫn công tác giảng dạy lý luận chính trị (sau chuyển thành Tạp chí *Giáo dục lý luận).* Từ đầu năm 1978, các lớp bồi dưỡng nâng cao kiến thức quản lý kinh tế được mở liên tục cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp. Hoạt động của lực lượng báo cáo viên theo Chỉ thị số 14-CT/TW, ngày 3-8-1977 của Ban Bí thư về việc tổ chức đội ngũ báo cáo viên và tuyên truyền viên của Đảng, đưa sinh hoạt thời sự, chính sách bước đầu đi vào nền nếp[77]. Góp phần làm nghĩa vụ quốc tế, các đoàn chuyên gia giúp Đảng Lào về công tác tư tưởng được tăng cường, kết quả công tác được Bạn đánh giá cao.

Cụ thể hoá Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng trên lĩnh vực tư tưởng, văn hoá, tháng 4-1977, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 08-CT/TW đề ra những phương hướng lớn của công tác văn hoá, văn nghệ trong giai đoạn cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội. Chỉ thị nhấn mạnh việc quán triệt các quan điểm của Đảng: Tư tưởng và văn hoá không chỉ là kết quả của kinh tế, mà còn là động lực thúc đẩy mạnh mẽ công cuộc xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới. Văn hoá, văn nghệ phải gắn chặt với nhiệm vụ cách mạng và đời sống nhân dân, mọi hoạt động văn hoá phải hướng vào nhiệm vụ trung tâm xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bảo đảm và phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động về văn hoá, văn nghệ trên ba mặt: nâng cao trình độ thưởng thức văn hoá, nghệ thuật, biến mọi giá trị văn hoá thành tài sản của nhân dân và tạo mọi điều kiện để nhân dân trực tiếp sáng tạo ra mọi giá trị văn hoá. Xây dựng nền văn hoá mới có nội dung xã hội chủ nghĩa và tính chất dân tộc, nền văn hoá có tính Đảng và tính nhân dân sâu sắc trên cơ sở tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin, vừa kế thừa có sáng tạo và kết hợp hài

[77] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.38, tr.386.

hoà tinh hoa văn hoá, có phong cách riêng của các dân tộc anh em trong đại gia đình dân tộc Việt Nam, vừa tiếp thu có chọn lọc những thành quả của văn minh loài người... Đấu tranh quét sạch ảnh hưởng của văn hoá thực dân phong kiến, tư sản và những nhân tố lạc hậu trong xã hội. Ban Tuyên giáo các cấp đã giúp cấp ủy phổ biến Chỉ thị của Đảng đến các chi bộ để nâng cao nhận thức và tăng cường lãnh đạo lĩnh vực tư tưởng, văn hoá. Các văn nghệ sĩ và cán bộ văn hoá trong cả nước đã tham gia nghiên cứu quán triệt các quan điểm cơ bản và thảo luận thực hiện các nhiệm vụ văn hoá, văn nghệ do Trung ương Đảng đề ra.

Về lĩnh vực công tác khoa giáo, Ban Khoa giáo Trung ương đã phối hợp với các bộ, ban, ngành triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV. Các ngành khoa học xã hội, trước hết là các ngành triết học, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa xã hội khoa học ở các trường đại học, cao đẳng đều được bổ sung cán bộ giảng dạy. Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội được thành lập mới khoa Triết học, khoa Kinh tế học chính trị. Ban Bí thư giao cho Ban Khoa giáo Trung ương cùng với Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội xây dựng chương trình kế hoạch lựa chọn đội ngũ giảng viên và tuyển sinh, nhằm đào tạo lớp cán bộ lý luận cho Đảng và Nhà nước.

Về công tác khoa học tự nhiên và kỹ thuật, Ban Khoa giáo Trung ương đã giúp Ban Bí thư ra Thông tri số 40-TT/TW, ngày 5-5-1978 về đẩy mạnh công tác khoa học - kỹ thuật trong quá trình xây dựng huyện và tăng cường cấp huyện[78]. Việc sáp nhập tỉnh, huyện nhằm thực hiện chủ trương xây dựng huyện thành huyện nông - công nghiệp, pháo đài của chủ nghĩa xã hội, diễn ra sôi nổi trong toàn quốc. Việc đào tạo, bồi dưỡngvà phân bổ lại đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật cho các huyện, nhằm đưa nhanh các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, đời sống, nhất là ở các huyện công - nông nghiệp trọng điểm, trở thành nhu cầu hết sức cấp thiết.

Về công tác giáo dục, Ban Khoa giáo Trung ương đã cùng với các bộ, ban, ngành chỉ đạo các địa phương tích cực thực hiện Nghị quyết. Việc phát triển nhanh chóng về số lượng trường, lớp đòi hỏi phải đẩy mạnh phong trào thi đua "dạy tốt, học tốt" để góp phần duy trì và bảo đảm chất lượng giáo dục.

Nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội ở miền Nam, Ban Khoa giáo Trung ương đã giúp Ban Bí thư ra Chỉ thị số 47-CT/TW, ngày 16-6-1978 về công tác giáo dục ở các tỉnh, thành miền Nam trong ba năm tới (1978-1980)[79]. Chỉ thị yêu cầu trong ba năm (1978-1980), các cấp uỷ, chính quyền ở các tỉnh phía Nam phải lãnh đạo, chỉ đạo tiếp tục phát triển mạnh mẽ và vững chắc sự nghiệp giáo dục, tạo điều kiện để thống

[78] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.39, tr.215,270.
[79] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.39, tr.215,270.

nhất nền giáo dục trong cả nước. Về mặt chỉ đạo, Ban Bí thư yêu cầu kiên quyết điều động một số cán bộ có năng lực từ tỉnh xuống huyện để kiện toàn phòng Giáo dục huyện vì mạng lưới các loại trường ở huyện đã phát triển lớn và rộng rãi.

Về công tác y tế và thể dục thể thao, Ban Khoa giáo Trung ương cùng với Bộ Y tế, Tổng cục Thể dục thể thao chỉ đạo các tỉnh, thành chuyển hướng hoạt động theo đường lối y tế và thể dục thể thao xã hội chủ nghĩa thống nhất trong cả nước, theo quan điểm y học dự phòng, đẩy mạnh phong trào vệ sinh phòng bệnh, rèn luyện thân thể đi đôi với việc nâng cao chất lượng điều trị, đồng thời, phải tích cực xây dựng tổ chức y tế, thể dục thể thao ở huyện, quận, xã, phường, đủ sức chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân. Phát động phong trào vệ sinh phòng bệnh, phong trào thể dục thể thao, thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh, đẩy lùi các bệnh nguy hiểm (tả, dịch hạch..); từng bước khống chế các bệnh xã hội, v.v.. Nhờ có sự tham gia của các ngành đoàn thể và sự hưởng ứng rộng rãi của nhân dân, phong trào chăm sóc sức khoẻ và thể dục thể thao trên cả nước có những chuyển biến rõ rệt.

Lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc giáo dục trẻ em và dân số kế hoạch hoá gia đình đã được cấp uỷ, các ngành, các đoàn thể, các tổ chức xã hội cụ thể hoá Nghị quyết thành các chương trình hành động với các chủ trương, biện pháp gắn với điều kiện và nhu cầu thực tế của các vùng, miền, nên đã tạo được phong trào xã hội bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em rộng khắp trên cả nước, nhất là ở các tỉnh, thành phía Bắc.

Nhìn lại trong hai năm 1976-1978, các hoạt động tư tưởng văn hoá, khoa giáo đã phối hợp với các cấp, các ngành, các đoàn thể động viên và tổ chức các phong trào thi đua thực hiện Nghị quyết của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng và Kế hoạch 5 năm 1976-1980 của Nhà nước. Tiêu biểu là các phong trào phấn đấu trở thành "Tổ lao động xã hội chủ nghĩa" trong công nhân viên chức; các phong trào "Ba xung kích làm chủ tập thể", "Thanh niên xung phong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc", "Người phụ nữ mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc", v.v.. Trong khối Khoa giáo, phong trào học tập và làm theo các đơn vị tiên tiến được đẩy mạnh. Trong nông nghiệp, nổi bật là các phong trào: Khai hoang phục hoá, làm thủy lợi tăng vụ. Diện tích gieo trồng năm 1978 tăng thêm 1 triệu hécta so với năm 1975. Sản lượng một số sản phẩm chủ yếu trong công nghiệp như điện than, xi măng tăng hơn trước. Đường sắt thống nhất Bắc - Nam đã hoạt động trở lại sau 30 năm bị gián đoạn. Trước tình hình bão lụt gây thiệt hại nặng nề ở cả hai miền Nam, Bắc, các hoạt động tuyên truyền đã động viên nhân dân cả nước nêu cao tinh thần tương thân tương ái, nhường cơm sẻ áo, giúp đỡ lẫn nhau khắc phục hậu quả thiên tai, ổn định đời sống, khôi phục sản xuất. Các cấp, các ngành tích cực triển khai

nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh, tiểu thủ công nghiệp và nông nghiệp.

Sang năm 1979, nhằm tiếp tục thực hiện Nghị quyết Đại hội IV của Đảng, Bộ Chính trị họp và ra Nghị quyết số 14-NQ/TW, ngày 11-1-1979 về cải cách giáo dục[80]. Nghị quyết đã xác định mục tiêu của công cuộc cải cách giáo dục là:

- Làm tốt việc chăm sóc và giáo dục thế hệ trẻ từ tuổi thơ ấu đến lúc trưởng thành. Từng bước thu hút tất cả trẻ em trong độ tuổi vào nhà trẻ và lớp mẫu giáo, phấn đấu cho thế hệ trẻ từ 6 tuổi đến tuổi trưởng thành được học đầy đủ đến bậc phổ thông trung học. Thực hiện phổ cập giáo dục trong toàn dân.

- Đào tạo và bồi dưỡng với quy mô ngày càng lớn đội ngũ lao động mới với cơ cấu đồng bộ và cân đối về ngành nghề, trình độ và loại hình, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội.

- Thấu suốt hơn nữa nguyên lý học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội.

Thực hiện Nghị quyết số 14 của Bộ Chính trị, chúng ta đã xây dựng được một hệ thống giáo dục tương đối hoàn chỉnh và thống nhất trong cả nước, bao gồm: giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông 12 năm, giáo dục chuyên nghiệp, giáo dục đại học, sau đại học, bổ túc văn hoá và đào tạo tại chức (sau này gọi là giáo dục thường xuyên). Đã ban hành mục tiêu và kế hoạch đào tạo cho các cấp học từ mẫu giáo đến phổ thông trung học, trên cơ sở đó từ năm học 1981-1982 đã lần lượt thay sách giáo khoa phổ thông theo kiểu "cuốn chiếu" từ lớp 1 đến lớp 12.

Từ sau Nghị quyết số 14, *dạy nghề* chính thức trở thành một ngành học trong hệ thống giáo dục quốc dân và được các ngành, các cấp quan tâm phát triển hơn trước. Ngày 12-3-1981, Hội đồng Chính phủ ra Nghị quyết số 109-CP xác định nhiệm vụ, phương hướng, chủ trương và biện pháp phát triển công tác dạy nghề trên cả nước.

Vào đầu năm 1979, trước tình hình đời sống có nhiều khó khăn, Ban Khoa giáo Trung ương lại giúp Ban Bí thư ra Chỉ thị số 66-CT/TW, ngày 26-2-1979 về một số công tác trước mắt đối với trí thức cũ ở miền Nam.

Chỉ thị đã xác định: Cần quán triệt trong toàn Đảng quan điểm phải có chính sách đãi ngộ thoả đáng và thái độ rộng rãi để sử dụng cho được các cán bộ khoa học - kỹ thuật và công nhân lành nghề ở các vùng mới giải phóng. Phải tìm mọi cách thu hút hầu hết trí thức cũ, trừ những phần tử đã xác minh là thù địch, phản động, vào các ngành hoạt động kinh tế, khoa học - kỹ thuật, văn hoá - xã hội, đưa họ vào các tổ chức quần chúng

[80] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.40, tr.6.

thích hợp, tạo ra tinh thần đoàn kết, hoà hợp giữa trí thức xã hội chủ nghĩa và trí thức cũ, phát huy tốt nhất sự đóng góp của họ vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc... Để thực hiện các yêu cầu trên phải giải quyết nhanh chóng tình trạng thất nghiệp của trí thức cũ hiện nay, cố gắng giải quyết một bước đời sống cho trí thức cũ; tăng cường công tác giáo dục đoàn kết, đưa họ vào các tổ chức trí thức thích hợp; cần có chế độ chính sách đãi ngộ thích đáng để phát huy khả năng của các trí thức có trình độ chuyên môn, khoa học - kỹ thuật, văn hoá cao…[81].

Về các mặt kinh tế - xã hội, tới năm 1979, công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam đã căn bản hoàn thành. Tuy nhiên, do tiến hành cải tạo có tính cưỡng ép, không hợp quy luật, nên chất lượng, hiệu quả mang lại thấp. Phong trào hợp tác hoá nông nghiệp ở miền Nam được đẩy mạnh nhưng làm ồ ạt, không trên cơ sở tự nguyện, nên nông dân ít đồng tình ủng hộ. Một số đảng viên xin ra hợp tác xã. Còn ở miền Bắc, việc đưa hợp tác xã lên quy mô lớn nhằm xây dựng huyện thành huyện công - nông nghiệp, đòi hỏi phải quản lý tập trung cao, nhưng do trình độ về nhiều mặt còn yếu kém, nên năng suất, sản lượng bình quân trên một hécta canh tác giảm.

Mặt khác, trong năm 1978, thiên tai, bão lụt xảy ra cả ở hai miền Nam, Bắc. Chiến tranh ở biên giới phía Tây Nam (năm 1978) và chiến tranh ở biên giới phía Bắc (năm 1979) xảy ra. Với tinh thần chiến đấu ngoan cường, dũng cảm để bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, thực hiện quyền tự vệ chính đáng của mình, quân dân ta đã tổ chức phản công tiêu diệt cánh quân xâm lược vào đất nước ta ở phía Tây nam và đánh trả kiên cường đội quân phía Bắc, buộc chúng phải rút quân ra khỏi biên giới vào ngày 18-3-1979.

Trong thời gian này, nguồn viện trợ của các nước giảm dần. Bọn đế quốc lại thực hiện bao vây, cấm vận, nên việc thực hiện kế hoạch 5 năm (1976-1980) gặp rất nhiều trở ngại. Các xí nghiệp quốc doanh ở miền Bắc, các công ty hợp doanh ở miền Nam, cùng với các hợp tác xã nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp trên toàn quốc, một phần vì bị trói buộc bởi cơ chế kế hoạch hoá tập trung, bao cấp; một phần vì thiếu vốn, thiếu nguyên, nhiên liệu nên sản xuất gặp nhiều khó khăn. Trong công nghiệp, các xí nghiệp, hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp chỉ sản xuất cầm chừng. Trình độ công nghệ thấp, chất lượng sản phẩm kém. Hàng hoá thiết yếu thiếu nghiêm trọng. Trong nông nghiệp, sản xuất lương thực không đủ ăn. Hằng năm phải nhập khẩu lương thực. Giá cả tăng liên tục. Đời sống của các tầng lớp nhân dân ngày càng gặp nhiều khó khăn. Các hợp tác xã

[81] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.40, tr.106-111.

nông nghiệp bậc cao dần dần tan vỡ. Việc bao cấp cho giáo dục, y tế, văn hoá, khoa học... giảm dần. Các lĩnh vực công tác văn hoá và khoa giáo bắt đầu gặp nhiều trở ngại.

Từ chỗ tư tưởng phổ biến là chủ quan, hy vọng đời sống sớm được cải thiện, đã xuất hiện tư tưởng bi quan, dao động. Lợi dụng lúc tình thế đất nước gặp nhiều khó khăn, bọn phản động ở bên ngoài móc nối với bọn phản động trong nước tiến hành các hoạt động phá hoại. Chúng tuyên truyền xuyên tạc, gieo rắc hoang mang, kích động hàng loạt đồng bào ta bỏ ra nước ngoài, gây rối an ninh, trật tự xã hội, và nhân đó, bôi nhọ chế độ ta, hạ uy tín quốc tế của ta. Công tác tư tưởng lúc này có sơ hở, lúng túng, bị động, chưa làm cho mọi người nhận rõ âm mưu thâm độc của các thế lực thù địch và hiểu đúng tình hình đất nước để chung sức phấn đấu khắc phục khó khăn, mau chóng ổn định tình hình, làm thất bại âm mưu phá hoại của địch. Công tác tuyên truyền chống các luận điệu phản động cũng yếu và không kịp thời, một bộ phận cán bộ đảng viên dao động, thiếu tin tưởng vào khả năng lãnh đạo và quản lý kinh tế của Đảng và Nhà nước.

Đứng trước yêu cầu bức xúc của tình hình, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa IV (9-1979) đã bàn về những nhiệm vụ kinh tế cấp bách. Hội nghị khẳng định những nỗ lực lớn của nhân dân ta trong thực hiện nhiệm vụ khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh, chống thiên tai, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế. Đồng thời cũng nghiêm khắc kiểm điểm những khuyết điểm chủ quan, duy ý chí trong lãnh đạo kinh tế: Xây dựng kế hoạch vẫn tập trung quan liêu, chưa kết hợp chặt chẽ kế hoạch hoá với sử dụng thị trường, chưa chú ý đúng mức các thành phần kinh tế cá thể và tư sản dân tộc (ở miền Nam), chậm khắc phục tình trạng trì trệ, bảo thủ trong việc xây dựng các chính sách cụ thể về kinh tế, tài chính để khuyến khích phát triển sản xuất; có những biểu hiện nóng vội, giản đơn trong cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, và điều cần đặc biệt quan tâm là người lao động thiếu động lực để hăng hái sản xuất. Hội nghị quyết định một số chủ trương nhằm *phát triển lực lượng sản xuất, làm cho sản xuất "bung ra",* như: chấp nhận ở miền Bắc ngoài hai hình thức sở hữu nhà nước và tập thể, còn có thành phần kinh tế cá thể, ở miền Nam còn có thành phần kinh tế tư bản tư doanh; kết hợp *kế hoạch với sử dụng thị trường;* các chính sách kinh tế và cơ chế quản lý phải quán triệt quan điểm của Đảng về lợi ích kinh tế, *kết hợp đúng đắn lợi ích toàn xã hội với lợi ích tập thể và cá nhân, khuyến khích người lao động hăng hái sản xuất;* lấy năng suất lao động tăng, sản xuất phát triển và đời sống nhân dân được cải thiện làm tiêu chuẩn cao nhất để đánh giá sự đúng đắn của chính sách; đối với các hợp tác xã nông nghiệp thực hiện ổn định mức nghĩa vụ lương thực trong 5 năm, phần còn lại bán cho Nhà nước với giá thoả thuận và được lưu thông tự do, bảo đảm nguyên tắc

phân phối theo lao động; bỏ lối phân phối theo định suất, định lượng trong hợp tác xã. Hội nghị Trung ương lần thứ sáu (khóa IV) còn quyết định các chủ trương, biện pháp *phát triển công nghiệp địa phương và tiểu thủ công nghiệp, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng.* Nghị quyết Hội nghị cũng nhấn mạnh phải đẩy mạnh cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, sớm đưa nhanh những tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, đời sống…[82].

Trên cơ sở phương hướng Nghị quyết Hội nghị lần thứ sáu của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, tháng 6-1980, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 23-6-1980 về cải tiến công tác phân phối, lưu thông (Tài chính, tiền tệ, giá cả, tiền lương, thương nghiệp và quản lý thị trường) nhằm từng bước xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, thực hiện kết hợp kế hoạch với thị trường và đề ra phương hướng sửa đổi hệ thống giá cả đã không còn phù hợp[83].

Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ sáu (khóa IV) về các nhiệm vụ kinh tế cấp bách và Nghị quyết số 26 của Bộ Chính trị là cái mốc *mở đầu sự chuyển biến nhận thức và quan điểm về quản lý kinh tế.* Lãnh đạo Đảng, Nhà nước đã thấy rõ hơn thực tế sản xuất, thực trạng đời sống của người lao động và một số điểm quan trọng không phù hợp trong cơ chế, chính sách cần phải sửa đổi.

Trước bối cảnh đó, vào năm 1980, Bộ Chính trị quyết định điều động bố trí lại cán bộ.

Đồng chí Tố Hữu thôi giữ chức Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương và Trưởng ban Khoa giáo Trung ương để chuyển sang công tác bên Chính phủ. Đồng chí Hoàng Tùng - Uỷ viên Trung ương Đảng, được cử làm Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương. Các Phó Trưởng ban Ban Tuyên huấn Trung ương gồm các đồng chí: Đào Duy Tùng, Nguyễn Minh Vỹ, Lê Xuân Đồng, Nguyễn Vành, Lê Quang Trinh. Đối với Ban Khoa giáo Trung ương, Bộ Chính trị bổ nhiệm đồng chí Bùi Thanh Khiết - Uỷ viên Trung ương Đảng (khóa IV) làm Trưởng ban thay đồng chí Tố Hữu, rút đồng chí Trần Quang Huy - Phó Trưởng ban sang làm công tác bên Chính phủ. Phó Trưởng ban gồm các đồng chí: Hoàng Đài, Võ Thuần Nho, Phạm Như Cương, Trịnh Văn Tự, Đặng Quốc Bảo (Phó Trưởng ban thứ I).

Tháng 8-1980, Bộ Chính trị ra Quyết định thành lập Ban Văn hóa - Văn nghệ Trung ương do đồng chí Hà Xuân Trường: Uỷ viên Trung ương Đảng làm Trưởng ban. Phần công tác văn hóa, văn nghệ do Ban Tuyên huấn Trung ương phụ trách nay chuyển sang Ban mới. Sau đồng chí Hà Xuân Trường là đồng chí Trần Độ làm Trưởng ban Văn hóa - Văn nghệ Trung ương, đồng chí Nguyễn Văn Hạnh làm Phó Trưởng ban.

---

[82] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.40, tr.356.
[83] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.41, tr.153.

Từ tháng 9-12-1981 đồng chí Trần Trọng Tân được bổ sung làm Phó Trưởng ban phụ trách công tác tuyên huấn ở các địa phương Nam Bộ. Sau đó đồng chí Tân được cử sang công tác tại Campuchia giúp Bạn về công tác tuyên huấn, rồi phụ trách đoàn chuyên gia về văn hoá thông tin, Thông tấn xã SPK, đài phát thanh, giáo dục, y tế.

Cơ cấu cấp Vụ của Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương cũng có ít nhiều thay đổi.

Sau Hội nghị Trung ương 6 (khoá IV), các hoạt động tư tưởng đã *truyền đạt kịp thời và sâu rộng những quan điểm và quyết tâm của Trung ương, những quyết định mới về các vấn đề kinh tế - xã hội,* làm cho đông đảo đảng viên và quần chúng thấy rõ những thắng lợi trong bốn năm qua và những khuyết điểm trong lãnh đạo kinh tế, nâng cao ý chí phấn đấu vượt qua khó khăn trong hoàn cảnh vừa phải bảo vệ Tổ quốc, vừa bảo đảm đời sống của nhân dân và xây dựng cơ sở vật chất của chủ nghĩa xã hội, khắc phục tư tưởng bi quan, hoài nghi, dao động, đập tan những luận điệu chia rẽ, xuyên tạc, kích động của địch. Để tăng thêm công cụ chỉ đạo công tác tư tưởng, Tạp chí *Tuyên truyền* (thay cho Tạp chí *Sổ tay tuyên truyền)* ra đời đã góp phần thực hiện nhiệm vụ hướng dẫn các cấp về nội dung và phương thức công tác tuyên truyền trong Đảng và trong nhân dân.

Báo *Nhân dân* cũng mở cuộc thảo luận về *kết hợp đúng đắn ba lợi ích* trong kinh tế. Nhiều ý kiến nhấn mạnh phải quan tâm hơn *lợi ích của người lao động* mới khuyến khích được họ hăng hái lao động sản xuất. Cuộc hội thảo về quản lý hợp tác xã nông nghiệp tổ chức ở Côn Sơn (Hải Dương) đã đề cập tới việc thực hiện khoán cho lao động, cho gia đình xã viên. Năm 1980, Ban Tuyên huấn Trung ương, Báo Nhân dân, Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, Tạp chí Cộng sản phối hợp với các cơ quan phụ trách nông nghiệp của Đảng và Nhà nước và một số tỉnh thành phố tổ chức nghiên cứu phương thức "khoán" ở một số hợp tác xã, giới thiệu những mô hình tốt, trong đó có hợp tác xã Đoàn Xá (Đồ Sơn, Hải Phòng), đề xuất với lãnh đạo và được Ban Bí thư chấp nhận. Ngày 21-10-1980, Ban Bí thư ra Thông báo số 22-TB/TW về một số công tác trước mắt trong việc củng cố hợp tác xã nông nghiệp gắn với xây dựng huyện ở đồng bằng và trung du miền Bắc[84]. Công tác tuyên truyền Thông báo của Ban Bí thư được mở rộng, hình thành dư luận *ủng hộ cơ chế khoán mới.* Một phong trào ủng hộ cái mới diễn ra sôi động trong cả nước.

Để tiếp tục góp phần phát huy những nhân tố tích cực, trong những tháng cuối năm 1980, Ban Tuyên huấn Trung ương tổ chức khảo sát tình hình, xây dựng đề án, lấy ý kiến của một số ngành và địa phương, tháng 2-1981 trình Ban Bí thư ra Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 24-2-1981

[84] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.41, tr.391.

về những nhiệm vụ trước mắt của công tác tư tưởng[85]. Đây là một nghị quyết chỉ đạo toàn diện nội dung và các mặt hoạt động của công tác tư tưởng, thể hiện các quan điểm của Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 (khóa IV) và Nghị quyết số 26 của Bộ Chính trị về những vấn đề bức xúc đang đặt ra. Công tác quán triệt Nghị quyết số 36 được đặt thành một đợt giáo dục tư tưởng trong Đảng, các ngành, các đoàn thể, trong lực lượng vũ trang và tuyên truyền rộng rãi trong nhân dân, tạo được sự nhất trí đối với nhận định của Trung ương: "Năm năm vừa qua là một thời gian ngắn ngủi, lại có địch hoạ, thiên tai, khó khăn cũ chưa kịp khắc phục, khó khăn mới đã xuất hiện, song cách mạng Việt Nam vẫn tiếp tục phát triển và giành được những thắng lợi to lớn... Nhưng chúng ta chưa bao giờ lại đứng trước những khó khăn lớn về kinh tế và đời sống nhân dân như hiện nay"[86]. Đường lối đề ra tại Đại hội IV là đúng đắn. Nhưng trong việc vận dụng và tổ chức thực hiện đường lối, lãnh đạo có khuyết điểm đánh giá không đầy đủ tình hình mọi mặt sau giải phóng, có biểu hiện nóng vội về chủ trương cải tạo và phát triển kinh tế, đồng thời lại có những khuyết điểm kéo dài trong công tác phân phối, lưu thông và quản lý kinh tế. Những thiếu sót, sai lầm đó ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân, làm cho tình hình tư tưởng diễn biến phức tạp. Song, những thiếu sót, sai lầm đó chậm được sửa chữa, vì cán bộ lãnh đạo ít đi sát tình hình thực tế, ít lắng nghe ý kiến của quần chúng. Một bộ phận cán bộ, đảng viên, trong đó có những người có cương vị phụ trách ở các cấp, các ngành, biến chất, phạm tội… làm giảm uy tín của Đảng và chế độ, làm trì trệ mọi mặt công tác, làm cho tình hình kinh tế thêm trầm trọng, gây không ít tổn thất cho cách mạng.

Công tác tư tưởng cũng có những yếu kém và khuyết điểm: “không vươn lên kịp sự phát triển của cách mạng, giáo dục về chủ nghĩa xã hội, giáo dục về đấu tranh giữa hai con đường còn yếu... không kịp thời giải quyết những vấn đề mới xuất hiện..., không chủ động ngăn ngừa và không kiên quyết đấu tranh chống những hiện tượng tiêu cực trong Đảng và trong xã hội. Công tác tư tưởng cũng đi theo phương hướng nóng vội, thường nêu thành tích và thuận lợi một chiều...; chưa phân tích đầy đủ mọi mặt khó khăn, thiếu tính chiến đấu, thiếu chủ động và chưa sắc bén, chưa thật sự đi sát công tác kinh tế và đời sống nhân dân, chưa gắn liền với công tác tổ chức, không làm cho tất cả các tổ chức đều làm công tác tư tưởng[87].

Việc quán triệt Nghị quyết số 36 của Ban Bí thư đã góp phần làm cho đại bộ phận cán bộ, đảng viên và quần chúng hiểu đúng hơn tình hình

---

[85] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.42, tr.67.

[86] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.42, tr.74.

[87] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.42, tr.73-74.

đất nước, thấy được những cố gắng đổi mới bước đầu và những khuyết điểm, sai lầm cần khắc phục.

Đầu năm 1981, trước những đòi hỏi bức thiết của cuộc sống và qua sự xuất hiện các nhân tố mới trong nông nghiệp, tháng 1-1981, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 100-CT/TW, ngày 13-1-1981 về "Cải tiến công tác khoán", mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã nông nghiệp"[88].

Trong lĩnh vực công nghiệp, Hội đồng Chính phủ cũng ban hành Quyết định số 25-CP về việc thực hiện chế độ "ba phần kế hoạch" (kế hoạch do Nhà nước giao, kế hoạch liên doanh, liên kết với các xí nghiệp khác và kế hoạch tự tìm kiếm nguyên vật liệu để sản xuất) và Quyết định số 26-CP về phát huy quyền tự chủ trong sản xuất, kinh doanh, cho mở rộng hình thức trả lương khoán, lương sản phẩm trong các đơn vị kinh tế quốc doanh. Về cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam cũng thừa nhận sự tồn tại của năm thành phần kinh tế. Như vậy, sự kết hợp hài hoà "ba lợi ích" - lợi ích cá nhân, lợi tích tập thể và lợi ích của Nhà nước đã bước đầu được chú ý.

Chỉ thị số 100 và các Quyết định số 25-CP, số 26-CP tuy là những đổi mới bộ phận nhưng đã có vai trò rất lớn trong công tác tư tưởng, đã đánh dấu bước đầu đổi mới tư duy và chính sách kinh tế của Đảng, được đông đảo đảng viên và quần chúng nhiệt liệt hưởng ứng, tạo ra được một số chuyển biến trong sản xuất, đời sống.

Thực ra, trước khi có Chỉ thị số 100 và các Quyết định số 25-CP, số 26-CP thì có một số hợp tác xã nông nghiệp đã cho gia đình xã viên mượn đất làm vụ thu, vụ đông, làm màu và khoán công việc sản xuất của tập thể đến hộ xã viên. Trong các cơ sở kinh tế quốc doanh cũng đã xuất hiện nhiều cách làm ăn ngoài kế hoạch pháp lệnh của Nhà nước, để bảo đảm đời sống của cán bộ, công nhân.

Các sự việc trên cho thấy quần chúng cách mạng rất giàu tinh thần sáng tạo. Nhiều khi trong lúc lãnh đạo còn đang trăn trở tìm giải pháp thì trong phong trào quần chúng thực hiện nghị quyết của Đảng đã xuất hiện những sáng kiến hay, những mô hình làm ăn có hiệu quả, được quần chúng hưởng ứng.

Một kinh nghiệm thiết thân đối với công tác tư tưởng là phải luôn luôn bám sát phong trào quần chúng ở cơ sở, nắm vững định hướng của Đảng, nhạy bén phát hiện những nhân tố mới, tham gia tổng kết, vun xới

---

[88] Việc "khoán hộ" đã được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Vĩnh Phú (đứng đầu là đồng chí Bí thư Kim Ngọc), quyết định cho áp dụng vào một số hợp tác xã nông nghiệp từ tháng 9-1966, nhưng bị cấp trên coi là hành động "xé rào" "làm chui". Tới năm 1998, Ban Bí thư đã xem xét truy tặng đồng chí Huân chương Độc lập hạng Hai.

và nhân rộng những nhân tố tích cực, mới có thể nâng cao được hiệu quả công tác tư tưởng, phát huy được vai trò chủ động của công tác tư tưởng.

Quá trình đi đến những quyết định và triển khai thực hiện các chính sách mới là quá trình đấu tranh giữa quan điểm đổi mới với tư tưởng bảo thủ, giáo điều và hữu khuynh, buông lỏng quản lý.

Những quyết định mới nói trên của Đảng và Nhà nước là kết quả tổng kết thực tiễn, giải quyết một phần những vấn đề nảy sinh trong quá trình tổ chức thực hiện đường lối. Công tác tư tưởng đã góp phần tích cực vào việc xây dựng và thực hiện những quyết định này.

Chỉ thị số 100-CT/TW và Quyết định số 25-CP, số 26-CP đã được các hợp tác xã nông nghiệp, các xí nghiệp quốc doanh, các hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, v.v. và nhân dân hồ hởi đón nhận và đã mang lại những kết quả thiết thực.

Trong nông nghiệp, lương thực bình quân đầu người đã tăng lên. Giá trị tổng sản lượng công nghiệp cũng tăng đáng kể. Thu nhập của các tầng lớp nhân dân đã khá hơn, và tình hình căng thẳng của xã hội cũng dịu đi đôi chút.

Trước tình hình, sản xuất và xã hội đã đòi hỏi phải đưa các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, đời sống; đồng thời, phải tăng cường đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý và đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ cho các địa phương, tháng 4-1981, Ban Khoa giáo Trung ương đã tham mưu để Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 37-NQ/TW, ngày 20-4-1984 về chính sách khoa học và kỹ thuật[89].

Nghị quyết đã đề cập toàn diện về mục tiêu, nhiệm vụ, phương châm, nguyên tắc của chính sách khoa học và kỹ thuật; xác định phương pháp, bước đi có hiệu quả phù hợp với điều kiện nước ta, trong đó nhấn mạnh: Khoa học và kỹ thuật là bộ phận hợp thành của chiến lược phát triển kinh tế và xã hội. Mục tiêu của chính sách khoa học và kỹ thuật là phục vụ phát triển sản xuất, ổn định và từng bước nâng cao đời sống của nhân dân, củng cố và tăng cường sức mạnh quốc phòng của đất nước.

Nhiệm vụ của chính sách khoa học và kỹ thuật được xác định là:

- Phát huy vai trò động lực của khoa học trong mọi lĩnh vực hoạt động kinh tế, văn hóa và xã hội, đẩy mạnh cách mạng khoa học - kỹ thuật, kết hợp chặt chẽ với cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng tư tưởng và văn hoá, làm cho khoa học trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp.
- Mọi hoạt động khoa học và kỹ thuật phải hướng vào phục vụ tốt nhất cho sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa.

[89] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.42, tr.119.

- Phát huy sức mạnh sáng tạo của khoa học và kỹ thuật kết hợp với tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội, truyền thống tốt đẹp của dân tộc, xây dựng nền văn hoá mới, con người mới, v.v..

Nghị quyết được truyền đạt nhanh chóng và Ban Tuyên giáo các địa phương đã giúp cấp ủy triển khai và xây dựng kế hoạch thực hiện phù hợp với điều kiện và hoàn cảnh của mình.

Trong nông nghiệp, nhiều địa phương đã nghiên cứu xác định cơ cấu mùa vụ với giống cây trồng, vật nuôi thích hợp với địa phương mình.

Trong công nghiệp, xây dựng cơ bản, giao thông, v.v. cũng đã đưa được nhiều tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất như: đóng tàu, thuyền bằng xi măng lưới thép; làm gạch không nung trong xây dựng; dùng vật liệu địa phương để làm nền đường, v.v..

Tới tháng 9-1981, Ban Khoa giáo Trung ương tiếp tục tham mưu để Ban Bí thư ra Chỉ thị số 115-CT/TW, ngày 7-9-1981 về việc đẩy mạnh công tác bổ túc văn hoá cho cán bộ và thanh niên ưu tú[90] nhằm nhanh chóng nâng cao trình độ học vấn cho đội ngũ này để tiếp tục đào tạo họ thành các cán bộ cốt cán cho Đảng và Nhà nước. Chỉ thị đã đề ra nhiệm vụ mở rộng mạng lưới trường, lớp bổ túc văn hóa tập trung, nửa tập trung và tại chức ở các huyện và trong các cơ quan xí nghiệp.

Thực hiện Chỉ thị số 115-CT/TW, mạng lưới trường, lớp bổ túc văn hóa tập trung, nửa tập trung được phát triển mạnh và đã góp phần vào việc đào tạo đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý, khoa học, kỹ thuật v.v. ở các địa phương.

Trong khi đó, việc chỉ đạo thực hiện xoá bỏ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp tiến triển chậm. Việc điều chỉnh giá, cải cách chế độ tiền lương có nhiều khó khăn, lúng túng nên đạt kết quả thấp. Những vấn đề cơ bản về đổi mới cơ chế quản lý và chính sách kinh tế chưa được giải quyết đồng bộ nên chưa chặn lại được chiều hướng suy giảm của nền kinh tế, kéo theo đó là những khó khăn về đời sống, nhất là đối với những người hưởng lương. Tâm trạng bi quan trong xã hội khá nặng nề. Những thế lực chống chủ nghĩa xã hội lợi dụng lúc ta khó khăn, còn nhiều khuyết điểm để công kích Đảng và Nhà nước không có khả năng lãnh đạo kinh tế, nhằm làm giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và chế độ.

Trước tình hình đó, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng được triệu tập (tháng 3-1982). Đại hội được tiến hành trong tình hình đất nước đã lâm vào khủng hoảng kinh tế - xã hội. Đại hội đã kiểm điểm, tự phê bình về những sai lầm chủ quan, nóng vội trong cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội; chỉ trích về tư tưởng bảo thủ, trì trệ, thể hiện ở việc "duy trì quá lâu cơ chế quản lý hành chính, bao cấp", nên cơ

[90] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.42, tr.296.

sở đó đã điều chỉnh một bước đường lối chung và đường lối kinh tế trong thời kỳ quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội[91] xác định nước ta ở *chặng đường đầu* của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và chỉ rõ nội dung công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa. Trước mắt phải coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, phải ra sức phát triển hàng tiêu dùng, v.v.. Đại hội đã đề ra một số chủ trương về điều chỉnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, để phát triển kinh tế - xã hội, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam, thể hiện cụ thể trong kế hoạch 5 năm 1981-1985, nhằm cơ bản ổn định tình hình kinh tế - xã hội, ổn định đời sống nhân dân.

Đại hội xác định nhiệm vụ cơ bản của công tác tư tưởng là: *Vũ trang cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học, xây dựng ý thức kiên cường, quyết tâm sắt đá và trình độ hiểu biết cần thiết để làm tròn cả hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.* Về các nhiệm vụ cụ thể, trước hết là: làm quán triệt đường lối các mạng xã hội chủ nghĩa, nâng cao lập trường giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh giữa hai con đường[92].

Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội cũng chỉ rõ: công tác tư tưởng cần khắc phục các yếu kém, phải hướng mạnh vào việc *giáo dục, bồi dưỡng phẩm chất cách mạng cho cán bô, đảng viên*, chống chủ nghĩa cá nhân, chống chủ nghĩa cơ hội dưới mọi hình thức, kiên quyết khắc phục những biểu hiện sa sút về phẩm chất chính trị, tự do vô kỷ luật về mặt tổ chức, thoái hoá về lối sống, mất dân chủ, quan liêu hoá về tác phong, bảo thủ trong cách nhìn nhận sự vật của một bộ phận cán bộ, đảng viên… Đặc biệt coi trọng việc *tổ chức học tập một cách có hệ thống tư tưởng, đạo đức, tác phong của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong toàn Đảng.*

Để cải tiến công tác tư tưởng phải sâu sát thực tế, nhạy cảm với cuộc sống, nghiên cứu, tổng kết, phổ biến những điển hình tiên tiến, cổ vũ, vun xới cho những nhân tích cực sớm được nhân lên. *Toàn Đảng phải làm công tác tư tưởng.* Mọi đảng viên đều phải làm công tác tư tưởng. Phối hợp tất cả các cơ quan, các ban, ngành đoàn thể, sử dụng tất cả các công cụ thông tin, văn hoá, văn học, nghệ thuật, giáo dục, v.v.. để làm công tác tư tưởng; *gắn chặt công tác tuyên truyền giáo dục với công tác tổ chức và tổng kết thực tiễn* để làm công tác tư tưởng...

Đối với *lĩnh vực công tác khoa giáo,* Báo cáo chính trị đã đề ra các nhiệm vụ:

---

[91] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.43, tr.38.
[92] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.43, tr.155.

- Đẩy mạnh *công tác khoa học kỹ thuật,* coi đây là một nội dung rất quan trọng của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật, cuộc cách mạng giữ vị trí then chốt trong ba cuộc cách mạng: ứng dụng các thành tựu khoa học và tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống kết hợp các ngành khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật nhằm góp phần vào việc đổi mới quản lý kinh tế quản lý xã hội.

- Thực hiện *cải cách giáo dục* một cách tích cực và vững chắc. Vấn đề lớn nhất hiện nay là chất lượng giáo dục giảm sút nghiêm trọng, cần hết sức coi trọng nâng cao chất lượng giáo dục...

- *Thể dục thể thao* là một bộ phận quan trọng không thể thiếu được trong công cuộc xây dựng nền văn hoá mới, con người mới. Đảng và Nhà nước phải chăm lo hơn nữa phát triển thể dục thể thao…

- Nâng cao hơn nữa chất lượng *công tác phòng chống dịch bệnh, tổ chức tốt hơn việc khám chữa bệnh,* kết hợp có hiệu quả hơn nữa y học cổ truyền dân tộc và y học hiện đại. Khai thác mọi khả năng sẵn có trong nước về nguồn dược liệu, xây dựng công nghiệp dược phẩm, khắc phục tình trạng thiếu thuốc...

- *Mở rộng mạng lưới y tế,* nhất là tuyến cơ sở và tuyến huyện. Đặc biệt chăm lo phát triển và nâng cao chất lượng các *hoạt động văn hoá, thông tin, thể dục thể thao.* Xây dựng một số công trình văn hoá ở các huyện lỵ và xã theo phương châm "Nhà nước và nhân dân cùng làm".

Nhìn chung, một số chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đã đề ra từ sau Hội nghị Trung ương 6 (khoá IV) đến Đại hội V đã bước đầu thể hiện sự chú ý hơn tới việc *thúc đẩy tăng tưởng kinh tế đi đôi với việc phát triển văn hoá, xã hội phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước.*

Ngay sau Đại hội, Ban Tuyên huấn Trung ương và Ban Khoa giáo Trung ương đã mở Hội nghị nhằm tuyên truyền, phổ biến và xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội V của Đảng.

Công tác tuyên truyền quán triệt Nghị quyết Đại hội V đã góp phần 1àm rõ hơn *cục diện cách mạng nước ta,* nhìn nhận đúng đắn hơn thành tựu và khuyết điểm, động viên toàn Đảng, toàn dân tập trung cao hơn vào mặt trận nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, phấn đấu thực hiện toàn diện các chỉ tiêu, biện pháp của kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 1981-1985. Phân tích, khắc phục các biểu hiện tư tưởng bi quan, hoài nghi, dao động về đường lối, thái độ bàng quan, thiếu trách nhiệm, nói nhiều làm ít, chỉ kêu ca mà không gương mẫu hành động góp phần khắc phục khó khăn, đẩy lùi tiêu cực.

Trước và sau Đại hội Đảng, các thế lực phản động ra sức chống phá ta trên nhiều lĩnh vực, bằng nhiều lực lượng, trên nhiều địa bàn, kết hợp phá từ trong ra với từ ngoài vào nhằm gây rối an ninh chính trị để tiến hành

bạo loạn, lật đổ khi có điều kiện. Về tư tưởng, văn hoá, chúng đả kích đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, gieo rắc lối sống sa đọa, gây tâm lý bất mãn, chống đối, làm xói mòn lòng tin đối với Đảng và chế độ, tuyên truyền kích động gây chia rẽ giữa nhân dân với Đảng, phá hoại khối đại đoàn kết dân tộc.

Trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết, Ban Tuyên huấn Trung ương đã phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức lực lượng các binh chủng trên mặt trận tư tưởng của Đảng và Nhà nước, quân đội, công an và các đoàn thể, tăng cường giáo dục cảnh giác cho nhân dân, tiến hành phản kích các luận điệu thù địch, chặn phá các con đường đưa những văn hoá phẩm phản động, đồi truỵ từ ngoài vào.

Kết quả quán triệt và thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng đã tạo được một số chuyển biến tích cực, nhất là trong nông nghiệp. Trong xây dựng cơ bản đã tập trung hơn vào các công trình trọng điểm (các công trình đó sau này đã phát huy tác dụng quan trọng vào những năm 1990). Song những quyết định của Đại hội *về điều chỉnh cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, tập trung vào mặt trận hàng đầu là nông nghiệp, đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng, xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa*... chậm được cụ thể hoá. Kết quả thực hiện thấp. Những cản trở lúc này là *tư tưởng bảo thủ trì trệ, bệnh giáo điều và tình trạng hữu khuynh, buông lỏng quản lý,* tác động xấu đến sự thống nhất tư tưởng trong Đảng và trong xã hội. Công tác tư tưởng lúc này đã có một số cố gắng góp phần đấu tranh khắc phục những biểu hiện lệch lạc, đã nhấn mạnh việc chống hữu khuynh, tiêu cực nhưng chưa coi trọng đúng mức việc đấu tranh khắc phục tư tưởng bảo thủ, trì trệ, bệnh giáo điều.

Sau Đại hội V của Đảng, để thống nhất chỉ đạo công tác Đảng ở Đảng bộ các cơ quan trung ương, Ban Bí thư đã ban hành Quyết định số 12-QĐ/TW, ngày 8-11-1982 về hệ thống chỉ đạo các đảng bộ cơ quan. Theo đó, đối với các đảng bộ cơ quan trung ương, thành lập đảng ủy cấp trên của các đảng bộ cơ quan trung ương theo khối công tác[93]. Sau đó, 10 đảng bộ khối được thành lập trong đó có Khối Tư tưởng và Khối Khoa giáo.

Tiếp tục cụ thể hoá và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội V về công tác tư tưởng văn hoá, trong các năm 1983, 1984, Bộ Chính trị và Ban Bí thư ban hành Quyết định số 15- QĐ/TW, ngày 2-1-1983 về công tác các trường Đảng[94], Chỉ thị số 32-CT/TW, ngày 10-1-1984 về tăng cường

[93] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.43, tr.686.
[94] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.44, tr.1.

quản lý công tác báo chí[95] và Quyết định số 42-QĐ/TW, ngày 10-4-1984 về phương hướng nhiệm vụ, biện pháp tăng cường công tác xuất bản[96].

Ban Khoa giáo Trung ương cũng phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu để Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 25-CT/TW, ngày 12-10-1983 về việc cải cách giáo dục lý luận chính trị trong các trường đại học và cao đẳng[97]. Chỉ thị đã nêu rõ ý nghĩa quyết định của công tác giáo dục lý luận - chính trị đối với việc xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa, đào tạo đội ngũ trí thức xã hội chủ nghĩa có đủ phẩm chất chính trị có năng lực hoạt động, có đạo đức trong sáng, có lối sống lành mạnh, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng, với Tổ quốc và nhân dân, vững vàng trong mọi thử thách. Chỉ thị xác định mục đích của giáo dục lý luận - chính trị là nhằm xây dựng thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cách mạng, trang bị phương pháp duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, xây dựng tình cảm cách mạng sâu sắc. Từ đó, Chỉ thị đã đề ra các biện pháp như: Tổ chức biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy tiến tới xây dựng một bộ sách giáo khoa chuẩn về giáo dục lý luận - chính trị của các trường đại học và cao đẳng; Có quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, tạo ra một lực lượng cốt cán đầu ngành; Cải tiến phương pháp giảng dạy và học tập, cũng như cấp kinh phí để mua sách báo, tài liệu; Trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật cần thiết cho giảng dạy và đi thực tế.

Thực hiện các quyết định trên của Ban Bí thư, hệ thống các trường đảng trực thuộc Trung ương được sắp xếp lại. Ngoài Trường Đảng cao cấp Nguyễn Ái Quốc, có ba trường đảng khu vực và hai trường tuyên huấn, khắc phục một bước tình trạng phân tán. Các tỉnh, thành uỷ tiếp tục kiện toàn hệ thống trường đảng tỉnh, thành, quận, huyện, thị xã và tăng cường đầu tư cho công tác huấn luyện cán bộ. Chương trình học tập và nội dung giảng dạy lý luận chính trị bước đầu được soạn lại. Tuy nhiên, những khó khăn về kinh tế và đời sống ảnh hưởng đến công tác chiêu sinh của trường đảng các cấp. Một số trường đảng tỉnh trong hai năm 1983, 1984 mỗi năm chỉ mở được một lớp. Nhiều cán bộ huyện và cơ sở ngại đi học lớp tập trung do khó khăn về đời sống. Phong trào học tập tại chức cũng sút giảm. Việc cải tiến nội dung và phương pháp giảng dạy môn lý luận Mác - Lênin trong các trường đại học và cao đẳng còn nhiều hạn chế, không tạo được hứng thú học tập cho sinh viên.

Chỉ thị số 42 được triển khai thực hiện đã uốn nắn tình trạng chỉ chạy theo số lượng, không nắm vững phương hướng chính là nâng cao chất lượng báo chí, không chấp hành đúng các quy định của Đảng và Nhà nước về cho ra báo mới, về bổ nhiệm và điều động tổng biên tập, v.v..

---

[95] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.45, tr.1,117.
[96] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.45, tr.1,117.
[97] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.44, tr.295.

Kết quả Hội nghị tổng kết công tác xuất bản (tháng 3-1984) và việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 42 của Ban Bí thư đã từng bước hướng các hoạt động xuất bản nỗ lực phấn đấu nâng cao chất lượng và hiệu quả, đi sát hơn cuộc sống và đối tượng, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị, các mục tiêu kinh tế - xã hội và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước. Các mặt công tác tổ chức sản xuất giấy, quản lý vật tư ngành in và công tác phát hành được chấn chỉnh một bước. Kế hoạch xây dựng ngành in đồng bộ và hiện đại được đề ra trong cuối những năm 1980 đã đặt cơ sở cho sự phát triển theo hướng từng bước hiện đại hoá trong những năm sau này.

Để tăng cường lãnh đạo của Đảng trên mặt trận tư tưởng, tháng 12-1983, Ban Bí thư ban hành Quyết định số 33-QĐ/TW, ngày 28-12-1983 về nhiệm vụ của Uỷ ban công tác tư tưởng với chức năng làm tư vấn cho Trung ương Đảng về lãnh đạo công tác tư tưởng. Thành phần của Uỷ ban gồm các đồng chí ủy viên Trung ương Đảng trong khối các cơ quan Trung ương về công tác tư tưởng. Đồng chí Hoàng Tùng - Bí thư Trung ương Đảng phụ trách công tác tư tưởng làm Chủ nhiệm Ủy ban. Được sự chấp thuận của Ban Bí thư, Viện nghiên cứu dư luận xã hội được thành lập, là bộ phận trực thuộc Ban Tuyên huấn Trung ương, giúp Ban nghiên cứu tình hình tư tưởng của các tầng lớp xã hội trong những chủ đề lớn.

Tuy nhiên, qua các chuyển biến và kết quả cụ thể của tình hình kinh tế - xã hội cho thấy: Một số tìm tòi, thử nghiệm đổi mới từng phần qua Hội nghị Trung ương 6 (khoá IV), qua Nghị quyết đại hội V của Đảng, và qua các nghị quyết sau đó đã diễn ra *thiếu nhất quán và không đồng bộ. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội chưa có chuyển biến về cơ bản.* Vì vậy Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khoá V) tháng 12-1983 lại "quay lui" với chủ trương "đẩy mạnh hơn nữa việc cải tạo xã hội chủ nghĩa", "Nhà nước phải nắm hàng, nắm tiền; xoá bỏ thị trường tự do về lương thực, thực phẩm... thống nhất quản lý giá, bảo đảm cung cấp 9 mặt hàng cho người ăn lương. Trong nông nghiệp lại chủ trương "chống khoán trắng" sản lượng giao khoán ruộng đất cho các hộ xã viên.

Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (khoá V), tháng 7-1984 tuy có nhấn mạnh sự cần thiết phải đổi mới trong quản lý kinh tế, nhưng vẫn chủ trương "đẩy mạnh cải tạo xã hội chủ nghĩa; cải tạo thị trường tự do; đẩy mạnh thu mua, nắm các nguồn hàng". Do đó tình hình diễn biến càng phức tạp.

Đi đôi với sự giảm sút về kinh tế, các lĩnh vực văn hoá - xã hội tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn. Chất lượng giáo dục tiếp tục sa sút. Giáo dục mầm non, giáo dục nghề nghiệp tan vỡ từng mảng. Số học sinh ở các trường cao đẳng, đại học giảm. Giáo viên miền Nam bỏ việc hàng loạt.

Về y tế, nhiều thuốc men thông thường, nhất là thuốc đặc trị, thiếu nghiêm trọng. Tỷ lệ tử vong ở bà mẹ và trẻ sơ sinh khá cao. Các hoạt động khoa học diễn ra cầm chừng do thiếu kinh phí, thiếu cơ sở vật chất, điều kiện làm việc.

Đời sống văn hoá nhìn chung nghèo nàn. Trong cộng đồng, tư tưởng thụ động, ỷ lại trông chờ vào sự bao cấp của Nhà nước khá phổ biến. Những hiện tượng đặc quyền, đặc lợi, móc ngoặc trong xã hội phát triển. Đạo đức bị xói mòn.

Khi kinh tế - xã hội gặp khó khăn nghiêm trọng thì dường như "cái khó, làm ló cái khôn". Trong các năm 1984, 1985 trên nhiều lĩnh vực, nhất là lĩnh vực kinh tế, vẫn xuất hiện những nhân tố mới: những điển hình tốt, bước đầu cải tiến quản lý, kinh doanh có hiệu quả. Các cơ quan tuyên truyền và báo chí đã tham gia cùng với lãnh đạo các ngành, các địa phương nghiên cứu, tổng kết, phổ biến kinh nghiệm của những mô hình làm ăn có hiệu quả, trong đó có kinh nghiệm thực hiện cơ chế một giá ở Long An, kinh nghiệm cải tiến quản lý kinh doanh của một số cơ sở ở thành phố Hồ Chí Minh và những nơi khác.

Trên cơ sơ tổng kết lý luận gắn với thực tiễn từ các mô hình làm ăn có hiệu quả, vấn đề đã được làm sáng tỏ là: Nguyên nhân cơ bản dẫn tới những diễn biến xấu của tình hình kinh tế - xã hội, là do sự cản trở của cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp, cào bằng trong các chính sách giá - lương - tiền; chính sách phân phối - lưu thông trong xã hội. Cơ chế, chính sách đó đã làm tê liệt "động lực" lao động của người sản xuất.

Trước tình hình bức xúc của xã hội, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tám (khoá V) được triệu tập (tháng 6-1985) đã bàn ra Nghị quyết số 25-NQ/TW, ngày 17-6-1985 về giá - lương - tiền. Nghị quyết khẳng định: Xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp; thực hiện cơ chế một giá; xoá bỏ chế độ cung cấp hiện vật theo giá thấp; chuyển mọi hoạt động sản xuất - kinh doanh sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa[98].

Thực hiện chủ trương trên, ngày 14-9-1985, cuộc tổng điều chỉnh giá - lương - tiền bắt đầu bằng việc đổi tiền, ban hành một số giá mới và tiền lương mới, xoá bỏ hoàn toàn giá cung cấp và chế độ tem phiếu.

Tuy nhiên, do trong nhận thức của lãnh đạo vẫn "chưa dứt khoát" từ bỏ cơ chế hành chính, tập trung quan liêu, bao cấp, cào bằng, nên khi triển khai đã "ngập ngừng", "không đồng bộ", lại do sự chuẩn bị thiếu chu đáo, tiến hành quá vội vã, nên tình hình không những không tốt lên mà còn xấu đi nghiêm trọng. Giá cả tăng vọt. Lạm phát tăng với tốc độ "phi mã", dẫn cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội tới mức trầm trọng. Sản xuất nông

[98] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.46, tr.110.

nghiệp trì trệ. Lưu thông phân phối ách tắc. Đời sống của các tầng lớp nhân dân gặp khó khăn chưa từng thấy. Ở nông thôn, hàng triệu gia đình thiếu ăn. Ở thành thị, công nhân viên chức không thể đủ sống bằng tiền lương. Hoạt động của các ngành giáo dục, y tế, văn hoá, khoa học, v.v. bị sa sút nghiêm trọng. Chất lượng giáo dục, khám chữa bệnh, nghiên cứu khoa học… bị giảm sút. Việc đút lót, chạy chỗ, chạy trường, mua điểm, mua bằng cấp xuất hiện ngày càng nhiều. Trong xã hội thì nạn bè cánh, sách nhiễu, hối lộ, tham nhũng, v.v. phát triển. Đạo đức, phẩm chất cũng như các hoạt động văn hoá, xã hội càng bị xuống cấp nghiêm trọng. Lòng dân trăn trở, không yên. Báo chí của một số nước phương Tây đã tung ra nhận xét: “Việt Nam đang ở bên bờ vực của sự phá sản".

Trong bối cảnh đó, việc chuẩn bị cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng được tiến hành khẩn trương, tập trung cao nhất là xây dựng Đề cương dự thảo Báo cáo chính trị. Công tác tuyên giáo lúc này tập trung vào hai việc quan trọng: một là, cổ vũ các nhân tố mới làm ăn có hiệu quả, động viên toàn dân nêu cao quyết tâm vượt qua khó khăn thử thách, đấu tranh chống tư tưởng hữu khuynh, dao động, ra sức phấn đấu; hai là, tổ chức lấy ý kiến của cán bộ các ngành, các cấp góp ý dự thảo Đề cương Báo cáo chính trị trình Đại hội VI của Đảng.

Công tác tuyên giáo giai đoạn 1975 - 1985 đã thực hiện nhiệm vụ quan trọng là giáo dục toàn Đảng, toàn dân kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, thống nhất về chính trị và tư tưởng trong việc sớm thống nhất đất nước ngay sau khi giành được thắng lợi giải phóng miền Nam, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Công tác tuyên giáo đã kiên trì đấu tranh chống hữu khuynh, chủ quan, say sưa với thắng lợi, mất cảnh giác cách mạng, động viên toàn dân khắc phục khó khăn, gian khổ, tìm cách tháo gỡ khó khăn, tìm tòi cơ chế quản lý mới phù hợp với thực tiễn. Công tác tuyên giáo đã bám sát thực tiễn cùng với các ngành phát hiện và biểu dương nhân tố mới trong kinh tế, văn hóa, xã hội, đặc biệt trong kinh tế nông nghiệp, công nghiệp, lưu thông phân phối đã có sáng tạo đổi mới cơ chế quản lý. Những nhân tố tích cực đó giúp Trung ương tổng kết và có những quyết định, chính sách mới, tạo tiền đề và điều kiện cho công cuộc đổi mới.

II- THỜI KỲ ĐẦU THỰC HIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1986 - 2006)

Đây là thời kỳ cách mạng sôi động, đánh dấu bước phát triển mới của đất nước, thời kỳ đổi mới toàn diện, mở cửa và hội nhập quốc tế.

1. Những năm đầu thực hiện đổi mới (1986-1991)

Mở đầu giai đoạn cách mạng này là sự kiện có ý nghĩa rất quan trọng: Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng diễn ra vào tháng 12-1986. Đại hội VI của Đảng họp trong bối cảnh đất nước đang lâm vào

khủng hoảng kinh tế trầm trọng, tác động nặng nề đến tư tưởng chính trị, vì vậy đổi mới đã trở thành nhu cầu bức bách của toàn xã hội và có tầm quan trọng quyết định đến sự sống còn của cách mạng. Trên thế giới, Liên Xô và nhiều nước xã hội chủ nghĩa cũng đã và đang diễn ra quá trình cải cách, cải tổ, nên cũng tác động mạnh đến tư tưởng của cán bộ, nhân dân ta.

Toàn Đảng, toàn xã hội lúc đó hướng về Đại hội VI của Đảng, đặt niềm tin và hy vọng vào những quyết định của Đại hội sẽ tạo ra nhiều đổi thay về kinh tế - xã hội và đời sống để đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế. Không khí dân chủ mở rộng, toàn xã hội góp ý kiến vào dự thảo Báo cáo chính trị Đại hội VI. Các ý kiến được đăng tải trên các báo, phát trên các đài và được tổng hợp gửi về Tiểu ban Văn kiện Đại hội.

Đại hội VI của Đảng thực hiện phương châm *"nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật"*[99], đã đánh giá những thành tựu và khuyết điểm, sai lầm trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội V (1982-1986) và đề ra đường lối đổi mới để đưa đất nước tiếp tục đi lên. Nghị quyết Đại hội VI xác định nước ta phải đổi mới toàn diện trên mọi lĩnh vực, từ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội đến quốc phòng an ninh và ngoại giao. Giữ vững ổn định chính trị xã hội là tiền đề thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới. Đại hội VI nêu rõ: Đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức và công tác cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo. Phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế để từ đó đề ra những chủ trương, chính sách mới và đúng đắn.

Đại hội khẳng định quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đại hội đã cụ thể hóa những nhận thức mới, nhiều vấn đề về kinh tế và quản lý kinh tế, về công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, về tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa, thừa nhận quy luật khách quan của sản xuất hàng hóa và của thị trường, kết hợp ba lợi ích: cá nhân, tập thể, toàn xã hội…

Đại hội VI của Đảng đã đề ra nhiệm vụ công tác tư tưởng: chủ yếu là đổi mới tư duy trong mọi lĩnh vực hoạt động của Đảng và Nhà nước, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế, nâng cao phẩm chất cách mạng của cán bộ, đảng viên, bồi dưỡng tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, tinh thần quốc tế vô sản, khơi dậy ý chí cách mạng của quần chúng. Công tác tư tưởng phải đổi mới toàn diện và đồng bộ về nội dung, tổ chức và phương pháp, con người và phương tiện hoạt động. Thuận lợi cơ bản của công tác tư tưởng là: Đường lối đổi mới của Đảng hợp lòng dân, được dân đồng tình ủng hộ, trong xã hội, không khí phấn khởi, tin tưởng bao trùm, hăng hái lao động sản xuất, thực hiện chính sách kinh tế mới, dân chủ, "bung

[99] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.47, tr.346.

ra" cách làm ăn mới, không bị "ngăn sông cấm chợ" như trước. Một thuận lợi lớn nữa là lãnh đạo Đảng và chính quyền các cấp coi trọng công tác tư tưởng.

Nhiệm vụ công tác tư tưởng lúc đó tập trung tuyên truyền, giáo dục, phổ biến sâu rộng Nghị quyết Đại hội VI của Đảng trong toàn Đảng và toàn xã hội. Đã có hơn 1,5 triệu đảng viên dự các lớp nghiên cứu Nghị quyết Đại hội. Bộ Chính trị đã trực tiếp chỉ đạo các lớp học, nghiên cứu Nghị quyết Đại hội của cán bộ chủ chốt ở Trung ương và các tỉnh, thành phố. Hệ thống trường đảng tập trung mở các lớp nghiên cứu Nghị quyết cho cán bộ các cấp. Các chương trình giáo dục lý luận chính trị được biên soạn lại theo nội dung của Nghị quyết Đại hội VI của Đảng. Thời gian này, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã quyết định đưa các trường đảng khu vực sang Học viện cao cấp Nguyễn Ái Quốc. Tháng 5-1987, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã có bài phát biểu quan trọng: "Đổi mới tư duy và phong cách" tại lớp nghiên cứu Nghị quyết Đại hội VI. Đồng chí cho rằng đổi mới tư duy và đổi mới phong cách là một quá trình đấu tranh kiên quyết chống cái cũ, chống bảo thủ trì trệ, chống giáo điều rập khuôn, chống chủ quan, nóng vội, chống tha hóa biến chất, chống những thói quen lỗi thời dai dẳng. Đồng chí Tổng Bí thư cũng khẳng định: *nói đổi mới tư duy, điều căn bản là đổi mới tư duy lý luận. Triển khai Nghị quyết Đại hội VI mà công tác lý luận, tư tưởng không được đổi mới và phát triển thì khó có hiệu quả thực sự.*

Về tổ chức của Ban Tuyên huấn Trung ương, thời gian này vào ngày 18-1-1987 đồng chí Trần Trọng Tân từ Campuchia về nước giữ chức Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương thay đồng chí Đào Duy Tùng.

Sau Đại hội VI, Ban Khoa giáo đã chủ trương đổi mới tổ chức và hoạt động, trên cơ sở xác định và thực hiện đúng chức năng số một của Ban là tham mưu chiến lược của Trung ương Đảng, phát huy tính năng động, độc lập, sáng tạo của từng cán bộ, chuyên viên để có thể đề xuất được với Đảng những vấn đề về đường lối, chính sách ở tầm vĩ mô và có ý nghĩa chiến lược. Để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, việc đầu tiên của Ban là phối hợp với Đảng ủy Khối tổ chức cho hơn 1.000 cán bộ chủ chốt nghiên cứu quán triệt Nghị quyết Đại hội; phối hợp với các ngành trong khối tổ chức Hội nghị Khoa giáo địa phương để hướng dẫn các cấp ủy Đảng và Uỷ ban nhân dân địa phương về hệ thống các quan điểm và biện pháp chủ yếu để thực hiện Nghị quyết của Đại hội VI trong các lĩnh vực khoa giáo. Trong suốt nhiệm kỳ Đại hội VI, Ban đã tổ chức nhiều cuộc sinh hoạt khoa học, khảo sát thực tiễn, tập hợp trí tuệ của cán bộ khoa học và cán bộ chỉ đạo ở cả trong và ngoài Khối, góp phần xây dựng các chủ trương đổi mới của Đảng, từng bước hình thành hệ thống quan điểm đổi mới của các lĩnh vực khoa giáo, làm cơ sở cho chiến lược phát triển của từng lĩnh vực khoa giáo.

Tại Hội nghị Khoa giáo toàn quốc năm 1988[100], nhiều vấn đề về đổi mới trong các ngành giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, dạy nghề, y tế, thể dục thể thao đã được thảo luận sôi nổi thông qua việc nghe báo cáo và đối thoại (góp ý kiến) với thủ trưởng các ngành trong Khối. Tại các hội nghị này, lần đầu tiên Ban Khoa giáo Trung ương nêu rõ ý tưởng về chủ trương "xã hội hóa", coi đó là một phương hướng chiến lược để thực hiện đổi mới trong các lĩnh vực khoa giáo theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VI của Đảng.

Công tác tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết Đại hội đã tạo sự phấn khởi và hy vọng của nhân dân vào bước phát triển mới của đất nước, nhưng cán bộ, đảng viên và nhân dân vẫn có tâm trạng lo lắng về hiệu quả tổ chức thực hiện. Vì vậy, nhiệm vụ của công tác tư tưởng lúc này là góp phần tổ chức thực hiện các chủ trương đường lối của Đảng, trước hết là đổi mới kinh tế. Nhiều nghị quyết, chỉ thị của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư về quản lý kinh tế, lưu thông phân phối... trong đó có Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 5-4-1988 của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp đã xác định quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của hộ xã viên hợp tác xã nông nghiệp (còn gọi là Khoán 10) là Nghị quyết vào cuộc sống rất nhanh. Nông dân đã đón nhận với tư tưởng thực sự phấn khởi, hồ hởi, hăng hái lao động sản xuất, đã thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển mạnh mẽ, tạo bước đột phá mới trong nông nghiệp.

Yêu cầu đấu tranh chống tiêu cực để bảo vệ Đảng và nâng sức chiến đấu của Đảng cũng được các cơ quan Đảng, đoàn thể và đặc biệt là các báo chí hưởng ứng. Những bài báo của tác giả NVL (tức Nguyễn Văn Linh) đăng trên Báo Nhân dân đã biểu dương nhân tố mới và phê phán các hiện tượng tiêu cực rất cụ thể, ngắn gọn, được nhân dân đồng tình. Báo chí phanh phui trước công luận những vụ việc tiêu cực của những cơ quan, cá nhân, đã tạo ra không khí dân chủ, nói thẳng, nói thật trong xã hội. Lúc này Ban Bí thư ra Chỉ thị số 15 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng nhằm sử dụng tốt báo chí trong cuộc đấu tranh chống tiêu cực, nhờ đó đã mở rộng phê bình và tự phê bình công khai trên báo chí.

Xây dựng Đảng vững mạnh về tư tưởng chính trị là điều kiện quan trọng bảo đảm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI. Hội nghị Trung ương lần thứ sáu (khoá VI) tháng 6-1988 đã ra Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 20-6-1988 về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng, bảo đảm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng[101], trong đó "đổi mới và tăng cường công tác tư tưởng" được đặt lên hàng đầu, với hai nội dung chủ yếu:

---

[100] Được tổ chức tại Hà Nội từ ngày 20 đến ngày 24-9-1988 và tại Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 4 đến ngày 8-10-1988.

[101] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.49, tr.261.

Một là, tăng cường công tác nghiên cứu lý luận, nghiên cứu thực tiễn, đúc rút kinh nghiệm phục vụ đổi mới tư duy, cụ thể hoá kịp thời, đúng đắn các nghị quyết của Đảng trên mọi lĩnh vực (cấp bách là chống lạm phát), đồng thời chuẩn bị trình Đại hội VII của Đảng về Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Hai là, đổi mới công tác giáo dục chính trị cả về nội dung và hình thức, tổ chức và phương pháp, con người và phương tiện nhằm giác ngộ tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng và năng lực tổ chức thực hiện của cán bộ đảng viên và nhân dân. Chủ trương đổi mới công tác tư tưởng rất quan trọng là mở rộng tính dân chủ, tính công khai, tính chân thật, tính chiến đấu, thực hiện thông tin hai chiều, phát triển hình thức đối thoại giữa cán bộ với quần chúng. Năm 1988, tình hình kinh tế khó khăn, giá cả tăng đột biến, lạm phát phi mã đã tác động tương đối lớn đến tư tưởng trong Đảng và xã hội. Một số người có tư tưởng do dự, thiếu ý chí phấn đấu, một số người thì cực đoan, nóng vội, muốn áp dụng "liệu pháp mạnh" theo kiểu cải cách, cải tổ của nước ngoài. Trên mặt trận báo chí, văn hoá - văn nghệ, bên cạnh những tiến bộ, đổi mới đúng đắn, đã xuất hiện những lệch lạc mới: không có ý thức "chống" là để "xây", có lúc nặng đưa tin về mặt tiêu cực, miêu tả xã hội chỉ có mặt đen tối bệnh hoạn. Một số bài báo phủ nhận thành quả cách mạng, có bài báo đưa ra quan điểm sai trái đòi văn nghệ tách rời chính trị, thực chất là tách rời hoạt động văn nghệ với sự lãnh đạo của Đảng. Một số người lợi dụng dân chủ công khai đưa ra những quan điểm chính trị sai trái, xuyên tạc và phủ nhận thành quả cách mạng, "hạ bệ" thần tượng anh hùng dân tộc, ca ngợi chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội dân chủ, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin, đòi thực hiện dân chủ công khai như cải tổ ở nước ngoài, đòi tự do ra báo tư nhân, đòi đa nguyên chính trị, đòi đa đảng đối lập. Lợi dụng tình hình trên các thế lực thù địch tuyên truyền, xuyên tạc, đả kích vai trò lãnh đạo của Đảng và đường lối đổi mới. Trước tình hình đó, Bộ Chính trị đã ra Kết luận số 20-NQ/TW, ngày 26-11-1988 về một số vấn đề trước mắt trong công tác tư tưởng nhằm khắc phục những thiếu sót như chỉ đạo của công tác tư tưởng còn thiếu chặt chẽ, bị động, không giữ được thế chủ động tấn công. Đồng thời, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 61-CT/TW, số 63-CT/TW nhằm uốn nắn những lệch lạc của báo chí, xuất bản, làm cho hoạt động báo chí, xuất bản đi đúng tôn chỉ, mục đích, khắc phục tình trạng "thương mại hoá" của báo chí, xuất bản.

Từ năm 1988 đến năm 1990, Ban Khoa giáo đã giúp Ban Bí thư chỉ đạo việc kiện toàn tổ chức, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ trong các bộ, ngành thuộc Khối Khoa giáo sau khi Chính phủ quyết định tổ chức lại một số

bộ, ngành[102], củng cố tổ chức Hội Chữ thập đỏ Việt Nam; cùng với Đảng ủy Khối chỉ đạo sắp xếp các tổ chức đảng chỉ đạo đại hội của các đảng bộ cơ quan trong Khối, giúp Ban Bí thư chỉ đạo thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về cuộc vận động làm trong sạch Đảng, tiến hành đợt kiểm điểm tự phê bình và phê bình, v.v..

Ngoài ra, Ban Khoa giáo Trung ương và Ban Tuyên huấn Trung ương đã phối hợp với Hội đồng Lý luận Trung ương giúp Ban Bí thư phê chuẩn hệ thống chương trình nghiên cứu khoa học xã hội cấp nhà nước (1986-1990); huy động lực lượng cán bộ khoa học góp ý kiến vào Dự thảo Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ năm về xây dựng Đảng và Nghị quyết số 10-NQ/TW của Bộ Chính trị về đổi mới quản lý nông nghiệp; đánh giá tình hình đội ngũ cán bộ chủ chốt của các ngành thuộc Khối Khoa giáo, chuẩn bị cho việc xây dựng quy hoạch cán bộ theo Quyết định số 55-QĐ/TW của Bộ Chính trị.

Ngày 22-7-1986, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 34-NQ/TW về kiện toàn tổ chức, nâng cao hiệu lực của bộ máy, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ kinh tế, xã hội, trong đó nêu rõ: "ở cấp tỉnh, thành phố cần có Ban Khoa giáo hoặc Ban Tuyên giáo". Theo phân định của Ban Bí thư, khoa giáo bao gồm những lĩnh vực liên quan chặt chẽ với việc phát triển con người như: khoa học - kỹ thuật (khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, khoa học kỹ thuật), giáo dục (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học, sau và trên đại học); y tế (y, dược) và thể dục thể thao. Hệ thống các cơ quan nhà nước về khoa giáo gồm có: Ủy ban Bảo vệ bà mẹ và trẻ em, Bộ Giáo dục, Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp, Tổng cục dạy nghề, Ủy Ban Khoa học xã hội, Ủy Ban Khoa học kỹ thuật, Viện Khoa học Việt Nam, Bộ Y tế, Tổng cục Thể dục thể thao. Nhiều cấp ủy Đảng đã tiến hành củng cố và kiện toàn các Ban Khoa giáo hoặc bộ phận khoa giáo trong Ban Tuyên giáo để giúp cấp ủy lãnh đạo các lĩnh vực khoa giáo ở địa phương.

Ngày 11-4-1988, Ban Bí thư đã ban hành Chỉ thị số 35-CT/TW về củng cố tổ chức và đẩy mạnh hoạt động của Liên hiệp các Hội Khoa học và kỹ thuật việt Nam, nhằm đoàn kết tất cả các Hội Khoa học và kỹ thuật của người Việt Nam ở trong và ngoài nước, triển khai ứng dụng và đưa nhanh tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, đời sống, tư vấn về chính sách khoa học - kỹ thuật và kinh tế - xã hội cho Đảng và Nhà nước, phục vụ đắc lực cho sự nghiệp ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, trọng tâm là ba chương trình kinh tế. Chỉ thị yêu cầu phải làm cho

[102] Năm 1988, Ủy ban Bảo vệ bà mẹ và trẻ em Trung ương được sáp nhập vào Bộ Giáo dục, Tổng cục dạy nghề sáp nhập vào Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp thành Bộ Đại học, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề. Năm 1990, Chính phủ tiếp tục quyết định hợp nhất Bộ Giáo dục và Bộ Đại học, Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề thành Bộ Giáo dục và Đào tạo, sáp nhập Tổng cục Thể dục thể thao vào Bộ Văn hóa - Thông tin thành Bộ Văn hóa - Thông tin - Thể thao - Du lịch, chuyển Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam thành Viện Khoa học xã hội Việt Nam.

khoa học và công nghệ giữ vai trò động lực mạnh mẽ của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội. Muốn vậy khoa học và công nghệ phải thể hiện ba chức năng: Xây dựng luận cứ khoa học cho con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; là công cụ đắc lực để đổi mới quản lý, đổi mới công nghệ; nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, v.v..

Là cơ quan chủ trì chương trình nghiên cứu "chính sách đối với thế hệ trẻ Việt Nam", đến năm 1988, Ban đã xác định 32 đề tài và chỉ định các chủ nhiệm đề tài để triển khai nghiên cứu.

Ngày 12-4-1988, Ban Bí thư ra Quyết định số 49-QĐ/TW về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Ban Khoa giáo Trung ương, trong đó nêu rõ: "Ban Khoa giáo Trung ương là cơ quan tham mưu chiến lược của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về công tác khoa giáo, có chức năng giúp Trung ương nghiên cứu, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng thuộc lĩnh vực khoa giáo, bao gồm khoa học (khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật), giáo dục (giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục đại học và chuyên nghiệp), y tế và thể dục thể thao; làm công tác tổ chức, cán bộ và xây dựng đảng trong ngành khoa giáo theo quy định của Trung ương; hướng dẫn nghiệp vụ cho các Ban Khoa giáo hoặc Ban Tuyên giáo (về mặt công tác khoa giáo) của các cấp ủy đảng"[103].

Hội nghị Trung ương lần thứ sáu (khoá VI) tháng 3-1989 đã kiểm điểm hai năm đổi mới (1987-1988) và khẳng định đường lối đổi mới là hoàn toàn đúng đắn. Công tác tư tưởng đóng góp rất quan trọng vào thành tựu bước đầu của công cuộc đổi mới và những chủ trương, biện pháp mới về kinh tế. Sau Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, công tác tư tưởng đã tập trung tuyên truyền giáo dục quán triệt những nguyên tắc đổi mới, đấu tranh chống lại các quan điểm sau trái, đồng thời tuyên truyền những quan điểm lớn của Đảng chỉ đạo về kinh tế. Khẳng định kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa là chiến lược lâu dài, trong đó kinh tế quốc doanh phải nắm vai trò then chốt. Nhờ làm tốt công tác tư tưởng nên đã nâng cao nhận thức sâu hơn về đường lối đổi mới cho toàn xã hội, đồng thời giải quyết một bước nhận thức không đúng, mơ hồ của một bộ phận cán bộ, nhân dân về chủ trương, chính sách của Đảng, đổi mới kinh tế. Trong Đảng và xã hội đã tỏ rõ thái độ đồng tình bác bỏ luận điệu đòi thực hiện đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập. Nhiều báo chí đã liên tục có bài phê phán dân chủ cực đoan, lợi dụng dân chủ để xuyên tạc, bóp méo sự thật.

Ngày 11-4-1989, Bộ Chính trị đã quyết định sáp nhập Ban Văn hoá - Văn nghệ Trung ương (thành lập năm 1980) với Ban Tuyên huấn Trung

[103] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.49, tr.147-148.

ương, lấy tên là Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương do đồng chí Trần Trọng Tân làm Trưởng ban. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương có chức năng tham mưu, chỉ đạo, kiểm tra công tác tư tưởng - văn hoá trong Đảng và xã hội.

Để góp phần chuẩn bị cho Đại hội VII của Đảng, từ giữa năm 1990, Ban Khoa giáo Trung ương đã tổ chức đợt sinh hoạt chính trị lấy ý kiến của cán bộ, đảng viên, các nhà khoa học, đóng góp xây dựng Cương lĩnh, Chiến lược và các văn kiện khác của Trung ương chuẩn bị cho Đại hội, kết hợp với quá trình tiến hành Đại hội (vòng 1) của các đảng bộ cơ quan và Đảng bộ Khối. Đây thực sự là một sinh hoạt dân chủ rộng lớn, thu hút hầu hết đảng viên và đông đảo quần chúng của các cơ quan trong Khối tham gia.

Trong suốt nhiệm kỳ Đại hội VII, Ban Khoa giáo Trung ương đã cùng các bộ, ngành đi sâu nghiên cứu, đánh giá quá trình đổi mới trong các lĩnh vực khoa giáo từ sau Đại hội và chuẩn bị để Trung ương ra các chỉ thị, nghị quyết về các lĩnh vực khoa giáo, trong bối cảnh đất nước còn nhiều khó khăn và thử thách lớn, tình hình thế giới đang có nhiều biến động, Mỹ tiếp tục chính sách cấm vận, nền kinh tế nước ta chưa thoát ra khỏi khủng hoảng.

Năm 1990, công cuộc đổi mới đạt được những thành tựu bước đầu. Nền kinh tế đã khắc phục được một số mặt suy thoái, bắt đầu có tốc độ tăng trưởng, lương thực bắt đầu có dự trữ và xuất khẩu, lạm phát giảm, một số công trình lớn đã phát huy tác dụng, sinh hoạt dân chủ được mở rộng. Đã hoàn thành việc rút quân khỏi Campuchia và tiến tới bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc, v.v.. Nhưng tham nhũng có xu hướng phát triển, xảy ra mâu thuẫn trong nội bộ nông dân, chủ yếu là tranh chấp ruộng đất khi chia tách hợp tác xã, quần chúng bất bình với tình trạng tham ô, mất dân chủ của không ít cán bộ địa phương. Tình hình thế giới xảy ra những biến động chính trị phức tạp, chế độ xã hội chủ nghĩa ở nhiều nước Đông Âu sụp đổ, khủng hoảng chính trị ở Liên Xô v.v.. Lợi dụng tình hình đó, chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ mở cuộc phản kích quyết liệt nhằm xoá bỏ chủ nghĩa xã hội trên thế giới. Trong nước, các thế lực thù địch tuyên truyền xuyên tạc đả kích Đảng, khuyến khích khuynh hướng tự do tư sản, kích động quần chúng biểu tình chống đối Đảng, Nhà nước.

Tình hình quốc tế và trong nước đã tác động đến tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân. Đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân nỗ lực thực hiện các chính sách đổi mới của Đảng, nhưng rất lo lắng trước những khó khăn về kinh tế- xã hội, về tình trạng tham nhũng, mất dân chủ, phân phối không công bằng và các hiện tượng tiêu cực ngày càng có xu hướng phát triển. Nhiều người băn khoăn, lo lắng về nguy cơ tan rã của hệ

thống xã hội chủ nghĩa. Một số người dao động về tư tưởng giáo điều, nhận thức lệch lạc về công khai dân chủ, muốn nghiên cứu rập khuôn cải tổ, cải cách của nước ngoài, đòi cải cách hệ thống chính trị, ca ngợi chủ nghĩa đa nguyên chính trị, đòi xem xét lại các vấn đề lịch sử. Một số người nhận thức mơ hồ về chủ nghĩa tư bản. Xuất hiện khuynh hướng dân chủ tư sản, dân chủ cực đoan, vô chính phủ, cho rằng phải đa nguyên, đa đảng mới có dân chủ. Khi Đảng ta có Nghị quyết không chấp nhận đa nguyên, đa đảng thì họ cho rằng Đảng ta độc quyền, mất dân chủ.

Trước tình hình tư tưởng diễn biến phức tạp, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khoá VI) ra Nghị quyết số 07-NQ/TW, ngày 24-8-1989 về một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay[104]. Sau khi có Nghị quyết này, công tác tuyên truyền, đặc biệt là công tác giáo dục lý luận chính trị được tiến hành học tập theo nội dung: Khẳng định tính tất yếu của chủ nghĩa xã hội, bác bỏ khuynh hướng phủ định sạch trơn thành tựu đã đạt được, làm rõ con đường diệt vong tất yếu của chủ nghĩa tư bản, nâng cao cảnh giác cách mạng, khắc phục dao động về con đường xã hội chủ nghĩa, kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa, quán triệt các nguyên tắc của đổi mới, nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng, tăng cường đoàn kết, thống nhất, đấu tranh chống quan điểm sai trái và biểu hiện tiêu cực.

Trước tình hình khủng hoảng ngày càng nghiêm trọng ở các nước xã hội chủ nghĩa, *Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã họp Hội nghị lần thứ tám (tháng 3-1990) và đã khẳng định đường lối, phương hướng, bước đi của đất nước trong công cuộc đổi mới. Với đường lối đổi mới đúng đắn được tiếp tục thực hiện tốt, Việt Nam nhất định sẽ vững vàng đi lên theo con đường xã hội chủ nghĩa đã lựa chọn.*

Hội nghị Trung ương tám còn ra Nghị quyết số 08B-NQ/HNTW, ngày 27-3-1990 về đổi mới công tác quần chúng của Đảng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân. Đây là một trong các yếu tố rất quan trọng để sự nghiệp đổi mới thành công.

Công tác tư tưởng đã triển khai nhanh và sâu rộng các Nghị quyết Trung ương bảy, tám, Nghị quyết số 08B trong Đảng và xã hội và đấu tranh bảo vệ mục tiêu lý tưởng, bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, đã làm chuyển biến thực sự về tư tưởng. Đại bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân, tuy không khỏi lo lắng về tiền đồ của chủ nghĩa xã hội, nhưng từ sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, liên hệ với thành tựu đổi mới của nước ta, đã đủ cơ sở thực tế để tin tưởng vào đường lối và bước đi đúng đắn mà Đảng ta đã vạch ra. Sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI của Đảng, chúng ta đã thu được nhiều thành tựu của

[104] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.49, tr.728.

công cuộc đổi mới, đất nước dần dần ổn định và phát triển, tạo thuận lợi để tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng.

2. Đẩy mạnh sự nghiệp đổi mới; công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước (1991-2006)

Trong thời gian từ năm 1991 đến năm 2006, Đảng ta có bốn nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc. Đại hội VII, VIII, IX và X, Nghị quyết các Đại hội Đảng đã tiếp tục bổ sung và hoàn thiện đường lối đổi mới, đưa đất nước phát triển với nhịp độ cao.

Đại hội VII của Đảng (tháng 6-1991) đã tổng kết 5 năm đổi mới (1986-1990), khẳng định đường lối đổi mới là đúng đắn và bước đi phù hợp với thực tiễn. Thành công lớn của Đại hội VII là đã đề ra: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế-xã hội 10 năm (1990-2000). Đại hội khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động cho Đảng*. Có thể nói, từ Đại hội VI đến Đại hội VII, những quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã được hình thành trên những nét chủ yếu nhất. Cùng với thành tựu cơ bản đó việc khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng, đánh dấu một bước tiến mới về đổi mới nhận thức và tư duy lý luận của Đảng.

Về đối ngoại, Đại hội VII khẳng định: "Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển"[105].

Mục tiêu tổng quát của 5 năm (1991-1996) là *"vượt qua khó khăn, thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay"*[106].

Đại hội VII của Đảng đã đánh giá công tác tư tưởng 5 năm của nhiệm kỳ Đại hội VI (1986-1990) và chỉ rõ nhiệm vụ công tác tư tưởng 5 năm của nhiệm kỳ Đại hội VII (1991-1996). Đánh giá công tác tư tưởng, Đại hội VII đã khẳng định: *"Công tác tư tưởng* đã được coi trọng, góp phần đổi mới tư duy, định hướng tư tưởng, bồi dưỡng những nhận thức đúng đắn cho đảng viên và nhân dân, tạo ra sự nhất trí đối với đường lối, quan điểm của Đảng, tuyên truyền những nhân tố mới, phổ biến những kinh nghiệm tốt, đồng thời tích cực đấu tranh chống tiêu cực, chống những quan điểm và nhận thức sai trái, bảo vệ quan điểm đúng đắn của

[105] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.51, tr.49,89.
[106] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.51, tr.49,89.

Đảng"[107]. Đại hội VII cũng đánh giá cao các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thông tin báo chí.

Mặt yếu và khuyết điểm của công tác tư tưởng là nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn nảy sinh trong công cuộc đổi mới chưa được làm sáng tỏ. Trong Đảng vừa có những biểu hiện bảo thủ không chịu đổi mới, vừa có khuynh hướng nóng vội, rập khuôn cách làm của nước khác, cũng có cả tư tưởng dao động, cơ hội chính trị, mức hưởng thụ văn hoá, văn nghệ của đông đảo nhân dân còn thấp. Đã xuất hiện một số tư tưởng lệch lạc, coi nhẹ văn nghệ dân tộc và cách mạng, nhìn xã hội toàn màu đen. Quản lý văn hoá tuy có đổi mới nhưng còn nhiều khuyết điểm, chưa quản lý chặt chẽ công tác xuất bản, nhập phim, làm phim để cho các văn hoá phẩm độc hại phổ biến tràn lan gây hại lớn[108].

Về phương hướng, nhiệm vụ công tác tư tưởng 5 năm tới (1991 - 1996), nhiệm kỳ Đại hội VII khẳng định: Tiếp tục đổi mới nâng cao chất lượng công tác tư tưởng lý luận, tập trung vào các nội dung: "Tiếp tục bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, những quan điểm, đường lối của Đảng. Bồi dưỡng tinh thần độc lập tự chủ, ý chí tự lực, tự cường, kết hợp với mở rộng hợp tác quốc tế, cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nêu cao cảnh giác chống mọi âm mưu và thủ đoạn chia rẽ, phá hoại của kẻ thù đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Tổ chức tốt công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, góp phần xây dựng chủ trương chính sách của Đảng, lý giải những vấn đề mới mà cuộc sống đặt ra. Đổi mới căn bản công tác giáo dục chính trị, lý luận"[109]**.** "Tiếp tục xây dựng và phát triển *sự nghiệp văn hoá Việt Nam,* bảo tồn và phát huy truyền thống văn hoá tốt đẹp của các dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại... Khuyến khích tự do sáng tạo văn học, nghệ thuật vì sự hoàn thiện con người, bồi dưỡng tâm hồn, tình cảm cao đẹp, đề cao tinh thần tự hào dân tộc, ý chí tự lực, tự cường…

Phát triển sự nghiệp *thông tin, báo chí, xuất bản* theo hướng nâng cao chất lượng, đáp ứng nhu cầu thông tin và nâng cao kiến thức mọi mặt cho nhân dân. Tăng đầu tư phương tiện phát thanh, truyền hình, đưa thông tin đến mọi vùng của đất nước, đến phần lớn các gia đình, nhất là ở nông thôn và miền núi. Coi trọng công tác tuyên truyền đối ngoại. Quản lý chặt chẽ công tác xuất bản, thông tin, báo chí, phim ảnh..."[110].

---

[107] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.51, tr.77.
[108] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.51, tr.68.
[109] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.51, tr.120, 109-110.
[110] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đảng Toàn tập, Sđd, t.51, tr.120, 109-110.

Sau Đại hội, Trung ương chỉ đạo tập trung tuyên truyền, học tập, nghiên cứu Nghị quyết Đại hội VII. Đây là một đợt giáo dục chính trị, tư tưởng lớn trong Đảng và xã hội. Bộ Chính trị trực tiếp tổ chức bốn lớp nghiên cứu Nghị quyết cho cán bộ lãnh đạo chủ chốt. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương và cấp ủy địa phương mở các lớp học bồi dưỡng những nội dung cơ bản của Nghị quyết Đại hội cho cán bộ các cấp, các ngành ở Trung ương và địa phương.

Trong những tháng cuối năm 1991, khi toàn Đảng, toàn dân ta đang tích cực triển khai Nghị quyết Đại hội VII thì một cơn chấn động chính trị lớn trên thế giới đã tác động không nhỏ đến tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân ta, đó là chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sụp đổ, Liên bang Xôviết tan rã.

Trong nước, các thế lực thù địch đẩy mạnh hoạt động phá hoại. Mỹ tiếp tục cấm vận kinh tế đối với nước ta. Cán bộ và nhân dân ta rất lo lắng, lo lắng nhất là liệu cách mạng nước ta có trụ được trong cơn thử thách hiểm nghèo không? Một số người dao động, bi quan, giảm sút lòng tin vào sự nghiệp đổi mới và tương lai đất nước. Trong lúc đó, các thế lực phản động ở bên ngoài và phần tử chống đối ở trong nước đã lợi dụng sự kiện Liên Xô sụp đổ để tấn công ta về tư tưởng với tham vọng vài ba năm sẽ xoá bỏ chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Trước tình hình đó, Bộ Chính trị đã ra Chỉ thị số 01, đề ra phương hướng công tác tư tưởng và đối sách của ta trước tình thế mới. Toàn hệ thống công tác tư tưởng đã triển khai nhanh Chỉ thị số 01 trong toàn Đảng, toàn dân. Nhờ đó, nhân dân lấy lại được sự ổn định và thống nhất về tư tưởng và hành động trong Đảng và toàn xã hội. Tuy trong Đảng và trong xã hội không ít người vẫn còn tư tưởng, tâm trạng lo lắng băn khoăn, nhưng qua sự sụp đổ của Liên Xô càng thấy được hậu quả lớn cho đất nước nếu Đảng Cộng sản mất vai trò lãnh đạo xã hội, nếu sai lầm trong cải cách, cải tổ, đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa.

Cuối năm 1991, Ban Khoa giáo xây dựng Đề án về công tác vận động trí thức, nhằm chuẩn bị dự thảo một nghị quyết của Đảng về chính sách đối với trí thức. Đề án đã đề xuất bốn vấn đề:

1. Trí thức là vốn quý của dân tộc, là lực lượng tiêu biểu cho trình độ trí tuệ của Đảng, của Nhà nước và của toàn dân tộc; là bộ phận hợp thành của khối liên minh công nhân - nông dân - trí thức, nền tảng của Nhà nước do Đảng lãnh đạo. Không có trí thức, không có nhân tài thì không thể tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, không thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội.

2. Lao động của trí thức là lao động trí óc, sáng tạo và truyền bá những giá trị văn hóa, khoa học và công nghệ; đó là lao động có khả năng tạo ra những giá trị rất to lớn; là nguồn tài nguyên vô tận; là nhân tố có ý nghĩa

quyết định bảo đảm khắc phục nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, mở ra khả năng cho đất nước ta "đi tắt, đón đầu" để đạt mức tăng trưởng cao, nhanh chóng thoát khỏi tình trạng nghèo và lạc hậu.

3. Động lực để phát huy tiềm năng trí tuệ, thúc đẩy năng lực sáng tạo của trí thức là một hệ thống đồng bộ nhiều nhân tố khác nhau, trong đó cần quan tâm đến các yếu tố quan trọng như: tin cậy và sử dụng "đúng người, đúng việc"; bảo đảm tự do cho tư duy độc lập, sáng tạo; bảo đảm những lợi ích chính đáng về vật chất và tinh thần, đánh giá đúng và đãi ngộ xứng đáng đối với những thành quả lao động của trí thức, chống bình quân.

4. Đầu tư cho việc xây dựng đội ngũ trí thức là đầu tư cho lĩnh vực khoa học - công nghệ, là một trong những hướng chính của đầu tư phát triển, cần được ưu tiên.

Từ năm 1992, theo chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban đã tập trung sức cho việc chuẩn bị các đề án trình Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ tư (khóa VII). Tháng 1-1993, lần đầu tiên kể từ ngày thành lập Đảng, Ban Chấp hành Trung ương đã dành một kỳ họp toàn thể để thảo luận và ra các nghị quyết về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo, về những vấn đề cấp bách của sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, về chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình, nhằm cụ thể hóa các quan điểm cơ bản của Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, định hướng cho ba lĩnh vực trên vượt qua khó khăn và tiếp tục phát triển trong điều kiện đất nước còn nhiều khó khăn do hậu quả của khủng hoảng kinh tế, xã hội và bước đầu chuyển đổi cơ chế kinh tế.

Trong năm 1992, Ban Khoa giáo Trung ương và Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương đã cùng với Viện Khoa học Việt Nam, Viện Mác - Lênin, Học viện Nguyễn Ái Quốc trình Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TW, ngày 28-3-1992 về công tác lý luận trong giai đoạn hiện nay. Việc hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra thực hiện Nghị quyết này của Bộ Chính trị đã trở thành một trong những trọng tâm công tác của Ban trong một số năm tiếp theo. Ban cũng quan tâm theo dõi đợt xét phong học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư cuối năm 1991 và đầu năm 1992, việc sắp xếp lại mạng lưới các trường đại học và viện nghiên cứu.

Trong hai năm 1993-1994, Ban đã dành nhiều thời gian cho việc hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII). Ngoài việc tổ chức các hội nghị để quán triệt, Ban đã phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Ủy ban Dân số - Kế hoạch hóa gia đình xây dựng chương trình hành động của từng ngành; phối hợp tổ chức phổ biến việc thực hiện Nghị quyết trong hệ thống khoa giáo địa phương; tổ chức các hội nghị để thảo luận sâu về biện pháp thực hiện xã hội hóa giáo dục, y tế, củng cố mạng lưới y tế cơ sở, v.v.. Để quán triệt các quan điểm cơ bản của Nghị quyết Đại hội VII và Hội nghị Trung ương lần thứ tư, tăng

cường sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng đối với khoa giáo, trong năm 1998, với sự hợp tác của các bộ, ngành trong Khối, Ban Khoa giáo Trung ương đã tổ chức thành công ba lớp tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ khoa giáo.

Năm 1994, sau khi lập lại Tổng cục Thể dục thể thao và thành lập Ủy ban Bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt Nam, Ban đã cùng các ngành liên quan kiến nghị Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 36-CT/TW, ngày 24-3-1994 về công tác thể dục thể thao trong giai đoạn mới và Chỉ thị số 38-CT/TW, ngày 30-5-1994 về tăng cường công tác bảo vệ chăm sóc và giáo dục trẻ em, mở ra một giai đoạn mới cho hai lĩnh vực công tác quan trọng này. Năm 1995, Ban đã kiến nghị Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 6-3-1995 về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 về chính sách dân số - kế hoạch hoá gia đình, Chỉ thị số 52-CT/TW, ngày 11-3-1995 về lãnh đạo công tác phòng chống AIDS, Chỉ thị số 53-CT/TW, ngày 21-3-1995 về đào tạo và bồi dưỡng cán bộ ở nước ngoài trong tình hình mới.

Trong các năm từ 1991-1993, cách mạng nước ta không những đứng vững mà còn khắc phục một bước quan trọng khủng hoảng kinh tế - xã hội, chính trị ổn định, quan hệ đối ngoại mở rộng. Từ thành tựu này, có thể rút ra những bài học kinh nghiệm về công tác tư tưởng. Trong mọi tình huống lãnh đạo của Đảng, nắm bắt kịp thời các chiều hướng tư tưởng, *định hướng đúng tư tưởng và hành động cho toàn xã hội, kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng và đường lối của Đảng, phát huy sức mạnh của cả dân tộc thì cách mạng sẽ vượt qua được muôn vàn khó khăn, thử thách, vững vàng đi lên theo con đường đã chọn.* Công tác tư tưởng trong năm 1992 đã triển khai có hiệu quả nhiều nghị quyết, chỉ thị của Trung ương về tư tưởng: Chỉ thị số 08-CT/TW, ngày 31-3-1992 về tăng cường sự lãnh đạo và quản lý nhằm nâng cao nhất lượng và hiệu quả của công tác báo chí, xuất bản; Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa VII) về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng; Nghị quyết Trung ương 4 về một số nhiệm vụ văn hoá, văn nghệ những năm trước mắt. Nghị quyết Trung ương 4 về văn hoá, văn nghệ đã nhấn mạnh đặc trưng cơ bản của nền văn hoá Việt Nam là: *Dân tộc, đại chúng, hiện đại, nhân văn.* Sau khi có Nghị quyết Trung ương 4, Tổng Bí thư Đỗ Mười đã có cuộc gặp gỡ, trao đổi với nhiều văn nghệ sĩ, tạo sự phấn khởi và quyết tâm của văn nghệ sĩ, lao động sáng tạo làm tròn nhiệm vụ người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá, văn nghệ.

Một sự kiện quan trọng tác động tích cực đến tư tưởng của Đảng và xã hội là Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII (tháng 1-1994) nêu ra những định hướng lớn và mới: Những thành tựu đã đạt được trong những năm đổi mới vừa qua đã tạo ra những tiền đề đưa đất nước chuyển sang một thời kỳ phát triển mới, chuẩn bị đẩy mạnh công nghiệp

hoá, hiện đại hoá đất nước. Hội nghị đã vạch rõ bốn nguy cơ: nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế với các nước trong khu vực và quốc tế, nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa; nguy cơ về nạn tham nhũng, tệ quan liêu; nguy cơ "diễn biến hoà bình". Đồng thời với việc vạch rõ bốn nguy cơ, Hội nghị Đảng cũng đã nêu rõ cơ hội và những thuận lợi cơ bản: trong Đảng và trong xã hội đoàn kết, thống nhất tư tưởng và hành động; nước ta có thế và lực mới, khoa học và kỹ thuật phát triển, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế đem lại nguồn lực quan trọng cho công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Để tiếp tục đổi mới công tác tư tưởng, Bộ Chính trị đã ban hành một số nghị quyết quan trọng: Nghị quyết số 01-NQ/TW về công tác lý luận (3-1992); Nghị quyết về tổ chức các ngày lễ lớn trong hai năm 1994-1995; Nghị quyết số 09-NQ/TW, ngày 18-2-1995 về một số định hướng lớn trong công tác tư tưởng hiện nay. Trọng tâm trước mắt của công tác lý luận góp phần tổng kết thực tiễn đổi mới, phục vụ việc chuẩn bị Đại hội VIII của Đảng. Nghị quyết số 09-NQ/TW của Bộ Chính trị đã nêu ra sáu định hướng tư tưởng lớn: Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng ta và cách mạng Việt Nam; Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là sự lựa chọn duy nhất đúng; Chế độ ta là chế độ do nhân dân lao động làm chủ, Nhà nước ta là Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước là nhiệm vụ trung tâm của thời kỳ quá độ; Kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tăng trưởng kinh tế đi đôi với tiến bộ xã hội; Phát triển văn hoá, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, kết hợp với tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại.

Công tác tư tưởng được đẩy mạnh thông qua kỷ niệm các ngày lễ lớn trong hai năm 1994-1995, đã khơi dậy nhiều phong trào thi đua yêu nước, nhiều cuộc vận động có ý nghĩa chính trị, tư tưởng sâu sắc như tôn vinh bà mẹ Việt Nam anh hùng, đoàn kết tương trợ, xóa đói, giảm nghèo, hoạt động từ thiện, khuyến học, v.v..

Trong thời gian này do yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại, Ban Bí thư đã ra Chỉ thị số 11-CT/TW, ngày 13-6-1992 về đổi mới và tăng cường công tác thông tin đối ngoại. Do nhu cầu học tập lý luận chính trị của cán bộ ngày càng tăng, Ban Bí thư đã ra Quyết định số 100-QĐ/TW, ngày 3-6-1995 về việc tổ chức trung tâm bồi dưỡng chính trị ở cấp huyện.

Thành tựu của công cuộc đổi mới trong 5 năm (1991-1995) là rất đáng phấn khởi, thành tựu nổi bật nhất là đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, nhiều chỉ tiêu vượt mức kế hoạch như GDP tăng bình quân hằng năm 8,2% (kế hoạch là 5,5-6,5%). Sản xuất công nghiệp tăng 13,3%,

nông nghiệp tăng 4,5%, xuất khẩu tăng 20%, đời sống cán bộ, nhân dân ngày càng được cải thiện, chính trị ổn định, nhân dân vui mừng trước thành tựu của đổi mới, lòng tin của mọi người vào sự thành công của công cuộc đổi mới ngày càng tăng lên. Tuy nhiên, trong xã hội vẫn còn nhiều tiêu cực và nhiều vấn đề bức xúc phải giải quyết, nổi lên đáng lo ngại về mặt tư tưởng là: Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng, sa sút phẩm chất chính trị và đạo đức, lối sống, nhiều cấp ủy đảng mất đoàn kết, nhiều tổ chức cơ sở đảng yếu kém, làm giảm uy tín về sự lãnh đạo của Đảng.

Nhưng với cái nhìn khách quan để đánh giá thì công tác tư tưởng trong 5 năm (1991-1995) đã có nhiều đổi mới. Công tác nghiên cứu lý luận và khoa học xã hội đã góp phần khắc phục bệnh giáo điều, bảo thủ, ngăn chặn chủ nghĩa cơ hội từng bước hình thành các quan điểm đổi mới của Đảng, xây dựng quan niệm của Đảng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, góp phần cung cấp luận cứ khoa học cho những quyết sách lớn của Đảng. Công tác giáo dục lý luận chính trị được khôi phục, khởi động sự hăng hái học tập lý luận của cán bộ, đảng viên. Theo Nghị quyết số 01-NQ/TW của Bộ Chính trị, công tác lý luận phải tổng kết những kinh nghiệm cơ bản trong công cuộc đổi mới, làm sáng tỏ hơn nữa căn cứ khoa học và thực tiễn của việc xây dựng mô hình về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Bốn phương châm chỉ đạo công tác lý luận là:

Một là, quán triệt bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa tinh hoa trí tuệ của dân tộc, kinh nghiệm của thế giới.

Hai là, gắn lý luận với thực tiễn, nhiệm vụ trước mắt với nhiệm vụ lâu dài, nghiên cứu cơ bản với nghiên cứu ứng dụng.

Ba là, kết hợp chặt chẽ khoa học xã hội với khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật.

Bốn là, phát huy tự do tư tưởng và tính sáng tạo. Trong 5 năm đã có l.363.110 lượt cán bộ, đảng viên được học ở các lớp giáo dục lý luận chính trị. Trước những biến động lớn, phức tạp, công tác tư tưởng đã kịp thời định hướng đúng đắn tư tưởng và hành động cho cán bộ, đảng viên và nhân dân. Các binh chủng của công tác tư tưởng (báo chí, xuất bản, văn hoá, văn nghệ, thông tin, cổ động…) đã có bước đổi mới và phát triển mạnh mẽ cả về số lượng, chất lượng, phương pháp và hình thức thể hiện.

Tuy nhiên, những yếu kém và khuyết điểm của công tác tư tưởng trong 5 năm (1991-1995) mà Bộ Chính trị nêu ra trong Nghị quyết số 09 (tháng 2-1995) chủ yếu là việc triển phai các nghị quyết của Đảng chưa thật sự sâu sắc, chưa kịp thời phổ biến các kinh nghiệm tốt và phê phán các quan điểm sai trái, uốn nắn những khuynh hướng tư tưởng lệch lạc. Việc đấu

tranh chống các luận điệu thù địch còn thụ động và thiếu sắc bén. Việc lý giải nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn thiếu sức thuyết phục. Công tác giáo dục lý luận Mác - Lênin chậm đổi mới về nội dung và phương thức. Việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh còn thiếu hệ thống. Giáo dục lý tưởng đạo đức cách mạng còn xem nhẹ. Chưa chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác tư tưởng, lý luận, v.v..

Đại hội đại biểu lần thứ VIII của Đảng (tháng 6-1996) đã kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng và tổng kết 10 năm đổi mới. Đại hội nhận định:

"Công cuộc đổi mới 10 năm qua đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nhiệm vụ do Đại hội VII đề ra cho 5 năm 1991-1995 đã được hoàn thành về cơ bản"[111]. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội nhưng còn một số mặt chưa vững chắc, song đã tạo tiền đề cần thiết để chuyển sang thời kỳ phát triển mới: Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng được xác định rõ hơn.

Đại hội VIII của Đảng đã nêu ra sáu bài học chủ yếu của công cuộc đổi mới 10 năm (1986-1996). Đại hội xác định bốn nguy cơ mà Đại hội VII nêu lên cho đến nay vẫn là những thách thức lớn. Đảng và nhân dân ta tiếp tục thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đại hội đã nêu sáu quan điểm khi tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá và đặt ra mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản thành một nước công nghiệp, thực hiện mục tiêu: Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Nhiệm vụ 5 năm (1996-2000) là **"...đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, phấn đấu đạt và vượt mục tiêu được đề ra trong Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000: tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả cao và bền vững đi đôi với giải quyết những vấn đề bức xúc về xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng, cải thiện đời sống nhân dân, nâng cao tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế, tạo tiền đề vững chắc cho bước phát triển cao hơn vào đầu thế kỷ sau"**[112]**.**

Về công tác tư tưởng, Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng chỉ rõ phương hướng, nhiệm vụ chủ yếu: Thường xuyên bồi dưỡng cho cán bộ đảng viên đường lối, chủ trương của Đảng, các vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, những truyền thống tốt đẹp của

---

[111] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr.67.

[112] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, Sđd, tr.82.

dân tộc, những kiến thức mới nhất của thời đại, bảo đảm sự thống nhất về chính trị và tư tưởng trong toàn Đảng và toàn xã hội.

Trước hết, công tác lý luận cần hướng vào những vấn đề cuộc sống đặt ra, làm rõ căn cứ khoa học của các giải pháp, dự báo xu hướng phát triển, góp phần bổ sung, hoàn thiện đường lối, làm sáng tỏ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Công tác tư tưởng phải uốn nắn những nhận thức lệch lạc, những quan điểm mơ hồ, dao động về tư tưởng, suy thoái về đạo đức, giảm lòng tin vào Đảng và chủ nghĩa xã hội. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu, nâng cao đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, khắc phục chủ nghĩa cá nhân. Nghị quyết của Đại hội VIII đã nêu rõ nhiệm vụ của báo chí, xuất bản, văn hoá, văn nghệ… sớm hoạch định chiến lược về thông tin.

Sau Đại hội VIII, với những thành tựu quan trọng của 10 năm đổi mới đã đạt được, mọi người cảm nhận sâu sắc, kết quả của đổi mới trong đời sống, tạo ra không khí phấn khởi trong xã hội, có cơ sở để nâng cao lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng và đường lối đổi mới. Đây là những thuận lợi và là động lực của công tác tư tưởng, nên khi tuyên truyền, triển khai Nghị quyết Đại hội VIII, cán bộ, đảng viên đã tiếp thu nhanh chóng, nhận thức đầy đủ nội dung Nghị quyết.

Trong nhiệm kỳ Đại hội VIII, Trung ương Đảng rất quan tâm công tác tư tưởng coi là nhiệm vụ hàng đầu trong công tác xây dựng Đảng. Trung ương đã nêu ra nhiều nghị quyết như: Nghị quyết số 02-NQ/TW về định hướng chiến lược phát triển thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đến năm 2000, coi đây là khâu đột phá để thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Chăm lo giáo dục - đào tạo để phát triển nguồn nhân lực con người - vốn quý nhất để xây dựng, bảo vệ Tổ quốc; Chỉ thị số 22-CT/TW, ngày 17-10-1997 của Bộ Chính trị về việc đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo quản lý công tác báo chí, xuất bản. Chỉ thị đã nêu chủ đề trung tâm của hoạt động báo chí - xuất bản là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; phải bảo đảm tính tư tưởng, tính chân thật, tính nhân dân, tính chiến đấu, tính đa dạng của báo chí - xuất bản, tiếp tục phát triển sự nghiệp báo chí - xuất bản đi đôi với quản lý tốt, không ngừng nâng cao chất lượng chính trị, tư tưởng, văn hoá, khoa học, công nghệ, nghề nghiệp và từng bước hiện đại hoá, quy hoạch, sắp xếp các trường lớp, nâng cao chất lượng đào tạo cán bộ báo chí - xuất bản, không mở các khoa, lớp báo chí - xuất bản ở các trường dân lập, tư thục, v.v..

Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII ra Nghị quyết về Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc (tháng 7-1998). Trước đó, Bộ Chính trị (khoá VI) đã có Nghị quyết số 05 và Nghị quyết Trung ương 4 (khoá VII) về văn hoá, nhưng chủ yếu về văn nghệ và quản lý văn hoá. Nghị quyết Trung ương 5

(khoá VIII) nêu rõ các quan điểm cơ bản: ***"Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế xã hội"[113]; "Nền văn hoá mà chúng ta xây dựng là nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc"[114]; "Nền văn hoá Việt Nam là nền văn hoá thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam"[115]; "Xây dựng và phát triển văn hoá là sự nghiệp của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó đội ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng"[116]; "Văn hoá là một mặt trận; xây dựng và phát triển văn hoá là một sự nghiệp cách mạng lâu dài, đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì, thận trọng"[117].*** Nghị quyết Trung ương 5 đã đề ra 9 nhiệm vụ, trọng tâm là xây dựng tư tưởng đạo đức, lối sống lành mạnh trong xã hội, trước hết là trong các tổ chức đảng và Nhà nước, trong các đoàn thể và mỗi gia đình, Phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" đã đi vào cuộc sống sau khi có Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5. Hội nghị Trung ương 6 (lần l) tháng 10-1998 đã nêu mục tiêu tổng quát về phương hướng, nhiệm vụ phát triển kinh tế năm 1999-2000, quan trọng nhất là tiếp tục công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, trọng tâm là công nghiệp hoá nông nghiệp, nông thôn. Tiếp sau đó vào tháng 11-1999, Hội nghị Trung ương 6 (lần 2) bàn và quyết định những nhiệm vụ cơ bản, cấp bách trên một số vấn đề trọng yếu của công tác xây dựng đảng, vì trong Đảng bộc lộ một số yếu kém như sự suy thoái về tư tưởng chính trị, tình trạng tham nhũng quan liêu, lãng phí của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên có chiều hướng phát triển nghiêm trọng hơn. Để làm trong sạch Đảng, Hội nghị Trung ương 6 quyết định tiến hành Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, thực hiện tự phê bình và phê bình. Cuộc vận động tiến hành từ ngày 19-5-1999 đến ngày 19-5-2001 và sau đó trở thành nền nếp thường xuyên. Công tác tư tưởng phục vụ tích cực Cuộc vận động ngay từ những ngày đầu tiên. Các báo, đài, hệ thống thông tin cổ động đã tăng cường lượng thông tin về cuộc vận động, phản ánh sự đồng thuận và mong đợi của nhân dân, nhiều ý kiến của nhân dân hưởng ứng Cuộc vận động, đồng thời tổ chức các lớp tập huấn học tập, nghiên cứu Nghị quyết. Trong thời gian ấy, toàn Đảng, toàn dân có quyết tâm cao xây dựng chỉnh đốn Đảng để Đảng thực sự trong sạch, vững mạnh. Kết quả bước đầu của Cuộc vận động đã củng cố niềm tin, tăng tính tích cực về tư tưởng và phong trào hành động của quần

---

[113] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.55-58.

[114] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.55-58.

[115] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.55-58.

[116] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.55-58.

[117] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.55-58.

chúng, cổ vũ toàn xã hội, phấn khởi bước vào năm cuối cùng của thế kỷ XX, hoàn thành các nhiệm vụ năm 2000 mà Hội nghị Trung ương 8 (khoá VIII) đã đề ra.

Năm 2000 là năm có ý nghĩa quyết định hoàn thành kế hoạch 5 năm 1986-2000 và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 1991-2000, tạo đà phát triển cho những năm đầu Thế kỷ XXI và cơ sở để Đảng ta tổ chức Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX. Lúc này công tác tư tưởng có vị trí cực kỳ quan trọng. Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu đã chỉ rõ nhiệm vụ của công tác tư tưởng năm 2000 (tại Hội nghị tư tưởng tháng 4-2000): *Phát huy sức mạnh tổng hợp của các binh chủng công tác tư tưởng, văn hoá, hướng mạnh về cơ sở, hoàn thành thắng lợi năm 2000 và những năm tiếp theo.* Năm 2000, công tác tư tưởng đã tiến hành có kết quả nhiều việc, trong đó nổi bật là đã xây dựng xong giáo trình quốc gia về bộ môn khoa học Mác - Lênin và đưa vào sử dụng, góp phần đổi mới công tác giáo dục lý luận - chính trị. Kết quả nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, tuy mới bước đầu nhưng đã góp phần làm sáng tỏ khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh, nguồn gốc, quá trình hình thành và những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh. Nhiều kết quả nghiên cứu đã được sử dụng trong công tác tư tưởng lý luận và chỉ đạo thực hiện của Đảng, Nhà nước như thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, đấu tranh chống "diễn biến hoà bình" trên lĩnh vực tư tưởng, đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, giáo dục phẩm chất chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên, lãnh đạo và quản lý báo chí - xuất bản, văn hoá, văn nghệ, v.v…

Sau Đại hội VIII của Đảng, Ban Khoa giáo Trung ương đã cùng các ngành liên quan tích cực chuẩn bị cho Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương bàn về phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong quá trình dự thảo các đề án, Ban Khoa giáo Trung ương đã giúp Ban Chỉ đạo thu nhận ý kiến đóng góp của các đồng chí cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, ủy viên Trung ương Đảng, một số tỉnh ủy, thành ủy, các ban cán sự Đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, đoàn thể, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, một số cán bộ lão thành cách mạng ở Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh, gần 1.000 trí thức trẻ và sinh viên.

Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ hai (khóa VIII), tháng 12-1996 đã nhấn mạnh hơn vai trò quốc sách hàng đầu của phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, coi đó là sự nghiệp của toàn Đảng, của Nhà nước và của toàn dân, khẳng định việc phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội, với những tiến bộ khoa học - công nghệ và củng cố quốc phòng, an ninh, thực hiện công bằng trong giáo dục - đào tạo, coi khoa học và công nghệ là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là điều kiện để giữ vững độc lập dân tộc và

xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, là nội dung then chốt trong hoạt động của tất cả các ngành, các cấp.

Cuối năm 1996, Bộ Chính trị quyết định thành lập Hội đồng Lý luận Trung ương để tư vấn cho Bộ Chính trị về công tác lý luận, giúp Thường vụ Bộ Chính trị chỉ đạo phương hướng, nội dung các chương trình nghiên cứu khoa học xã hội thời kỳ 1996-2000. *Ban Khoa giáo Trung ương được giao nhiệm vụ là cơ quan thường trực của Hội đồng lý luận Trung ương.*

Ban Khoa giáo Trung ương đã có *nhiều đóng góp trong việc mở rộng ứng dụng công nghệ thông tin trong các* cơ *quan của Đảng.* Năm 1997, Thường vụ Bộ Chính trị đã quyết định thành lập Ban Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Đảng, do đồng chí Đặng Hữu, Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương làm Trưởng ban[118]. Từ đầu năm 1996, Ban Bí thư đã giao cho Ban Khoa giáo Trung ương chủ trì cùng Ban Tổ chức Trung ương và Văn phòng Trung ương tổ chức đào tạo phổ cập về công nghệ thông tin cho cán bộ và chuyên viên trong các cơ quan Trung ương Đảng.

Trong hai năm 1996-1998, đã tổ chức 51 lớp học phổ cập về công nghệ thông tin cho 883 cán bộ, chuyên viên công tác ở Ban và đơn vị trực thuộc Trung ương, trong đó có 2 đồng chí ủy viên Bộ Chính trị, 4 đồng chí là ủy viên Trung ương Đảng, 33 đồng chí là trưởng hoặc phó trưởng ban ở Trung ương. Ban Khoa giáo Trung ương là cơ quan đi tiên phong trong việc xây dựng Website của Đảng trên Internet, tiền thân của *Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam* ngày nay.

Tháng 2-1997, Hội nghị Khoa giáo toàn quốc đã được tổ chức để hướng dẫn việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, đặc biệt là các Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 về giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ. Tại Hội nghị này, Tổng Bí thư Đỗ Mười đã đến thăm và nói chuyện với các đại biểu. Tổng Bí thư đã khẳng định: *Năm 1997 là năm Khoa giáo.*

Ngày 11-11-1998, Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 45-CT/TW về đẩy mạnh hoạt động của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, khẳng định Liên hiệp Hội là tổ chức chính trị - xã hội của trí thức khoa học và công nghệ Việt Nam, nhấn mạnh chức năng tư vấn, phản biện và giám định xã hội của Hội. Đảng yêu cầu Hội phải tăng cường công tác chính trị tư tưởng, nâng cao lòng yêu nước, lòng tự hào dân tộc, tính trung thực, tính cộng đồng và đạo đức nghề nghiệp cho đội ngũ trí thức.

---

[118] Đồng chí Ngô Văn Dụ, Phó Văn phòng Trung ương làm Phó Trưởng ban, Chu Văn Rỵ, Phó Trưởng ban Tổ chức Trung ương, Uỷ viên; Phạm Quang Nghị, Phó Trưởng ban Tư tưởng – Văn hoá Trung ương, Uỷ viên; Phạm Tất Dong, Phó Trưởng ban Khoa giáo Trung ương, Uỷ viên; Đặng Văn Thân, nguyên Tổng cục trưởng Tổng cục Bưu điện, Uỷ viên Thường trực (theo Thông báo số 86-TB/TW, ngày 9-8-1997 của Thường vụ Bộ Chính trị).

Đầu năm 1998, tại Hội nghị Khoa giáo toàn quốc, Ban Khoa giáo Trung ương đã đề nghị tiếp tục coi năm 1998 là "năm Khoa giáo", với các nhiệm vụ trọng tâm là đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 và các nghị quyết tiếp theo của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII, các Chỉ thị số 36, 38, 50 và 52-CT/TW của Ban Bí thư khóa VII về lĩnh vực khoa giáo, phối hợp với Hội đồng Lý luận Trung ương và Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường giúp Bộ Chính trị chỉ đạo phương hướng nghiên cứu khoa học xã hội cấp nhà nước giai đoạn 1996-2000; tiếp tục góp ý kiến và tham gia thẩm định nhiều văn bản của Quốc hội và Chính phủ như Dự thảo Luật Khoa học và công nghệ, Nghị định về việc cho phép các viện, trường được tổ chức sản xuất, kinh doanh, Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2000, triển khai thực hiện Chỉ thị số 36-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường công tác bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đến cuối năm 1998, Ban Khoa giáo Trung ương đã hoàn thành 29 đề án và báo cáo về khoa giáo, trình Trung ương Đảng, hướng dẫn các địa phương tiến hành phát hiện, tổng kết và phát huy những nhân tố mới, những mô hình mới về "đảng bộ cơ sở xã, phường lãnh đạo công tác khoa giáo phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước".

Kết thúc năm 2000, cả nước đã hoàn thành nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 2000 và kế hoạch 5 năm 1996-2000 và kết quả bước đầu một năm thực hiện Cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng tạo niềm tin cho toàn xã hội, phấn khởi bước vào Thế kỷ XXI và Thiên niên kỷ mới được đánh dấu bằng không khí vui tươi, lành mạnh trong dịp Tết Nguyên đán Tân Tỵ và các lễ hội chào đón Thế kỷ XXI trong cả nước.

Trước Đại hội IX của Đảng, trong Đảng và xã hội đã xuất hiện và lan rộng nhiều thông tin sai lệch và phát ngôn nhiều vấn đề thuộc về bí mật nội bộ (cả chủ trương, quan điểm và nhân sự lãnh đạo cấp cao của Đảng) làm ảnh hưởng đến tư tưởng cán bộ, đảng viên. Bộ Chính trị đã ra Chỉ thị số 64-CT/TW về giữ nghiêm kỷ luật phát ngôn và bảo vệ bí mật trong tình hình hiện nay, Công tác tư tưởng đã nhanh chóng, kịp thời triển khai Chỉ thị trong toàn hệ thống và trong toàn Đảng, các đoàn thể chính trị. Nhờ đó đã ngăn chặn được các thông tin sai lệch và phát ngôn vô tổ chức, kỷ luật.

Cũng trước Đại hội IX của Đảng, vào tháng 2-2001, ở một số nơi thuộc địa bàn tỉnh Đắc Lắc và Gia Lai xảy ra một số vụ mang tính chất bạo loạn chính trị mà lực lượng chủ yếu là một số quần chúng bị bọn phản động xúi dục, lôi kéo, o ép. Để giữ vững ổn định chính trị, tư tưởng, ngày 12-3-2001, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương có đề cương truyền truyền với nội dung chủ yếu làm rõ Tây Nguyên là một bộ phận không thể chia cắt của đất nước Việt Nam; chú trọng tuyên truyền chính sách đại đoàn kết dân tộc, chính sách tôn giáo, dân tộc của Đảng, Nhà nước ta, kịp thời và

kiên quyết đấu tranh mới các phần tử phản động, vạch trần các thủ đoạn lợi dụng tôn giáo, dân tộc để thực hiện "diễn biến hoà bình"; Xây dựng tổ chức cơ sở đảng và các đoàn thể vững mạnh, xây dựng đời sống văn hoá, xây dựng con người mới, bảo tồn văn hoá truyền thống các dân tộc Tây Nguyên. Sự kiện xảy ra ở Tây Nguyên chỉ trong ít ngày, tác động không lớn đến tư tưởng trong Đảng và xã hội vì lúc đó cả nước đang hướng đến Đại hội IX của Đảng.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng họp từ ngày 19 đến ngày 22-4-2001. Đây là thời điểm có ý nghĩa trọng đại: Thế kỷ XX vừa kết thúc, Thế kỷ XXI mới bắt đầu. Đại hội IX kế tục đường lối đổi mới của Đại hội VI, kiên định những quan điểm của Cương lĩnh chính trị tại Đại hội VII, đánh giá khách quan 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, 10 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội và 15 năm đổi mới. Trên cơ sở tổng kết lý luận và thực tiễn đất nước và thế giới, Đại hội đề ra quyết sách lớn trong thời gian tới: Phấn đấu nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, động viên và phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bối cảnh đất nước khi Đảng ta bước vào Đại hội IX có nhiều cơ hội lớn, nhưng cũng có nhiều thách thức lớn, có tác động đến tư tưởng trong Đảng và xã hội. Những cơ hội lớn là: thế và lực của ta mạnh hơn 10 năm trước; Cơ sở vật chất-kỹ thuật của đất nước được tăng cường, đất nước còn nhiều tiềm năng tài nguyên, lao động, đặc biệt tiềm năng về ý chí và trí tuệ con người Việt Nam, nếu có các giải pháp đúng thì sẽ phát huy được trí tuệ, nhân tài, có khả năng tiếp cận kinh tế tri thức, đưa đất nước tiến nhanh, tiến mạnh, nhân dân ta có phẩm chất tốt đẹp; Việt Nam có nền chính trị ổn định, mặc dù còn tiềm ẩn những vấn đề này, vấn đề khác nhưng nhìn chung đất nước ta sống trong môi trường hoà bình, hợp tác liên kết quốc tế và những xu hướng tích cực trên thế giới, tạo điều kiện để phát triển nội lực, tranh thủ ngoại lực và công nghệ mới, kinh nghiệm quản lý, mở rộng thị trường phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Đây là điều kiện thuận lợi để tập trung xây dựng đất nước.

Về những thách thức và nguy cơ lớn, Đại hội nhận định: bốn nguy cơ mà Đảng chỉ ra tại Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ Đại hội VII "...vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp, đan xen, tác động lẫn nhau, không thể xem nhẹ nguy cơ nào"[119]. Điều cần nhấn mạnh "tình trạng tham nhũng và sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên đang cản trở việc thực hiện đường lối chủ trương, chính

[119] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.67.

sách của Đảng, gây bất bình và làm giảm lòng tin trong nhân dân; nước ta vẫn còn là nước kém phát triển, mức sống nhân dân còn thấp, trong khi cuộc cạnh tranh quốc tế ngày càng quyết liệt, nếu chúng ta không nhanh chóng vươn lên thì sẽ càng tụt hậu xa hơn về kinh tế"[120].

Đại hội IX đề ra Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm đầu thế kỷ XXI (2001-2010) với mục tiêu tổng quát là: "Đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; nâng cao rõ rệt đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao"[121]. Đại hội IX cũng nhấn mạnh đến mở rộng quan hệ đối ngoại và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Tháng 6-2002, Hội nghị Trung ương lần thứ sáu (khóa IX) đã khẳng định Nghị quyết số 02-NQ/HNTW (khóa VIII) vẫn giữ nguyên giá trị, yêu cầu phải giải đáp kịp thời những vấn đề lý luận và thực tiễn do cuộc sống đặt ra một cách khoa học. Về khoa học và công nghệ, Hội nghị nhấn mạnh những nhiệm vụ lớn sau: đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân; đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý, nâng cao trình độ quản lý khoa học và công nghệ; tạo lập và phát triển thị trường khoa học và công nghệ; ứng dụng và phát triển một số công nghệ cao.

Về công tác tư tưởng, Đại hội IX của Đảng đánh giá cao các hoạt động tư tưởng, "đã góp phần tích cực động viên toàn dân tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nâng cao kiến thức và chất lượng cuộc sống"[122]. Công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng được chú trọng, hệ thống chính trị được củng cố. Tuy nhiên, Đại hội cũng chỉ rõ những yếu kém của công tác tư tưởng: thiếu sắc bén, tính chiến đấu chưa cao. Chưa thường xuyên làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, chưa phê phán mạnh và đấu tranh kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, những quan điểm mơ hồ, sai trái, khuynh hướng "thương mại hoá", lai căng, chạy theo thị hiếu tầm thường trên báo chí, phát thanh, truyền hình, trong văn hoá, văn nghệ và xuất bản. Từ đó, Đại hội đề ra phương hướng nhiệm vụ công tác tư tưởng: tăng cường giáo dục tư tưởng chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, tiếp tục đổi mới công tác cán bộ, xây dựng củng cố tổ chức cơ sở đảng; kiện toàn tổ chức, đổi mới phương thức

[120] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Sđd, tr.67,159,69.
[121] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Sđd, tr.67,159,69.

[122] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Sđd, tr.67,159,69.

lãnh đạo của Đảng; quản lý tốt hệ thống thông tin đại chúng, báo chí, xuất bản; làm tốt chức năng tuyên truyền thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phát hiện những nhân tố mới, cái hay, cái đẹp trong xã hội, phê phán các hiện tượng tiêu cực, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, đấu tranh với những quan điểm sai trái. Công tác tư tưởng trong nhiệm kỳ Đại hội IX tập trung thực hiện 9 việc lớn trong chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội gồm: tổng kết 15 năm đổi mới công tác tư tưởng (1986-2001) và đề nghị Ban Chấp hành Trung ương (khoá IX) ra Nghị quyết về công tác tư tưởng, lý luận; triển khai Nghị quyết Trung ương 5 (khoá IX) về tư tưởng, lý luận; đổi mới học tập, nghiên cứu triển khai Nghị quyết về công tác tuyên truyền, triển khai thực hiện nghị quyết của Đảng; tổng kết thực hiện Nghị quyết Trung ương khoá VIII về xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; đổi mới và nâng cao chất lượng tuyên truyền chính trị, kinh tế - xã hội; tăng cường giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng, truyền thống cách mạng, lịch sử dân tộc, chủ nghĩa yêu nước và tinh thần quốc tế vô sản; chỉ đạo tổ chức, đấu tranh làm thất bại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, giữ vững mặt trận an ninh chính trị, tư tưởng văn hoá; đổi mới phương pháp công tác tư tưởng, thực sự là công tác vận động quần chúng; củng cố, sắp xếp bộ máy cán bộ Ngành Tư tưởng, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế trên lĩnh vực tư tưởng - văn hoá.

Trong 5 năm (2001-2005), công tác tư tưởng triển khai nhiều hoạt động, trong đó có tác động tích cực đến tư tưởng trong Đảng và toàn xã hội: tham mưu cho Trung ương ra Nghị quyết về “nhiệm vụ chủ yếu của công tác tư tưởng, lý luận trong tình hình mới", tập trung nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, làm sáng tỏ lý luận về chủ nghĩa xã hội ở nước ta, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị, tạo sự thống nhất cao hơn nữa trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân, góp phần giải quyết những vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc, chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng, chặn đà suy thoái về đạo đức, lối sống; chủ động tiến công, chỉ đạo có hiệu quả đấu tranh trên mặt trận tư tưởng lý luận làm thất bại chiến lược "diễn biến hoà bình", âm mưu bạo loạn, lật đổ của các thế lực thù địch, thực hiện nghiêm túc những chỉ thị, quy định của Đảng về bảo vệ Đảng, xử lý kịp thời theo pháp luật và kỷ luật đảng mọi hoạt động phát tán tài liệu xấu, thông tin bịa đặt, thất thiệt, các thư nặc danh, mạo danh có nội dung xấu, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, cổ động, báo chí, xuất bản, văn hoá, văn nghệ, thông tin đối ngoại…

Kết luận Hội nghị Trung ương 10 (khoá IX) về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VIII) về xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên

tiến, đậm đà bản sắc dân tộc nêu rõ: Văn hoá là nền tảng tinh thần, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển.

Trong nhiệm kỳ Đại hội IX, công tác tư tưởng đã tập trung tuyên truyền giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh. Chỉ thị số 23-CT/TW, ngày 27-3-2003 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về đẩy mạnh tuyên truyền giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong tình hình mới đã được Ngành Tư tưởng triển khai nhanh và sâu rộng trong Đảng và xã hội. Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương đã hướng dẫn triển khai học tập, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh, tổ chức nhiều lớp học, hội thảo, nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh và tổ chức thi báo cáo viên giỏi về tư tưởng Hồ Chí Minh trong toàn quốc. Công tác tư tưởng đã cố gắng tuyên truyền giáo dục về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh để chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần, tư tưởng của xã hội ta. Hiệu quả của công tác tư tưởng thể hiện rõ ở các mặt: tăng cường giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong nhà trường, thực hiện tốt chế độ học tập lý luận chính trị trong đảng và trong các cơ quan nhà nước, các đoàn thể chính trị. Các phương tiện thông tin đại chúng đã tích cực tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh; đã tổng kết, nghiên cứu thực tiễn phát triển làm phong phú tư tưởng Hồ Chí Minh trong thời kỳ mới; đã thường xuyên đấu tranh chống âm mưu, thủ đoạn, luận điệu của các thế lực thù địch và bọn cơ hội chính trị nhằm hạ thấp, bôi nhọ, xuyên tạc, phủ nhận tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối cách mạng của Đảng ta. Việc tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong suốt cả nhiệm kỳ Đại hội IX có tác động tích cực trong Đảng và toàn xã hội, nâng cao nhận thức của mọi người về vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh trong sự nghiệp đổi mới.

Công tác tư tưởng đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" được tăng cường hơn. Tháng 10-2001, Đề cương tuyên truyền đấu tranh phản đối "đạo luật nhân quyền Việt Nam" của Hạ viện Hoa Kỳ của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương đã được triển khai rộng rãi trong Đảng và xã hội. Đề cương nêu rõ đạo luật này tập trung công kích Đảng ta, vu cáo ta vi phạm nhân quyền và các quyền tự do dân chủ, thể hiện rõ thái độ thù địch của Mỹ đối với Việt Nam, đi ngược lại nguyện vọng của nhân dân Việt Nam. Việt Nam lên án Hạ viện Mỹ thông qua Đạo luật này và kiên quyết phản đối Đạo luật cả về pháp lý và đạo lý, để cán bộ, đảng viên và nhân dân ta cũng như dư luận Mỹ và quốc tế hiểu rõ hơn bản chất của vấn đề, vận động, đấu tranh gây sức ép với Thượng viện Mỹ không thông qua Đạo luật này. Kết luận số 94, tháng 12-2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về nhiệm vụ tăng cường cuộc đấu tranh chống âm mưu "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa đã yêu cầu tiến hành đợt sinh hoạt chính trị về tư tưởng Hồ Chí Minh và Nghị quyết số 08-NQ/TW của Bộ Chính trị về an ninh quốc gia, thực hiện chế độ nắm bắt và phân tích kịp

thời tư tưởng và tâm trạng xã hội các giai tầng trên địa bàn, tập trung giải quyết các "điểm nóng", thực hiện quy chế dân chủ đối với quản lý cán bộ, đẩy mạnh công tác nghiên cứu lý luận, tăng cường công tác lãnh đạo, quản lý báo chí, xuất bản. Sau khi có Kết luận số 94, Ban Chỉ đạo đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" ở trung ương và các tỉnh được thành lập. Sau hơn một năm thực hiện Kết luận số 94, trận địa tư tưởng được củng cố thêm, đợt sinh hoạt chính trị về tư tưởng Hồ Chí Minh đạt kết quả tốt, trong xã hội, tính tích cực chính trị là dòng chính của tư tưởng, phần lớn nhân dân phấn khởi, tin tưởng là chiều hướng nổi trội. Để tiếp tục tăng cường đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa, Đề cương của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương đã nêu lên những hoạt động chống phá nước ta của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng - văn hóa và nêu ra các biện pháp đấu tranh, nhưng quan trọng là xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đấu tranh để vô hiệu hóa các hoạt động của bọn cơ hội chính trị, đẩy mạnh thông tin đối ngoại. Trước diễn biến phức tạp ở Tây Nguyên, tiếp theo vụ bạo loạn chính trị tháng 2-2001 thì ngày 10-4-2004 lại xảy ra vụ bạo loạn gây rối ở Tây Nguyên, đặt ra nhiệm vụ công tác tư tưởng ở Tây Nguyên phải nắm được dân, phải đánh giá đúng tình hình tư tưởng, có giải pháp về công tác tư tưởng ở Tây Nguyên. Nhờ có các phương tiện thông tin đại chúng, báo chí tuyên truyền về tình hình Tây Nguyên đúng định hướng của trung ương nên đã từng bước ổn định tư tưởng của đồng bào Tây Nguyên và cả nước. Một trong những đổi mới của công tác tư tưởng về đấu tranh chống "diễn biến hòa bình" là tiến hành giao ban công tác tư tưởng ở các vùng Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, Tây Bắc, góp phần làm giảm các "điểm nóng".

Một nét đổi mới nữa của công tác tư tưởng trong nhiệm kỳ Đại hội IX là đã tổ chức được những cuộc thi lớn trong cả nước: Cuộc thi tìm hiểu lịch sử 75 năm Đảng Cộng sản Việt Nam; 60 năm nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thi báo cáo viên giỏi về tư tưởng Hồ Chí Minh; thi báo cáo viên giỏi về Nghị quyết Đại hội IX của Đảng; thi giảng viên lý luận chính trị giỏi. Các cuộc thi này là những đợt sinh hoạt chính trị, tác động tích cực đến tư tưởng toàn xã hội.

Kết thúc 5 năm đầu của Thế kỷ XXI, đất nước ta đã thu được nhiều thành tựu to lớn, toàn diện. Kinh tế tăng trưởng cao, chính trị xã hội ổn định, an ninh quốc phòng được tăng cường, thế và lực của chúng ta được nâng cao, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được khẳng định. Tuy nhiên, đất nước ta còn gặp nhiều thách thức: chất lượng tăng trưởng còn thấp, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu, giá cả nhiều mặt hàng tăng, thiên tai xảy ra ở diện rộng, tham nhũng và tiêu cực giảm chưa nhiều, v.v..

Công tác tư tưởng đã có nhiều cố gắng đổi mới và đạt hiệu quả, đặc biệt đã triển khai có kết quả nhiều đợt tuyên truyền Nghị quyết Đại hội IX, chủ trương, đường lối của Đảng, tuyên truyền những ngày lễ lớn; tham mưu cho trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ra nhiều nghị quyết, chỉ thị về công tác tư tưởng; tổ chức nhiều cuộc hội thảo góp phần tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, đặc biệt về xây dựng đảng, về chủ trương, chính sách của Đảng trong sự nghiệp đổi mới. Công tác tư tưởng đã tập trung tuyên truyền Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội X của Đảng, đặt nhiệm vụ quan trọng là lấy ý kiến góp ý của cán bộ, đảng viên về dự thảo các văn kiện trình Đại hội X trong đó có những nội dung quan trọng là tính chất giai cấp của Đảng và vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân.

Để chuẩn bị Văn kiện Đại hội IX, Ban Khoa giáo Trung ương phân công tham gia chuẩn bị Dự thảo Đề án "Chiến lược phát triển nguồn nhân lực và cải thiện đời sống nhân dân". Dự thảo Đề án đã được bổ sung, sửa chữa sau 9 lần thảo luận trong Ban Chỉ đạo, 18 cuộc hội thảo và báo cáo chuyên đề của các chuyên gia; 2 hội thảo khoa học; 10 cuộc khảo sát thực tế trong nước. Để phục vụ Đề án, Ban đã phối hợp với Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Ngoại giao tổ chức hội thảo lớn về "Kinh tế tri thức và những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam" (tổ chức từ ngày 1 đến ngày 22-6-2000). Sau Hội thảo, Ban Khoa giáo Trung ương đã báo cáo và kiến nghị Bộ Chính trị bổ sung vào Dự thảo văn kiện trình Đại hội IX những vấn đề về công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa vào tri thức, sử dụng các yếu tố của kinh tế tri thức để đi nhanh lên chủ nghĩa xã hội. Đề án "Chiến lược phát triển nguồn nhân lực và cải thiện đời sống nhân dân" đã nêu được một số ý tưởng mới, xác định đặc điểm của quá trình công nghiệp hóa ở nước ta[123] và vai trò quyết định của vấn đề phát triển nguồn nhân lực. Đề án nhấn mạnh hai xu thế lớn của thế giới: Một là, sự xuất hiện kinh tế tri thức, "xã hội hóa học tập" và "học tập suốt đời" trở thành yêu cầu cấp bách bảo đảm cho sự phát triển bền vững; Hai là, xu thế toàn cầu hóa kinh tế - cơ hội cho các nước đang phát triển "đi tắt đón đầu". Vì vậy, phát triển nguồn nhân lực - phát huy nhân tố con người, gia tăng toàn diện giá trị con người trên các mặt trí tuệ, đạo đức, thể lực, năng lực lao động sáng tạo và bản lĩnh chính trị, năng lực làm chủ những tiến bộ khoa học công nghệ và tri thức khoa học tiên tiến, chính là khâu đột phá của các khâu chiến lược phát triển đất nước. Ý tưởng này đã được thể hiện trong Văn kiện Đại hội IX của Đảng.

---

[123] Công nghiệp hoá đi đôi với hiện đại hoá, công nghiệp hoá ở nước ta là công nghiệp hoá rút ngắn, phải ưu tiên nắm bắt và vận dụng tri thức khoa học – công nghệ hiện đại, bỏ qua nhiều bước phát triển công nghệ mà các nước đi trước đã trải qua. Công nghiệp hoá nước ta theo định hướng xã hội chủ nghĩa là quá trình phát triển hài hoà kinh tế với văn hoá, xã hội, lấy con người làm trung tâm, tất cả vì con người, do con người. Công nghiệp hoá ở nước ta phải là công nghiệp hoá sinh thái, không cho phép chỉ vì lợi ích trước mắt về kinh tế mà làm hại lợi ích lâu dài. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta kết hợp hai quá trình chuyển từ kinh tế nông nghiệp lên kinh tế công nghiệp và kinh tế công nghiệp lên kinh tế tri thức.

Cuối năm 1999, theo sự phân công của Bộ Chính trị[124], Ban Khoa giáo Trung ương đã chủ trì, cùng với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương tiến hành *tổng kết chuyên đề "xã hội hóa giáo dục, y tế, văn hóa",* phục vụ cho dự thảo các văn kiện trình Đại hội IX. Thực hiện nhiệm vụ quan trọng này, Ban đã hướng dẫn Ban Tuyên giáo các tỉnh, thành tiến hành tổng kết công tác xã hội hóa giáo dục, y tế, văn hóa ở các địa phương, tổ chức thảo luận sâu tại các hội thảo và tại Hội nghị Khoa giáo toàn quốc đầu năm 2000. Báo cáo đã nhận định: xã hội hóa là một chủ trương rất đúng đắn của Đảng, là yêu cầu khách quan nhằm khắc phục cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp đã lỗi thời, là giải pháp mang ý nghĩa chiến lược để thực hiện đổi mới trong lĩnh vực khoa giáo. Qua hơn 10 năm thực hiện chủ trương này, lĩnh vực khoa giáo đã tạo thêm được nhiều động lực mới, nguồn lực mới, môi trường mới và sức sống mới để khắc phục tình trạng trì trệ, ngày càng đạt nhiều tiến bộ quan trọng. Tuy nhiên, còn nhiều vấn đề cần được kiến nghị với Đại hội IX để bổ sung và hoàn thiện chủ trương quan trọng này. Đó là tiếp tục khẳng định xã hội hóa như một giải pháp chiến lược, nhằm tiếp tục đổi mới các lĩnh vực khoa giáo, xóa bỏ quan niệm đơn giản cho rằng xã hội hóa chỉ là sự huy động đóng góp tiền của trong nhân dân, nhằm giảm bớt gánh nặng cho ngân sách nhà nước; khắc phục tình trạng buông lỏng quản lý và đầu tư huy động sự đóng góp của dân một cách tùy tiện, xu hướng "thương mại hóa" và những biểu hiện tiêu cực đáng lo ngại trong một số hoạt động của các ngành Giáo dục, Y tế, Thể dục thể thao, v.v.; đẩy nhanh quá trình đổi mới về quản lý nhà nước trên lĩnh vực khoa giáo, tạo hành lang pháp lý cho việc thực hiện xã hội hóa các lĩnh vực khoa giáo, khắc phục tàn dư của cách quản lý theo lối bao cấp, bao biện, làm thay; tăng thêm các điều kiện, cả về tổ chức cán bộ, cơ sở vật chất, cả về mức độ đầu tư và quan tâm của cấp ủy đảng, chính quyền các cấp, để phát triển các lĩnh vực khoa giáo ở cơ sở, nhất là ở khu vực nông thôn nghèo, vùng cao, vùng xa, hải đảo.

Trong hai năm 1999-2000, để góp phần chuẩn bị cho Đại hội IX của Đảng, Ban Khoa giáo Trung ương đã thực hiện một số việc quan trọng, như: Hoàn thành báo cáo và đề án được giao: "Xã hội hóa về giáo dục, y tế, văn hóa", "Sự lãnh đạo của Đảng đối với các lĩnh vực khoa giáo trong 15 năm đổi mới"; cử cán bộ tham gia các tiểu ban và tổ biên tập Dự thảo văn kiện của Ban Chấp hành Trung ương Đảng; cùng với Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tổ chức 10 cuộc hội thảo lớn với sự tham gia của 353 nhà khoa học tiêu biểu của các lĩnh vực kinh tế - xã hội, các vùng miền trên cả nước đóng góp vào dự thảo các văn kiện trình Đại hội IX của Đảng; cùng với Đảng ủy Khối chỉ đạo các cán bộ trực thuộc thảo luận đóng góp

[124] Công văn số 333-CV/TW, ngày 25-11-1999, của Thường trực Bộ Chính trị.

vào các dự thảo văn kiện; hướng dẫn Ban Tuyên giáo của 61 tỉnh, thành ủy tổ chức hội nghị trí thức ở địa phương góp ý kiến vào dự thảo các văn kiện. Ngoài ra, theo chỉ đạo của Ban Bí thư, Ban đã góp ý kiến vào báo cáo chính trị của trên 30 tỉnh, thành ủy.

Trong năm 2000, Ban Khoa giáo Trung ương đã tham gia xây dựng nhiều văn bản của Bộ Chính trị, Ban Bí thư để lãnh đạo các lĩnh vực khoa giáo, như: phối hợp với Hội đồng Lý luận Trung ương kiến nghị Bộ Chính trị thông qua "Phương hướng nghiên cứu và các chương trình khoa học xã hội cấp nhà nước giai đoạn 2001- 2005"; cùng với cán bộ, ngành kiến nghị Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 55 CT/TW, ngày 28-6-2000 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng của các cấp ủy đảng cơ sở đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Chỉ thị số 58-CT/TW về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Chỉ thị số 61-CT/TW, ngày 28-12-2000 của Bộ Chính trị về việc thực hiện phổ cập giáo dục trung học cơ sở; phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương và Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường trình Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 63-CT/TW, ngày 28-3-2001 về đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn; phối hợp với Ủy ban Thể dục thể thao trình Ban Bí thư về chủ trương đăng cai SEA Games năm 2003 tại Việt Nam và ban hành Chỉ thị số 17-CT/TW, ngày 23-10-2002; phối hợp với Ủy ban Bảo vệ chăm sóc trẻ em Việt Nam đề xuất Ban Bí thư và Chính phủ ban hành "Chương trình hành động vì trẻ em thời kỳ 2001-2010"; tổ chức "Ngày gia Đình Việt Nam 28-6" hằng năm.

Sau Đại hội IX của Đảng, theo Quyết định số 37-QĐ/TW, ngày 15-7-2002 của Bộ Chính trị (khóa IX), chức năng của Ban Khoa giáo Trung ương không có thay đổi gì so với trước đây. Về các nhiệm vụ, ngoài việc nghiên cứu đề xuất về đường lối của Đảng trong các lĩnh vực khoa giáo, hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện, bồi dưỡng nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ phụ trách khoa giáo của cấp ủy địa phương, công tác xây dựng đảng và xây dựng đội ngũ cán bộ trong Khối Khoa giáo, Ban Khoa giáo Trung ương còn thực hiện nhiệm vụ do Bộ Chính trị và Ban Bí thư ủy quyền bao gồm: Chỉ đạo nội dung giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hệ thống giáo dục quốc dân; Chỉ đạo công tác chính trị, tư tưởng trong đội ngũ trí thức khoa học; Nghiên cứu và tham gia về chủ trương đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, quản lý và đãi ngộ nhân tài; Tập hợp kế hoạch và quản lý quá trình triển khai nghiên cứu khoa học của các Ban Đảng Trung ương; Thường trực Ban Chỉ đạo Công nghệ thông tin các cơ quan đảng; Thường trực Website Đảng Cộng sản Việt Nam: Tham gia Hội đồng Quốc gia về giáo dục; Thực hiện những công việc khác do Bộ Chính trị, Ban Bí thư giao. Trước mắt thực hiện

việc bồi dưỡng nâng cao trình độ về công nghệ thông tin và ngoại ngữ cho cán bộ các cơ quan đảng ở trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy.

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội IX của Đảng đã được tiến hành khẩn trương, trước hết là tổ chức quán triệt Nghị quyết cho toàn thể cán bộ, đảng viên trong Khối theo chỉ đạo của Ban Bí thư; tổ chức tập huấn cho đội ngũ cán bộ chủ chốt của Ban Tuyên giáo 61 tỉnh, thành ủy và 743 cán bộ khoa giáo của các quận, huyện, thị xã trong cả nước về Nghị quyết Đại hội IX.

Năm 2002, Ban Khoa giáo Trung ương đã phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường và một số cơ quan liên quan tập trung vào nhiệm vụ trọng tâm là *chuẩn bị Đề án trình Hội nghị Trung ương 6 (khóa IX) bàn về giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ.* Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 (khóa IX) đã định hướng cho việc giải quyết những vấn đề của giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, được dư luận xã hội đồng tình và đánh giá cao. Ban đã hoàn thành một số hoạt động quan trọng, như cử cán bộ lãnh đạo Ban tham gia Tiểu ban chỉ đạo xây dựng Dự thảo văn kiện Hội nghị Trung ương 7 (khóa IX); cùng với Ban Cán sự Đảng Bộ Y tế chuẩn bị để Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 22-l-2002 về củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở, Chỉ thị số 17-CT/TW, ngày 23-10-2002 về phát triển thể dục thể thao đến năm 2010; xây dựng Đề án thành lập Viện Hàn lâm khoa học Việt Nam trình Bộ Chính trị, v.v.., tham gia thẩm định nhiều đề án của cán bộ, ngành trong Khối trước khi trình Chính phủ ban hành.

Năm 2003, Ban Khoa giáo Trung ương đã tổ chức đánh giá việc thực hiện một số nghị quyết của Đảng về khoa giáo: "Sơ kết 5 năm triển khai thực hiện Chỉ thị số 45-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa VIII) về đẩy mạnh hoạt động của Liên hiệp các Hội khoa học kỹ thuật Việt Nam; tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VIII) về những vấn đề cấp bách của sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân và về Chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình[125].

Năm 2004, tiếp tục cụ thể hóa và thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, Ban đã chủ trì và phối hợp với các bộ, ngành hoàn thành 9 đề án trong số 12 đề án thuộc chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Cụ thể là: Nghị quyết số 41-NQ/TW, ngày 15-11-2004 của Bộ Chính trị về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện dại hoá đất

---

[125] Ban Chỉ đạo tổng kết do đồng chí Phạm Gia Khiêm, Uỷ viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban và đồng chí Đỗ Nguyên Phương, Uỷ viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương, làm Phó Trưởng ban Thường trực.

nước; Chỉ thị số 40-CT/TW, ngày 15-6-2004 của Ban Bí thư về xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; Thông báo Kết luận của Ban Bí thư số 145-TB/TW, ngày 9-7-2004 về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 45 CT/TW đối với Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam trong giai đoạn từ nay đến năm 2010; Báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Chỉ thị số 61-CT/TW, ngày 28-12-2000 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về việc thực hiện phổ cập trung học cơ sở; Báo cáo tổng kết 6 năm về việc thực hiện Chỉ thị số 34-CT/TW, ngày 30-5-1998 của Bộ Chính trị (khóa VIII) về tăng cường công tác chính trị tư tưởng; củng cố tổ chức đảng, đoàn thể quần chúng và công tác phát triển đảng viên trong các trường học; Báo cáo sơ kết tình hình 2 năm thực hiện Kết luận Hội nghị Trung ương 6 (khóa IX) về giáo dục-đào tạo và về khoa học và công nghệ. Năm 2005, có thêm Nghị quyết số 46-NQ/TW, ngày 23-2-2005 của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Nghị quyết số 47-NQ/TW, ngày 22-03-2005 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia dình; Chỉ thị số 49-CT/TW, ngày 21-2-2005 của Ban Bí thư về xây dựng gia đình thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Chỉ thị số 50-CT/TW, ngày 4-3-2005 của Ban Bí thư về việc đẩy mạnh phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Chỉ thị số 54-CT/TW, ngày 30-11-2005 của Ban Bí thư về tăng cường lãnh đạo công tác phòng chống HIV/AIDS trong tình hình mới. Ban cũng đã phối hợp với bộ, ngành liên quan hướng dẫn thực hiện các chỉ thị, nghị quyết trên; tiến hành nghiên cứu, thẩm định và góp ý kiến cho trên 50 báo cáo, đề án, văn bản của Quốc hội, Chính phủ, các bộ, ngành trong và ngoài Khối Khoa giáo.

Để góp phần chuẩn bị Văn kiện cho Đại hội X của Đảng, với tư cách là Thường trực của bộ phận tổng kết lý luận - thực tiễn 20 năm đổi mới về nội dung "Tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước phát triển"[126], Ban Khoa giáo Trung ương đã chủ trì phối hợp với các cơ quan có liên quan biên soạn và xuất bản cuốn sách *20 năm đổi mới: thực hiện tiến bộ công bằng xã hội và phát triển văn hóa.*

Công tác khảo sát và tổng kết thực tiễn ngày càng được quan tâm. Năm 2003, đã có gần 60 đoàn khảo sát, kiểm tra, nắm tình hình khoa giáo ở các địa phương như: khảo sát về giáo dục ở vùng khó khăn, vùng các dân tộc thiểu số, các trường đại học dân lập, cao đẳng ngoài công lập; tình hình thực hiện Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 (khóa IX) về khoa học - công nghệ tại tỉnh Bình Dương và Bà Rịa - Vũng Tàu; phục vụ các đoàn của Ban Bí thư đi khảo sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội IX ở các tỉnh phía Nam; khảo sát về khoa giáo của huyện và xã ở 6 tỉnh đồng

[126] Theo Nghị quyết số 72-NQ/TW, ngày 28-4-2003 của Bộ Chính trị.

bằng sông Cửu Long; tổ chức 10 hội nghị giao ban tập huấn theo vùng miền tại các tỉnh, thành phố. Ban đã triển khai 7 đề tài, đề án cấp bộ (ban Đảng)[127]. Năm 2004, Ban đã phối hợp với Ban Tuyên giáo địa phương tổ chức 52 đoàn cán bộ đi nghiên cứu, khảo sát, kiểm tra tình hình thực hiện sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị của Đảng về khoa giáo. Gần đây, Ban đã phối hợp với các bộ, ngành và Ban Tuyên giáo các địa phương tổ chức các Hội nghị chuyên đề về khoa giáo vùng đồng bào dân tộc thiểu số Tây Nguyên và vùng dân tộc Khmer (năm 2004), Hội nghị công tác khoa giáo vùng đồng bào dân tộc thiểu số tây Bắc (năm 2005).

Quan hệ quốc tế của Ban được mở rộng. Từ năm 2001, Ban đã có nhiều cuộc tiếp xúc làm việc với các đối tác nước ngoài về lĩnh vực khoa giáo (như các tổ chức UNICEF, UNDP, UNESCO, các nước: Nhật, Hàn Quốc, Triều Tiên, Nga,…); năm 2001 đã có 27 lượt cán bộ lãnh đạo và chuyên viên của Ban tham gia 12 đoàn đi dự các cuộc hội nghị, hội thảo và nghiên cứu ở nước ngoài. Trong năm 2005, Ban đã tổ chức 11 hội nghị, hội thảo quốc tế liên quan đến các lĩnh vực: giáo dục, y tế, dân số, gia đình và trẻ em, chăm sóc sức khỏe cộng đồng (đáng chú ý là các hội thảo giáo dục Việt Nam - Xingapo và 7 hội thảo khoa học phục vụ cho công tác phòng chống HIV/AIDS của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay); đã tổ chức 33 buổi tiếp và làm việc với các tổ chức quốc tế, các đại sứ quán một số nước tại Hà Nội và các chuyên gia nước ngoài để trao đổi, thảo luận về các lĩnh vực khoa giáo và triển vọng hợp tác trong lĩnh vực này.

III. THỜI KỲ ĐẨY MẠNH TOÀN DIỆN CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, HỘI NHẬP QUỐC TẾ (2006 - 2010)

Năm 2006, nước ta diễn ra nhiều sự kiện lớn. Đại hội X của Đảng đã thành công tốt đẹp, đất nước bước vào thời kỳ đổi mới toàn diện, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hình thành thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, mở cửa và hội nhập kinh tế quốc tế. Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO); tổ chức thành công năm APEC 2006 và Hội nghị cấp cao APEC 14; được các nước châu Á tín nhiệm giới thiệu ứng củ ghế Uỷ viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008-2009. Những thành tựu đạt được trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội đã góp phần quan trọng cải thiện, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần

[127] Gồm các đề tài, đề án sau: Nghiên cứu về phát triển giáo dục mầm non theo tinh thần Kết luận của Hội nghị Trung ương 6 (khoá IX); Nghiên cứu phát triển nhân tài ở Việt Nam phục vụ công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, rà soát và đề xuất hướng sửa đổi, bổ sung nội dung giáo dục đạo đức công dân và chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong nhà trường ở cấp trung học; Công tác khoa giáo cơ sở với tiến trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn; Nghiên cứu những giải pháp nhằm tăng cường vai trò và hiệu quả lãnh đạo, chỉ đạo của cấp uỷ đảng cơ sở trong chăm sóc sức khoẻ nhân dân, góp phần thực hiện công bằng xã hội; Nghiên cứu tình hình phát triển giáo dục của các dân tộc thiểu số (một số vùng ở nước ta hiện nay).

của đại đa số nhân dân lao động, tạo không khí phấn khởi trong xã hội[128]. Sau khi Hội nghị Trung ương 3 (khoá X) ra Nghị quyết về phòng chống tham nhũng, công tác phòng chống tham nhũng được đẩy mạnh đã bước đầu tạo được niềm tin của nhân dân. Tình hình tư tưởng chính trị trong Đảng và nhân dân theo xu hướng tích cực vẫn là dòng mạch chính. Tuy nhiên, tình trạng tham nhũng, tiêu cực, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận đảng viên vẫn còn là vấn đề đáng lo ngại.

Nắm bắt tư tưởng chỉ đạo và những vấn đề lớn của Nghị quyết Đại hội X, xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ của Ngành Tuyên giáo và tình hình thực tiễn của đất nước, toàn ngành đã triển khai nhiều hoạt động nhằm quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X trên phạm vi toàn quốc, gắn với tham mưu và đề xuất các chủ trương, giải pháp xử lý những bức xúc trong thực tiễn hoạt động của các lĩnh vực công tác tuyên giáo.

Ngay sau Đại hội X, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương đã kịp thời tham mưu cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư hướng dẫn, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội trong toàn Đảng theo tinh thần thiết thực, hiệu quả, coi trọng những vấn đề mới, cơ bản, không dàn trải; phát huy tính chủ động, sáng tạo, vận dụng xây dựng chương trình thực hiện Nghị quyết phù hợp với thực tế cơ sở; thường xuyên kiểm tra đôn đốc. Đã tổ chức nhiều lớp nghiên cứu Nghị quyết Đại hội X cho các văn nghệ sĩ, các nhà hoạt động văn hoá, lãnh đạo các hội văn học, nghệ thuật trung ương, các vụ, cục của Ngành Văn hoá, Thông tin, lãnh đạo chủ chốt của 64 hội Văn nghệ địa phương và cán bộ chủ chốt của các ngành khoa giáo. Ban Khoa giáo Trung ương đã tổ chức biên soạn và xuất bản cuốn sách *Triển khai Nghị quyết Đại hội X trong lĩnh vực khoa giáo*, nhằm giúp cho việc triển khai nghiên cứu, quán triệt và phổ biến đường lối, chính sách của Đảng trong lĩnh vực khoa giáo đã được xác định tại Đại hội X của Đảng.

Công tác tuyên truyền giáo dục chính trị tư tưởng tiếp tục được đổi mới. Các hình thức đối thoại, tranh luận cởi mở mang tính xây dựng được thực hiện ở nhiều nơi, trong đó việc các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước và một số bộ, ngành đối thoại trực tuyến với nhân dân đã góp phần đổi mới hoạt động của công tác tư tưởng, tạo không khí dân chủ trong xã hội, được dư luận hoan nghênh. Đáng chú ý là đã triển khai kịp thời và có hiệu quả công tác tuyên truyền về quá trình Việt Nam gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO); tuyên truyền năm APEC Việt Nam 2006 và nhất là thành công của Hội nghị các nhà lãnh đạo các nền kinh tế

[128] Năm 2006, tốc độ tăng trưởng kinh tế tiếp tục đạt mức cao (8,17%); thu hút vốn đầu tư nước ngoài đạt mức kỷ lục (10,8 tỷ USD); thu nhập bình quân đầu người tăng từ 640 USD lên 729 USD; kim ngạch xuất khẩu đạt gần 40 tỷ USD, tạo việc làm cho 1,65 triệu lao động; giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn mới xuống còn 19%; đời sống nhân dân tiếp tục được nâng lên, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm; quốc phòng được tăng cường.

APEC lần thứ 14; tuyên truyền kỷ niệm những ngày lễ lớn trong năm. Đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng - văn hoá đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, chủ động nắm bắt diễn biến tư tưởng, tham mưu với cấp uỷ đảng tuyên truyền, giải thích, định hướng dư luận trước các tình huống phức tạp; kiên quyết chống các biểu hiện tiêu cực, tham nhũng, lãng phí, v.v.. Tuyên truyền đối ngoại được tăng cường. Công tác đấu tranh chống những quan điểm sai trái được chú trọng thường xuyên.

Năm 2006, Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương đã chủ động tổng kết đợt triển khai thí điểm, trên cơ sở đó tham mưu cho Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 7-11-2006 về Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" và đã tổ chức triển khai phát động Cuộc vận động trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Ban cũng đã tham mưu với Bộ Chính trị ra Kết luận số 41, tổ chức sơ kết hai năm thực hiện Kết luận số 162 về tăng cường lãnh đạo và quản lý báo chí; chỉ đạo tiếp tục triển khai Chỉ thị số 42-CT/TW của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng toàn diện của hoạt động xuất bản và Chỉ thị số 20-CT/TW của Ban Bí thư về nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác xuất bản, phát hành sách lý luận, chính trị; từng bước khắc phục khuynh hướng thương mại hoá, đưa hoạt động báo chí, xuất bản đi vào nền nếp. Coi trọng nghiên cứu dư luận xã hội và những vấn đề mới, để dự báo, định hướng công tác tư tưởng, văn hoá kịp thời và sắc bén hơn.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VIII), định hướng và chỉ đạo các hoạt động văn hoá, văn nghệ, gắn với việc tổ chức các ngày hội văn hoá; thẩm định các đề án, chương trình về văn hoá.

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, tăng cường vai trò quản lý nhà nước, đã xuất hiện yêu cầu phải bổ sung, hoàn thiện và ban hành mới nhiều văn bản quy phạm pháp luật, Ban Khoa giáo Trung ương và Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương đã tham gia góp ý kiến và thẩm định nhiều văn bản pháp luật và các đề án công tác của các ngành liên quan như Luật Thể dục thể thao, Luật Bình đẳng giới, Luật Dạy nghề, Luật Phòng, chống nhiễm virút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS), Luật Chuyển giao công nghệ, Luật Phòng chống bạo lực gia đình, Luật Hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác; Nghị định của Chính phủ về dạy và học tiếng nói, chữ viết cho người dân tộc thiểu số, Kế hoạch tổng thể phát triển công nghệ sinh học Việt Nam đến năm 2020; các đề án và chương trình văn hoá, v.v..

Công tác hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các chính sách của Đảng trong các lĩnh vực khoa giáo được đẩy mạnh. Về giáo dục, hướng dẫn và kiểm tra thực hiện Chỉ thị số 50-CT/TW về tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Hội Khuyến học Việt Nam, trên cơ sở đó chuẩn bị một chỉ thị mới của Ban Bí thư về công tác khuyến học, khuyến tài; kiểm tra

thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW và Quyết định số 09/2005/TTg về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; khảo sát công tác giảng dạy lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh tại các trường đại học, cao đẳng; đã tiến hành kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các nghị quyết, chỉ thị của Bộ Chính trị và của Ban Bí thư về các lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân, chính sách dân số và kế hoạch hoá gia đình, phòng chống HIV/AIDS, về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em...

Năm 2007, năm thứ hai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X, cuộc bầu cử Quốc hội khoá XII, nhiệm kỳ (2007-2011) thành công. Quốc hội, đã bầu ra các cơ quan lãnh đạo cao nhất của Quốc hội, Nhà nước và Chính phủ. Hoàn thành việc kiện toàn, sắp xếp các cơ quan Đảng và Chính phủ theo tinh thần Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư của Ban Chấp hành Trung ương (khoá X). Kinh tế tăng trưởng cao nhất trong 10 năm qua[129]. Uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao[130]. Chính trị, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh được giữ vững.

Đầu năm 2007, Ban Khoa giáo Trung ương và Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương triển khai nhiệm vụ của hai ban. Từ tháng 5-2007, thực hiện Quyết định số 44, ngày 11-4-2007 của Bộ Chính trị, Ban Khoa giáo Trung ương và Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương hợp nhất thành Ban Tuyên giáo Trung ương, do đồng chí Tô Huy Rứa làm Trưởng ban. Ngày 28-8-2007, Bộ Chính trị ban hành Quyết định số 80-QĐ/TW về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Tuyên giáo Trung ương, trong đó xác định Ban Tuyên giáo Trung ương là cơ quan tham mưu của Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư trong công tác xây dựng đảng về chính trị, tư tưởng, về chủ trương, quan điểm và chính sách của Đảng trong lĩnh vực tuyên truyền, báo chí, xuất bản, văn hoá, văn nghệ, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo và một số lĩnh vực xã hội; đồng thời là cơ quan chuyên môn - nghiệp vụ về các lĩnh vực công tác này của Đảng. Theo Quyết định số 80, từ 27 đầu mối, Ban đã thu gọn thành 19 vụ, đơn vị. Trong điều kiện mới, với chức năng, nhiệm vụ được mở rộng, tập thể cán bộ, nhân viên của Ban đã tích cực đổi mới mạnh mẽ nội dung, phương thức hoạt động, đoàn kết, phối hợp chặt chẽ, khắc phục khó khăn, tập trung hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị được giao.

---

[129] GDP đạt 8,48%; thu nhập đầu người tăng từ 729 USD lên 835 USD; sản xuất công nghiệp tăng 17,1 %; sản xuất nông, lâm nghiệp và thuỷ sản tăng 4,6%; xuất khẩu tăng 21,5%; đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tăng kỷ lục lên mức 69,3%, đạt 20,3 tỷ USD, cao nhất từ trước đến nay; hộ đói nghèo giảm còn14,75% (theo tiêu chí mới); là quốc gia xoá đói giảm nghèo nhanh và đạt hiệu quả cao nhất.

[130] Việt Nam được bầu là Uỷ viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008-2009 với số phiếu cao. Thành công của những chuyến thăm các nước của các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước càng củng cố và khẳng định vị thế của nước ta trên thế giới.

Về công tác tham mưu, Ban đã chủ trì xây dựng Đề án, được Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ năm (khóa X) thảo luận và ban hành Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày l-8-2007 về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới. Nghị quyết đã khẳng định: Công tác tư tưởng, lý luận là một bộ phận cấu thành đặc biệt quan trọng trong toàn bộ hoạt động của Đảng; là lĩnh vực trọng yếu để xây dựng, bồi đắp nền tảng chính trị của chế độ, tuyên truyền, giáo dục, động viên và tổ chức nhân dân thực hiện các nhiệm vụ cách mạng, khẳng định và nâng cao vai trò tiên phong của Đảng về chính trị, lý luận, trí tuệ, văn hoá và đạo đức; thể hiện vai trò đi trước, mở đường trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nghị quyết nhấn mạnh: Báo chí là tiếng nói của Đảng, Nhà nước, của tổ chức chính trị - xã hội và là diễn đàn của nhân dân, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật; phải bảo đảm tính tư tưởng, tính chân thật, tính nhân dân, tính chiến đấu và tính đa dạng của hoạt động báo chí. Trong bối cảnh tình hình trong nước và quốc tế đan xen cả thời cơ và thách thức to lớn, công tác tư tưởng, lý luận, báo chí cần phải chủ động, tích cực, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ hơn nữa cả nội dung và phương thức hoạt động, nâng cao tính định hướng chính trị, tính thuyết phục, tính hiệu quả góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng; đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện suy thoái chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, các tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí; phản bác kịp thời các thông tin, quan điểm sai trái, phản động, làm thất bại âm mưu "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch; tăng cường công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, làm sáng tỏ hơn nữa nhận thức lý luận về thời đại, về chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, những vấn đề do thực tiễn đất nước đặt ra, cung cấp cơ sở khoa học cho hoạch định đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Đặc biệt, Ban Tuyên giáo Trung ương đã tham mưu cho Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 06-CT/TW, ngày 7-11-2006 về tổ chức Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" trong toàn đảng, toàn dân, toàn quân; chỉ đạo và hướng dẫn thực hiện có kết quả chương trình năm 2007 và ban hành chương trình toàn khoá Cuộc vận động.

Trong một số lĩnh vực khác, Ban đã phối hợp với các cơ quan liên quan, tham mưu trình Bộ Chính trị ra Chỉ thị số 11-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập, tham mưu để Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 17-CT/TW, ngày 15-10-2007 về tiếp tục đổi mới và nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền miệng. Phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất với Bộ Chính trị, Ban Bí thư ra các văn bản chỉ đạo kịp thời về công tác báo chí (Kết luận số 41, Thông báo Kết luận số 68, Kế hoạch số 03).

Năm 2007, Ban Tuyên giáo Trung ương đã triển khai các nhiệm vụ thường xuyên, gắn với việc hướng dẫn thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư và lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) và các văn bản khác của Bộ Chính trị, Ban Bí thư. Cụ thể là đã mở các lớp tập huấn với tài liệu mới theo nội dung Nghị quyết Đại hội X cho cán bộ tuyên giáo và giảng viên các Trung tâm Bồi dưỡng chính trị cấp huyện toàn quốc. Toàn ngành đã làm tốt công tác tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách lớn của Đảng, Nhà nước, đẩy mạnh tuyên truyền Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" trên tất cả các phương tiện thông tin đại chúng; tuyên truyền về kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện chính trị quan trọng; tuyên truyền cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khoá XII và về các kỳ họp của Quốc hội; về các sự kiện Việt Nam chính thức là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), là Uỷ viên không thường trực Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2008-2009, v.v.. Chương trình tuyên truyền biển đảo được tăng cường. Công tác đấu tranh chống những quan điểm sai trái thù địch được chú trọng.

Ban đã tiến hành nghiên cứu đề xuất một số quyết sách của Đảng và Nhà nước về một số vấn đề phức tạp và mới mẻ, như: cổ phần hóa bệnh viện công và trường đại học; thành lập các trường đại học, cao đẳng; giáo dục Việt Nam sau khi gia nhập WTO; thi tốt nghiệp trung học phổ thông, thi tuyển sinh vào đại học, cao đẳng; tình hình giảng dạy và học tập các môn khoa học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học và cao đẳng.

Ban Tuyên giáo các địa phương đã tham mưu giúp cấp ủy tăng cường lãnh đạo công tác văn hóa trên địa bàn, đổi mới chỉ đạo phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa"; tăng cường chỉ đạo, kiểm tra thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW của Ban Bí thư (khoá IX) về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, Chỉ thị số 33 của Thủ tướng Chính phủ về chống tiêu cục và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục; xây dựng chương trình phát triển khoa học, công nghệ phục vụ trực tiếp cho sản xuất và đời sống. Công tác kiểm tra của các cấp ủy đảng về bảo vệ môi trường được đẩy mạnh. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo phòng chống HIV/AIDS theo tinh thần Chỉ thị số 54-CT/TW, được chỉ đạo sát sao. Công tác thể dục thể thao, dân số, gia đình và trẻ em được các cấp chính quyền và đoàn thể quan tâm hơn.

Công tác thông tin đối ngoại được tăng cường, trong đó nổi bật là công tác tuyên truyền Kỷ niệm 45 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao và 30 năm Hiệp ước hợp tác hữu nghị Việt Nam - Lào. Thường xuyên nắm bắt dư luận xã hội về những vấn đề nổi cộm được chú trọng. Hoàn thành một số cuộc điều tra xã hội học có chất lượng, qua đó dự báo, định hướng công tác tuyên giáo được kịp thời, sắc bén hơn. Báo, tạp chí, bản tin và

các ấn phẩm của các cơ quan thuộc Khối Tuyên giáo từ trung ương đến địa phương luôn bám sát chức năng, nhiệm vụ; hoạt động đúng tôn chỉ mục đích góp phần tích cực vào việc tuyên truyền về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và cố gắng phản ánh kịp thời hoạt động của các ngành trong Khối Tuyên giáo ở trung ương và địa phương.

Công tác nghiên cứu, biên soạn lịch sử đảng bộ các địa phương và công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến lịch sử đảng được Ban Tuyên giáo các tỉnh ủy, thành ủy quan tâm chỉ đạo. Nhiều chuyên đề về lịch sử đảng bộ, lịch sử truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân đã được biên soạn phục vụ cho công tác tuyên truyền, giáo dục.

Bước vào năm 2008, tình hình kinh tế - xã hội có những biểu hiện xấu, lạm phát tăng cao, nhập siêu lớn, thiên tai dịch bệnh liên tiếp xảy ra tác động tiêu cực đến sản xuất và đời sống nhân dân. Tình trạng đình công của công nhân và khiếu kiện đông người diễn ra ở nhiều nơi. Tình trạng tham nhũng, lãng phí, suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận không nhỏ cán bộ đảng viên chưa được ngăn chặn, đẩy lùi. Các thế lực thù địch gia tăng sức ép và can thiệp vào công việc nội bộ nước ta dưới các chiêu bài "dân chủ", "nhân quyền", "dân tộc", "tôn giáo", kích động bạo loạn, lật đổ và đẩy mạnh những diễn biến hoà bình, thúc đẩy "tự diễn biến" ngày càng tinh vi, cùng với nhiều vấn đề nhạy cảm, phức tạp có ảnh hưởng mạnh mẽ đến tình hình tư tưởng và công tác tuyên giáo. Có thể kể đến một số sự kiện như: Trung Quốc tuyên bố thành lập thành phố Tam Sa dẫn tới biểu tình của sinh viên tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh; vấn đề đòi đất của tôn giáo diễn biến phức tạp như ở số l78 phố Nguyễn Lương Bằng, số 42 phố Nhà Chung và một số nơi khác; xuất hiện một số hồi ký, bài viết mang nội dung "sám hối" của một số nhà văn tên tuổi gây phân tâm cho độc giả, v.v..

Tuy nhiên, những yếu tố thuận lợi đan xen tác động và chi phối tạo thành dòng chính trong đời sống tư tưởng, tình cảm của người dân. Nghị quyết Đại hội X của Đảng và các nghị quyết của Hội nghị lần thứ sáu, bảy, tám Ban Chấp hành Trung ương nhằm nâng cao năng lực, sức chiến đấu của Đảng theo tinh thần Đại hội X ngày càng lan toả trong đời sống. Nghị quyết Trung ương 5 (khoá X), về công tác tư tưởng, lý luận, báo chí trước yêu cầu mới được cụ thể hoá bằng các đề án đã bước đầu phát huy tác dụng trong cuộc sống. Tuy kinh tế tăng trưởng chậm lại nhưng về đại thể, nền kinh tế nước ta duy trì được tốc độ tăng trưởng tương đối khá, kinh tế vĩ lnô được ổn định, giáo dục - đào tạo đạt một số tiến bộ, công tác bảo vệ tài nguyên - môi trường được chú trọng nhiều hơn. Công tác tư tưởng, lý luận tiếp tục được đổi mới cả nội dung và phương thức hoạt động. Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" tạo được những chuyển biến bước đầu về nhận thức, ý thức rèn luyện, tu

dưỡng đạo đức, lối sống trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Lòng tin của đa số cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự nghiệp đổi mới và triển vọng phát triển đất nước vẫn bảo đảm.

Năm 2008, Ban Tuyên giáo Trung ương đã thực hiện tốt công tác nghiên cứu, tham mưu về chủ trương, quan điểm, chính sách và giải pháp của Đảng thuộc lĩnh vực tuyên giáo, đồng thời chủ động triển khai công tác hướng dẫn, kiểm tra và các nhiệm vụ thường xuyên khác.

Về công tác tham mưu, năm 2008, Ban Tuyên giáo Trung ương đã phối hợp với các Ban của Đảng, Ban Cán sự đảng các bộ, ngành, Ban Tuyên giáo các địa phương hoàn thành các đề án trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư ban hành để chỉ đạo các lĩnh vực công tác tuyên giáo, đặc biệt Đề án "Xây đựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước" và Đề án "Xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật Việt Nam trong tình hình mới" được trung ương, Bộ Chính trị đánh giá cao.

Trong suốt quá trình cách mạng do Đảng ta lãnh đạo, nhất là trong hơn 20 năm đổi mới, đội ngũ trí thức nước ta đã có bước phát triển nhanh chóng về số lượng, chất lượng, góp phần xứng đáng vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, số lượng, chất lượng, cơ cấu đội ngũ trí thức chưa đáp ứng yêu cầu của sự phát triển đất nước. Bộ phận tinh hoa, hiền tài còn ít, chuyên gia đầu ngành thiếu, đội ngũ kế cận hẫng hụt. Đảng và Nhà nước chưa có chiến lược tổng thể xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức. Chưa có chủ trương, chính sách đúng tầm để đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ, thu hút trí thức trong nước và trí thức Việt Nam ở nước ngoài. Trên cơ sở Đề án "Xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập kinh tế quốc tế", Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá X)[131] đã ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 6-8-2008 về vấn đề quan trọng này. Nghị quyết đã khẳng định: "1. Trí thức Việt Nam là lực lượng lao động sáng tạo đặc biệt quan trọng trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hội nhập quốc tế, xây dựng kinh tế tri thức, phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị. Đầu tư xây dựng đội ngũ trí thức là đầu tư cho phát triển bền vững.

2. Xây dựng đội ngũ trí thức là trách nhiệm chung của toàn xã hội, của cả hệ thống chính trị, trong đó trách nhiệm của Đảng và Nhà nước giữ vai trò quyết định. Trí thức có vinh dự và bổn phận trước Tổ quốc và dân tộc, không ngừng phấn đấu nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, năng

[131] Họp tại Hà Nội từ ngày 9 đến ngày 17-7-2008.

lực chuyên môn, đóng góp nhiều nhất cho sự phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

3. Thực hành dân chủ, tôn trọng và phát huy tự do tư tưởng trong hoạt động nghiên cứu, sáng tạo của trí thức vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động nghề nghiệp của trí thức. Trọng dụng trí thức trên cơ sở đánh giá đúng phẩm chất, năng lực và kết quả cống hiến; có chính sách đặc biệt đối với nhân tài của đất nước"[132].

Đối với lĩnh vực văn học, nghệ thuật, Nghị quyết số 23-NQ/TW, ngày 16-6-2008, của Bộ Chính trị về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới là một văn kiện có ý nghĩa quan trọng. Nghị quyết chỉ rõ trình độ dân trí của nhân dân được nâng cao, sự phát triển và biến đổi về quan niệm, thị hiếu và nhu cầu thưởng thức nghệ thuật của công chúng, những biến đổi sâu sắc về cơ cấu kinh tế, xã hội và giai cấp, quá trình dân chủ hóa đời sống xã hội, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và quá trình giao lưu và hợp tác quốc tế ngày càng sâu rộng là những nhân tố tác động trực tiếp đến văn học, nghệ thuật. Nghị quyết nhấn mạnh trong hơn 20 năm đổi mới, văn học, nghệ thuật có bước phát triển mới, có những biến đổi sâu sắc, đồng thời cũng xuất hiện những đặc điểm mới, có sự đan xen giữa thành tựu và những hạn chế, yếu kém. Nghị quyết của Bộ Chính trị đã xác định ba mục tiêu phải đạt được là: tập trung mọi nguồn lực xây dựng nền văn học, nghệ thuật Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; xây dựng và phát triển đội ngũ văn nghệ sĩ Việt Nam một cách toàn diện cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu loại hình; có năng lực sáng tạo phong phú, đa dạng, có các thế hệ nối tiếp nhau vững chắc, có tình yêu Tổ quốc nồng nàn, gắn bó sâu sắc với nhân dân, với sự nghiệp đổi mới; nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, bảo đảm yêu cầu phát triển lĩnh vực này trong thời kỳ mới. Về quan điểm chỉ đạo, Bộ Chính trị đã xác định: Văn học, nghệ thuật là lĩnh vực rất quan trọng, đặc biệt tinh tế của văn hoá; là nhu cầu thiết yếu thể hiện khát vọng chân, thiện, mỹ của con người; là một trong những động lực to lớn trực tiếp góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam. Văn học, nghệ thuật Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế phải phát triển toàn diện và mạnh mẽ, thấm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn dân chủ; tài năng văn học, nghệ thuật là vốn quý của dân tộc.

Trong quá trình tham mưu, xây dựng các đề án trình Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Ban Tuyên giáo các cấp đã phối

[132] Đảng Cộng sản Việt Nam: Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá X, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008, tr.90-91.

hợp chặt chẽ với các ngành, đoàn thể tiến hành khảo sát thực tế, thu thập số liệu, tổ chức lấy ý kiến đóng góp của các tầng lớp nhân dân. Công tác khảo sát, điều tra lấy ý kiến dư luận xã hội đã trở thành yêu cầu không thể thiếu được để chuẩn bị cho các hội nghị Trung ương, hội nghị đảng bộ tỉnh, thành phố. Chất lượng các cuộc Điều tra khảo sát của Ban Tuyên giáo các cấp ngày càng được nâng lên, thể hiện qua sự phối hợp ngày càng chặt chẽ giữa Ban Tuyên giáo Trung ương và Ban Tuyên giáo các tỉnh ủy, thành ủy trong 13 cuộc điều tra, khảo sát lớn trong năm 2008[133].

Ban Tuyên giáo Trung ương và Ban Tuyên giáo các cấp còn tham mưu cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp ủy các cấp giải pháp xử lý nhiều vấn đề mới nảy sinh về công tác tư tưởng. Trước nhiều sự kiện lớn của đất nước về đối nội và đối ngoại, trong đó có những sự kiện nóng bỏng bất ngờ, nhiều vấn đề mới nảy sinh trong đời sống xã hội gây lo lắng, bức xúc trong nhân dân[134], Ban Tuyên giáo các cấp đã theo sát diễn biến tư tưởng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, kịp thời xử lý thông tin, tham mưu cho các cấp uỷ về định hướng dư luận xã hội, đồng thời đề xuất giải pháp và chủ động tham gia cùng các cấp, các ngành xử lý, giải quyết vụ việc, góp phần sớm ổn định tư tưởng, ổn định tình hình.

Ban Tuyên giáo Trung ương và Ban Tuyên giáo các cấp ủy địa phương đã thực hiện tốt nhiều nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp ủy các cấp giao cho, trong đó có việc hướng dẫn, chỉ đạo Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" và chỉ đạo nội dung giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" sau ba năm triển khai đã dần dần trở thành sinh hoạt chính trị rộng lớn và đã có bước chuyển biến đi vào chiều sâu cụ thể và cấp thiết. Từ "học tập" đã chuyển vào trọng tâm "làm theo" tấm gương Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu; sửa đổi lối làm việc. Các địa phương tổ chức rất nhiều phong trào thi đua, các cuộc thi theo chủ đề "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Hội thi "Kể chuyện tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" được tổ chức từ cơ sở đến vòng chung khảo ở trung ương, thu hút đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân theo dõi. Cuộc vận động sáng tác, quảng bá các tác

---

[133] Điều tra phục vụ xây dựng dự thảo Nghị quyết Trung ương 7 về xây dựng đội ngũ trí thức trong tình hình mới; về chiến lược công tác tư tưởng trong thời kỳ mới; về kết quả hai năm rưỡi thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X; tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 khoá VIII về giáo dục – đào tạo, khoa học – công nghệ; kết quả thực hiện Nghị quyết số 25 của Bộ Chính trị về các giải pháp kiềm chế lạm phát, phát triển sản xuất, v.v..

[134] Một số sự kiện như: vụ gây rối, vi phạm pháp luật của một số chức sắc và giáo dân ở khu đất số 42, phố Nhà Chung và số 178, phố Nguyễn Lương Bằng, Hà Nội; việc Trung Quốc nêu chủ trương thành lập thành phố Tam Sa; việc khởi tố bị can với tội danh "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" đối với 2 cán bộ công an và 2 nhà báo và các vụ án lớn khác; việc Chính phủ Nhật Bản tạm dừng tài trợ vốn ODA cho Việt Nam, v.v..

phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" đã được các hội báo chí và các hội văn học, nghệ thuật tích cực hưởng ứng. Việc tổ chức học tập các chuyên đề trên đã được Ban Chỉ đạo Cuộc vận động các cấp gắn với kiểm điểm đánh giá việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí và thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Luật Phòng chống tham nhũng. Nhiều bộ, ban, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị đã xây dựng chuẩn mực đạo đức theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Về công tác chỉ đạo nội dung giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hệ thống giáo dục quốc dân, Ban Tuyên giáo Trung ương đã chủ trì, phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ban Cán sự đảng Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh hoàn thành Đề án "Đổi mới việc giảng dạy, học tập chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng trong hệ thống giáo dục quốc dân, hệ thống Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh và các trường chính trị tỉnh, thành phố". Ban tuyên giáo các tỉnh, thành ủy và Ban Tuyên giáo các quận, huyện, thị ủy đã tổ chức nhiều đoàn kiểm tra công tác giáo dục chính trị tư tưởng trong giảng dạy, học tập môn chính trị, giáo dục công dân tại các trường học; khảo sát và hướng dẫn thông tin thời sự cho giáo viên dạy môn giáo dục công dân, bồi dưỡng chính trị trong dịp hè năm 2008 cho giáo viên phổ thông.

Trước nhiều sự kiện lớn, công tác tuyên truyền của toàn ngành, cả đối nội và đối ngoại, từ trung ương đến địa phương đã triển khai tương đối kịp thời, đúng hướng, có hiệu quả tích cực trong định hướng dư luận xã hội, góp phần tạo sự ổn định chính trị - tư tưởng và sự đồng thuận trong xã hội. Ban Tuyên giáo các cấp đã quan tâm hơn đến việc nắm bắt và phản ánh nhanh dư luận của các tầng lớp cán bộ, đảng viên và nhân dân, qua đó có báo cáo nhanh, báo cáo đặc biệt về tình hình dư luận xã hội, phát hiện những vấn đề phức tạp trong tâm trạng và tư tưởng cán bộ, đảng viên và nhân dân đáp ứng tương đối kịp thời yêu cầu thông tin phục vụ lãnh đạo[135].

Về hướng dẫn và kiểm tra thực hiện các nghị quyết của Đảng, thực hiện Thông báo Kết luận số 169-TB/TW, ngày 2-8-2008, của Bộ Chính trị, Ban Tuyên giáo Trung ương ban hành các hướng dẫn và biên soạn tài liệu phục vụ việc nghiên cứu, quán triệt, triển khai thực hiện các nghị quyết Trung ương 6, Trung ương 7, Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển văn học, nghệ thuật trong tình hình mới; Nghị

[135] Viện Dư luận xã hội của Ban Tuyên giáo Trung ương co 30 báo cáo, Ban Tuyên giáo các tỉnh có trung bình mỗi ban có 20 báo cáo.

quyết số 11-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác phụ nữ trong tình hình mới. Tham gia tổ chức các lớp nghiên cứu, quán triệt các nghị quyết Trung ương 6, Trung ương 7 dành cho lãnh đạo Ban Tuyên giáo cấp tỉnh và báo cáo viên. Thực hiện đổi mới việc triển khai học tập Nghị quyết, nhiều đồng chí bí thư, cấp uỷ đã trực tiếp truyền đạt Nghị quyết, liên hệ chặt chẽ nội dung Nghị quyết với tình hình thực tế của địa phương, đơn vị, dành thời gian cho đối thoại, thảo luận Dự thảo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết nhiều hơn.

Về các lĩnh vực công tác khoa giáo, Ban Tuyên giáo các cấp đã tiến hành tổng kết Chỉ thị số 118-CT/TW về triển khai thực hiện Đề án tổng kết 10 năm thực hiện Chỉ thị số 45 về đẩy mạnh hoạt động của Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam; Dự thảo Kết luận của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về định hướng chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ. Chỉ thị của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 41 về bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo xây dựng Báo cáo 8 năm thực hiện Chỉ thị số 61-CT/TW của Bộ Chính trị về phổ cập giáo dục trung học cơ sở; Báo cáo ba năm thực hiện Chỉ thị số 40-CT/TW về xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; 5 năm đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Đôn đốc việc thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW về khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập. Khảo sát đánh giá tình hình học sinh bỏ học, đánh giá tình hình thi tốt nghiệp trung học phổ thông, v.v..

Trong 5 năm 2006-2010, sự nghiệp giáo dục phải hướng vào những vấn đề lớn tầm quốc gia sau: Tạo được động lực giải phóng và phát huy mọi nguồn lực, nhất là nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá; Tiến hành từng bước xây dựng xã hội học tập, tạo nên mô hình giáo dục mở; để trở thành một thành viên bình đẳng của WTO, Việt Nam phải có một nền giáo dục chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa để chủ động hội nhập quốc tế. Trong xu thế toàn cầu hóa, nền giáo dục phải nâng cao năng lực nội sinh về khoa học, công nghệ, phát huy được bản sắc văn hóa dân tộc.

Về khoa học và công nghệ, phương hướng chung của quá trình phát triển là: Phát triển năng lực khoa học và công nghệ nội sinh; Phát triển thị trường công nghệ, nâng cao chất lượng và khả năng thương mại hóa các sản phẩm khoa học và công nghệ; Tăng cường mối liên kết Viện nghiên cứu - Trường đại học - Doanh nghiệp; Đẩy mạnh việc hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ; Đổi mới cơ chế quản lý khoa học và công nghệ.

Phối hợp với Bộ Y tế tiến hành sơ kết ba năm thực hiện Nghị quyết số 46-NQ/TW của Bộ Chính trị về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao

sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, Nghị quyết số 47-NQ/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình; 5 năm thực hiện Chỉ thị số 06-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương về củng cố và hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở. Tiến hành dự thảo Chỉ thị về phát triển Đông y và Hội Đông y Việt Nam. Hoàn thiện Báo cáo tổng kết 8 năm thực hiện Chỉ thỉ số 55-CT/TW về tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng ở cơ sở đối với công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Kiểm tra thực hiện Chỉ thị số 54-CT/TW về tăng cường lãnh đạo công tác phòng, chống HIV/AIDS trong tình hình mới.

Trong năm 2008, công tác tuyên giáo cũng còn có một số hạn chế, yếu kém; Nhiệm vụ nghiên cứu, đề xuất cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp ủy các cấp chưa thật chủ động, kịp tiến độ; Chất lượng một số văn bản tham mưu còn hạn chế, chưa đạt tầm; Công tác tư tưởng có lúc chưa thật chủ động, nhạy bén, chưa dự báo kịp thời những tình huống phức tạp có thể xảy ra, chưa thật gắn bó chặt chẽ với quá trình xây dựng và triển khai các chủ trương lớn về phát triển kinh tế - xã hội; Công tác hướng dẫn tuyên truyền ở các cấp có việc còn chậm; Công tác chỉ đạo định hướng báo chí, xuất bản nhìn chung kịp thời, nhưng có lúc thụ động lúng túng, chưa kiên quyết, kịp thời; Năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý các lĩnh vực văn hóa, văn học nghệ thuật của các cấp ủy Đảng còn bộc lộ nhiều bất cập, hạn chế; Thực hiện nhiệm vụ định hướng công tác nghiên cứu lý luận chính trị trong Đảng và trong xã hội chưa được nhiều; Kết quả thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng trên một số lĩnh vực công tác khoa giáo còn hạn chế; Công tác xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục, y tế bộc lộ nhiều vấn đề đáng quan tâm; Những hạn chế, yếu kém trong các lĩnh vực giáo dục – đào tạo, chăm sóc sức khỏe nhân dân chậm được khắc phục.

Bước vào năm 2009, tình hình chính trị, xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được giữ vững; uy tín, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao; Đảng và Nhà nước đã có nhiều giải pháp kích thích nền kinh tế nhằm ngăn chặn suy giảm do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới. Nhờ đó kinh tế phục hồi và tăng trưởng, GDP đạt trên 5%, cao nhất so với các nước trong Khối ASEAN. Đời sống chính trị, văn hoá, tinh thần có nhiều chuyển biến và khởi sắc. Những thành tựu lớn của đất nước đã làm cho nhân dân vui mừng, phấn khởi, tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, vào công cuộc đổi mới và triển vọng tốt đẹp của đất nước. Bên cạnh những thuận lợi lớn kể trên, đất nước ta phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Tình hình thế giới và khu vực có những diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường. Cuộc khủng hoảng kinh tế ảnh hưởng lớn đến đời sống nhân dân. Các thế lực thù địch, phản động ráo riết đẩy mạnh chiến lược "Diễn biến hòa bình", tăng cường lợi dụng các chiêu bài “dân chủ", "nhân quyền", “dân tộc", "tôn giáo" và những hạn chế yếu kém của ta, xuyên tạc, vu cáo, kích động chống, phá nhằm xóa

bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nền kinh tế phục hồi chậm, chất lượng phát triển thấp; công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội, còn nhiều yếu kém, bất cập. Tình hình mưa lũ, thiên tai, dịch bệnh phức tạp, gây thiệt hại lớn về người và tài sản. Những khó khăn thách thức làm nảy sinh nhiều yếu tố bất lợi, tác động xấu đến tư tưởng, tâm trạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân, gây nhiều khó khăn trong lãnh đạo, thực hiện các nhiệm vụ tuyên giáo.

Để chuẩn bị Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng, trong năm 2009, Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X)[136] đã thảo luận về các đề cương chi tiết Báo cáo tổng kết, bổ sung và phát triển Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Cương lĩnh năm 1991); Đề cương chi tiết Báo cáo tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001-2010 và xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020; định hướng chuẩn bị Đại hội XI của Đảng và đại hội đảng các cấp; thành lập các tiểu ban chuẩn bị Đại hội XI và một số vấn đề quan trọng khác. Ban Chấp hành Trung ương quyết định thời gian tổ chức Đại hội XI của Đảng vào nửa đầu tháng l-2011, Bộ Chính trị đã ban hành Chỉ thị số 37-CT/TW, ngày 4-8-2009, về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng.

Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X)[137] đã nghe và cho ý kiến về các dự thảo văn kiện trình Đại hội XI của Đảng: Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển); Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020; Đề cương chi tiết Dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XI; Một số vấn đề cần nghiên cứu, bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng; nghe và cho kiến về Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2009, dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 2010 và một số vấn đề quan trọng khác.

Hội nghị đã chỉ rõ: Đại hội XI có ý nghĩa trọng đại, đề ra đường lối tiếp tục nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo tiền đề vững chắc đề đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Năm 2009, toàn Ngành Tuyên giáo đã triển khai đồng bộ, toàn diện, có hiệu quả một khối lượng công việc lớn, trong tình hình phức tạp và rất nhiều khó khăn.

Công tác tư tưởng được thực hiện đồng bộ, đều khắp, từng bước đổi mới nội dung và phương thức, góp phần tích cực tạo nên sự ổn định chính trị,

---

[136] Họp tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 29-6 đến ngày 4-7-2009.
[137] Họp tại Thủ đô Hà Nội từ ngày 5-10 đến ngày 10-10-2009.

xã hội; giữ vững quốc phòng, an ninh; nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

Công tác tuyên truyền đã chủ động hơn trong việc xây dựng và hướng dẫn thực hiện kế hoạch tuyên truyền trên cả ba mảng công tác: tuyên truyền chính trị, kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng.

Lồng ghép tuyên truyền về kinh tế, văn hóa, xã hội với tuyên truyền kỷ niệm các ngày lễ lớn, các sự kiện quan trọng của đất nước và của từng địa phương. Nổi bật là các hoạt động tuyên truyền các nhóm giải pháp nhằm kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì tăng trưởng kinh tế mức phù hợp, bảo đảm an sinh xã hội; tuyên truyền về biển, đảo; Kỷ niệm 119 năm ngày sinh của Bác gắn với kỷ niệm 50 năm mở đường Hồ Chí Minh; Kỷ niệm 55 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ; Kỷ niệm 40 năm thực hiện *Di chúc* Bác Hồ gắn với Kỷ niệm 64 năm Cách mạng Tháng Tám, Quốc khánh 2-9; tuyên truyền, quảng bá Kỷ niệm 1000 năm Thăng Long - Hà Nội; tuyên truyền các phong trào thi đua yêu nước, Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh"; hướng dẫn tổ chức kỷ niệm và bước đầu triển khai một số công việc trong kế hoạch Kỷ niệm 80 năm Ngày Truyền thống Ngành Tuyên giáo.

Công tác tuyên truyền miệng tập trung vào hai nội dung chính là định hướng kịp thời dư luận xã hội trước những sự kiện quan trọng, vấn đề nổi cộm, bức xúc, nhạy cảm, và tuyên truyền về kinh tế, văn hóa, xã hội, các nhân tố mới.

Chỉ đạo, định hướng thông tin, tuyên truyền về quan hệ đối ngoại một cách hệ thống, có chất lượng, phù hợp với yêu cầu về quy mô, mức độ, cấp độ tham gia của cơ quan báo chí. Tính chiến đấu, tính định hướng trong công tác tuyên truyền đối ngoại rõ nét hơn. Các cơ quan báo chí trung ương, địa phương tiếp tục đổi mới nội dung, hình thức đấu tranh chống lại các quan điểm sai trái, thù địch; kịp thời tuyên truyền về các sự kiện chính trị lớn của đất nước, các hoạt động hợp tác quốc tế; quảng bá hình ảnh đất nước ra nước ngoài.

Ban Tuyên giáo các cấp chủ trì cùng với một số cơ quan trung ương thực hiện biên soạn lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Campuchia.

Công tác lý luận chính trị đã tập trung vào việc triển khai Nghị quyết Trung ương 7, 8, 9. Thông báo Hội nghị Trung ương 10, 11, 12 và các chỉ thị, nghị quyết, thông báo các kết luận của Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy các cấp. Quan tâm chỉ đạo và xây dựng Trường Chính trị tỉnh và Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện, dần đáp ứng được yêu cầu quy hoạch và chuẩn hóa cán bộ cơ sở.

Ban Tuyên giáo các cấp, các ngành, đặc biệt là ở các thành phố lớn, đã nhạy bén hơn trong việc nắm bắt, xử lý thông tin, phản ánh toàn diện, có chọn lọc dư luận xã hội và diễn biến tâm trạng, tư tưởng của cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân. Kết quả nghiên cứu dư luận xã hội đã trở thành một trong những cơ sở khoa học cho các quyết định của cấp ủy đảng, chính quyền về những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Về báo chí - xuất bản, Ban Tuyên giáo Trung ương đã phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, Hội Nhà báo Việt Nam duy trì giao ban hằng tuần với Tổng Biên tập, Phó Tổng Biên tập các cơ quan báo chí, thực hiện giao ban hằng tháng đối với lãnh đạo các cơ quan chủ quản báo chí, chủ quản nhà xuất bản. Kịp thời định hướng nội dung tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, các sự kiện lớn của đất nước; đặc biệt là đối với những vấn đề, vụ việc phức tạp, nhạy cảm.

Đã ban hành cơ chế người phát ngôn của các bộ, ngành, địa phương và có cơ chế cơ quan chủ quản, báo chí, xuất bản. Báo chí, xuất bản đã đi đúng tôn chỉ, mục đích, giảm đáng kể sai sót về nội dung chính trị, tư tưởng, không chỉ tuyên truyền, cổ động mà còn nâng cao vai trò giám sát xã hội của báo chí.

Về văn hóa, văn nghệ, đã phối hợp với Hội đồng Lý luận, Phê bình văn học, nghệ thuật chủ động tham mưu chỉ đạo cuộc đấu tranh tư tưởng trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật. Theo sát tình hình văn hóa, văn nghệ; cải tiến, nâng cao chất lượng các báo cáo đánh giá, giao ban định kỳ, định hướng tư tưởng. Tổ chức thành công các hoạt động nghiên cứu, tập huấn, bồi dưỡng lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật, tạo hiệu ứng tích cực đối với văn nghệ sĩ. Từng bước tập hợp, đoàn kết lực lượng văn nghệ sĩ, gắn hoạt động văn hóa, văn nghệ với báo chí, xuất bản.

Về giáo dục và đào tạo, đã phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành tổng kết việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) từ cơ sở, triển khai thực hiện Thông báo Kết luận số 242-TB/TW về "Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 2, phương hướng phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2020". Kết luận số 242-KL/TW của Bộ Chính trị đã ghi nhận những kết quả đạt được, như: hệ thống giáo dục quốc dân được hoàn thiện hơn; quy mô giáo dục tăng nhanh; việc đổi mới chương trình, sách giáo khoa, giáo trình ở phổ thông dạy nghề và đại học đang được tích cực thực hiện; ngân sách nhà nước đầu tư cho Giáo dục tăng và đạt chỉ tiêu đề ra; đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục không ngừng phát triển. Tuy nhiên, Kết luận của Bộ Chính trị cũng chỉ rõ: chất lượng giáo dục còn thấp và không đồng đều giữa các vùng, miền; quan tâm đến phát triển số lượng nhiều hơn chất lượng; chương trình, giáo trình, phương pháp giáo dục chậm đổi mới, chậm hiện đại hóa.

Công tác quản lý giáo dục còn nhiều yếu kém và là nguyên nhân chủ yếu của nhiều yếu kém khác. Kết luận nêu rõ các nhiệm vụ, giải pháp cần thực hiện tốt để phát triển giáo dục đến năm 2020 là: nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, coi trọng giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên, mở rộng quy mô giáo dục hợp lý; đổi mới mạnh mẽ quản lý nhà nước đối với giáo dục và đào tạo; xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, đáp ứng yêu cầu về chất lượng; tiếp tục đổi mới chương trình, tạo chuyển biến mạnh mẽ về phương pháp giáo dục; tăng cường nguồn lực cho giáo dục; bảo đảm công bằng xã hội trong giáo dục; tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo.

Ngoài ra, Ban đã tiến hành nghiên cứu và đề xuất giải pháp về một số vấn đề bức xúc trong giáo dục và đào tạo, như: việc thành lập ồ ạt các trường đại học, xây dựng trường đại học đẳng cấp quốc tế, cổ phần hóa các trường đại học, hoạt động của các trường đại học ngoài công lập; du học bằng học bổng của các tổ chức phi chính phủ. Ban đã tỏ rõ lập trường: cần chấn chỉnh lại tình hình lệch lạc trong giáo dục - đào tạo, không tán thành việc thành lập ồ ạt các trường đại học, cổ phần hoá trường đại học công lập.

Về khoa học, công nghệ và môi trường, Ban Tuyên giáo Trung ương đã chủ trì phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Khoa học và Công nghệ triển khai hướng dẫn thực hiện Thông báo Kết luận số 234-TB/TW, ngày 1-4-2009, của Bộ Chính trị về báo cáo kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) về khoa học và công nghệ và nhiệm vụ, giải pháp phát triển khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2020. Tập trung tuyên truyền việc ứng dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất và đời sống. Tham mưu cho cấp ủy các cấp tổ chức thực hiện Chỉ thị số 29-CT/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 41-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa IX) về Bảo vệ môi trường trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, trong đó tập trung chỉ đạo giải quyết dứt điểm các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ gây ô nhiễm môi trường và chủ động tổ chức các hoạt động tuyên truyền phòng, chống lụt, bão, thiên tai, bảo vệ tài nguyên, môi trường. Chỉ đạo Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật các cấp, tăng cường củng cố tổ chức các Hội thành viên, mở rộng hoạt động, ngày càng thực hiện tốt hơn vai trò tập hợp, đoàn kết, phát huy năng lực của đội ngũ trí thức; tư vấn, phản biện và giám định xã hội các đề tài nghiên cứu khoa học.

Về các lĩnh vực chăm sóc sức khỏe nhân dân, dân số, gia đình, thể thao, Ban Tuyên giáo Trung ương đã tiến hành nhiều hoạt động nghiên cứu chính sách và tham mưu để bảo đảm xây dựng nền y tế theo định hướng công bằng, hiệu quả và phát triển. Ban đã phối hợp với Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật lấy ý kiến chuyên gia và tham gia thẩm định Đề án

“Đổi mới cơ chế hoạt động, cơ chế tài chính (trong đó có tiền lương và giá dịch vụ y tế) đối với các đơn vị sự nghiệp y tế công lập" của Ban Cán sự đảng Chính phủ trình Bộ Chính trị. Về đề án trên, Bộ Chính trị đã thảo luận và ban hành Kết luận số 42-KL/TW, ngày 1-4-2009, trong đó chỉ rõ những định hướng quan trọng của cơ chế tài chính y tế[138]. Ban đã phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Y tế tiến hành sơ kết ba năm thực hiện các nghị quyết của Bộ Chính trị về y tế và dân số và báo cáo Bộ Chính trị. Ngày 1-4-2009, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 43- KL/TW về các vấn đề này. Ban đã phối hợp với Ban Cán sự đảng Bộ Y tế và Ban Các sự đảng Bảo hiểm xã hội Việt Nam kiến nghị Ban Bí thư ban hành Chỉ thị số 38 -CT/TW về đẩy mạnh công tác bảo hiểm y tế trong tình hình mới - một chính sách xã hội quan trọng, một phương thức tạo nguồn tài chính mang tính công bằng, nhân đạo trong lĩnh vực bảo vệ và chăm sóc sức khoẻ nhân dân; phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo công tác truyền thông dân số - kế hoạch hoá gia đình, tuyên truyền phổ biến Luật Bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em; Luật Hôn nhân và gia đình; Luật Phòng, chống bạo lực gia đình. Tham mưu cho cấp ủy chỉ đạo phong trào "Rèn luyện thân thể theo gương Bác Hồ vĩ đại", tiến hành Đại hội Thể dục thể thao các cấp, các hoạt động thể thao quốc tế, khu vực: Đại hội Thể thao châu Á trong nhà lần thứ III (lần đầu tiên tổ chức tại Việt Nam) và tham dự SEA Games 25 tại Lào.

Về Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", Ban Tuyên giáo các cấp là cơ quan thường trực đã giúp Ban Chỉ đạo Cuộc vận động tập trung triển khai bốn nội dung lớn: xây dựng kế hoạch thực hiện Cuộc vận động năm 2009, sơ kết hai năm thực hiện Cuộc vận động gắn với 40 năm thực hiện *Di chúc* của Bác Hồ; tổ chức học tập chuyên đề "Về nâng cao ý thức trách nhiệm, hết lòng, hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân"; kiểm tra việc thực hiện các nội dung Cuộc vận động của các cấp ủy Đảng; tập trung tuyên truyền biểu dương những gương điển hình trong học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Ngày 14-2-2009, Ban Chỉ đạo Trung ương Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" đã tổ chức Hội nghị sơ kết 2

---

[138] Tại Kết luận số 42-KL/TW, Bộ Chính trị đã tán thành các quan điểm, mục tiêu nêu trong Đề án, đồng thời nhấn mạnh: Hệ thống y tế công lập phải giữ vai trò chủ đạo, đặc biệt trong việc giữ vững định hướng công bằng hiệu quả, phát triển và bảo đảm an sinh xã hội; bảo đảm tăng tỷ trọng chi ngân sách nhà nước hằng năm cho sự nghiệp y tế với tốc độ tăng chi cho y tế cao hơn tốc độ tăng chi bình quân chung của ngân sách nhà nước; đổi mới cơ chế tài chính trong các đơn vị sự nghiệp y tế công lập gắn với việc thực hiện lộ trình tiến tới bảo hiểm y tế toàn dân, đồng thời theo hướng tính đúng, tính đủ chi phí dịch vụ y tế. Bộ Chính trị cũng yêu cầu phải tổng kết và có kết luận về việc đầu tư dưới dạng góp vốn với mọi hình thức trong các cơ sở y tế công lập; khắc phục các khuynh hướng biến bệnh viện công thành bệnh viện tư dưới mọi hình thức, khắc phục những hạn chế do việc thực hiện cơ chế tự chủ hoàn toàn về tài chính trong ngành Y tế; cần có cơ chế, chính sách quản lý, giám sát chặt chẽ để tránh sự lạm dụng kỹ thuật, dịch vụ y tế, thuốc men đối với người bệnh…

năm (2007-2008) và đầu năm 2010 tiến hành tổng kết ba năm thực hiện, nhằm đánh giá những mặt đã làm được, những hạn chế yếu kém, rút ra bài học kinh nghiệm để khẳng định quyết tâm và định hướng cho những năm tới, trước hết là năm còn lại của nhiệm kỳ Đại hội X. Hội nghị đã biểu dương nhiều điển hình, cá nhân và tập thể làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Cuộc vận động được triển khai thực hiện sâu rộng trong cả hệ thống chính trị và toàn xã hội, làm cho toàn Đảng, toàn dân nhận thức sâu sắc hơn về những nội dung cơ bản và giá trị to lớn của tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, tạo được những chuyển biến quan trọng về nhận thức, ý thức rèn luyện, tư tưởng đạo đức, lối sống và bước đầu làm theo trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Bên cạnh những mặt đã làm được, việc triển khai Cuộc vận động cũng bộc lộ một số hạn chế, yếu kém: việc triển khai chưa đều, hiệu quả chưa cao; kết quả chuyển biến về nhận thức trong mỗi cán bộ, đảng viên, công chức chưa đồng đều. Kết quả "làm theo" còn chưa thực sự rõ nét; chuyển biến về hành động chưa mạnh, chưa đều, nhất là chống tham nhũng, lãng phí, các gương điển hình được phát hiện còn ít; công tác tuyên truyền còn nhiều hạn chế, chưa thường xuyên, liên tục, chưa đủ độ sâu, phong phú và đa dạng, v.v..

Nhìn chung, trong năm 2009, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, toàn Ngành Tuyên giáo đã cố gắng vươn lên, tiếp tục đổi mới, triển khai có chất lượng các hoạt động tham mưu mang tầm chiến lược, đồng thời chủ động, nhạy bén hơn trong việc tham mưu giải quyết các vấn đề bức xúc, nổi cộm.

Ban Tuyên giáo các cấp đã hoàn thành nhiều đề án do Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, cấp ủy các ban, bộ, ngành và cấp ủy các địa phương giao. Chuẩn bị kỹ hơn, bài bản hơn về những đề án mới, khó và phức tạp. Tham mưu cho cấp ủy ban hành một khối lượng lớn văn bản chỉ đạo. Chủ trì nghiên cứu một số chuyên đề phục vụ chuẩn bị dự thảo văn kiện đại hội đảng các cấp được cấp ủy các cấp định giá cao.

Nghiên cứu tình hình tư tưởng trong Đảng và trong xã hội, chủ động và nhạy bén hơn trong việc đề xuất phương hướng, nhiệm vụ, nội dung, giải pháp xử lý các vấn đề nổi cộm, bức xúc mới nảy sinh, góp phần sớm ổn định tư tưởng, ổn định tình hình, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội.

Ban Tuyên giáo Trung ương và Ban Tuyên giáo các tỉnh ủy, thành ủy (nhất là các tỉnh biên giới, các tỉnh ở Tây Nguyên, vùng ven biển) chủ động đề xuất và xin ý kiến cấp ủy để định hướng thông tin, tuyên truyền về một số vấn đề nhạy cảm, phức tạp. Trực tiếp tìm hiểu nguyên nhân và tham gia giải quyết nhiều cuộc biểu tình, khiếu kiện đông người vượt cấp (chủ yếu liên quan đến chuyển đổi mục đích sử dụng đất, giải tỏa, đền bù giải phóng mặt bằng và đất có nguồn gốc tôn giáo), các khiếu kiện, đình

công, bãi công của công nhân trong các doanh nghiệp, nhà máy (đặc biệt là trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài). Tham mưu và tham gia giải quyết các vấn đề dư luận mà nhân dân quan tâm, như: tham nhũng lãng phí, ô nhiễm môi trường, tệ nạn xã hội, vệ sinh an toàn thực phẩm, an ninh, trật tự, sản xuất kinh doanh kém hiệu quả, gian lận thương mại, kỷ cương hành chính; một số hạn chế, bất cập trong thực hiện xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục - đào tạo; y tế; văn hóa, thể thao…

Ban Tuyên giáo Trung ương đã tiến hành thẩm định, góp ý một khối lượng lớn đề án, văn bản trên nhiều lĩnh vực, được các cơ quan đảng, nhà nước, mặt trận, đoàn thể, các cơ quan báo chí, xuất bản các cấp trân trọng và đánh giá tốt, được dư luận xã hội đồng tình. Việc thẩm định đã chú trọng đi sâu phân tích, đánh giá tác động, ảnh hưởng của văn bản, đến các đối tượng, các mặt của đời sống xã hội, nhất là các dự án, đề án thuộc các lĩnh vực: xây dựng, điều chỉnh địa giới hành chính, các công trình trọng điểm, ban hành chính sách mới, nhạy cảm có tác động trực tiếp đến tư tưởng đời sống, môi trường sinh thái, đất đai, nhà ở, di tích lịch sử, văn hóa, tín ngưỡng, dân tộc, tôn giáo...

Hệ thống tuyên giáo từ trung ương đến địa phương đã giúp cấp ủy các cấp tổ chức tốt hơn việc triển khai nghiên cứu, quán triệt và cụ thể hóa các nghị quyết chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy các cấp. Công tác kiểm tra đánh giá, sơ kết, tổng kết các nghị quyết, chỉ thị được coi trọng, tiến hành thường xuyên và có kết quả hơn.

Sự phối hợp giữa Ban Tuyên giáo với các cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng về các lĩnh vực tuyên giáo có nhiều khởi sắc, bước đầu mang lại hiệu quả. Việc tham mưu để Ban Bí thư ban hành Quy định số 221-QĐ/TW về việc phối hợp giữa Ban Tuyên giáo với cơ quan quản lý nhà nước cùng cấp trong việc tuyên truyền phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết những vấn đề bức xúc của nhân dân là đổi mới có ý nghĩa sâu sắc đối với toàn ngành.

Công tác cung cấp thông tin, bồi dưỡng, tập huấn cán bộ có chuyển biến tích cực. Sau nhiều năm gián đoạn, năm 2009, Ban Tuyên giáo Trung ương đã mở được lớp bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ tuyên giáo cấp tỉnh, cấp huyện và các lớp tập huấn, bồi dưỡng lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, hoạt động thực tiễn văn học, nghệ thuật các tỉnh, thành phố trong cả nước. Toàn ngành đã coi trọng và đẩy mạnh việc cung cấp thông tin cho cán bộ trong ngành, đảng viên và nhân dân. Biên soạn nhiều tài liệu học tập chỉ thị, nghị quyết, tài liệu tuyên truyền trên nhiều lĩnh vực; cung cấp thông tin qua hội nghị, hội thảo, báo, tạp chí, bản tin phát hành định kỳ của Ngành

với một số lượng rất lớn tin, bài. Nhiều địa phương có đông đồng bào dân tộc thiểu số đã nâng cao chất lượng, tăng số lượng tin, bài bằng tiếng, chữ viết dân tộc thiểu số.

Mặc dù có nhiều cố gắng, song đối chiếu với yêu cầu, nhiệm vụ, toàn ngành cũng bộc lộ những yếu kém, hạn chế cần khắc phục. Đó là: Công tác dự báo, nắm bắt phản ánh tình hình tư tưởng, tâm trạng xã hội chưa kịp thời. Chất lượng một số văn bản tham mưu cho Bộ Chính trị, Ban Bí thư và cấp ủy các cấp còn hạn chế, một số kiến nghị chưa đúng tầm, ít giá trị. Việc triển khai chương trình hành động và kiểm tra việc cụ thể hóa các chủ trương, đường lối của Đảng trên các lĩnh vực công tác tuyên giáo nhìn chung còn chậm. Chưa huy động được sức mạnh tổng hợp trong tuyên truyền, đấu tranh phản bác những quan điểm sai trái, luận điệu xuyên tạc, phản động của các thế lực thù địch. Tình trạng thụ động, các bài viết thiếu sắc bén, sức thuyết phục chưa cao chậm được khắc phục. Công tác giáo dục lý luận chính trị còn nhiều vấn đề phải tiếp tục quan tâm. Công tác lãnh đạo, phối hợp trong chỉ đạo, quản lý báo chí, xuất bản, văn học, nghệ thuật còn một số mặt hạn chế, có nơi, có lúc hiệu lực, hiệu quả chưa cao. Kết quả tuyên truyền, chỉ đạo thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Đảng trong các lĩnh vực khoa giáo chưa cao: môi trường ô nhiễm nặng; thực phẩm bẩn tràn lan; chất lượng giáo dục, chất lượng khám chữa bệnh còn thấp; công tác xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục, y tế, thể dục thể thao còn nhiều vấn đề cần phải quan tâm giải quyết. Công tác tuyên truyền, chỉ đạo triển khai cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" chưa đều, chưa thường xuyên.

Trong năm 2010, đất nước sẽ diễn ra các sự kiện trọng đại: Kỷ niệm 80 năm ngày thành lập Đảng; 35 năm giải phóng miền Nam thống nhất đất nước; 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh; 65 năm ngày thành lập nước; 1000 năm Thăng Long - Hà Nội; Đại hội đảng các cấp, tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng; 80 năm xây dựng và phát triển Ngành Tuyên giáo; là năm toàn Ngành Tuyên giáo phải triển khai một khối lượng công việc rất lớn trong điều kiện đất nước vừa thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế và còn nhiều khó khăn, tình hình khu vực và thế giới còn nhiều diễn biến phức tạp. Trước thềm Đại hội XI của Đảng, sự chống phá của các thực thù địch sẽ quyết liệt hơn; trong Đảng, trong xã hội sẽ xuất hiện những tư tưởng, ý kiến khác nhau xoay quanh nội dung các văn kiện đại hội và chuẩn bị nhân sự, v.v. Đây là sự thách thức lớn đối với bản lĩnh, phẩm chất, năng lực của những người làm công tác tuyên giáo.

Năm 2010, toàn Ngành Tuyên giáo tập trung tuyên truyền cổ vũ, động viên toàn Đảng, toàn dân, toàn quân phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng; tập trung cao độ, phấn đấu hoàn thành 9

chương trình công tác lớn thực hiện Nghị quyết Đại hội X trên lĩnh vực tuyên giáo; tích cực tham gia chuẩn bị và phục vụ đại hội đảng các cấp, tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI; tuyên truyền sâu, đậm nét các ngày kỷ niệm lớn, tạo ra không khí phấn khởi, tăng cường sự thống nhất tư tưởng trong Đảng, sự đồng thuận cao trong xã hội. Nhiều chương trình hoạt động của Ngành như chỉ đạo tuyên truyền Cuộc vận động "Người Việt nam dùng hàng Việt Nam"; giải thưởng "Doanh nghiệp hoạt động và phát triển"; "Doanh nhân Việt Nam với Hoa Lư – Thăng Long - Hà Nội 1000 năm xây dựng và phát triển bền vững"; "Thi tìm hiểu Truyền thống 80 năm Ngành Tuyên giáo"; "Chương trình tuyên truyền phòng chống HIV/AIDS" v.v..

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương lần thứ 12 (khoá X) đã thông qua Dự thảo Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011); Dự thảo Báo cáo chính trị, Dự thảo Chiến lược kinh tế xã hội 2011-2020; Báo cáo tổng kết thi hành Điều lệ Đảng và Phương hướng công tác nhân sự Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XI, v.v..

Sau Hội nghị Trung ương lần thứ 12, Ban Tuyên giáo Trung ương đã thông báo nhanh kết quả Hội nghị cho cán bộ ngành Tuyên giáo và các cơ quan trung ương chỉ đạo các phương tiện thông tin đại chúng tuyên truyền đại hội đảng các cấp; hướng dẫn việc lấy ý kiến góp ý dự thảo các văn kiện Đại hội XI ở đại hội đảng các cấp, cán bộ và nhân dân. Việc đưa công khai dự thảo các văn kiện Đại hội XI của Đảng để lấy kiến rộng rãi trong Đảng và xã hội thực sự là đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn, dân chủ, tự do tư tưởng.

Nhìn tổng quát giai đoạn 1986-2010 là giai đoạn cách mạng sôi động, một bước ngoặt lịch sử, quyết định sự phát triển của đất nước. Công tác tuyên giáo trong giai đoạn này đã kịp thời đổi mới để cùng với toàn Đảng hình thành đường lối, chính sách đổi mới toàn diện đất nước; đồng thời đưa đường lối, chính sách đổi mới đến với quần chúng tạo không khí dân chủ, đổi mới trong toàn xã hội. Việc đổi mới được tiến hành có nguyên tắc, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đấu tranh chống lại các tư tưởng bảo thủ, dân chủ cực đoan, bi quan, dao động và làm thất bại âm mưu "Diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch, để bảo vệ Đảng, bảo vệ thành quả của cách mạng.

Công tác tuyên giáo đã thực hiện mở rộng dân chủ, tự do tư tưởng, tăng cường đối thoại, lắng nghe dư luận xã hội, v.v.. để đánh giá tình hình tư tưởng một cách khoa học, khách quan, trung thực, giúp trung ương có cơ chế chính sách phù hợp với nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Đã nắm bắt nhanh, kịp thời những sự kiện, sự việc nổi cộm có tác động đến

tư tưởng cán bộ nhân dân, những vấn đề tư tưởng trong đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ để có giải pháp xử lý, ổn định tình hình.

Sự nghiệp đổi mới thành công, ổn định chính trị xã hội được bảo đảm, vị thế Việt Nam được nâng cao trên thế giới có công sức đóng góp rất quan trọng của công tác tuyên giáo, trong đó có vai trò của cấp uỷ các cấp đảng viên trong toàn Đảng, trực tiếp là đội ngũ cán bộ công tác tuyên giáo của Đảng.

Phần thứ hai

THÀNH TỰU VÀ BÀI HỌC 80 NĂM CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO

I. MỘT SỐ THÀNH TỰU CHỦ YẾU

1. Ngành tuyên giáo đã có có nhiều đóng góp quan trọng trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ và xây dựng đất nước.

Ngay từ năm 1930, công tác tuyên giáo đã tích cực tham gia vào việc thành lập Đảng và lãnh đạo giành chính quyền. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc là người cộng sản Việt Nam đầu tiên đã truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, trực tiếp tuyên truyền, giáo dục cán bộ, chuẩn bị về chính trị, tư tưởng và tổ chức để đi đến thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam. Các tác phẩm: *Bản án chế độ thực dân Pháp, Đường Kách mệnh,* các tờ báo do Người sáng lập như báo *Người cùng khổ,* báo *Thanh niên,* là những tài liệu có tác dụng thức tỉnh lòng yêu nước của người dân Việt, chỉ rõ con đường cách mạng đúng đắn phải theo, có sức cuốn hút mạnh mẽ đối với tầng lớp trí thức tiến bộ và những người tiên tiến trong giai cấp công nhân và nhân dân lao động lúc bấy giờ, chỉ ra xu thế tất yếu của dân tộc và thời đại, đó là con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội: "chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ"[139].

Những cán bộ đầu tiên được Nguyễn Ái Quốc đào tạo đã trở thành những chiến sĩ cộng sản, ra sức truyền bá chủ nghĩa Mác- Lênin vào Việt Nam, đẩy lùi các khuynh hướng cải lương và dân tộc hẹp hòi của các đảng phái tư sản và tiểu tư sản, đấu tranh chống lại các khuynh hướng "tả" và "hữu" để "gây dựng lên một nền tư tưởng Bônsêvích", làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin giữ vị trí chủ đạo trong đời sống xã hội. Cùng với việc truyền bá mạnh mẽ chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, những người được giác ngộ chủ nghĩa Mác - Lênin đầu tiên đã lăn lộn vào phong trào quần chúng, tổ chức, cổ vũ quần chúng đấu tranh với địch đòi quyền dân sinh, dân chủ, từ đấu tranh kinh tế sang đấu tranh chính trị để giác ngộ quần chúng công nông, chuẩn bị điều kiện để thành lập các tổ chức tiền thân của Đảng. Từ ngày 6-1 đến ngày 7-2-1930, Hội nghị hợp nhất ba tổ chức Cộng sản được tổ chức tại Hương Cảng, Trung Quốc, dưới sự chủ trì của đồng chí Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị nhất trí thành lập một đảng thống nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong thời kỳ Mặt trận dân chủ, công tác tuyên giáo đã góp phần quan trọng tạo ra một cao trào cách mạng sôi nổi, là cuộc tổng diễn tập thứ hai cho thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám về sau. Công tác tuyên giáo đã gắn chặt với mục tiêu, nhiệm vụ chính trị trong thời kỳ này, đấu tranh cho

---

[139] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Sđd, t.10, tr. 128.

tự do, dân chủ, cải thiện đời sống và hoà bình, chống phản động thuộc địa, chống phát xít và chiến tranh. Công tác tư tưởng đã gắn chặt với công tác tổ chức và lãnh đạo quần chúng trong các đợt đấu tranh chống các khuynh hướng sai lầm: cô độc, hẹp hòi, bảo thủ, rụt rè, thoả hiệp vô nguyên tắc trong việc thực hiện chính sách mặt trận. Công tác tư tưởng cũng đã liên tục tố cáo tội ác và thủ đoạn lừa bịp của địch và bè lũ tay sai, chống lại những luận điệu xuyên tạc, chia rẽ của bọn tờrốtkít. Trong thời kỳ này, Đảng triệt để lợi dụng khả năng hợp pháp để mở rộng công tác tuyên truyền cổ động, giáo dục, truyền bá chữ quốc ngữ trong quần chúng, tổ chức các cuộc hội họp, mít tinh, vận động tranh cử, xuất bản và phát hành sách báo công khai, tạo điều kiện cho chủ trương, đường lối của Đảng đi vào quần chúng rộng rãi, góp phần thúc đẩy sự phát triển của văn hoá dân tộc, cổ vũ mạnh mẽ khí thế của phong trào cách mạng, tập hợp đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ tiến bộ tham gia vận động cách mạng.

Công tác tuyên giáo trong thời kỳ 1939-1945 đã gắn chặt và phục vụ thiết thực cho cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc oanh liệt và thắng lợi rất vẻ vang của nhân dân ta. Nó phát huy cao độ lòng yêu nước và truyền thống đoàn kết, anh hùng bất khuất của dân tộc ta, cổ vũ nhân dân nổi dậy tự giải phóng mình khỏi ách nô lệ của thực dân và bè lũ tay sai. Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám 1945 là thắng lợi của chủ nghĩa Mác - Lênin và đường lối độc lập, tự chủ đầy sáng tạo của cách mạng Việt Nam. Đồng thời, cũng là thành tựu to lớn của công tác tuyên giáo trong việc giáo dục và vận động cách mạng, biến chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chủ trương, đường lối của Đảng thành phong trào cách mạng của quần chúng trong quá trình đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc khỏi ách áp bức của thực dân, phong kiến.

Sau khi giành được chính quyền, trong các năm 1945-1946, công tác tuyên giáo tập trung giáo dục ý chí kiên cường, bất khuất, quyết tâm bảo vệ thành quả cách mạng, giữ vững lời thề "Quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập", làm cho nhân dân tin tưởng vào sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của chính quyền cách mạng và Mặt trận Việt Minh, sẵn sàng làm mọi việc để bảo vệ độc lập, tự do cho dân tộc; cổ vũ nhân dân thực hiện ba nhiệm vụ lớn: diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm. Ngay sau khởi nghĩa, Bộ Tuyên truyền được thành lập, tiếp quản các cơ sở tuyên truyền, báo chí của chế độ cũ. Đài phát sóng Bạch Mai, Đài Phát thanh Tiếng nói Việt Nam ra đời và hoạt động từ ngày 7-9-1945. Việt Nam thông tấn xã cũng được thành lập để cung cấp tin cho các cơ quan lãnh đạo và phục vụ công tác tuyên truyền. Báo *Cờ giải phóng* của Đảng, báo *Cứu quốc* của Mặt trận Việt Minh, báo *Lao động* của Hội công nhân cứu quốc, báo *Tiếng gọi phụ nữ* của Hội phụ nữ cứu quốc, báo *Hồn nước* của Đoàn thanh niên cứu quốc, báo *Độc lập* của Đảng Dân chủ, đã được phát hành công khai, rộng

rãi. Trên cả nước, khắp nơi tổ chức các cuộc mít tinh, các buổi nói chuyện về việc thành lập Chính phủ cách mạng, chính quyền địa phương và nhiệm vụ công tác trước mắt. Công tác tuyên truyền đã liên tục tố cáo những âm mưu và tội ác của thực dân Pháp ở miền Nam, khơi sâu lòng căm thù và ý chí chống xâm lược, ủng hộ đồng bào miền Nam kháng chiến. Các tỉnh đều có những cuộc mít tinh, biểu tình, biểu dương lực lượng chống thực dân Pháp xâm lược. Các tỉnh miền Bắc và Bắc Trung Bộ có nhiều hình thức động viên phong phú để quyên góp thuốc men, quần áo, vũ khí chi viện cho cuộc kháng chiến ở miền Nam. Hàng vạn thanh niên nô nức tham gia tòng quân, xung phong "Nam tiến".

Ở Nam Bộ, công tác tuyên truyền đã được tiến hành sâu rộng nhằm nâng cao quyết tâm chiến đấu bảo vệ thành quả cách mạng. Ở Sài Gòn, Chợ Lớn, vào chiều 23-9-1945, chính quyền cách mạng vận động đồng bào tổng đình công, không hợp tác với giặc, lập các công sự, tổ chức cuộc chiến đấu trong thành phố bằng các vũ khí có sẵn.

Sau ngày 25-11-1945, công tác tuyên truyền tập trung vào nhiệm vụ chủ yếu trước mắt là củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân. Công tác tuyên truyền vận động bầu cử thực sự là một cuộc đấu tranh gay gắt chống lại sự phá hoại của quân đội Tưởng và bọn tay sai Việt quốc.

Sau ngày 19-12-1946, công tác tuyên giáo tập trung tuyên truyền những khẩu hiệu: *toàn dân đoàn kết, kháng chiến lâu dài; liên hiệp dân Pháp, đánh thực dân Pháp! Bảo toàn lãnh thổ, giữ vững chủ quyền; đánh đổ chính quyền bù nhìn; củng cố cộng hoà dân chủ! Việt Nam nhất định độc lập; Trung Nam Bắc nhất định thống nhất!*

Trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp, sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, vận động trí thức. Ngày 25-11-1945, Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị về *kháng chiến kiến quốc*, đã xác định nhiệm vụ tổ chức bình dân học vụ, xoá nạn mù chữ, phát triển nền giáo dục quốc dân, chống văn hoá nô dịch thực dân, xây dựng nền văn hoá mới với ba nguyên tắc: khoa học hoá, đại chúng hoá, dân tộc hoá. Công tác tuyên huấn đã động viên phong trào thi đua yêu nước diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm. Theo sáng kiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ngày 2-3-1948, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị phát động phong trào thi đua ái quốc trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân với mục đích: "diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm".

Công tác tuyên truyền cổ động trong thời gian này tập trung nêu cao ý nghĩa của chiến thắng Việt Bắc, phổ biến *Lời kêu gọi* ngày 19-12-1946 của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chống tư tưởng chủ quan, khinh địch, vạch trần âm mưu lập chính quyền bù nhìn Bảo Đại của thực dân Pháp, cổ vũ

cho phong trào thi đua yêu nước trên mọi lĩnh vực kháng chiến, kiến quốc. Tuyên truyền rộng rãi nội dung của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II của Đảng được tiến hành trong tháng 2-1951.

Chiến thắng Điện Biên Phủ là mốc son chói lọi trong lịch sử chống quân xâm lược của dân tộc ta. Công tác tuyên giáo đã góp phần quan trọng làm nên chiến công đó.

Trong suốt 21 năm (1954-1975) xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, công tác tuyên giáo đã thành công trong việc bồi dưỡng chí quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ.

Đảng ta lãnh đạo công tác tuyên giáo thực hiện cuộc vận động chính trị to lớn nhằm quán triệt hai nhiệm vụ chiến lược là cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam. Với ý chí "Không có gì quý hơn độc lập, tự do", Đảng đã lãnh đạo nhân dân thực hiện cuộc chiến tranh nhân dân, phát huy tinh thần yêu nước của toàn dân tộc, tranh thủ tối đa sự ủng hộ của nhân dân thế giới, tạo ra sức mạnh tổng hợp để đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược. Trong từng giai đoạn của cuộc cách mạng, công tác tuyên giáo đã góp phần vào việc xác định mục tiêu chính trị, định hướng cho hành động gắn liền với những sự kiện lớn như Hiệp định Giơnevơ năm 1954, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (1959), phong trào Đồng khởi ở miền Nam (1959-1960), cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, Hiệp định Pari năm 1973... Công tác tuyên giáo đã tập trung vào việc tạo nên sự nhất trí về chính trị, tinh thần của toàn xã hội. Phát hiện và uốn nắn những lệch lạc trong nhân dân. Chống sự phá hoại về mặt tư tưởng của các lực lượng thù địch, chống chiến tranh tâm lý, chống văn hoá nô dịch, phê phán lối sống đồi trụy của Mỹ - ngụy. Kết hợp giáo dục chính trị, động viên kịp thời, phát động tư tưởng đi liền với tổ chức nhằm tập hợp rộng rãi tất cả mọi người dân yêu nước, mọi lực lượng tiến bộ trên thế giới và ngay cả ở nước Mỹ; tạo sự đồng tình ủng hộ cả về vật chất và tinh thần của các nước trong phe xã hội chủ nghĩa anh em để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Ở miền Bắc, công tác tuyên giáo đã góp phần động viên nhân dân ra sức khôi phục và phát triển kinh tế, xây dựng hậu phương lớn xã hội chủ nghĩa. Cổ vũ những điển hình xuất sắc trên một số lĩnh vực chủ yếu được các ngành, các đoàn thể tổng kết, trở thành ngọn cờ tiêu biểu của phong trào thi đua như: Gió Đại Phong, Sóng Duyên Hải, Tiếng trống Bắc Lý, "Cờ ba nhất", v.v.. Nhiều lĩnh vực trong công tác tuyên giáo ở miền Bắc đã được phát triển mạnh mẽ, có quy mô lớn, đặc biệt là giáo dục và y tế trở thành hai bông hoa tiêu biểu của chế độ mới.

Ở miền Nam, công tác tuyên giáo khơi dậy lòng căm thù giặc, bồi dưỡng lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần dũng cảm, đức hy sinh, tạo nên phong trào thi đua giết giặc lập công rộng khắp toàn miền. Tiêu biểu là các phong trào "Tìm Mỹ mà diệt", phấn đấu trở thành "Dũng sĩ diệt Mỹ", "Dũng sĩ diệt cơ giới", "Dũng sĩ diệt máy bay", "Năm xung phong" trong phong trào của thanh niên, "Đội quân tóc dài" trong phong trào của phụ nữ… Công tác tuyên truyền đã phổ biến kinh nghiệm giành và giữ quyền làm chủ ở nông thôn, kinh nghiệm xây dựng làng, xã chiến đấu, thực hiện khẩu hiệu: "Dân bám đất; cán bộ, đảng viên bám dân; du kích, bộ đội bám giặc", đồng bào miền Nam "một tấc không đi, một ly không rời" để giữ nhà, giữ ấp, giữ làng. Nhận được sự chi viện của miền Bắc, nhân dân miền Nam đã vùng lên khởi nghĩa, đánh bại các chiến lược "Chiến tranh một phía", "Chiến tranh đặc biệt", "Chiến tranh cục bộ", "Việt Nam hoá chiến tranh" của Mỹ, tiến tới Đại thắng mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Sau khi đất nước đã thống nhất, công tác tuyên giáo tập trung tuyên truyền, giáo dục nhằm phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, truyền thống yêu nước trong chiến tranh thành sức mạnh mới trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong hoàn cảnh đất nước vừa trải qua 30 năm chiến tranh với những hậu quả để lại hết sức nặng nề, công tác tuyên giáo đã tập trung động viên các tầng lớp nhân dân nêu cao quyết tâm vượt qua thử thách, nhanh chóng thực hiện thống nhất đất nước về mặt nhà nước, xây dựng hệ thống chính trị thống nhất trong cả nước; cổ vũ khí thế phấn đấu nhanh chóng khắc phục hậu quả chiến tranh, đánh thắng hai cuộc chiến tranh ở hai đầu biên giới, từng bước xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật ban đầu quan trọng của đất nước, tạo điều kiện cho các bước phát triển tiếp theo.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (tháng 12-1986), Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước. Công tác tuyên giáo của Đảng đã góp phần hình thành và từng bước phát triển hệ thống lý luận, đưa đường lối đổi mới đi vào cuộc sống, mở rộng dân chủ, khơi dậy sự sáng tạo của mọi ngành, mọi địa phương, của các tầng lớp nhân dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp của dân tộc để có những thành tựu quan trọng về kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại.

Trong 10 năm đầu của thế kỷ XXI, công tác tuyên giáo đã dồn sức tuyên truyền, giáo dục cán bộ, nhân dân về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội, về hội nhập quốc tế, mở rộng quan hệ đối ngoại lên tầm cao mới… Sự kiện Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO (11-1-2007) và Ủy viên không thường trực của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (nhiệm kỳ 2008-2009) đã khẳng định Việt Nam hội nhập ngày càng sâu vào quá trình toàn cầu hóa, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế ngày càng được nâng cao.

Việc đất nước vững vàng vượt lên thách thức, khắc phục cuộc khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu năm 2008-2009 đã thể hiện thế và lực mới của Việt Nam. Những "thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử" của gần 25 năm đổi mới đã khẳng định: đó là công lao của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, trong đó ngành tuyên giáo đã góp phần quan trọng, như là một trong những chiến sĩ tiên phong của mặt trận tư tưởng, lý luận của Đảng.

2. Cung cấp những luận cứ khoa học, góp phần hình thành hệ thống các luận điểm mới trong đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Trong những năm qua, việc nghiên cứu khoa học, nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn nhằm xây dựng các luận cứ cho việc hình thành chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta của Ngành Tuyên giáo có nhiều tiến bộ và đóng góp quý giá.

Công tác lý luận chính trị đã nghiên cứu, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam, giải quyết đúng đắn những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam trong mỗi giai đoạn phát triển.

Trong sự nghiệp đổi mới, công tác tư tưởng, lý luận của Đảng đã cung cấp nhiều luận cứ khoa học cho việc xây dựng, bổ sung và phát triển đường lối đổi mới của Đảng; góp phần tăng cường sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội. Chất lượng, hiệu quả của công tác lý luận được nâng cao một bước. Các cấp uỷ đảng đã coi trọng việc tuyên truyền, giáo dục ý thức nâng cao cảnh giác cách mạng, vạch trần các thủ đoạn phá hoại về tư tưởng, góp phần làm thất bại một bước chiến lược "diễn biến hòa bình" của các thực thù địch.

Nhờ có những kết quả của công tác lý luận, nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Đảng và nhân dân Việt Nam ngày càng sáng tỏ hơn. Hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới đã hình thành trên những nét cơ bản và đang được kiểm chứng trong thực tiễn.

Dư luận xã hội là một trong những phương thức thể hiện tâm tư, ý chí và nguyện vọng của nhân dân. Mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước ta đều xuất phát từ lợi ích của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Vì vậy, ngay từ khi mới được thành lập Đảng ta đã rất coi trọng việc nắm bắt dư luận xã hội. Trước đây, việc nắm bắt dư luận xã hội được tiến hành theo các phương pháp truyền thống: cán bộ, đảng viên thâm nhập vào quần chúng, lắng nghe ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của quần chúng, sau đó phản ánh với tổ chức đảng, chính quyền; trên cơ sở đó, tổ chức đảng, chính quyền có các báo cáo tổng hợp, phân tích, đánh giá tình hình, đề ra các nhiệm vụ, việc làm cụ thể nhằm hiện thực hóa những suy nghĩ, nguyện vọng

chính đáng của quần chúng hoặc đề ra các giải pháp thông tin, tuyên truyền, định hướng dư luận quần chúng trong trường hợp dư luận quần chúng thiếu chuẩn xác.

Năm 1982, Ban Bí thư đã ra Quyết định số 02-QĐ/TW, ngày 15-7-1982 thành lập Viện Nghiên cứu Dư luận xã hội trực thuộc Ban Tuyên huấn Trung ương. Trải qua quá trình phát triển, đến nay Viện Nghiên cứu dư luận xã hội của Ban Tuyên giáo Trung ương đã có nhiều đóng góp, đã tiến hành điều tra xã hội học giúp các cơ quan lãnh đạo của Đảng, Nhà nước nắm được tình hình tư tưởng, tâm tư, tình cảm, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân, có căn cứ khoa học chuẩn bị cho việc ban hành các chỉ thị, nghị quyết, cơ chế, chính sách và kiểm tra kết quả thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, cơ chế, chính sách.

Khoa học xã hội, nghiên cứu lý luận đã cung cấp những luận cứ khoa học góp phần khẳng định, vận dụng, bổ sung và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay: khẳng định độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; lý luận về xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, coi đây là mô hình kinh tổng quát của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; con đường và bước đi của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; lý luận về Đảng và xây dựng Đảng trong diều kiện mới; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân và vì dân; lý luận về xây dựng và phát triển nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, khẳng định văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội; lý luận về xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc mà nền tảng là liên minh công nhân - nông dân - trí thức; lý luận về nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân với lực lượng vũ trang nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; lý luận về nền ngoại giao độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá với tinh thần Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển, không ngừng mở rộng các quan hệ đối ngoại, nâng cao uy tín và vị thế của Việt Nam trên cường quốc tế, v.v.. Những luận cứ khoa học đó đã góp phần quan trọng vào việc luận giải ngày càng sáng tỏ hơn các vấn đề về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

3. Giáo dục, tuyên truyền có hiệu quả chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước

Được Bộ Chính trị, Ban Bí thư uỷ quyền, Ban Tuyên giáo Trung ương đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan hữu quan chỉ đạo nội dung giáo dục lý luận chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong hệ thống giáo dục quốc dân, hệ thống các trường chính trị - hành chính, hệ thống trường của các ngành, đoàn thể và các trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp quận,

huyện; chỉ đạo việc biên soạn, thẩm định giáo trình, sách giáo khoa về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và nội dung giáo dục lý luận chính trị cho các hệ thống trường nói trên. Nội dung, phương pháp giảng dạy và học tập chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và chương trình giáo dục lý luận chính trị cho các ngành, các cấp đã không ngừng được đổi mới. Việc đào tạo, giáo dục lý luận theo các trình độ lý luận khác nhau cho từng loại cán bộ được thực hiện theo yêu cầu chung của Đảng; thực hiện việc giáo dục lý luận chính trị phổ cập cho toàn thể cán bộ, đảng viên; đưa nội dung lý luận chính trị của Đảng vào các chương trình của hệ thống giáo dục quốc dân, trong các loại trường lớp cho các đối tượng khác nhau; bồi dưỡng lý luận chính trị thường xuyên cho cán bộ, đảng viên, nhân dân, nhất là các vấn đề mới và theo các chương trình chuyên đề; tổ chức tuyên truyền, phổ biến lý luận chính trị trên hệ thống thông tin đại chúng, qua hoạt động của đội ngũ báo cáo viên. Điều đó đã góp phần làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội. Đảng ta khẳng định lấy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng của Đảng. Điều đó không có nghĩa là chúng ta học thuộc lòng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh mà cần phải nắm vững lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó là lập trường cách mạng triệt để, phấn đấu cho thắng lợi hoàn toàn của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là quan điểm khoa học, phát hiện quy luật và làm theo quy luật. Đó là phương pháp biện chứng: thực tiễn, lịch sử cụ thể, toàn diện, phát triển. Trong điều kiện mới, Đảng ta không ngừng vận dụng sáng tạo, bổ sung và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tuyên truyền đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong mọi giai đoạn cách mạng, đặc biệt là đường lối đổi mới, đó là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng của Ngành Tuyên giáo. Trong quá trình tuyên truyền, Ngành Tuyên giáo luôn kiên định những vấn đề có tính quan điểm và nguyên tắc, góp phần nâng cao một bước sự thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội, củng cố niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Bằng các phương thức và hình thức thích hợp, công tác tuyên truyền, giáo dục đã biến quan điểm, lý luận thành hành động cách mạng; làm rõ, phân biệt giữa cái đúng và cái sai, cái tiêu cực và cái tích cực, giữa tư tưởng tiến bộ và tư tưởng lạc hậu; đấu tranh, phê phán mọi biểu hiện tiêu cực trong đời sống xã hội và những luận điệu phản động, thù địch; uốn nắn những biểu hiện tư tưởng nóng vội, tư tưởng bảo thủ trì trệ, khắc phục tư tưởng "tả" và "hữu" trong xử lý các vấn đề mới nảy sinh: đồng thời, đề phòng chủ nghĩa giáo điều, rập khuôn theo kinh nghiệm nước ngoài trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.

Thông qua tuyên truyền các sự kiện chính trị, xã hội quan trọng, các ngày kỷ niệm lớn của đất nước, công tác tuyên giáo đã góp phần giáo dục lý tưởng cách mạng, tăng thêm niềm tự hào về lịch sử hào hùng của dân tộc, nêu cao tinh thần yêu nước, ý thức tự lực, tự cường, tự tôn dân tộc, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong kháng chiến vào công cuộc đổi mới đất nước cho các tầng lớp nhân dân, nhất là thế hệ trẻ. Điều này đã được khẳng định qua các kỳ Đại hội Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội, kỷ niệm các ngày thành lập Đảng, thành lập nước, ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước qua các thời kỳ.

Tuyên truyền, kết hợp với tổ chức các phong trào xã hội, các cuộc vận động tạo ra sự hào hứng, phấn khởi, thúc đẩy phong trào cách mạng của quần chúng, biến quan điểm, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước thành hành động thực tiễn của nhân dân.

Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, cổ vũ những nhân tố mới, điển hình tiên tiến trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội có tác dụng giáo dục, thuyết phục cao đối với quần chúng nhân dân, đặc biệt trong điều kiện hiện nay, khi mà Việt Nam đang đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế. Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không có nghĩa là xem nhẹ vai trò của phong trào thi đua yêu nước, chỉ đề cao một chiều vai trò cạnh tranh của cơ chế thị trường. Trong điều kiện hiện nay, chúng ta càng phải coi trọng thi đua yêu nước vì nó không chỉ tạo động lực cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị mà còn giúp khắc phục những lệch lạc, những cách nhìn phiến diện, chỉ coi trọng lợi ích trước mắt mà không coi trọng lợi ích lâu dài, hoặc chỉ coi trọng lợi ích vật chất mà xem nhẹ đời sống tinh thần trong xã hội. Chính vì thế, trong thời gian qua đã xuất hiện nhiều phong trào thi đua sâu rộng, góp phần thổi bùng lên khát vọng vươn lên làm giàu chính đáng của các tầng lớp nhân dân, đưa đất nước ta vượt qua mọi khó khăn, thách thức, đạt được nhiều thành tựu về kinh tế - xã hội; thực hiện xoá đói, giảm nghèo có hiệu quả, đưa nước ta ra khỏi nhóm nước kém phát triển.

4. Chú trọng nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước

Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) của Đảng (tháng 1-1993*)* về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo đã khẳng định: "Phát triển giáo dục nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài..."[140]. Ban Tuyên giáo Trung ương đã tham mưu xây dựng nghị quyết và tích cực phối hợp với các cơ quan chức năng của Đảng và Nhà nước, đặc biệt là Bộ Giáo dục và Đào tạo để đưa quan điểm chỉ đạo đó vào cuộc sống. Nếu như năm 1945, nước ta còn

[140] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd,* .t.52, tr.507.

95% người dân mù chữ, thì đến nay đã có 96% người dân biết chữ. Số học sinh phổ thông các cấp, trung cấp chuyên nghiệp và dạy nghề; số sinh viên đại học và cao đẳng không ngừng tăng lên[141]. Năm học 2009 -2010, cả nước có khoảng trên 22 triệu học sinh và sinh viên (không kể các quy mô dạy nghề ngắn hạn dưới 1 năm). So sánh quy mô giáo dục trong hơn 10 năm qua, hầu hết các cấp học, ngành học đều tăng về quy mô. Số sinh viên đại học, cao đẳng trên 1 vạn dân là 188. Đào tạo nghề tăng nhanh. Trong quá trình đào tạo nguồn nhân lực, Đảng và Nhà nước luôn chú ý đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao. Hiện nay, đã có 7.062 phó giáo sư và 1.336 giáo sư. Việt Nam vốn là một nước văn hiến, có truyền thống quý trọng nhân tài. Từ lâu ông cha ta đã khẳng định: Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu rối xuống thấp. Vì vậy, các bậc thánh đế minh vương chẳng ai không lấy việc bồi dưỡng nhân tài, kén chọn kẻ sĩ, vun trồng nguyên khí làm việc đầu tiên[142].

Ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám 1945 thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẩn thiết kêu gọi tìm người tài đức để kiến thiết nước nhà. Người viết: "Kiến thiết cần có nhân tài. Nhân tài nước ta dù chưa có nhiều lắm nhưng nếu chúng ta khéo lựa chọn, khéo phân phối, khéo dùng thì nhân tài càng ngày càng phát triển càng thêm nhiều"[143].

Khi đất nước bước vào giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, từng bước phát triển kinh tế tri thức thì Ngành Tuyên giáo đặc biệt coi trọng nhiệm vụ phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nhân tài. Từ giữa năm 1997, thực hiện chủ trương của Đảng, trường Đại học Khoa học Tự nhiên thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội đã đi đầu cả nước thành lập hệ đào tạo cử nhân khoa học tài năng ở một số ngành mũi nhọn như toán, vật lý, hoá học, sinh học. Đối tượng tuyển chọn là những học sinh trung học phổ thông xuất sắc, đã đạt giải Ôlimpích quốc tế hoặc giải nhất trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia và các học sinh đạt điểm cao trong các kỳ thi vào đại học. Kết quả từ các khoá đầu tiên cho thấy, sinh viên ra trường đạt chất lượng cao, có năng lực tư duy nghiên cứu khoa học tốt. Trên cơ sở những kết quả đạt được, Đại học Quốc gia Hà Nội dần dần mở rộng hình thức đào tạo này sang các ngành khác như công nghệ thông tin, quản lý kinh tế, v.v.. Học tập kinh nghiệm của Đại học Quốc gia Hà Nội, một số trường đại học khác như Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Bách khoa Hà Nội... cũng đã mở các chương trình đào tạo cử nhân tài năng, kỹ sư chất lượng cao.

---

[141] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006,tr.58.

[142] Xem : Thân Nhân Trung: *Bài ký đề danh tiến sĩ khoa Nhâm Tuất* khắc trên bia đá dựng ở Văn Miếu, Hà Nội, năm 1442.

[143] Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd,* t.4, tr. 99.

Chính phủ đã đưa ra "Dự án thí điểm phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nguồn nhân lực tài năng phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá". Theo dự án này, đến hết năm 2010, Nhà nước ta sẽ đầu tư 325 tỷ đồng và 11 triệu USD (mức thấp) đến 45 triệu USD (mức cao) để đào tạo 700 nhân lực tài năng tầm cỡ khu vực (gồm 350 nhà khoa học tài năng, 175 doanh nhân tài năng, 175 cán bộ lãnh đạo và quản lý tài năng) cho đất nước.

Do quan tâm đến đào tạo đội ngũ nhân lực có chất lượng cao, Việt Nam đã không ngừng được nâng cao trình độ khoa học và công nghệ cũng như ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ. Trong nghiên cứu khoa học cơ bản đã tập trung chủ yếu vào các ngành toán học, công nghệ thông tin, điều khiển học; vật lý chất rắn, quang học, vật lý laser, vật lý hạt nhân; cơ học các kết cấu công trình, cơ học các vật liệu mới, động lực học, thuỷ khí động học; hoá hữu cơ, hấp thụ và xúc tác, hoá phân tích; sinh vật học nhiệt đới, kỹ thuật tế bào, công nghệ gen, sinh học phân tử; địa chất, vật lý địa cầu, nghiên cứu địa lý, biến đổi khí hậu, dự báo các quá trình tai biến thiên nhiên Việt Nam, nghiên cứu biển, thềm lục địa.

Nhờ đó, khoa học và công nghệ đã góp phần tạo ra sự chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa. Trong lĩnh vực nông nghiệp, khoa học và công nghệ đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Từ một nước thiếu lương thực, nước ta đã trở thành nước xuất khẩu gạo lớn thứ hai thế giới. Ngoài ra, Việt Nam còn xuất khẩu nhiều nông sản có giá trị khác như cà phê, cao su, chè, hạt điều, lạc nhân, hồ tiêu, đồ gỗ chế biến... Trong 5 năm gần đây, các nhà khoa học đã tạo ta 142 giống cây trồng mới có chất lượng và năng suất cao. Chương trình giống đã mang lại hiệu quả lớn trên 90% diện tích lúa, 80% diện tích ngô, 60% điện tích mía, 100% diện tích điều. Những đổi mới công nghệ trong các ngành công nghiệp, đặc biệt là sản xuất cơ khí chế tạo kết cấu thép chuyên dụng, đóng tàu, viễn thông, điện lực, dầu khí, khai thác tài nguyên khoáng sản... đã làm cho sản xuất công nghiệp tăng trưởng cao liên tục trong những năm qua.

Khoa học và công nghệ đã đóng góp đáng kể vào việc nâng cao chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh của ngành giao thông vận tải trên các lĩnh vực xây dựng kết cấu hạ tầng, làm chủ công nghệ trong nghiên cứu, thử nghiệm, thiết kế chế tạo các sản phẩm có chất lượng cao như tàu chở dầu, tàu chở container, tàu chở khách đến 100.000 tấn, các dàn khoan trên biển đạt tiêu chuẩn quốc tế...

Ngành xây dựng đã làm chủ được công nghệ thiết kế và thi công những công trình quy mô lớn, phức tạp như hầm Đèo Ngang, các loại cầu vượt khẩu độ lớn, các nhà máy nhiệt điện, thuỷ điện quy mô lớn, nhà cao tầng, công trình ngầm và nhiều công trình đặc dụng khác... Các kết quả ứng

dụng công nghệ mới đã góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng chung của ngành ở mức trên 16% năm trong các năm qua.

Nhiều ứng dụng công nghệ kỹ thuật cao trong ngành y tế như hiển vi cắt lớp, dao mổ laser, máy tán sỏi thận, cấy ghép tạng, phẫu thuật tim bằng nội soi, siêu âm, sản xuất vắcxin, tạo da chữa bỏng… đã mang lại hiệu quả to lớn trong khám chữa bệnh. Trong thời kỳ 1996-2005, cả nước đã có nhiều kết quả ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và tính đến tháng 7-2008 đã có trên 700 hợp đồng chuyển giao công nghệ nhập khẩu được thực hiện. Năng lực làm chủ công nghệ nhập khẩu từng bước được nâng lên. Một số doanh nghiệp đã tổ chức nghiên cứu đổi mới công nghệ nhập để vừa đáp ứng yêu cầu của sản xuất, vừa phát huy năng lực sáng tạo, đẩy nhanh tốc độ đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ.

5. Tham mưu xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc

Ngành Tuyên giáo đã tham mưu cho Đảng hệ thống các quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp để xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI đến Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng Cộng sản Việt Nam là quá trình 20 năm đổi mới tư duy lý luận của Đảng về vai trò, vị trí của văn hoá. Để nhìn nhận sự đổi mới ấy, phải trở về với những văn kiện đầu tiên có tính chất cương lĩnh của Đảng về văn hoá. Năm 1943, Đảng công bố *Đề cương về văn hoá Việt Nam.* Phạm vi vấn đề văn hoá đã được xác định "bao gồm cả tư tưởng, học thuật và nghệ thuật", đồng thời Đảng cũng xác định văn hoá là một trong ba mặt trận: kinh tế, chính trị, văn hoá mà Đảng ta phải lãnh đạo. Từ năm 1986 đến nay, Đảng đã thể hiện rõ ràng sự đổi mới tư duy trên nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực văn hoá. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng nhấn mạnh vị trí của văn hoá. Bước chuyển quan trọng trong đổi mới tư duy về vai trò, vị trí của văn hoá, khi Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội coi "có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" là một trong những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng[144]. Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương (Khoá VII) khẳng định: văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, một động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời là một mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Mốc đánh dấu sự đổi mới toàn diện trong tư duy về văn hoá của Đảng được khẳng định trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khoá VIII về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam

---

[144] Xem: Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII,* NXB Sự thật, Hà Nội, 1999, tr.111.

tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam đã nhận thức sâu sắc về các giá trị văn hoá của dân tộc với sự tiến bộ của thời đại; giữa đời sống tinh thần và yêu cầu xử lý các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, đã chỉ ra mục tiêu, giải pháp cho sự nghiệp phát triển văn hoá trong giai đoạn trước mắt cũng như lâu dài của nước ta.

Ngành Tuyên giáo đã trực tiếp, tích cực tham gia quá trình xây dựng, truyền bá các chủ trương, quan điểm mới của Đảng và phát triển nền văn hoá Việt Nam.

Nét mới đầu tiên trong tư duy lý luận về văn hóa của Đảng là sự xác định nội dung của hai khái niệm: tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc. Từ *Đề cương văn hoá Việt Nam* năm 1943, Đảng đã xác định ba nguyên tắc vận động của nền văn hoá Việt Nam là: Dân tộc hoá, đại chúng hoá và khoa học hoá. Vào thời điểm ấy, Đảng xác định nền văn hoá mới mà cuộc cách mạng văn hoá phải thực hiện là văn hoá xã hội chủ nghĩa, văn hoá có tính chất dân tộc về hình thức, dân chủ về nội dung. Trong sự nghiệp đổi mới, tính chất của nền văn hoá xã hội chủ nghĩa Việt Nam được Đảng xác định là tiên tiến và đậm đà bản sắc dân tộc.

Tính chất *tiên tiến* của nền văn hoá thể hiện trước hết ở tinh thần yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Cần phân biệt tính chất tiền tiến và tính chất hiện đại. Không nên đồng nhất tính chất tiên tiến với các sản phẩm văn hoá được tạo ra từ sự tiến bộ của khoa học kỹ thuật và các giá trị, các sản phẩm văn hoá phương Tây hay châu Mỹ. Mặt khác, tính chất tiên tiến của nền văn hoá phải được thể hiện cả ở nội dung tư tưởng và trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện chuyển tải nội dung.

Bản sắc dân tộc phải được hiểu như một hệ thống mở, gồm nhiều thành tố, nhiều cấp độ. Khái niệm dân tộc tại Việt Nam trong nhiều năm nay được hiểu ở hai cấp độ: dân tộc - quốc gia bao gồm nhiều cộng đồng tộc người và dân tộc được hiểu là một cộng đồng mang tính tộc người. Bản sắc dân tộc phải được hiểu là sự hoà hợp một cách biện chứng bản sắc tộc người. 54 dân tộc cùng sinh sống trên đất nước Việt Nam, mỗi dân tộc, qua trường kỳ lịch sử trong cuộc đấu tranh với thiên nhiên, xã hội và chính mình đã tạo dựng được bản sắc dân tộc của mình và bản sắc dân tộc ấy góp phần làm đậm nét, sinh động hơn bản sắc dân tộc Việt Nam.

Nét mới thứ hai trong tư duy lý luận về văn hoá của Đảng là đặt văn hoá liên quan đến phát triển. Văn hoá được xác định là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội. Xác định văn hoá là nguồn lực nội sinh quan trọng nhất của phát triển là sự đổi mới vô cùng quan trọng trong tư duy về văn hoá của Đảng, trung thành với tư tưởng Hồ Chi Minh. Năm 1946, Người từng viết: "Văn hoá phải soi đường cho quốc dân đi".

Nét mới thứ ba trong tư duy lý luận về văn hoá của Đảng là khẳng định tính thống nhất mà đa dạng của văn hoá Việt Nam. Việt Nam là quốc gia đa dân tộc. Nền văn hoá Việt Nam được tạo thành từ văn hoá của 54 dân tộc chung sống trên đất nước Việt Nam. Mỗi con người Việt Nam vừa là một thực thể với tư cách công dân của một dân tộc - quốc gia, vừa là thực thể với tư cách một thành viên của một cộng đồng dân tộc - tộc người. Trong cách hiểu khái niệm *thống nhất mà đa dạng* của văn hoá Việt Nam không nên hiểu sự thống nhất ở nội dung mà đa dạng ở hình thức của văn hoá các dân tộc. *Sự thống nhất mà đa dạng* phải được hiểu ở cả nội dung lẫn hình thức, trong đó về mặt hình thức, văn hoá thể hiện tính đa dạng, tính phong phú rõ hơn, nhưng về mặt nội dung, tính thống nhất lại giữ vai trò khẳng định bản sắc văn hoá của từng dân tộc.

Nét mới thứ tư, coi văn hoá là một trong ba yếu tố quyết định của sự phát triển toàn diện và bền vững. "Bảo đảm sự gắn kết giữa *nhiệm vụ phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng, chỉnh đốn Đảng là then chốt mới không ngừng nâng cao văn hoá - nền tảng tinh thần của xã hội;* tạo nên sự phát triển đồng bộ của ba lĩnh vực trên chính là điều kiện quyết định bảo đảm cho sự phát triển toàn diện và bền vững của đất nước"[145].

Nét mới thứ năm, coi văn học nghệ thuật là lĩnh vực rất quan trọng, đặc biệt tinh tế của văn hoá; là nhu cầu thiết yếu, thể hiện khát vọng chân thiện, mỹ của con người; là một trong những động lực to lớn trực tiếp góp phần xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội và sự phát triển toàn diện của con người Việt Nam. Chăm lo phát hiện, bồi dưỡng quý trọng và phát huy các tài năng văn học nghệ thuật là trách nhiệm của toàn xã hội, trước hết là của Đảng, Nhà nước và của các tổ chức trong hệ thống chính trị các cấp. Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do sáng tạo, tạo điều kiện thuận lợi phát huy tính độc lập, khơi dậy mọi nguồn lực sáng tạo của văn nghệ sĩ. Văn nghệ sĩ, người chiến sĩ xây dựng và phát triển nền văn nghệ tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc cần phát huy lòng yêu nước nồng nàn, gắn bó máu thịt với nhân dân, nêu cao trách nhiệm công dân, sáng tạo nên nhiều tác phẩm có giá trị phụng sự đất nước và dân tộc[146].

Thể chế hoá những quan điểm mới về văn hoá của Đảng, Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh Thư viện, Pháp lệnh Quảng cáo, Luật Xuất bản, Luật Báo chí (sửa đổi), Luật Di sản văn hoá, quyền tác giả trong Bộ Luật Dân sự, v.v..

---

[145] Kết luận Hội nghị lần thứ mười Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khoá IX, ngày 20-7-2004 về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (Khoá VIII) về "Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" trong những năm sắp tới.

[146] Xem: Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị (Khoá X), ngày 16-6-2008, về tiếp tục xây dựng và phát triển văn học, nghệ thuật trong thời kỳ mới.

Từ những quan điểm của Đảng và các văn bản thể chế hoá của Nhà nước trong những năm qua, văn hoá đã đi vào cuộc sống, phát triển khá mạnh mẽ. Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong điều kiện toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế hiện nay là sự phát triển sáng tạo về lý luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới của Đảng, trong đó có sự đóng góp tích cực và hiệu quả của Ngành Tuyên giáo.

6. Góp phần phát triển lý luận về con người, xác định con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực trong quá trình phát triển

Công tác tuyên giáo luôn hướng đến con người, phấn đấu góp phần giải phóng tiềm năng con người, phát huy nội lực con người và sử dụng một cách có hiệu quả mọi nguồn lực con người. Tuyên giáo các cấp đã chủ động, tham gia tích cực vào quá trình xây dựng, hoàn thiện các quan điểm của Đảng về con người, tuyên truyền và tham gia trực tiếp vào việc giải quyết những nhu cầu, lợi ích chính đáng của con người Việt Nam. Cơ sở lý luận của việc nghiên cứu và phát triển con người là những quan điểm có tính chất nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về con người. Với sự nghiệp đổi mới, con người được hiểu một cách sâu sắc, thực tế hơn dựa vào những thành tựu của khoa học hiện đại và những tư tưởng tiến bộ mà nhân loại đã đạt tới... để nghiên cứu con người đúng như nó vốn có: một thực thể văn hoá văn minh, một thực thể sinh học - xã hội đang sống, đang làm ra của cải vật chất, làm ra các giá trị và làm ra chính bản thân con người. Chính vì vậy mà chúng ta khẳng định con người Việt Nam là tài sản quý giá nhất của quốc gia. Trong mọi hoàn cảnh lịch sử của cách mạng Việt Nam, Đảng ta không quan niệm con người chung chung, phi giai cấp mà chính là những người lao động, là quần chúng nhân dân, là chủ thể của lịch sử. Sứ mệnh của Đảng là giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, trong đó giải phóng con người là mục tiêu cao nhất. Vấn đề dân tộc, giai cấp, vấn đề con người ở đây gắn bó hữu cơ với nhau. Con người chỉ được giải phóng khi dân tộc, giai cấp được giải phóng. Không có độc lập dân tộc thì giai cấp và con người không có tự do. Như vậy, việc giải phóng nhân dân khỏi ách áp bức của thực dân, phong kiến mới chỉ là thắng lợi bước đầu của cách mạng. Mục đích lâu dài của cách mạng là đem lại cho con người cuộc sống ấm no, hạnh phúc, được làm chủ bản thân và làm chủ xã hội. "Nhưng nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì"[147].

Chăm lo cho con người, chú trọng "trồng người", "lấy dân làm gốc", phát triển con người một cách toàn diện… là những tư tưởng từ lâu đã trở thành truyền thống của Việt Nam. Đó là những nội dung tư tưởng quan

[147] Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.4, tr.56.

trọng của Hồ Chí Minh được kế thừa và nâng lên một tầm cao mới. Trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, Hồ Chí Minh coi vấn đề con người là vấn đề hàng đầu. Đến tận cuối đời, Người vẫn dặn lại trong *Di chúc* "Đầu tiên là công việc đối với *con người"*[148]. Thực tiễn lịch sử hiện đại cũng đã chứng minh rằng trong quá trình phát triển, nhân tố quyết định là *nguồn nhân lực,* là *nguồn lao động,* con người là *động lực* của sự phát triển. Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng đến nay, tư tưởng này từng bước đã được quán triệt trong các chủ trương, chính sách kinh tế - xã hội và trở thành quan điểm chỉ đạo: con người vừa là mục tiêu, vừa và động lực của sự phát triển. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, vấn đề lợi ích được giải quyết dần dần theo hướng "Lợi ích của mỗi người, của từng tập thể và của toàn xã hội gắn bó hữu cơ với nhau, trong đó lợi ích cá nhân là động lực trực tiếp"[149]. Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX, Đảng ta khẳng định: "Phát huy nguồn lực trí tuệ và sức mạnh tinh thần của người Việt Nam; coi phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ là nền tảng và động lực của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá"[150].

Đó là một tư tưởng có tầm chiến lược quan trọng. Con người Việt Nam trong thế kỷ XXI, trước hết phải là những con người được đào tạo có trí tuệ, có tay nghề vững vàng; là người lao động có chất lượng cao, giác ngộ cách mạng sâu sắc, có đạo đức trong sáng - đó là những người "vừa hồng, vừa chuyên".

Vào thập niên 80 của thế kỷ XX, Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) đã đưa ra khái niệm "phát triển con người", xác định những tiêu chí để đánh giá và xếp hạng trình độ phát triển của các nước trong Liên hợp quốc theo tiêu chí phát triển con người (trong Anh viết tắt là HDI[151]), gồm tiêu chí về thu nhập đầu người (GDP/đầu người) và 2 tiêu chí về năng lực con người (giáo dục và sức khoẻ). Từ năm 1990, HDI đã trở thành công cụ xác định chiến lược phát triển của mỗi quốc gia, thước đo đánh giá trình độ phát triển hằng năm trên thế giới. Đây thực sự là một thành quả to lớn của chủ nghĩa nhân văn trong thời đại mới. Đảng và Nhà

---

[148] Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.503.

[149] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội 1991 – 2000*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.8.

[150] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr.91.

[151] Chỉ số HDI cơ bản được mang giá trị từ 0 đến 1. Chỉ số giáo dục được coi là có giá trị bằng 1 khi 100% người lớn (trên 15 tuổi) biết đọc, biết viết; bằng 0 khi không có ai trong số người lớn (trên 15 tuổi) biết đọc, biết viết. Chỉ số tuổi thọ được coi là có giá trị bằng 1 khi tuổi thọ bình quân là 85; bằng 0 khi tuổi thọ bình quân chỉ đạt 25 tuổi. Chỉ số kinh tế được coi là có giá trị bằng 1 khi GDP bình quân đầu người đạt 40.000 USD (tính theo PPP - sức mua tương đương của đồng tiền); bằng 0 khi GDP bình quân đầu người chỉ đạt 100 USD (tính theo PPP).

nước ta thường xuyên chăm lo đến phát triển giáo dục, chăm sóc sức khoẻ và nâng cao đời sống vật chất cho nhân dân, đặc biệt là trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới.

Nhìn lại lịch sử phát triển giáo dục ở nước ta, không ai có thể phủ nhận được thành tựu to lớn trong 65 năm qua. Nước ta đã hoàn thành xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học trong cả nước vào năm 2000; đến tháng 6-2010, đã có 61/63 tỉnh, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở.

Lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân nước ta tiếp tục đạt được nhiều kết quả; sức khỏe nhân dân các vùng, miền được quan tâm chăm lo, tuổi thọ trung bình của người Việt Nam tăng từ 68 (1999) lên 74,3 (2009). Cơ bản xóa được xã trắng về y tế, trên 97% số xã, phường trong cả nước đã xây dựng được trạm y tế vào cuối tháng 12-2009, 100% số xã và 90% số thôn, bản đã có cán bộ y tế hoạt động, 69% số xã có bác sĩ làm việc, hơn 65% xã đạt chuẩn quốc gia về y tế, trên 70% số xã đã thực hiện khám bệnh, chữa bệnh ban đầu cho người có thẻ Bảo hiểm y tế. Công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình đã có nhiều chuyển biến tích cực, hệ thống công tác dân số - kế hoạch hoá gia đình đã từng bước ổn định và hoạt động có hiệu quả; tỷ lệ gia tăng dân số tự nhiên có xu hướng giảm từ 1,31% năm 2005 xuống còn dưới 1,20% năm 2009 và dự kiến đạt 1,14% vào năm 2010. Giảm tỷ xuất sinh đạt được mục tiêu Quốc hội giao; tỷ lệ sinh con thứ 3 giảm từ 20,8% vào năm 2005 xuống còn 16% năm 2009; chất lượng dân số từng bước được cải thiện cả về thể chất, trí tuệ và tinh thần.

Kể từ khi Việt Nam có mặt trong báo cáo thường niên của UNDP, giá trị HDI của Việt Nam đã có sự tiến bộ không thể phủ nhận trong tiến trình đổi mới, không chỉ là tăng trưởng kinh tế, phát triển công nghệ hay hội nhập vào đời sống quốc tế, mà là phát triển con người Việt Nam, nâng cao thứ bậc HDI của Việt Nam. Theo báo cáo của Liên hợp quốc về Phát triển con người năm 2009 với số liệu lấy từ năm 2007, chỉ số phát triển con người (HDI) của Việt Nam xếp thứ 116/182 nước. Như vậy, trong giai đoạn 1985 - 2007, mỗi năm HDI của Việt Nam tăng thêm 1,16% (từ 0,651 lên 0,725). Việt Nam có chỉ số tuổi thọ trung bình và tỷ lệ biết chữ ở người lớn khá cao (chỉ số tuổi thọ trung bình xếp thứ 54 trên thế giới với tuổi thọ trung bình là 74,3 và tỷ lệ biết chữ ở người lớn xếp thứ 69, chiếm 90,3% người từ 15 tuổi trở lên).

Sự phát triển con người Việt Nam trong những năm qua đã có những đóng góp có ý nghĩa của Ngành Tuyên giáo trong việc tham mưu cho Đảng, phối hợp, đôn đốc các cơ quan nhà nước thể chế hóa và thực thi trong đời sống các quan điểm của Đảng, tích cực tuyên truyền đến các thành viên trong toàn xã hội phải có trách nhiệm chăm lo đến đời sống

vật chất và tinh thần của người dân, khích lệ mọi người tiếp tục phấn đấu vì mục tiêu phát triển của con người để con người thực sự trở thành động lực và mục tiêu trong quá trình phát triển.

7. Phản bác kịp thời những luận điệu xuyên tạc, phủ định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng

Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch có ý nghĩa rất quan trọng trong việc truyền bá hệ tư tưởng mácxít, tạo sự thống nhất tư tưởng trong đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ thực hiện các nhiệm vụ văn hoá, văn nghệ trong mỗi thời kỳ cách mạng. Công tác tuyên giáo của Đảng đã kịp thời nắm bắt diễn biến tư tưởng của trí thức, văn nghệ sĩ, phân tích các khuynh hướng tư tưởng phản mácxít tác động vào đời sống văn hoá, văn nghệ ở nước ta, từ đó đề ra các biện pháp đấu tranh cụ thể.

Trong những năm 1933-1934, một số đồng chí cộng sản hoạt động hợp pháp ở các đô thị lớn ở nước ta đã viết các bài báo công khai phê phán tư tưởng nô lệ, tự ti của một số trí thức. Năm 1935, ở trong nước diễn ra một cuộc tranh luận công khai chung quanh vấn đề quan điểm nghệ thuật: "Nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh". Các đảng viên cộng sản đã giới thiệu quan điểm mácxit về văn học nghệ thuật, nêu rõ văn học nghệ thuật không thể đứng ngoài cuộc đấu tranh dân tộc, chống lại quan điểm văn học nghệ thuật tư sản, phê phán tư tưởng thoát ly đời sống thực tiễn của đất nước của một số trí thức tiểu tư sản.

Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, nhiều văn nghệ sĩ của Đảng đã viết bài phân tích sâu sắc quan điểm, đường lối văn hoá, văn nghệ cách mạng, đồng thời tích cực đấu tranh chống văn nghệ phản động của Pháp; chống lại những "nọc độc" văn nghệ của địch gieo rắc "tâm lý cầu an, sợ chết, thích khoái lạc", “dùng văn nghệ mà mở mang ánh sáng tự do và lửa chiến đấu vào vùng địch tạm chiếm".

Năm 1956, công tác tuyên giáo của Đảng đã tham mưu cho Ban Bí thư mở Hội nghị các đảng viên làm công tác văn nghệ. Hội nghị đã phân tích tình hình văn nghệ, phê phán các quan điểm sai trái đòi văn nghệ phải tách rời sự lãnh đạo của Đảng, đòi tự do sáng tác không có định hướng; phê phán những luận điệu chống chủ nghĩa xã hội qua các bài viết trong sách *Giai phẩm mùa Xuân, Giai phẩm mùa Thu, Giai phẩm mùa Đông* và báo *Nhân văn.*

Ở miền Nam, trong vùng địch tạm chiếm, chính quyền ngụy Sài Gòn đã tiếp tay cho văn hoá nô dịch và đồi trụy phát triển gây ảnh hưởng đến nền văn hóa Việt Nam. Đảng ta đã tiến hành cuộc vận động phong trào quần chúng bảo vệ văn hoá dân tộc, bảo vệ nhân phẩm phụ nữ, bảo vệ tinh thần thanh niên Việt Nam. Tháng 6-1966, 118 văn nhân, nghệ sĩ, ký giả Sài Gòn ra tuyên bố tố cáo văn hoá đồi trụy, phản dân tộc. Ngày 7-8-1966, Lực lượng bảo vệ văn hoá dân tộc ra đời. Cuộc thảo luận về bảo vệ văn

hoá dân tộc, chống văn hoá đồi trụy được đăng công khai trên báo *Tin văn.*

Trong năm 1975, khi đất nước toàn thắng, non sông thống nhất, Đảng đã chủ trương vận động toàn Đảng, toàn quân, toàn dân đấu tranh chống ảnh hưởng của văn hoá tư sản, thực dân mới, quét sạch các tệ nạn xã hội cũ.

Sau năm 1991, trước việc chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu bị sụp đổ, hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới rơi vào khủng hoảng và phong trào xã hội chủ nghĩa thoái trào thì nhiều luồng tư tưởng phản động chống chế độ xã hội chủ nghĩa được truyền bá và ảnh hưởng vào nước ta, trong đó có những quan điểm sai trái trên lĩnh vực văn hoá, văn nghệ. Trong nước đã xuất hiện một số văn nghệ sĩ viết các tác phẩm văn học nghệ thuật nói xấu lãnh tụ cách mạng và chế độ xã hội chủ nghĩa, đưa ra những quan điểm hạ thấp giá trị của nền văn nghệ dân tộc yêu nước và cách mạng, tuyệt đối hóa "tự do sáng tác", đòi văn nghệ sĩ thoát ly sự lãnh đạo và định hướng chính trị của Đảng. Một số khuynh hướng sáng tác tư sản như kích động bạo lực, truyền bá đồi trụy, bôi đen chế độ, khơi dậy hận thù dân tộc... xuất hiện trong đời sống văn hoá. Đáng lưu ý là một số trí thức văn hoá, văn nghệ sĩ tự xưng "cấp tiến", tiên phong "đổi mới" văn hoá, văn nghệ đã viết bài, phát tán tài liệu đưa ra quan điểm sai trái chống lại đường lối văn hoá, văn nghệ của Đảng, phủ nhận lịch sử và thành tựu cách mạng, gây tâm lý hoang mang trong nhân dân, góp phần tạo ra sự "tự diễn biến" trong nội bộ.

Trước tình hình đó, công tác tuyên giáo đã tham mưu với Trung ương Đảng thành lập Hội đồng lý luận phê bình văn học nghệ thuật, tập hợp các nhà lý luận, phê bình văn học nghệ thuật đẩy mạnh hoạt động đưa ra những lập luận khoa học, thuyết phục bẻ gẫy những luận điểm mơ hồ, xuyên tạc của các phần tử chống đối trên lĩnh vực văn học, nghệ thuật.

Công tác tuyên giáo trực tiếp chỉ đạo, định hướng tư tưởng chính trị cho các cơ quan ngôn luận của các Hội Văn học nghệ thuật, các tổ chức nghiên cứu khoa học, cơ quan quản lý nhà nước về văn hoá, có những hoạt động thiết thực, cụ thể tham gia vào cuộc đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái thù địch, góp phần thống nhất về tư tưởng và sự đồng thuận của xã hội về đường lối văn hoá, văn nghệ của Đảng.

Trong thời gian gần đây, các thế lực thù địch đã và đang sử dụng nhiều phương tiện, bằng nhiều con đường với nhiều thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt để tiếp tục tuyên truyền các luận điệu nhằm xuyên tạc, phủ định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng. Chúng thường tập trung xuyên tạc, phủ định một số vấn đề lý luận và thực tiễn sau:

Một là, phủ định những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin. Chúng cho rằng những nguyên lý đó chỉ đúng trong thời kỳ tư bản công

nghiệp nửa cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX; ngày nay, loài người đã ở giai đoạn hậu công nghiệp, văn minh tin học và nền kinh tế tri thức thì những lý luận đó đã lạc hậu, lỗi thời. Sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ thì các thế lực thù địch đã phủ định hoàn toàn chủ nghĩa Mác – Lênin.

Hai là, phủ định tư tưởng Hồ Chí Minh và xuyên tạc đường lối đổi mới của Đảng. Theo chúng, Chủ tịch Hồ Chí Minh không phải là nhà lý luận, không phải là nhà tư tưởng, ít am hiểu về chủ nghĩa xã hội và văn hóa nhân loại nên không có tư tưởng cách mạng gì để dẫn dắt nhân dân Việt Nam. Chúng xuyên tạc đường lối đổi mới của Đảng khi cho rằng kinh tế thị trường không thể dung hợp được với chủ nghĩa xã hội; nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chỉ là sự gán ghép, áp đặt chủ quan; chế độ độc Đảng thì không bao giờ có dân chủ, nhân quyền, v.v..

Ba là, xuyên tạc lịch sử. Theo chúng, nhân dân ta không cần tiến hành hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, mà vẫn có độc lập, tự do.

Ba là, xuyên tạc tình hình thực tế Việt Nam, vu cáo ta vi phạm dân chủ, nhân quyền, dựng chuyện Việt Nam đàn áp tôn giáo, kỳ thị, phân biệt đối xử với các dân tộc thiểu số, nhất là đồng bào thiểu số ở Tây Nguyên, Tây Bắc, Tây Nam Bộ.

Năm là, bịa đặt, dựng chuyện có phái cấp tiến, phái bảo thủ trong cán bộ lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước để chia rẽ nội bộ, gây sự hoài nghi lẫn nhau, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với sự nghiệp đổi mới.

Trước những luận điệu phủ định, xuyên tạc, vu cáo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng, Ban Tuyên giáo Trung ương cùng toàn Ngành Tuyên giáo đã nghiên cứu, chủ động, tích cực phản bác lại các luận điệu của các thế lực thù địch, bảo vệ tính khoa học và cách mạng của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới sáng tạo và hiệu quả của Đảng.

Chúng ta đã tổ chức các đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, tổ chức hội thảo khoa học; viết bài phản bác, phê phán trên các phương tiện thông tin đại chúng; tổ chức các cuộc thi tìm hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trên Đài Truyền hình Việt Nam; tổ chức các đợt tuyên truyền miệng; tham mưu cho Đảng phát động và tổ chức triển khai Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" và nhiều hoạt động khác để làm thất bại mọi âm mưu của các thế lực phản động.

Bằng những lập luận khoa học và thực tiễn sinh động, chúng ta đã chứng minh một cách thuyết phục một số vấn đề sau:

l. Giá trị bền vững của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, học thuyết giá trị thặng dư, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, thế giới quan khoa học và phương pháp duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh "là một hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Đó là tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người..."[152].

3. Đường lối đổi mới là kết quả của quá trình tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận của Đảng. Đảng đã xây dựng và phát triển một hệ thống các luận điểm đầy sáng tạo, trong đó tiêu biểu nhất là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa – đây được coi là mô hình kinh tế tổng quát trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

4. Việt Nam không hề có đàn áp tôn giáo, phân biệt, kỳ thị các dân tộc thiểu số. Mỗi một người dân đều có quyền tự do tín ngưỡng, tham gia sinh hoạt các tôn giáo theo quy định của pháp luật. Có nhiều chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước tạo thuận lợi cho đồng bào các dân tộc thiểu số có điều kiện phát triển. Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là để nhân dân thực sự là người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Đại đoàn kết toàn dân tộc để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và đồng bào ta định cư ở nước ngoài là một chủ trương lớn và nhất quán của Đảng và Nhà nước ta.

5. Các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng cũng như toàn thể đảng viên và nhân dân Việt Nam nhất trí cao với đường lối đổi mới của Đảng. Trong lãnh đạo cấp cao cũng như lãnh đạo đảng các cấp không bị chia rẽ nội bộ do bất đồng về quan điểm. Trong mỗi dịp Đại hội Đảng, nội dung văn kiện không những được toàn thể đảng viên tham gia góp ý mà còn xin ý kiến đóng góp của toàn thể nhân dân bằng con đường tổ chức hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Do có nhiều cố gắng trong việc phản bác những luận điệu xuyên tạc, phủ định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng nên xã hội ổn định về chính trị, tư tưởng, nền tảng tư tưởng của Đảng được giữ vững, toàn Đảng, toàn quân, toàn dân nhất trí cao và cố gắng thực hiện được mục tiêu xây dựng đất nước: dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Tuy nhiên, công tác tuyên giáo vẫn còn một số hạn chế sau:

---

[152] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Sđd, tr.83.

1. Tham mưu trên một số lĩnh vực công tác tuyên giáo còn chưa kịp thời, nhạy bén, chưa chú trọng đúng mức nghiên cứu, đề xuất những vấn đề có tính chiến lược. Một số vấn đề ở tầm quan điểm, chủ trương lớn chưa tích cực góp phần làm rõ nên chưa đạt được sự thống nhất cao về nhận thức và thiếu dứt khoát trong hoạch định chính sách, chỉ đạo điều hành như mối quan hệ giữa tốc độ tăng trưởng và chất lượng phát triển; giữa tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng xã hội; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ thống chính trị; giữa đổi mới với ổn định và phát triển; giữa độc lập, tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế...

Do vậy, một số ngành thuộc lĩnh vực Tuyên giáo còn có những hạn chế, cụ thể là:

- Chất lượng giáo dục đại trà đạt thấp, chưa tiếp cận được với trình độ tiên tiến của khu vực và trên thế giới, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đào tạo chưa gắn với nhu cầu của thị trường lao động, với yêu cầu của công nghệ sản xuất. Kiến thức cơ bản về xã hội, kỹ năng sống, kỹ năng thực hành, khả năng tự học của số đông học sinh phổ thông còn kém. Chất lượng giảng dạy, học tập các môn giáo dục chính trị, đạo đức và ngoại ngữ còn thấp. Các học sinh, sinh viên tốt nghiệp còn hạn chế về năng lực tư duy sáng tạo, kỹ năng thực hành, khả năng thích ứng với nghề nghiệp, kỷ luật lao động, tinh thần hợp tác và cạnh tranh lành mạnh chưa cao, khả năng tự lập nghiệp còn rất hạn chế.

- Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ đã có sự tăng nhanh về số lượng nhưng chất lượng còn thấp, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của các ngành kinh tế - xã hội và của doanh nghiệp. Bất hợp lý về cơ cấu ngành nghề và phân bổ đội ngũ, nhiều lĩnh vực phát triển nhanh còn rất thiếu nhân lực khoa học và công nghệ. Đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ chủ chốt đang bị lão hoá, kiến thức mới ít có điều kiện cập nhật, sự hẫng hụt về cán bộ trong nhiều lĩnh vực là nghiêm trọng, nhất là trong lĩnh vực khoa học cơ bản.

- Trong lĩnh vực văn hoá, văn nghệ còn ít các công trình, tác phẩm nghệ thuật có giá trị cao và bền vững trên cả bình diện tư tưởng lẫn nghệ thuật. Công tác bảo tồn, phát huy các giá trị di sản văn hoá dân tộc còn yếu kém. Sự chênh lệch về văn hoá giữa các vùng, các dân tộc, các bộ phận dân cư còn quá cao. Đời sống văn hoá các vùng dân tộc thiểu số, nông thôn miền núi còn rất thấp. Nhiều văn nghệ sĩ lúng túng khi chọn hướng sáng tác trong cơ chế mới và trong điều kiện mở cửa, hội nhập.

2. Công tác tư tưởng còn thiếu sắc bén, sức thuyết phục chưa cao, tính chiến đấu còn hạn chế, chưa sát với thực tiễn. Chưa triển khai tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng và đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, những quan điểm mơ hồ, sai trái. Chưa quan tâm đúng mức việc giáo dục lý tưởng, văn hoá sâu rộng. Công tác đấu tranh phản bác

các quan điểm sai trái, thù địch có lúc còn bị động, hiệu quả thấp. Chưa huy động được đầy đủ sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị làm công tác tư tưởng, văn hoá. Vai trò của nhiều cấp uỷ chưa nổi rõ. Nội dung, phương pháp công tác tư tưởng, văn hoá chậm được đổi mới, hoạt động của các lĩnh vực tư tưởng, văn hoá chưa đồng đều, chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp, các bộ phận. Nhiều vấn đề bức xúc của nhân dân trong lĩnh vực khoa giáo (ô nhiễm môi trường sinh thái; các vấn đề dạy thêm, học thêm, chất lượng giáo dục, viện phí, tình trạng quá tải bệnh viện, y đức, đạo đức cầu thủ, bạo lực gia đình…) chưa dược giải quyết kịp thời và triệt để.

3. Công tác nghiên cứu lý luận còn trong tình trạng lạc hậu trên một số mặt, chưa đáp ứng được những đòi hỏi của thực tiễn đang vận động nhanh chóng, phong phú và phức tạp. Nhiều vấn đề lớn, bức xúc đặt ra từ thực tiễn trong nước và quốc tế chưa tìm ra hướng giải quyết hoặc giải đáp chưa có sức thuyết phục. Kết quả các công trình nghiên cứu khoa học lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn có chất lượng chưa cao, ít có kết quả được ứng dụng, vận dụng vào thực tiễn. Hiệu quả nghiên cứu chưa tương xứng với sự đầu tư của Đảng và Nhà nước. Một số vấn đề lý luận đã được thảo luận, làm rõ nhưng chậm được kết luận, khẳng định để đưa vào thực hiện. Công tác lãnh đạo, quản lý các hoạt động lý luận còn chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn. Cơ chế, chính sách đối với hoạt động lý luận còn nhiều bất hợp lý. Đội ngũ cán bộ lý luận chưa có sự phát triển về chất, thiếu các chuyên gia đầu đàn trên các lĩnh vực trọng yếu.

4. Công tác tổ chức và cán bộ còn nhiều bất hợp lý. Mảng công tác khoa giáo cùng với mảng tư tưởng và văn hoá đã nhiều lần tách ra, nhập vào nhưng không phải lúc nào cũng đưa trên những luận cứ khoa học đầy đủ, nhất là ở cấp tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương. Nhiều cán bộ tuyên giáo được đào tạo thiếu tính hệ thống nên chất lượng tham mưu còn hạn chế, nhất là ở cấp Trung ương. Chưa có chế độ, chính sách phù hợp để thu hút được cán bộ giỏi, cán bộ có năng lực về làm công tác tuyên giáo. Nhiều vụ ở Ban Tuyên giáo Trung ương cũng như nhiều Ban Tuyên giáo ở cấp tỉnh, thành phố trong nhiều năm tuyển không đủ biên chế hoặc có đầy đủ biên chế thì một số cán bộ có trình độ rất hạn chế, khó phát triển trở thành những cán bộ giỏi để công tác lâu dài trong ngành. Nhiều người không muốn làm cán bộ tuyên giáo không chỉ vì điều kiện vật chất hạn chế mà còn do yếu tố tinh thần. Nhìn chung, xã hội chưa tôn trọng và đánh giá đúng vai trò của người cán bộ tuyên giáo so với công sức mà họ cống hiến cho Đảng và nhân dân.

II- MỘT SỐ BÀI HỌC CHỦ YẾU

1. Kiên định lập trường cách mạng, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh vào quá trình xây dựng và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng

Chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ thống lý luận cách mạng về giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng con người trong thời đại tư bản chủ nghĩa. Khi mới tiếp cận, Nguyễn Ái Quốc đã khẳng định: "Bây giờ học thuyết nhiều, chủ nghĩa nhiều, nhưng chủ nghĩa chân chính nhất, chắc chắn nhất, cách mệnh nhất là chủ nghĩa Lênin"[153], là con đường giải phóng đồng bào ta khỏi đọa đày đau khổ. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin và phong trào công nhân, phong trào yêu nước. Từ khi ra đời đến nay, dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào, Đảng vẫn xác định chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng lý luận cách mạng tiên tiến, bảo đảm tính đúng đắn và thành công cho sự lãnh đạo của mình. Đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin nhưng Đảng ta không rập khuôn máy móc, luôn luôn tìm tòi, vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh lịch sử của đất nước, làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin có sức sống lâu bền ở Việt Nam. Quá trình tiếp thu và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam đã dần hình thành nên tư tưởng Hồ Chí Minh. Đó không phải là một nhánh khác với chủ nghĩa Mác - Lênin mà là một sự cụ thể hoá, một bước phát triển của tinh thần "cách mạng giải phóng giai cấp" vào sự nghiệp "giải phóng dân tộc" ở Việt Nam. Quá trình vận dụng đồng thời là quá trình làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin trở thành hệ tư tưởng chủ đạo trong đời sống chính trị - xã hội; tư tưởng Hồ Chí Minh là kết quả tất yếu của sự vận dụng đó, đồng thời là di sản tinh thần vô giá của lịch sử dân tộc ta ở thế kỷ XX. Sau từng thời kỳ cách mạng, thông qua tổng kết thực tiễn, nhờ có trí tuệ của Đảng, của nhân dân mà lý luận cách mạng được nâng cao một bước, tiếp tục tạo đà cho cách mạng đi lên. Như vậy, chỉ có kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta mới đưa đất nước ta từng bước phát triển phù hợp với xu thế của thời đại.

Công tác tuyên giáo của Đảng thực chất là công tác định hướng và giáo dục chính trị, tư tưởng trong cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân. Chính vì vậy, trong công tác tuyên giáo thì sự kiên định lý tưởng, bảo vệ sự chân chính của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, khắc phục tính giáo điều, rập khuôn, máy móc được coi là sợi chỉ đỏ để bảo đảm tính đảng, tính cách mạng và tính khoa học cho chất lượng tham mưu.

Với vai trò là cầu nối giữa lý luận với thực tiễn, công tác tuyên giáo đã làm cho tinh thần cách mạng chân chính của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh thẩm thấu vào đảng viên, quần chúng nhân dân, hình thành lý tưởng cách mạng, tạo niềm tin, thôi thúc họ đi theo Đảng, theo

---

[153] Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.2, tr.268.

Bác Hồ để giành và giữ nền độc lập dân tộc và hướng tới chủ nghĩa xã hội.

2. Phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, bám sát cơ sở xây dựng điển hình tiên tiến làm hạt nhân cho phong trào cách mạng

Công tác tuyên giáo được vận hành theo một quy trình chặt chẽ trước hết là tham mưu cho Trung ương, các cấp uỷ đảng địa phương ban hành nghị quyết, chỉ thị; trên cơ sở đó giúp cấp trên tổ chức triển khai, đưa nghị quyết, chỉ thị đi vào cuộc sống, tạo ra những chuyển biến tích cực trong xã hội. Thực tiễn cho thấy nếu không biết phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị (trong đó vai trò của các cấp uỷ đảng đặc biệt quan trọng), làm hạt nhân cho sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ với các tổ chức, đoàn thể trong việc triển khai nghị quyết, chỉ thị của Đảng thì hiệu quả công tác tuyên giáo sẽ không đáp ứng được yêu cầu. Mặt khác, cũng cần phải nhận thức rằng: mọi chủ trương, đường lối của Đảng dù qua nhiều kênh khác nhau song đều hướng đến các cơ sở, lấy cơ sở làm hạt nhân cho phong trào cách mạng. Vì vậy, với vai trò giúp Trung ương, các cấp uỷ đảng trong việc triển khai, kiểm tra, đôn đốc cơ sở thực hiện nghị quyết, chỉ thị, công tác tuyên giáo phải hướng dẫn chương trình, kế hoạch hành động với những biện pháp đúng đắn, sáng tạo; huy động được sự tham gia tích cực, có trách nhiệm của các ban ngành, đoàn thể, tổ chức, đủ sức lôi cuốn được quần chúng hành động theo đúng tinh thần của nghị quyết chỉ thị.

Mục tiêu của các nghị quyết, chỉ thị là định hướng tư tưởng chính trị, thúc đẩy cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân hành động cách mạng, hành động một cách có tổ chức, được dẫn dắt bởi hệ thống chính trị và sự phối hợp của các ban, ngành, đoàn thể, tổ chức. Xác định phong trào cách mạng của quần chúng là động lực của cách mạng vì vậy công tác tuyên giáo không chỉ gắn liền với phong trào cách mạng của quần chúng mà còn có nhiệm vụ khơi dậy, tổ chức, hướng dẫn, tổng kết phong trào cách mạng của quần chúng. Phải coi phong trào cách mạng của quần chúng là sự phản ánh, là thước đo hiệu quả, chất lượng của công tác tuyên giáo. Trong quá trình cách mạng, các phong trào quần chúng đã góp phần quan trọng vào thắng lợi của cách mạng nước ta. Sở dĩ các phong trào cách mạng thu được thắng lợi chính là vì công tác tuyên giáo biết tổ chức, hướng dẫn các phong trào quần chúng, xác định mục tiêu cụ thể, xác thực, xây dựng kế hoạch rõ ràng, có cơ chế chính sách, có cán bộ đủ năng lực để hướng dẫn và lám nòng cốt cho phong trào. Mỗi phong trào đều có những tập thể, cá nhân điển hình nên công tác tuyên giáo không những phải nhanh nhạy, kịp thời phát hiện những điển hình để có biện pháp định hướng nâng tầm, nhân rộng, mà còn phải biết đúc kết bài học kinh nghiệm từ các phong trào đó. Bất kỳ phong trào nào cũng có những thành công, song ít nhiều cũng có những mặt hạn chế, thậm chí có khi còn vấp

phải những thất bại, do vậy, công tác tuyên giáo cũng phải biết nghiêm túc phân tích, chỉ ra bài học từ thất bại để khắc phục trong tương lai.

Thực tế đã chứng minh, ở đâu có phong trào tốt thì ở đó có công tác tuyên giáo đi đúng hướng, có sự quyết tâm chỉ đạo của các cấp uỷ đảng (với vai trò gương mẫu, nhiệt tâm của người đứng đầu), có sự vào cuộc với tinh thần trách nhiệm cao của các tổ chức, đoàn thể, đặc biệt là sự hưởng ứng tự giác của quần chúng.

3. Bám sát thực tiễn, kịp thời dự báo, định hướng tư tưởng chính trị, tạo sự đồng thuận xã hội trong quá trình triển khai chủ trương, đường lối của Đảng

Công tác tuyên giáo là làm cho chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước đi vào thực tiễn, tạo sự chuyển biến tích cực trong mọi mặt của đời sống xã hội, qua đó mang lại cuộc sống tốt đẹp và sự bình yên cho nhân dân. Tuy nhiên, mỗi khi Đảng, Nhà nước ban hành chủ trương, đường lối, chính sách mới hoặc trước những biến động trong nước và quốc tế, dư luận xã hội thường có những trạng thái đa chiều, đôi khi trái ngược nhau. Bởi vậy, một trong những nhiệm vụ quan trọng của công tác tuyên giáo là phải nhanh nhạy nắm bắt một cách xác thực diễn biến tư tưởng, tâm trạng xã hội, kịp thời đề xuất với cấp trên những giải pháp định hướng tư tưởng chính trị. Qua các thời kỳ cách mạng, nhờ có định hướng chính trị đúng và tương đối kịp thời nên công tác tuyên giáo đã góp phần xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước ngày càng vững mạnh, khẳng định và bảo vệ đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Cũng do nắm bắt kịp thời diễn biến tư tưởng, tâm trạng xã hội mà công tác tuyên giáo đã góp phần giữ gìn và củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng và sự đồng thuận trong xã hội; gắn kết chặt chẽ hơn với những nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, đấu tranh chống lại các luận điệu tuyên truyền, xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị. Định hướng đúng và kịp thời không những rất quan trọng đối với các vấn đề chiến lược của đất nước mà còn đối với các sự kiện thời sự quan trọng và những vấn đề mới nảy sinh có tác động lớn đến tâm trạng, dư luận và tư tưởng xã hội, qua đó nâng cao cảnh giác với những thủ đoạn lừa bịp, phá hoại của kẻ thù. Trong các lĩnh vực thuộc công tác tuyên giáo của Đảng, việc định hướng đúng và kịp thời trước hết phải được thực hiện đối với báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ cũng như tuyên truyền, bởi đó là những công cụ rất quan trọng, nhạy cảm, hằng ngày tác động đến đông đảo quần chúng nhân dân.

Để định hướng đúng và kịp thời thì những người làm công tác tuyên giáo phải luôn luôn bám sát thực tiễn, kịp thời nắm bắt diễn biến tư tưởng chính trị, nâng cao khả năng dự báo; đi trước, đi trong, đi sau mọi diễn biến của đời sống: dự báo chiều hướng phát triển tư tưởng chính trị của

các đối tượng trong xã hội phải căn cứ trên các cơ sở dữ liệu được thu thập (thông qua điều tra xã hội học, thông qua mạng lưới cộng tác viên, thông qua khai thác tư liệu từ các phương tiện thông tin đại chúng); từ đó phân tích khuynh hướng tư tưởng chính trị của xã hội; trên cơ sở như vậy mới có thể tham mưu cho cấp trên có giải pháp định hướng tư tưởng chính trị đúng và kịp thời.

4. Chủ động, kiên quyết phản bác một cách có cơ sở khoa học, có sức thuyết phục đối với những quan điểm sai trái, những luận điệu phản động

Như một quy luật tất yếu, ở bất kỳ nước nào trong quá trình cách mạng nói chung luôn luôn diễn ra cuộc đấu tranh giữa tích cực và tiêu cực, giữa cái mới và bảo thủ, giữa tiên tiến và lạc hậu. Cuộc đấu tranh này được cả hai phía huy động toàn bộ hệ thống chính trị, sử dụng lực lượng chuyên nghiệp, bán chuyên nghiệp, áp dụng tiến bộ khoa học - công nghệ. Mục tiêu của cuộc đấu tranh này là giữ vững định hướng chính trị của mình, phá vỡ chiến lược của đối phương. Ở nước ta, quá trình cách mạng kể từ khi có Đảng lãnh đạo đã cho thấy cuộc đấu tranh giữa chính nghĩa và phi nghĩa diễn ra rất phức tạp và khốc liệt; trong cuộc chiến này, Đảng ta đã biết phát huy tối ưu tài trí và sức mạnh quân sự theo đường lối "chiến tranh nhân dân", "chiến tranh toàn diện". Đấu tranh trên mặt trận tư tưởng chính trị bao giờ cũng là một nhiệm vụ quan trọng của công tác tuyên giáo, đặc biệt là định hướng và hướng dẫn nhân dân đấu tranh chống lại các thủ đoạn xảo quyệt, các luận điệu của các thế lực thù địch, phản động, những tư tưởng, quan điểm sai trái của bọn cơ hội chính trị, bọn phản động trong nước và nước ngoài chống phá cách mạng nước ta. Cuộc đấu tranh này diễn ra hằng ngày một cách gay gắt, phức tạp, trên mọi lĩnh vực, thông qua nhiều kênh thông tin, nên đòi hỏi công tác tuyên giáo phải được giữ vững và phát huy thế chủ động tiến công. Do đó, phải bám sát thực tiễn, nghiên cứu, phân tích đúng tình hình tư tưởng chính trị trong từng thời gian, thời điểm thì mới đề ra được phương hướng, nhiệm vụ đấu tranh tư tưởng đúng, mới làm thất bại được hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, giữ vững được an ninh tư tưởng chính trị.

Muốn giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh tư tưởng chính trị thì những người làm công tác tuyên giáo phải chủ động phát hiện âm mưu, phân tích rõ thủ đoạn và cách thức chống phá của lực lượng phản động, trên cơ sở đó đấu tranh kiên quyết, không khoan nhượng nhưng lại có sức thuyết phục, mở rộng đối thoại với những người có quan điểm sai trái, giúp họ nhận thức được sai lầm, ăn năn, hối cải đi theo cách mạng. Trong gần 25 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, công tác tuyên giáo đã liên tục, thường xuyên đấu tranh và đã đấu tranh có kết quả, làm thất bại âm mưu và hoạt động chống phá của những bọn cơ hội chính trị, các thế lực thù địch, những người có tư tưởng dân chủ cực đoan, vô tổ chức, kỷ luật, phát

ngôn vô chính phủ... Nhờ đó, an ninh tư tưởng chính trị được giữ vững, công cuộc đổi mới thu được những thành tựu to lớn, có nghĩa lịch sử.

Trong những năm đổi mới vừa qua, đất nước tiến hành mở cửa, hội nhập quốc tế, cơ chế thị trường có những mặt tích cực song cũng có mặt trái, làm xuất hiện khá nhanh nhiều vấn nạn như tham nhũng, quan liêu, lãng phí, mất dân chủ và nhiều tiêu cực khác trong xã hội... Công tác tuyên giáo đã kịp thời tuyên truyền, giáo dục và tích cực đấu tranh chống tiêu cực, góp phần giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" (mà công tác tuyên giáo đang đóng vai trò quan trọng) chính là nhằm hướng tới mục tiêu làm cho mọi người Việt Nam nhận thức đúng, tự giác học tập, noi gương và có hành động theo những nét đẹp trong phẩm chất cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh; trên cơ sở đó, góp phần tạo lập nền tảng tinh thần dân tộc trong thời đại mới

5. Quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ tuyên giáo có bản lĩnh, tâm huyết với nghề, có tri thức và phương pháp công tác khoa học

Do tính chất và yêu cầu cách mạng trong mỗi thời kỳ cách mạng mà hệ thống Ngành Tuyên giáo có lúc hoà nhập giữa công tác tư tưởng - văn hoá với khoa giáo, có lúc tách ra làm hai để bảo đảm tính chuyên sâu. Tuy về cơ cấu tổ chức bộ máy không nhất thể trong suốt 80 năm qua nhưng đều được Trung ương quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện thận lợi để củng cố, hoàn thiện bộ máy, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, từng bước bổ sung, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị làm việc. Nhất là từ sau khi có Quyết định số 80-QĐ/TW của Bộ Chính trị (28-8-2007) đến nay Ngành Tuyên giáo đã có được một hệ thống cơ cấu tổ chức khá hoàn thiện, bảo đảm tính thống nhất từ trung ương tới địa phương; đội ngũ cán bộ ngày càng đông về số lượng, đang dần đảm nhận tốt các mảng công tác theo chức năng, nhiệm vụ được cấp trên giao.

Đứng trước những yêu cầu mới, nhiệm vụ của công tác tuyên giáo ngày càng nặng nề, phức tạp, đòi hỏi người làm công tác tuyên giáo phải có bản lĩnh chính trị, có lập trường kiên định, vững vàng, nhạy bén trước sự biến đổi của thời cuộc; phải không ngừng tri thức hoá, chuyên nghiệp hoá đội ngũ cán bộ Ngành Tuyên giáo. Công tác tuyên giáo không đơn thuần là một nghề nghiệp như trong lao động sản xuất, trong nghiên cứu khoa học mà là một loại hình hoạt động xã hội thiên về định hướng tư tưởng chính trị. Do vậy, mỗi cán bộ công tác trong lĩnh vực tuyên giáo phải có được sự tổng hoà trên nhiều phương diện có liên quan tới tư tưởng chính trị - xét trên khía cạnh này thì công tác tuyên giáo thực sự là một khoa học tổng hợp. Thực tế cho thấy: nhiều giá trị lịch sử truyền thống, nhiều giá trị văn hoá, đạo đức truyền thống cũng như các yếu tố tâm lý, tôn

giáo, tín ngưỡng... đã được vận dụng khá sâu sắc vào công tác tuyên giáo, nên có tính thuyết phục cao đối với quần chúng nhân dân.

Việc bảo đảm tính khoa học là một nguyên tắc cơ bản của công tác tuyên giáo, tức là những sản phẩm của công tác tuyên giáo phải có hàm lượng chất xám cao, là sự hội tụ giữa cái "tâm" giàu nhiệt huyết và cái "tầm" giàu tri thức khoa học. Cái "tâm" của người cán bộ tuyên giáo được thể hiện ở tinh thần kiên định, tự giác, dám vượt qua khó khăn, thiệt thòi về vật chất, có kỷ luật nghiêm khắc, có thái độ cầu thị. Cái "tầm" của người cán bộ tuyên giáo được thể hiện ở trình độ chuyên môn theo từng lĩnh vực chuyên ngành được đào tạo và được giao nhiệm vụ, bên cạnh đó còn phải có một nền tảng văn hoá vững chãi. Tính khoa học của công tác tuyên giáo được thể hiện trong nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh gắn với các vấn đề bức thiết trong thực tiễn. Vì thế, cần thiết phải có các đề tài nghiên cứu cụ thể, lý giải bản chất của các sự kiện, hiện tượng trong đời sống xã hội một cách khách quan, khoa học, có sức thuyết phục, để làm căn cứ hình thành đường lối, chính sách, pháp luật. Công tác tuyên giáo phải mang tính xác thực, phản ánh đúng hiện thực khách quan với thái độ nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật. Khi tuyên truyền không nói một chiều, không tô hồng, không bôi đen. Khi biểu dương hoặc phê phán đều phải có thái độ đúng mức, tôn trọng sự thật khách quan và mang ý thức xây dựng ngay cả trong khi phê phán.

Nhiệm vụ trước tiên của công tác tuyên giáo là tham mưu về chủ trương, đường lối, chính sách cho Đảng và Nhà nước, nên đòi hỏi mỗi cán bộ tuyên giáo phải có tính chủ động, tính độc lập trong tư duy, đồng thời lại phải biết phối hợp chặt chẽ với đồng nghiệp, với các cơ quan trong khối, nhất là biết lắng nghe ý kiến từ cơ sở thông qua phát huy tính dân chủ. Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Khi mọi người đã phát biểu ý kiến, đã tìm thấy chân lý, lúc đó quyền tự do tư tưởng hóa ra *quyền tự do phục tùng chân lý*[154]". Điều đó cho thấy công tác tuyên giáo không thể gò ép, mệnh lệnh như kiểu quản lý hành chính, càng không thể chủ quan duy ý chí, độc đoán, áp đặt. Công tác tuyên giáo càng mở rộng dân chủ thì càng khuyến khích mọi người khám phá, sáng tạo, tìm tòi những tri thức mới đóng góp cho Đảng, Nhà nước trong quá trình lãnh đạo cách mạng.

Ngày nay, khi mà khoa học công nghệ phát triển như vũ bão, các luồng thông tin được truyền đi trên nhiều kênh, rất đa chiều, với tốc độ cực nhanh; các thế lực thù địch đã và đang sử dụng rất hiệu quả các phương tiện thông tin hiện đại (nhất là mạng internet) để tung tin thất thiệt, bôi nhọ Đảng và Nhà nước ta. Do vậy, công tác tuyên giáo phải rất nhanh nhạy, không thể chỉ sử dụng mỗi hình thức "tuyên truyền miệng" mà phải phát huy tổng hợp các loại hình báo chí, truyền hình, truyền thanh, mạng

[154] Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.8, tr.216.

internet…; tức là phải phát huy thế mạnh của các "binh chủng" trên mặt trận tuyên giáo, đồng thời phải hiện đại hoá phương tiện thông tin để đấu tranh có hiệu quả, chống lại cuộc chiến thông tin hiện đại do kẻ địch thực hiện.

Phần thứ ba

NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CƠ BẢN TRONG CÔNG TÁC TUYÊN GIÁO CỦA ĐẢNG ĐẾN NĂM 2020

I - DỰ BÁO TÌNH HÌNH THẾ GIỚI VÀ TRONG NƯỚC NHỮNG NĂM SẮP TỚI

1. Trên thế giới

Trong thập niên tới, hòa bình, hợp tác vẫn là xu thế lớn của sự phát triển. Chiến tranh thế giới khó có khả năng xảy ra nhưng các cuộc xung đột sắc tộc, tôn giáo, lãnh thổ, nạn khủng bố, tranh giành tài nguyên... có thể sẽ gia tăng, cùng với những thách thức như đói nghèo, dịch bệnh, biến đổi khí hậu và các thảm họa thiên nhiên khác, buộc các quốc gia phải tích cực phối hợp hành động để giải quyết các vấn đề này. Toàn cầu hóa tiếp tục phát triển cả về quy mô, mức độ và hình thức biểu hiện với những tác động tích cực và tiêu cực, cơ hội và thách thức đan xen rất phức tạp; nhiều liên kết mới xuất hiện. Sau khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu, thế giới sẽ bước vào một giai đoạn phát triển mới; một trật tự kinh tế quốc tế mới công bằng hơn sẽ được thiết lập.

Cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội tiếp tục phát triển. Phong trào cánh tả được mở rộng. Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế mặc dù có nhiều khó khăn, thách thức nhưng đang có dấu hiệu hồi phục.

Châu Á - Thái Bình Dương tiếp tục phát triển năng động và đang hình thành nhiều hình thức liên kết, hợp tác đa dạng hơn. Tuy vậy, khu vực này vẫn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định như: tranh giành ảnh hưởng và quyền lực, tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo, tài nguyên, giành quyền kiểm soát đường vận chuyển hàng hoá quan trọng nhất trong thương mại quốc tế...

Các nước ASEAN bước vào thời kỳ hợp tác mới theo *Hiến chương ASEAN* và xây dựng Cộng đồng dựa trên ba trụ cột: chính trị an ninh, kinh tế, văn hóa - xã hội. Hợp tác giữa ASEAN với các đối tác tiếp tục phát triển và đi vào chiều sâu. Mặt khác, ASEAN cũng phải đối phó với những thách thức chung của cả khối cũng như vấn đề nội bộ phức tạp ở một số nước.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, thu hút sự tham gia ngày càng nhiều quốc gia thúc đẩy quá trình hình thành xã hội thông tin và nền kinh tế tri thức. Do đó, con người và tri thức đang trở thành lợi thế chủ yếu của mỗi quốc gia. Khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu đã chứng tỏ sự thất bại của chính sách kinh tế theo chủ nghĩa tự do mới. Mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường sẽ được định vị lại theo hướng coi trọng vai trò của Nhà nước trong việc ổn định kinh tế vĩ

mô và thực hiện chức năng phát triển. Quá trình tái cấu trúc các nền kinh tế và điều chỉnh các thể chế điều tiết tài chính toàn cầu sẽ diễn ra mạnh mẽ, gắn với những bước tiến mới về khoa học và công nghệ, sử dụng tiết kiệm năng lượng, tài nguyên. Mặt khác, khủng hoảng tài chính – kinh tế toàn cầu đã làm giảm mạnh thương mại, đầu tư toàn cầu và trỗi dậy chủ nghĩa bảo hộ, đây sẽ là những thách thức đối với những nền kinh tế có độ mở lớn như nước ta.

2. Ở trong nước

Những thành tựu to lớn, toàn diện trong gần 25 năm đổi mới đã tạo ra sức mạnh tổng hợp, thế và lực của đất nước lớn mạnh hơn nhiều so với trước. Việc ra khỏi tình trạng kém phát triển đã làm cho vị thế đất nước tăng lên, chính trị - xã hội ổn định, khối đại đoàn kết được mở rộng, an ninh quốc phòng được giữ vững, quan hệ đối ngoại theo hướng mở rộng, đa phương hoá, đa dạng hoá, đất nước đứng trước nhiều cơ hội lớn, nhiều điều kiện, tiền đề thuận lợi để phát triển mạnh mẽ và bền vững, đẩy mạnh công nghiệp hoá - hiện đại hoá, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, đất nước vẫn phải đối mặt với những thách thức, nguy cơ không thể xem thường. Chất lượng phát triển kinh tế - xã hội còn thấp, chưa bảo đảm sự hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường, giữa nâng cao đời sống vật chất với phát triển văn hoá, đạo đức, tinh thần giữa các vùng miền, các tầng lớp nhân dân. Phân hoá, phân cực giàu nghèo còn lớn, có xu hướng tăng. Trật tự an toàn xã hội có biểu hiện đáng lo ngại; các yếu tố đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa trong phát triển kinh tế thị trường chậm được tăng cường; tình hình thoái hoá biến chất trong một bộ phận cán bộ, đảng viên còn nghiêm trọng. Các thế lực thù địch tăng cường hoạt động "diễn biến hoà bình", chống phá ta vừa tinh vi, vừa trắng trợn trên các lĩnh vực dân chủ, nhân quyền, dân tộc, tôn giáo. Tình hình thiên tai, dịch bệnh, tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu diễn biến phức tạp...

Như vậy, nước ta bước vào thời kỳ chiến lược mới trong bối cảnh thế giới đang thay đổi rất nhanh, phức tạp và khó lường. Bối cảnh quốc tế đặt ra cho nước ta những tiền đề và cơ hội to lớn cùng những khó khăn và thách thức gay gắt, tác động đan xen rất phức tạp. Giữ vững độc lập chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm môi trường hoà bình và ổn định, tận dụng cơ hội, đối mặt và vượt qua thách thức, đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững, rút ngắn khoảng cách phát triển là nhiệm vụ nặng nề của nước ta trong thời kỳ 2011-2020.

Đây là những thách thức, nguy cơ đối với đất nước trong những năm tới, đã đặt ra cho công tác tuyên giáo những nhiệm vụ quan trọng.

II. MỤC TIÊU

Trong những năm tới, công tác tuyên giáo hướng tới mục tiêu tiếp tục làm tốt công tác tham mưu cho Đảng về các vấn đề chính trị, tư tưởng, văn hoá, khoa giáo nhằm góp phần tích cực vào việc tuyên truyền, bảo vệ, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Cổ vũ toàn Đảng, toàn dân thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập kinh tế quốc tế, xây dựng đất nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020; Tham gia tích cực, có hiệu quả vào cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức; Giữ vững và mở rộng trận địa tư tưởng của Đảng, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác tuyên giáo.

III- PHƯƠNG HƯỚNG

Định hướng nghiên cứu khoa học lý luận, nghiên cứu khoa học gắn chặt với tổng kết thực tiễn trong nước và thế giới. Khẳng định tính đúng đắn, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh để phát triển đường lối đổi mới của Đảng. Giải đáp có sức thuyết phục những vấn đề lý luận và thực tiễn do công cuộc đổi mới đặt ra. Từ đó từng bước tiếp tục làm sáng tỏ lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Tập trung chỉ đạo việc đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục lý luận chính trị để truyền bá một cách rộng rãi, sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, các Văn kiện Đại hội XI của Đảng, các Nghị quyết Trung ương, Bộ Chính trị nhiệm kỳ XI, nhằm xây dựng thế giới quan và phương pháp luận khoa học cho cán bộ, đảng viên và đông đảo quần chúng nhân dân, tạo sự nhất trí cao trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội về cương lĩnh, đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước.

Tăng cường tuyên truyền, động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân quyết tâm tự giác, tích cực, sáng tạo thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, để nhân dân có niềm tin tất thắng vào sự nghiệp đổi mới của Đảng và chủ nghĩa xã hội. Nâng cao hiệu quả Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh". Tuyên truyền kiến thức về quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Nâng cao cảnh giác cách mạng, tiến hành kiên quyết và phối hợp đồng bộ để đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "diễn biến hoà bình" trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, văn hoá, kinh tế, xã hội…; ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hoá. Phản bác kịp thời những luận điệu xuyên tạc, phủ định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng

của bọn phản động và các thế lực thù địch. Đổi mới công tác tuyên truyền nhằm tăng tính thuyết phục, hiệu quả, nâng cao tính chủ động và tính chiến đấu, tạo được sự gắn bó với nhân dân và thực tiễn đất nước. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước; phát hiện, nhân rộng điển hình, nhân tố mới; thực hiện phương châm "lấy cái đẹp dẹp cái xấu"; đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

Lãnh đạo việc xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Bồi dưỡng các thế hệ con người Việt Nam phát triển toàn diện. Nghiên cứu và truyền bá rộng rãi những giá trị mới của con người Việt Nam trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với việc bảo vệ, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc; đồng thời tích cực triển khai cuộc đấu tranh chống sự lai căng, vọng ngoại, lệ thuộc nước ngoài; đặc biệt chú trọng công tác giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ về bản lĩnh chính trị, văn hoá của con người Việt Nam.

Để giáo dục thực sự là quốc sách hàng đầu, công tác tuyên giáo cần chỉ đạo đổi mới và phát triển toàn diện, mạnh mẽ giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đổi mới cơ chế quản lý giáo dục, giao quyền tự chủ cao cho các cơ sở giáo dục. Động viên đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, báo chí không ngừng phát triển, sáng tạo khoa học và công nghệ, đưa công nghệ tiên tiến vào sản xuất hàng hóa để nâng cao tính cạnh tranh ở trong và ngoài nước, thúc đẩy nền kinh tế nước ta phát triển nhanh, mạnh, bền vững. Đào tạo, bồi dưỡng được một đội ngũ trí thức không chỉ đông đảo về số lượng, đồng bộ về cơ cấu mà còn phải bảo đảm về chất lượng - cả về trí tuệ và phẩm chất - đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Bảo đảm an sinh xã hội. Nâng cao chất lượng chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân và công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình. Phát triển mạnh phong trào thể dục thể thao.

Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ tuyên giáo trên tất cả các lĩnh vực đáp ứng nhiệm vụ trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Đổi mới cơ chế chính sách đối với cán bộ chuyên trách công tác tuyên giáo, kiện toàn và tăng cường cơ quan tham mưu về công tác tuyên giáo các cấp, nhất là ở cấp Trung ương và các tỉnh, thành phố.

IV. MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Thực hiện tốt chức năng định hướng nghiên cứu lý luận chính trị và đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn

Thực tiễn trong công tác tham mưu của các ban Đảng đã cho thấy công tác nghiên cứu khoa học, lý luận có ý nghĩa và vai trò rất quan trọng. Trước hết, nhu cầu nghiên cứu khoa học xuất phát từ nhiệm vụ của các

ban Đảng trong việc tham mưu cho Bộ Chính trị và Ban Bí thư về các chủ trương chính sách của Đảng cả về phương diện vĩ mô lẫn vi mô. Để những vấn đề tham mưu có sức thuyết phục và các chủ trương chính sách sau khi ban hành có thể đi ngay vào cuộc sống thì việc đầu tiên là các cán bộ tham mưu phải nắm được đúng tình hình thực tiễn. Muốn có được bằng chứng, những người tham mưu chính sách phải tiến hành điều tra những gì đang diễn ra trong xã hội mà có liên quan đến những chính sách đó. Vì vậy, điều tra thực tiễn là một hình thức nghiên cứu khoa học rất phổ cập của các cán bộ tham mưu.

Thông qua nghiên cứu khoa học, lý luận, cán bộ tham mưu mới có cơ hội nắm bắt những kiến thức hiện đại, không bị lạc hậu trước sự tiến bộ kiến thức của nhân loại theo thời gian. Đối với những cán bộ làm công tác tham mưu trong các ban Đảng cần am hiểu ở một mức độ nhất định về kiến thức chuyên ngành. Vì vậy, nghiên cứu khoa học cũng sẽ giúp có được những kiến thức hoặc những hiểu biết quý báu đó. Ngoài ra, những kinh nghiệm của các quốc gia khác nhau về cách xử lý đối với các vấn đề kinh tế- xã hội cũng rất đa dạng và có nhiều kinh nghiệm có ý nghĩa cho việc tham mưu. Trong xu thế toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế, việc nghiên cứu kinh nghiệm của các nước và việc rút ra những bài học từ sự thành công cũng như thất bại sẽ có thể giúp một quốc gia rút ngắn con đường xây dựng đất nước.

Vì vậy, cán bộ tuyên giáo cần đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, lý luận và tổng kết thực tiễn để nhận thức toàn diện, sâu sắc về: cách mạng Việt Nam, về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, từ đó giải đáp có sức thuyết phục, có tính khoa học những vấn đề do thực tiễn Việt Nam và thế giới đương đại đặt ra. Từ đó kiên trì xây dựng và từng bước triển khai triết lý phát triển của Việt Nam trên cơ sở vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, góp phần bổ sung, phát triển cương lĩnh, đường lối đổi mới của Đảng.

Thực sự quan tâm đến công tác lý luận chính trị theo tinh thần “không có lý luận cách mạng thì không có cách mạng vận động". Để vận dụng đúng đắn các nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin vào nước ta, trước hết cần trung thành với những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, đồng thời phải xuất phát từ thực tiễn Việt Nam, tránh cả hai xu hướng cơ hội, xét lại hay giáo điều, bắt chước. Cần nhận thức rõ tác hại của sự lạc hậu về lý luận, lý luận không đủ sức giải đáp những yêu cầu của thực tiễn, đi sau thực tiễn để từ đó có sự quan tâm đúng mức đến công tác lý luận chính trị. Trong nghiên cứu lý luận, cần phát huy dân chủ, phát huy trí tuệ trong Đảng và xã hội, coi trọng công tác tổng kết thực tiễn.

Việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lý luận chính trị trong giai đoạn 2010-2020 xuất phát từ nhiệm vụ chính trị và yêu cầu của cách mạng: kết hợp

công tác giáo dục lý luận chính trị với công tác giáo dục văn hoá, khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ; kết hợp giáo dục có hệ thống những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin với quan điểm, đường lối của Đảng và những vấn đề thực tiễn có tính thời sự chính trị đang diễn ra. Kết hợp việc nâng cao những kiến thức lý luận, chính trị, kinh tế với nâng cao phẩm chất đạo đức cách mạng; phát huy tác dụng của việc phê bình và tự phê bình. Quan tâm đến đội ngũ cán bộ làm công tác lý luận chính trị, trước hết là phát huy năng lực tư duy sáng tạo, ý thức cống hiến qua việc bảo đảm quyền tự do tư tưởng, tôn trọng, lắng nghe, khuyến khích, tạo điều kiện cho việc nghiên cứu lý luận chính trị và giảng dạy lý luận chính trị.

Chỉ đạo việc tổ chức lại toàn bộ lực lượng nghiên cứu lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn theo hướng tinh gọn, chất lượng, có tính hệ thống và mối liên hệ chặt chẽ giữa các cơ quan đơn vị nghiên cứu. Xây dựng và nâng cao chất lượng trong hoạt động nghiên cứu lý luận, tăng cường thảo luận, tranh luận khoa học, bảo đảm cho việc sáng tạo, phát huy trí tuệ của cá nhân và tập thể khoa học.

2. Tích cực góp phần trực tiếp cho công tác xây dựng Đảng

Công tác xây dựng Đảng được tiến hành trên tất cả các lĩnh vực về chính trị, tư tưởng, đạo đức và văn hoá, gắn chặt nhiệm vụ chỉnh đốn đảng với cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí, chống suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên.

Công tác tuyên giáo tập trung cho nhiệm vụ nói trên cần chú trọng đồng thời cả bốn nội dung: chính trị, tư tưởng, đạo đức và văn hoá trong hoạt động xây dựng Đảng, trong đó, đặc biệt tập trung cho Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh".

Để thực hiện nhiệm vụ này cần triển khai các giải pháp lớn như: Trên cơ sở các kết quả mới trong nghiên cứu lý luận cần tổ chức việc học tập, vận dụng những nhận thức mới về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, xây dựng và thực hiện cơ chế giám sát đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên; có chính sách bảo đảm việc sử dụng các sản phẩm, giá trị văn hoá, văn nghệ trong hoạt động tư tưởng, nâng cao hiệu quả giáo dục đảng viên; triển khai thường xuyên, bảo đảm thực chất, hiệu quả phương châm phê và tự phê bình, xây và chống trong sinh hoạt Đảng, chú trọng nêu gương tốt và các biểu hiện xấu để khẳng định và phê phán trong công tác xây dựng Đảng và trên các phương tiện thông tin đạo chúng.

3. Nâng cao chất lượng công tác tuyên truyền về đường lối đổi mới của Đảng

Tích cực tuyên truyền, động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân tự giác, sáng tạo thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách,

pháp luật của Nhà nước, để nhân dân có niềm tin tất thắng vào sự nghiệp đổi mới của Đảng và chủ nghĩa xã hội.

- Nâng cao hiệu quả Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", đưa cuộc vận động ngày càng đi vào chiều sâu, xuất hiện ngày càng nhiều những tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Bác. Cán bộ lãnh đạo các cấp phải là những tấm gương trong Cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh", lời nói gắn liền với việc làm, "học tập" phải đi đôi với "làm theo".

- Tuyên truyền kiến thức về quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Nâng cao cảnh giác cách mạng, tiến hành kiên quyết, phối hợp đồng bộ nhằm đánh bại mọi âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "diễn biến hòa bình" trong các lĩnh vực chính trị, tư tưởng văn hóa, kinh tế, xã hội...; ngăn chặn, đẩy lùi những biểu hiện tự diễn biến, tự chuyển hóa.

- Công tác tuyên giáo cần phải nâng cao tính định hướng, tính chiến đấu, tính thuyết phục, tính hiệu quả. Phải thường xuyên bám sát thực tiễn, tăng cường tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân; chủ động nắm bắt, đánh giá, dự báo, kịp thời giải quyết những diễn biến tư tưởng, tâm trạng của nhân dân. Tập trung xử lý các kiến nghị, khiếu nại tố cáo của nhân dân, nhất là những vấn đề liên quan đến nạn tham nhũng, lãng phí, quan lieu, mất dân chủ, thiếu kỷ cương, ức hiếp nhân dân của cán bộ, đảng viên.

- Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước; cổ vũ mọi tầng lớp nhân dân phát huy tính tự lực, tự cường, nỗ lực vượt qua mọi thử thách, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội. Tích cực thực hiện phong trào xóa đói, giảm nghèo và phấn đấu ngày càng có nhiều người giàu. Nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, thực hiện phương châm "lấy cái đẹp dẹp cái xấu". Nhân rộng, tạo sức lan tỏa lớn các gương điển hình, nhân tố mới; giữ gìn những giá trị nhân văn cao đẹp trong cuộc sống.

4. Chủ động góp phần trực tiếp và đạt hiệu quả thiết thực trong việc thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội

Cần khẳng định và chỉ đạo thực hiện tốt quan điểm cho rằng công tác tuyên giáo phải trở thành một bộ phận, một thành tố hữu cơ, gắn chặt với toàn bộ quá trình triển khai các hoạt động kinh tế - xã hội, văn hoá và các lĩnh vực khác như: giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, giải quyết những vấn đề bức xúc của nhân dân, nhất là những vấn đề tồn tại từ lâu và những vấn đề nảy sinh trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, hội nhập quốc tế.

Để thực hiện nhiệm vụ trên cần triển khai các giải pháp lớn như: Thường xuyên bám sát, nắm chắc các nhiệm vụ lớn của đất nước, tạo sự gắn kết chặt chẽ với công tác tuyên giáo trong từng thời kỳ, từng nhiệm vụ; tập

trung tuyên truyền, cổ vũ, khẳng định những nhân tố mới, các giá trị mới, điển hình tiên tiến, đồng thời kiên quyết, kịp thời phê phán, lên án cái xấu xa, tiêu cực...; huy động sức mạnh, ưu thế của tất cả các loại hình công tác tuyên giáo như thông tin đại chúng, xuất bản, văn hoá, văn nghệ, tuyên truyền cổ động… tham gia thực hiện nhiệm vụ trên; kịp thời phát hiện những vấn đề bức xúc trong đời sống nhân dân, phối hợp giải quyết đúng và có hiệu quả, đáp ứng được lòng tin, nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Cùng với toàn Đảng, toàn quân, toàn dân thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 7 khoá X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, ở đây, chỉ xin nhấn mạnh một số nội dung đối với ngành tuyên giáo:

- Cải cách giáo dục nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo đại học và sau đại học, đưa cán bộ, học sinh, sinh viên có đạo đức và triển vọng đi đào tạo ở các nước phát triển; đa dạng hoá các loại hình đào tạo, bồi dưỡng ở trong và ngoài nước; gắn công tác đào tạo với nghiên cứu khoa học và sản xuất kinh doanh... để có một đội ngũ trí thức đông về số lượng, mạnh về chất lượng, phục vụ tốt quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng của Đảng và Nhà nước khẩn trương xây dựng và ban hành quy chế dân chủ trong hoạt động khoa học và công nghệ, nghiên cứu lý luận, giáo dục và đào tạo, văn hoá và văn nghệ; bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách, tạo điều kiện để trí thức tự khẳng định, phát triển, cống hiến và được xã hội tôn vinh.

- Xây dựng cơ chế, chính sách thiết thực để trọng dụng, tôn vinh những trí thức phát triển bằng chính phẩm chất, tài năng và những kết quả cống hiến của mình cho đất nước.

- Bồi dưỡng lòng yêu nước và lý tưởng cách mạng để trí thức nhận rõ vinh dự và bổn phận trước Tổ quốc và dân tộc, không ngừng phấn đấu nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực chuyên môn, đóng góp nhiều nhất cho sự phát triển của đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

- Xây dựng một nền y tế theo hướng "công bằng", "hiệu quả", “phát triển" để thực sự góp phần vào bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân, đồng thời góp phần tích cực vào an sinh xã hội.

5. Nghiên cứu, tổng kết, xây dựng và truyền bá rộng rãi những giá trị mới của con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá

Nhiệm vụ này gắn với việc bảo vệ, giữ gìn và phát huy bản sắc, cốt cách dân tộc, đồng thời có kế hoạch cơ bản triển khai cuộc đấu tranh chống sự lai căng, vọng ngoại, lệ thuộc nước ngoài, đặc biệt chú trọng công tác

giáo dục, bồi dưỡng thế hệ trẻ, nhất là học sinh, sinh viên về bản lĩnh chính trị, văn hóa của con người Việt Nam.

Xây dựng và thực hiện hệ giá trị của nhân cách con người Việt Nam thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, các chuẩn mực đạo đức - văn hoá phù hợp với từng đối tượng, triển khai sâu rộng nhiệm vụ xây dựng chuẩn mực đạo đức đối với các tầng lớp xã hội; thực hiện tốt chiến lược phát triển giáo dục và đào tạo, dạy nghề, khoa học công nghệ, y tế, thể dục thể thao, văn hoá, văn học, nghệ thuật; xây dựng cơ chế, chính sách huy động sức mạnh văn hoá, văn nghệ, tham gia củng cố, phát triển đạo đức xã hội; chỉ đạo đưa Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá" đi vào chiều sâu, hiệu quả thiết thực. Kiên trì tổ chức cuộc đấu tranh đẩy lùi, khắc phục sự thoái hoá, biến chất, những biểu hiện tiêu cực trong lối sống, đạo đức của cán bộ, đảng viên và quần chúng, đặc biệt quan tâm thế hệ trẻ.

6. Đổi mới mạnh mẽ, sâu sắc và vững chắc nội dung, phương thức công tác tuyên giáo của Đảng theo định hướng cơ bản là tăng cường tính thuyết phục, hiệu quả, nâng cao tính chủ động và tính chiến đấu

Đổi mới phương thức công tác tuyên giáo của Đảng theo định hướng cơ bản là tăng cường tính thuyết phục, hiệu quả, nâng cao tính chủ động và tính chiến đấu, tạo bằng được sự gắn bó với nhân dân và thực tiễn đất nước.

Có kế hoạch rà soát lại theo yêu cầu đổi mới tất cả các lĩnh vực của công tác tuyên giáo, xây dựng lộ trình thực hiện đổi mới cho từng nội dung, từng lĩnh vực để đến năm 2015 tạo bằng được diện mạo mới, chất lượng và hiệu quả mới của công tác tuyên giáo; tổ chức lại lực lượng báo chí, truyền thông đại chúng, phát huy mạnh mẽ tính *tích cực, vai trò phản biện và giám sát* của báo chí, các phương tiện truyền thông đại chúng. Tiếp tục phát triển sự nghiệp báo chí, xuất bản đi đôi với tăng cường công tác lãnh đạo và quản lý trong lĩnh vực này. Tổ chức nghiên cứu đổi mới sâu sắc công tác lãnh đạo, quản lý và bản thân hoạt động báo chí, xuất bản; xác lập nhiệm vụ khảo sát, điều tra dư luận xã hội là một cơ sở khách quan có tính bắt buộc khi thực hiện các nhiệm vụ của công tác tư tưởng; chuyển hướng mạnh mẽ từ thông tin một chiều, định hướng từ trên xuống sang chú trọng phương châm thông tin hai chiều, tăng cường đối thoại, lắng nghe, đặc biệt thông tin từ cơ sở lên, nhằm định hướng đúng trên cơ sở nắm vững thực tiễn, thông tin chuẩn xác; xây dựng các chương trình học tập, tuyên truyền, giáo dục cho từng đối tượng cụ thể theo trình độ, nghề nghiệp, giới, vùng, miền; nghiên cứu nội dung và phương pháp phối hợp để phát huy sức mạnh tổng hợp của công tác tuyên giáo, đặc biệt trong các hoạt động có quy mô lớn, trọng điểm, nhân các ngày kỷ niệm; nghiên cứu và thực hiện đổi mới căn bản các hoạt động kỷ niệm

các ngày lễ lớn theo hướng thiết thực, gắn với nhu cầu văn hoá, nguyện vọng của nhân dân, từng bước xây dựng các lễ hội mới, lễ hội cách mạng do nhân lâu làm chủ, tự quản. Nhằm bảo đảm cho quá trình đổi mới công tác tuyên giáo đạt hiệu quả vững chắc từ trung ương đến cơ sở, cần chú trọng xây dựng và thực hiện các chính sách mới đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác tư tưởng trong thời kỳ mới.

7. Triển khai đồng bộ, chủ động cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, phản bác các luận điệu của các thế lực thù địch, chống phá Đảng và Nhà nước

Để thực hiện nhiệm vụ nói trên, cần phải làm thất bại âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hoà bình" của các thế lực thù địch nhằm thực hiện đa nguyên chính trị, bạo loạn lật đổ, đồng thời tỉnh táo phòng, chống nguy cơ "tự diễn biến" có khả năng tiến triển nhanh trước tình thế mới của cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận.

Phản bác kịp thời những luận điệu xuyên tạc, phủ nhận chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối đổi mới của Đảng của bọn phản động thù địch; làm cho chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối đổi mới của Đảng giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần của toàn xã hội.

Chú trọng nghiên cứu một cách khách quan các khuynh hướng tư tưởng, lý luận của các thế lực thù địch làm cơ sở để chủ động tiến công, phản bác; tổ chức lại lực lượng tham gia cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, lý luận; tạo diễn đàn tranh luận những vấn đề lý luận đang có nhiều ý kiến khác nhau.

8. Xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác tuyên giáo

Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác tuyên giáo một cách đồng bộ trên tất cả các lĩnh vực: tư tưởng, lý luận tuyên truyền, giáo dục và đào tạo, dạy nghề, thông tin đại chúng, văn hoá, văn nghệ, điều tra dư luận xã hội và đối với hai loại hình cán bộ: lãnh đạo, quản lý và chuyên viên, chuyên gia.

Mục tiêu xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác tuyên giáo là tập trung cho đội ngũ kế cận để trong khoảng 5, 10 năm tới sẽ có *một chủ thể mới đảm đương chủ yếu* công tác tư tưởng của Đảng. Đó là thế hệ cán bộ trẻ hiện nay đang công tác và được đào tạo một cách hệ thống, bài bản, chính quy trong thời gian tới.

Một số nhiệm vụ cụ thể:

- Quy hoạch đội ngũ, bảo đảm có các loại hình, các thế hệ cán bộ tuyên giáo nối tiếp nhau vững chắc: cán bộ lãnh đạo, quản lý, chuyên gia, chuyên viên đầu ngành, đội ngũ kế cận và đội ngũ trẻ để tạo nguồn.

Tổ chức đánh giá toàn diện thực trạng đội ngũ cán bộ tuyên giáo từ trung ương đến cơ sở, dự kiến nhu cầu, khả năng tạo nguồn và phát triển đội ngũ, chủ động xây dựng và thực hiện nghiêm túc *mô hình tổ chức, bộ máy* của các ban tuyên giáo từ trung ương đến cấp xã, phường, thị trấn và của các bộ, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội. Nghiên cứu xác định rõ mô hình cán bộ tuyên giáo cấp xã, phường, thị trấn. Đặc biệt quan tâm tới phương thức riêng, phù hợp với đặc trưng nghề nghiệp cán bộ tuyên giáo để chủ động *tạo được nguồn* cán bộ tuyên giáo. Tất cả các cấp phải có kế hoạch tạo nguồn của mình, báo cáo cấp uỷ xem xét, phê duyệt để bồi dưỡng, đào tạo. Trong quy hoạch cần khẩn trương có kế hoạch dài hạn, trung hạn cho việc đào tạo, bồi dưỡng hai loại hình cán bộ ngành tuyên giáo: lãnh đạo, quản lý (cấp vụ và tương đương trở lên, cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương) và các chuyên viên, chuyên gia sâu về nghiệp vụ trong từng lĩnh vực quan trọng của Ngành Tuyên giáo. Chú trọng kế hoạch đào tạo cán bộ tuyên giáo là người dân tộc thiểu số.

- Lập kế hoạch dài hạn và hằng năm, khẩn trương thực hiện từ năm 2011 nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ tuyên giáo.

Thực hiện nhiệm vụ đào tạo nhằm bảo đảm cán bộ chuyên trách tuyên giáo phải được đào tạo bài bản, chính quy, có khả năng phát triển lâu dài bằng nghề nghiệp và tạo nguồn cho cán bộ của Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị.

Xác định nguồn đào tạo cán bộ tuyên giáo từ việc lựa chọn các sinh viên tốt nghiệp đại học ở trình độ khá trở lên trong các trường đại học có ngành nghề gắn với các lĩnh vực nghiệp vụ tuyên giáo và trong các trường Đại học sư phạm có phẩm chất đạo đức tốt, đã qua một thời gian công tác, có năng khiếu phù hợp với đặc trưng nghề nghiệp tuyên giáo, đồng thời chú trọng lựa chọn số cán bộ trẻ đang công tác trong tổ chức đoàn thanh niên các cấp, trong lực lượng vũ trang và trong hệ thống chính trị.

Đổi mới căn bản, xây dựng mới chương trình, nội dung đào tạo cán bộ Ngành Tuyên giáo theo hướng nâng cao trình độ và kiến thức tổng hợp, gắn chặt với các yêu cầu nghề nghiệp, kết hợp giữa học lý luận và thực hành nghiệp vụ. Phấn đấu mỗi cán bộ được đào tạo có hai bằng đại học trở lên: một bằng về chuyên môn và một bằng về nghiệp vụ tuyên giáo. Thu hẹp thời gian đào tạo đối với văn bằng 2, bảo đảm chính sách thoả đáng đối với người đã có văn bằng 1 khi được đào tạo văn bằng 2 về nghiệp vụ tuyên giáo (hưởng nguyên lương như đối với sinh viên đã tốt nghiệp đại học hoặc đã công tác…).

Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp với Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Báo chí và Tuyên tuyền khẩn trương xây dựng kế hoạnh, chương trình, nội dung đào tạo theo hướng chỉ đạo trên, bảo đảm sau 5 năm có được mô hình ổn định về đào tạo cán bộ tuyên giáo các cấp.

- Cùng với công tác đào tạo chính quy, Ngành Tuyên giáo ở Trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phải tăng cường và có kế hoạch định kỳ bồi dưỡng tập huấn đội ngũ cán bộ tuyên giáo về lý luận, chuyên môn, nghiệp vụ, đặc biệt rèn luyện cán bộ qua hoạt động thực tiễn, đồng thời bảo đảm nâng cao trình độ chính trị theo yêu cầu nghề nghiệp, trình độ sử dụng ngoại ngữ và tin học cho cán bộ đang công tác, đặc biệt đối với đội ngũ kế cận, đội ngũ trẻ.

- Xây dựng và thực hiện một số chính sách, chế độ mở đối với cán bộ chuyên trách công tác tuyên giáo, trong đó chú ý những yêu cầu đặc thù về nghề nghiệp; xây dựng các tiêu chuẩn cụ thể đánh giá kết quả hoạt động của từng loại hình cán bộ tuyên giáo; nghiên cứu, thực hiện chính sách phụ cấp nghề nghiệp đối với cán bộ chuyên trách tuyên giáo như đối với giáo viên; chính sách đào tạo và bồi dưỡng đối với cán bộ đã có văn bằng 1 được cử đi để đào tạo văn bằng 2 về nghiệp vụ tuyên giáo; chế độ lương đối với hai loại hình cán bộ tuyên giáo: cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ chuyên viên, chuyên gia về nghiệp vụ nhằm khuyến khích, tạo điều kiện cho cán bộ phát triển lâu dài về nghề nghiệp; nghiên cứu các hình thức phù hợp tôn vinh cán bộ tuyên giáo có thành tích xuất sắc, có cống hiến lớn đối với Ngành Tuyên giáo.